

LOAN - AUS DEM LEBEN EINES PHÖNIX



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



ISABELLE MÜLLER (Trương Hồng Quang dịch)

LOAN

TỪ CUỘC ĐỜI CỦA MỘT CON CHIM PHƯỢNG HOÀNG

ISABELLE MÜLLER (Trương Hồng Quang dịch)

LOAN

TỪ CUỘC ĐỜI CỦA MỘT CON CHIM PHƯỢNG HOÀNG

Dịch giả cảm ơn các đồng nghiệp Nguyễn Đức Thắng
và Trương Thuỳ An về sự cộng tác trong quá trình hoàn thiện
bản dịch

Copyright © Isabelle Müller
Bản tiếng Việt © Nhà xuất bản Trẻ 2018

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN DO THƯ VIỆN KHTH TP.HCM THỰC HIỆN
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Müller, Isabelle

Loan - Từ cuộc đời của một con chim phượng hoàng : tiểu thuyết / Isabelle
Müller ; Trương Hồng Quang dịch. - In lần thứ 1. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2018
404 tr. ; 20 cm

Nguyên bản : Loan - Aus dem Leben eines Phönix 1. Tiểu thuyết Đức -- Thể kỷ
21. 2. Văn học Đức -- Thể kỷ 21. I. Trương Hồng Quang. II. Ts. III. Ts: Loan - Aus
dem Leben eines Phönix.

833.92 -- ddc 23
M958

LOAN - AUS DEM LEBEN EINES PHÖNIX

ISABELLE MÜLLER (Trương Hồng Quang dịch)

LOAN

TỪ CUỘC ĐỜI CỦA MỘT CON CHIM PHƯỢNG HOÀNG

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

“Điều gì đã thôi thúc tôi? Hy vọng!
Hy vọng cho những kẻ bị xua đuổi, bị
ruồng bỏ, cho những kẻ cô đơn và những
người có đức tin. Hy vọng sẽ để lại một
hành trang kinh nghiệm cho các con tôi
trên đường đời; rằng chúng sẽ xây dựng
một thế giới tốt đẹp hơn so với thế giới
mà tôi từng biết đến; sẽ đạt thành quả mà
tôi không có được! Nếu không phải
là các con tôi, thì hỏi ai sẽ làm
được điều đó?” (Loan)

Mục lục

Lời phi lộ	8
• Chương một: Cuộc cách mạng của con tim	13
• Chương hai: Cuộc chiến bất phân thắng bại	87
• Chương ba: Những con đường số phận	195
• Chương bốn: Những thế giới khác nhau	299
Vĩ thanh	395

Lời phi lộ

“Mẹ” là từ để chỉ người mẹ trong tiếng Việt, “Loan” có nghĩa là “chim Phượng Hoàng”. Suốt đời con vẫn gọi mẹ là “Mẹ Loan”, như mẹ đã dạy cho con và năm anh chị em con. Sẽ chẳng ai nghĩ đến việc gọi mẹ bằng một cái tên khác. Tên thật của mẹ là gì và vì sao mẹ lại từ bỏ nó thì chỉ mỗi mình con biết, và cũng mãi sau nhiều năm trời.

Một cảm giác kỳ lạ xâm chiếm tâm hồn con khi hôm nay con viết những dòng này, khi mẹ không còn nữa, nhưng lại hiện hữu hơn bao giờ hết.

Mẹ đã giao cho con nhiệm vụ viết về mẹ; về cuộc đời của mẹ như một người đàn bà, như là mẹ của con, về con chim Phượng Hoàng mà mẹ là hiện thân từng bị thiêu cháy nhiều lần, và mỗi lần lại trỗi dậy từ đám tro tàn.

Đã có bao lần mẹ nói với con rằng con hãy học thật nhiều, bởi giáo dục là một đặc quyền và giúp ta hiểu hơn ý nghĩa của cuộc đời. Bất luận thế nào con cũng không được phép đi trên đường đời mà không được học hành như mẹ. Mẹ đã nhanh chóng chỉ cho con biết rõ tương lai của con hoàn toàn phụ thuộc vào thành tích mà con có được.

Thế nên con đã gắng sức ở trường học. Hơn một lần con hứng chịu sự ê chề do hoàn cảnh gia đình cơ cực, biết bao lần con phải lặng im chấp nhận cảm giác thất vọng bởi sự chòng ghẹo hoặc thậm chí ruồng bỏ từ môi trường xung quanh do nguồn gốc xuất thân của mẹ. Bởi con không muốn lặp lại số phận của mẹ.

Mẹ chưa bao giờ được đến trường. Mẹ chưa bao giờ được học viết và học đọc. Bởi mẹ là một cô gái và cái lệ ở đất nước mẹ thời ấy đã định như vậy.

Mẹ tự học trong trường đời, và để làm như vậy mẹ đã phải chống lại các lệ tục cũ và dai dẳng của dân tộc mẹ. Mẹ đã muốn như vậy. Vâng, mẹ đã tự quyết định chọn một con đường khó khăn cho mình chỉ để được tự do. Tự do, với bất cứ giá nào.

Các câu hỏi của con luôn được mẹ đáp lại bằng các câu hỏi của mẹ, mẹ để con tự suy nghĩ về sự việc và tự đưa ra quyết định về lẽ phải trái. Mẹ không bao giờ áp đặt giới hạn lên tinh thần của con. Qua năm tháng mẹ đã chuyển tiếp cho con sự thông thái và hiểu biết của mẹ. Thường thì hai mẹ con vẫn ngồi trên bậc cửa trước phòng khách, và nếu như mẹ không kể cho con nghe các câu chuyện từ cuộc đời của mẹ thì đơn giản là chúng ta dõi theo sự im lặng. Ở những khoảnh khắc như vậy mẹ cho con được cảm nhận thế giới bao quanh ta vĩ đại như thế nào, mối liên hệ giữa con người, thiên nhiên và bầu trời mà người châu Âu vẫn gọi là “Đấng Sáng thế” sâu sắc ra sao. Nhưng mẹ cũng cho con nhận biết hết thảy đều mong manh như thế nào và con người có thể đang tâm làm được những điều gì. Qua mẹ, con đã nhận biết từ sớm rằng tình yêu giữ mọi điều của cuộc sống trong một thế

cân bằng. Mẹ Loan yêu quý, trước sau mẹ vẫn là tấm gương của con.

Hôm nay, bốn mươi lăm năm sau, con muốn thực hiện lời hứa mà con đã đưa ra với mẹ lúc sáu tuổi, khi mà khi con thỉnh cầu, mẹ đã kể lại cho con nghe về cuộc đời của mẹ.

Thế giới cần được biết qua cuốn sách này mẹ là một con người tuyệt vời nhường nào. Hãy để con chỉ ra cho mọi người rằng mẹ của con, tuy bản thân gặp nhiều đau khổ và hy sinh, nhưng suốt cuộc đời vẫn có khả năng mang lại tình yêu cho người thân của mình ra sao.

Nếu bạn đọc những trang sách này đặt câu hỏi, làm sao trái tim của mẹ từng tan vỡ bao lần mà vẫn luôn tìm lại được sức mạnh và hy vọng, thì câu trả lời của tôi là: Trái tim của mẹ quá lớn.

Mẹ hãy dẫn hướng ngòi bút cho con, mẹ Loan.

c h ư ơ n g

m ộ t

Cuộc cách mạng của con tim

Trái lòng với một đứa con

Đó là vào năm 1970, năm Canh Tuất theo Âm lịch.

Tôi sống cùng với gia đình ở một làng nhỏ, hẻo lánh ở nước Pháp. Vào ngày hè hôm ấy tôi chọn cho mình những hàng gạch ẩm trên bậc tam cấp lớn dẫn từ phòng khách ra ngoài vườn. Trước khi nằm xuống dưới bóng hai cây dẻ cao và rậm rạp, tôi sắp xếp lại chiếc gối cứng mà mình sẽ đặt đầu vào đó. Lại đến lúc Isabelle nhổ những sợi tóc sâu của tôi. Và con bé đang tới rồi, nó sẽ bắt đầu ngay với công việc, khéo léo, đúng theo phong tục ở đất nước mà tôi đã sinh ra và lớn lên.

Mái tóc dài cần phải giữ được một màu đen hoàn hảo và không bị xen lẫn những sợi trắng phản phúc có thể làm phương hại đến vẻ ngoài của tôi.

“Mẹ ơi, mẹ từ đâu đến? Tại sao mẹ không giống chúng con? Kể đi mẹ!”, cô con gái nhỏ của tôi hỏi, với chiếc nhíp trên tay.

Nghe lời thỉnh cầu của con bỗng nhiên tôi mới ý thức được là chưa bao giờ tôi nói về quá khứ của mình. Mà nào có ai lại quan tâm về cuộc đời của tôi chứ?

Gần bốn mươi năm sôi động đã trôi qua, suốt thời gian đó tôi luôn giữ kín các cảm xúc của mình cho một dịp nào đó về sau. Liệu giờ đây tôi đã sẵn

sàng cởi mở tấm lòng mà không làm vỡ ra những vết sẹo cũ đã lành?

Nó ngồi đó, đầy kỳ vọng trước tôi, đứa con gái út mà tôi đã sinh hạ vào 1964, năm Giáp Thìn, ánh mắt tò mò và vô tội. Nó muốn nghe tôi kể. Và đột nhiên tôi có cảm giác đã đến lúc phải đối diện với quá khứ của mình. Không nén lại bất cứ một điều gì nữa. Không còn sợ hãi. Tôi muốn giải toả nỗi cồn cào trong mình, được thét lên và chia sẻ. Tôi muốn rút cuộc được tự giải thoát khỏi gánh nặng đã đè trĩu lên tâm hồn mình hàng chục năm trời như một tảng đá.

Và như vậy tôi đặt đầu lên lòng con gái và bắt đầu kể. Và trong khi tôi nói, quá khứ quay trở lại, dường như tôi phải nếm trải tất cả một lần nữa...

Ra đời trên đường đi

Tôi xuất thân từ An Nam, ngày nay là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Những năm đầu đời tôi sống ở một làng gần thị xã Hà Tĩnh nằm bên bờ biển miền Trung.

Tôi có hai người anh trai. Một người anh cả tôi sẽ không bao giờ muốn nêu tên vì sự thô lỗ và tàn bạo mà người ấy dành cho tôi, và Hòe.

Tôi sinh ra trên đường đi Hải Phòng, một trung tâm thương mại quan trọng từ hàng thế kỷ nay và

một thành phố cảng tầm cỡ ở phía Bắc An Nam mà do có nhiều cây phượng vĩ mọc ở đó nên cũng được gọi là thành phố hoa phượng đỏ.

Mẹ tôi đi theo bố tôi trên một chiếc xe thô hai bánh do một con trâu mộng của nhà kéo. Bố mẹ tôi đến Hải Phòng để bán da thú và các chiến lợi phẩm săn bắn khác của bố tôi.

May mắn là bố mẹ tôi cùng đi với nhau, bởi người mẹ bụng chứa vượt mặt của tôi lúc đó, một người đàn bà An Nam, không được phép sinh con trong ngôi nhà của chính mình ở Hà Tĩnh. Làm như vậy thì sẽ mang lại tai họa cho trẻ sơ sinh và cả gia đình.

Khi lên cơn đau đẻ, mẹ tôi tìm một góc yên tĩnh có cây xanh, nằm ngoài tầm mắt của người qua kẻ lại. Bà không tìm được một túp lều nào để có thể chọn làm nơi đẻ.

Bố tôi để mẹ tôi một mình trong khi vượt cạn. Là chồng, ông không được phép có mặt chỗ vợ sinh, bởi nếu không thì ông sẽ bị mất khả năng đàn ông. Ông chờ ở chỗ buộc con trâu nhà cho đến khi được mẹ tôi gọi.

Tất cả những việc này xảy ra vào năm 1929, có lẽ vào khoảng tháng Mười, vì lúc đó vụ lúa thứ ba và cũng là vụ lúa cuối cùng đã thu hoạch xong. Mẹ tôi đo cuống nhau và thả nó rơi xuống đến tận đầu gối tôi. Sau đó bà gọi bố tôi, ông dùng con dao sắc của mình cắt cuống nhau. Mẹ tôi quấn tôi vào một tấm khăn địu bằng lụa màu đen, trước đó không quen

buộc chặt một đồng bạc to vào cuống nhau đã được thắt lại thành hình loa ốc sên. Như vậy nó sẽ lành và chóng rụng hơn, sau đó mẹ tôi sẽ bảo quản khúc cuống nhau cẩn thận trong những năm đầu đời tôi; nó sẽ được dùng kèm theo một loại thuốc chống sốt do người già pha chế nếu như tôi bị ốm. Mẹ tôi còn hút sạch đờm từ trong mũi tôi và nhổ ra vệ đường. Bằng cách đó bà để phòng bệnh hô hấp cho tôi.

Mẹ ôm tôi và leo lên chiếc xe trâu, trong khi bố tôi gói nhau vào một tấm vải và ngay trong đêm đi chôn ở một địa điểm mà ông giữ bí mật để bảo vệ cho tôi.

Tôi được đặt tên Cúc, hàm nghĩa hoa cúc. Mẹ gọi tôi như vậy vì bà rất yêu loài hoa này. Sau đó bố mẹ tôi tiếp tục đi Hải Phòng và mấy tuần sau mới quay trở lại Hà Tĩnh. Nơi đây tôi đã sống những năm đầu tiên vô tư của thời thơ ấu.

Gốc rễ

Về sau này mẹ tôi nói với tôi rằng người ta chẳng cần phải biết nơi sinh của mình. Điều quan trọng là sức khỏe. Vào thời đó ở nước tôi, đặc biệt là ở vùng nông thôn, có thông lệ là đứa trẻ nào sinh ra bị dị tật sẽ bị bóp mũi cho đến khi ngạt thở. Người ta tin rằng làm thế thì sức khỏe và sự thanh sạch của dòng giống sẽ được đảm bảo.

Mẹ tôi, một người đàn bà mảnh mai, duyên dáng, sinh vào năm 1890, cùng năm như một người đàn ông về sau sẽ mang tên Hồ Chí Minh. Bà thuộc dân tộc thiểu số Lào và sống ở một vùng cao nguyên gần Lào. An Nam thời đó có trên năm mươi dân tộc.

So với một người phụ nữ An Nam bà khá cao lớn. Bà có mái tóc dài và mượt, trên môi luôn nở nụ cười. Da của bà rất trắng. Đối với tôi bà thật đẹp. Thường bà mặc đồ lụa xanh, và mái tóc dài của bà được quấn bằng vải đen thành một hình vành khăn ở quanh đầu. Cổ tay bà đeo nhiều vòng bạc nung vốn rất phổ biến ở quê tôi.

Mỗi khi đi chợ quê để bán thú rừng do bố tôi săn được, bà luôn đội nón, phía sau vành nón giấu một tấm gương tròn nhỏ.

Trước ngôi nhà của chúng tôi có một chum đựng nước mưa dùng để uống và nấu ăn. Trong nhà có một gian nhà kho với các bao tải chứa thuốc Lào phơi khô và gạo. Cạnh nhà có một chiếc bè tre lớn neo sẵn để cứu gia sản của chúng tôi nếu có mưa lớn kèm lũ quét, biến những nhánh sông ở gần thành một dòng thác nguy hiểm. Phía sau nhà, cạnh cái chuồng gà của bà cô tôi là một mảnh vườn nhỏ của mẹ tôi, ở đó bà trồng cây ăn quả, rau và mùi.

Bố tôi thuộc một tộc người sống chủ yếu nhờ săn bắn, được gọi chung với các tộc người thiểu số khác là “mọi”. Ông có một tấm lưng to như tấm phản và người rất thấp, chỉ khoảng một mét tư. Với một bàn

tay ông có thể dễ dàng vịn cổ một con khi! Hình dáng của ông đến hôm nay vẫn còn hiển hiện trước mắt tôi: làn da sẫm màu, gương mặt rộng, chiếc mũi bẹt, mái tóc cứng và đen nhánh của ông được buộc túm lại bằng một giải da.

Ông chỉ đóng mỗi chiếc khố, chỉ khi nào có việc xuống thị trấn ông mới vận một bộ quân phục cũ đã bọt màu, một kỷ vật từ thời ông phục vụ trong quân đội Pháp. Ông phục vụ ở đó trên hai mươi lăm năm. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, ông có mặt ở Pháp, tại mặt trận phía Tây. Trong một lần vấp nổ lựu đạn ở đó, ông đã mất đi hai ngón tay.

Sau thời gian đó, cuộc sống của ông lại quay về với nhịp điệu cũ, thỉnh thoảng ông kiếm thêm chút tiền bằng cách làm người dẫn đường đi săn cho các thành viên khá giả thuộc tầng lớp thượng lưu: Chủ ngân hàng, bác sĩ hay chủ đồn điền giàu có, họ muốn đi tìm một chút kích thích trong chốn rừng rậm thâm u.

Một cuộc hôn nhân

Cuộc hôn nhân của bố mẹ tôi đã được hai bên gia đình sắp đặt từ sớm, chính bố mẹ tôi không hề biết đến. Chỉ có ông bà nội ngoại mới được thông báo trước về quyết định này.

Bố tôi thường sang Lào đi săn. Từ đó ông mang về cho cô dâu tương lai trình trắg của mình lá trầu

để bà nhai, nhằm chăm sóc cho hàm răng nhuộm đen của bà. Ngoài ra ông luôn mang theo đá thạch anh mài, ngọc và vải đỏ - màu của may mắn - và thú rừng săn bắn được. Bởi do kiếm được tiền từ việc đi săn để có thể nuôi sống được gia đình riêng, bố tôi không phải đi ở rể ở nhà bố vợ tương lai.

Lễ cưới thực sự của bố mẹ tôi bắt đầu bằng việc bố tôi tặng cho vị hôn thê của mình nhiều thứ quà cáp. Trong khi đó hai bên nhà trai và nhà gái làm lễ cúng gia tiên.

Ngày đầu tiên kết thúc bằng một bữa tiệc tối thịnh soạn. Sáng hôm sau cô dâu ăn vận lộng lẫy được rước sang ngôi nhà gia đình tương lai của mình. Khi đến nơi, bà quỳ rạp xuống lạy bố mẹ chồng và họ hàng nhà trai. Bà cầu nguyện gia tiên và các thần linh bảo hộ hôn nhân từ nay sẽ phù hộ cho mình.

Từ thời điểm này bà trở thành thành viên của gia đình bên chồng, từ lúc này bà phải chấp nhận đức tin của họ. Tôn giáo của chúng tôi là một hỗn hợp của Phật giáo và niềm tin về các thần linh thiện và ác bao quanh con người, thường xuyên đòi hỏi lòng tôn kính và các lễ vật.

Từ đó mẹ tôi sống trong căn nhà này, dưới con mắt xét nét thường trực của bố mẹ chồng. Do được kết hôn hoàn toàn theo đúng nghi thức truyền thống nên bà được hưởng vị thế của một người vợ được nể trọng. Tuy nhiên điều đó không có nghĩa là cuộc đời của bà lại đáng được người đời ghen tị.

Trong những đồng tiền do bố kiếm được, mẹ chỉ được nhận được phần cần thiết nhất để trang trải sinh hoạt cho bố mẹ chồng, ba đứa con và bản thân. Nếu không đi săn hay làm một công việc khác thì bố tôi mua rượu mía, còn gọi là rượu "rum", rồi uống tới say, hoặc đánh bài ba quân. Thêm vào đó ông còn thường đi chơi phố. Ông đi về tùy ý thích mà không cần một lời báo trước – là đàn ông, ông chẳng phải giải trình trước một ai. Thỉnh thoảng ông biệt tăm hàng tháng, có lúc cả hàng năm trời, nhưng mỗi lần trở về lại được mẹ tôi đón nhận không một lời chất vấn, cứ như thể ông chưa hề đi xa.

Giả sử nếu muốn ly dị, mẹ sẽ phải hoàn trả từng món quà tặng của bố. Những vật dụng bị vỡ, chẳng hạn như chén bát, sẽ không có đồ để thay thế. Hay cho một tấm vải thêu đã mòn ông sẽ đòi một khoản cắt cổ để kiếm được tấm vải nguyên dạng. Ngoài ra bà sẽ mãi mãi phải rời bỏ ngôi làng của mình để không gây ô nhục cho gia đình.

Như thế mẹ không bao giờ có khả năng chia tay bố nữa. Còn bố tôi, như mỗi một người đàn ông khác, có đến bảy lý do để có thể ly hôn, trong đó ba lý do quan trọng nhất là bệnh vô sinh, thói lảm lời và tính ghen tuông từ phía người vợ. Bởi vì bố tôi không phải là một người An Nam nghèo khó, ông có thể chọn cách sống đa thê. Từ rất lâu ông đã lấy một người vợ lẽ sống ở làng bên và cũng có con với người này.

Với mẹ tôi thì vị trí “bà cả” đã là một vinh dự, qua đó bà được hưởng một sự công nhận nhất định. Khi tự giới thiệu với ai đó, bà nêu tên mình và chưa thêm một cách tự hào: “Bà cả”.

Và như vậy tôi cũng được tự hào xưng danh là “Cúc, con gái của bà cả”. Cho dù không thật sự hiểu được nguyên do, mỗi lần có ai đó gật đầu một cách cảm thông pha chút giấu cợt, danh xưng ấy vẫn làm thoả mãn và củng cố cảm giác lâng lâng về tính ưu việt trong tôi.

Tôn ti và trật tự bao trùm ở quê hương chúng tôi đã được tôi nhập tâm từ tấm bé như là những nguyên tắc cốt lõi. Tôi biết rằng bố thì đứng trên đỉnh cao nhất, vì ông là bố, và vì ông là đàn ông. Người đàn ông tầm thước này, với một tấm lưng rộng như lưng trâu mộng, có mọi quyền quyết định trong gia đình.

Ở vị trí tiếp theo là anh trai cả của tôi, người đại diện cho quyền lợi của gia đình khi bố đi vắng hay sống ở nhà bà vợ lẽ. Anh trai Hòe kế theo chịu trách nhiệm về những công việc giản đơn hơn. Người có uy tín tiếp theo đó là mẹ tôi, người có nghĩa vụ gắn kết gia đình và thường xuyên bị xét nét bởi bố mẹ chồng và các bậc trưởng lão. Và ở vị trí rốt cùng là tôi, Cúc, “con gái của bà cả”.

Thời vô tư

Tôi từng trải qua những giờ phút không thể nào quên trên những cánh đồng lúa xanh mướt gần nhà và quan sát người lớn trong khi họ làm việc. Đàn ông cày trên các thửa ruộng bùn lầy, đàn bà thì cấy lúa và hát những bài ca buồn bã. Trên từng bước đi tới, những chú trâu kiên nhẫn thở phì phò một cách nhịp nhàng. Trên tấm thảm âm thanh được kết thành từ những hơi thở sâu và mạnh, tiếng lội nước sùng sục và các điệu hát du dương, những sắc thái tinh tế của màu sắc bao quanh chúng tôi trong ánh dương mang đến cho tôi một cảm giác thật huyền diệu.

Thỉnh thoảng tôi được phép cắm mạ xuống đất bùn sau khi đã thử kéo một đường cày thẳng với chú trâu nhà. Tôi rất thích mùi đất xộc lên mũi và làn hơi ẩm trên da làm cho nó trở nên lấp lánh. Ở quê tôi có thừa đủ nước để tưới cho mạ non, tôi thường tát nước bằng chiếc nón quê của mình. Chiếc nón của tôi còn lâu mới đẹp như những chiếc nón từ kinh đô Huế, xứ sở của những người làm nón. Nón Huế thường có những hình hoa văn tinh tế chìm giữa hai lớp lá, lúc soi ra ánh sáng mới có thể nhận thấy hết vẻ đẹp. Chiếc nón quê của tôi đơn sơ hơn nhiều, nhưng đủ che nắng mưa và gắn bó với tôi suốt cả thời thơ ấu.

Thuở đó tôi chưa hề ý thức được về việc người lớn phải lao động nặng nề như thế nào. Tất cả dường

như diễn ra thật nhẹ nhàng, và nụ cười hiền nhiên trên gương mặt họ mang đến cho tôi cảm giác rằng công việc đang mang lại cho họ niềm vui.

Ngày đó tôi chưa có các nghĩa vụ phải hoàn thành. Khi xem đã chán hay nếu những con đĩa hút máu trở nên quá hung hãn, tôi sẽ lại trèo lên chú trâu nhà và nó sẽ mang tôi trở về nhà an toàn, cho dù tôi có ngủ thiếp đi trên lưng nó.

Mẹ tôi gần như luôn túc trực trước cổng nhà để xả thịt thú rừng do cha bắn hạ bằng mũi tên tủy chế tẩm thuốc độc. Ông sử dụng thành thạo các loại vũ khí và nắm vững mọi góc ngách của kỹ thuật săn bắn, nhờ đó ông nổi danh là một thợ săn xuất chúng. Những con chim nhỏ bị dính chặt trên những tấm ván do bố đã bôi keo trước đó. Bố chỉ cần thu lượm chúng về.

Thỉnh thoảng ông lại đến các đầm lầy và cầm một con vịt gỗ sơn có mỏ thật xuống mặt nước ven bờ. Sau đó ông dùng cung tên bắn vào những con vật đồng loại bay tới. Hay để thay đổi ông sử dụng một con cò tự lắp với bộ cánh “thật” biết vỗ ngay giữa đồng lúa. Có lần chỉ trong một ngày ông đã bắn hạ được hơn cả một trăm con cò xám. Phần lớn những con thú săn được ông phân phát một cách đầy hào phóng cho dân làng. Nhiều lúc ông bắn được hươu non, về đến nhà ông cắt cổ chúng và uống tiết hươu còn nóng để tăng lực. Còn tim hươu thì mẹ tôi chế biến thành bữa ăn tối cho ông.

Có một ngày ông mang từ rừng về một con gấu non bị bắn hạ và trao lại lá tụy và mật cho ông ngoại tôi là thầy thuốc trong làng để chế thành những thang thuốc quý.

Ông ngoại tôi là một người có học. Tôi yêu quý ông. Ông biết đọc và viết chữ Tàu cổ theo hàng dọc. Mỗi khi thấy tôi có hứng thú, ông thường dành thời gian giảng giải cặn kẽ cho tôi về những gì mà ông biết được về các loài thảo dược và phương pháp trị liệu. Trong khi nói, ông có thói quen vuốt chòm râu bạc lưa thưa mọc dài đến ngực mà ông rất đổi tự hào. Nhờ có nó ông không chỉ là một người được vị nể trong làng, ông còn tin rằng vào ngày mà ông từ già cỗi đời, Đấng cao xanh sẽ lấy túm chòm râu mà kéo ông lên trời. Chòm râu càng dài bao nhiêu thì xác suất được lên trời lại càng cao bấy nhiêu! Nếu có ai đó cắt đi chòm râu của ông, linh hồn của ông sẽ phải lang thang bất hạnh!

Linh hồn như tôi và bạn

Sau tôi mẹ tôi còn sinh hạ hai người con gái nữa, Thảo và Mây.

Và bây giờ bà mang thai đứa con thứ sáu. Bố tôi quyết định nói rộng căn nhà dân đã trở nên chật chội của gia đình tôi. Căn nhà được xây dựng trên

nền đất sét được lèn chặt, với tường đất nan tre và mái sậy. Một hôm ông đi hút vào rừng rậm mất mấy ngày liền, vào một buổi sáng ông trở về với một con voi hoang, ông kể là đã dùng chuối chín để nhử và mua chuộc nó.

Bố tôi đã phát hiện đàn voi từ trước đó. Ông quả quyết rằng mình có khả năng trò chuyện với các loài thú, và tôi lập tức tin điều đó khi thấy ông trở về cùng với con voi cường tráng này. Nó bắt đầu ngay với việc lần lượt nâng bổng mười hai thân cây sơn to nặng từ mặt đất và dựng chúng lên cùng bố tôi. Mủ độc của loài cây này không chỉ được dùng để chế tạo sơn. Một khi phết lên các mặt gỗ, nó còn có tác dụng chống ẩm và diệt mối một cách tuyệt vời. Khi đánh bóng miếng gỗ này, nó sẽ sáng lên như gương. Ở lối vào nhà của chúng tôi có treo một tấm gương như vậy.

Bằng cách đó, bộ khung của gian nhà phụ chuẩn bị cho đứa con chưa ra đời đã dựng xong. Sau khi nó được hoàn tất với các bức tường rơm và đất sét được ráp vào các cột gỗ, chú voi tự lên đường trở về rừng rậm, trước đó không quên chén chuối đầy bụng.

Cũng có những con voi được thuần hóa sống và làm việc suốt đời trong một gia đình như một gia súc trung thành. Mẹ tôi kể có lần có một kẻ nát rượu bán con voi của mình cho một người họ hàng của chúng tôi trong làng, sau khi anh ta đã nhiều lần đánh nó trong cơn say xỉn. Nhiều năm sau, do

một tình cờ, người này đặt chân đến một làng có con voi đó đang làm việc. Khi nhìn thấy người đàn ông này, con vật giận dữ lao đến và giẫm chết anh ta, sau khi dùng vòi ném bổng người đó lên không khí. Làng lập tức triệu tập một phiên toà để xét xử về hành động của con voi. Người dân ở đây cho rằng hết thảy đều có sự sống và có linh hồn, bất kể đó là loài vật hay cây cỏ. Trong ý nghĩa này, loài vật cũng được coi bình đẳng như người và được đối xử một cách tôn trọng.

Người ta cho rằng con vật này đã hành động một cách công bằng, do nó bị hành hạ trong quá khứ. Với người chủ mới, nó luôn tỏ ra là một gia súc chăm chỉ và trung thành, vì vậy mà nó đã được tuyên bố trắng án.

Thấy mo

Không chỉ thần linh đòi hỏi ở con người sự kính trọng. Từ khá sớm tôi đã biết có người tốt, nhưng cũng có cả các ác nhân sống quanh ta. Vào một ngày nọ có một người đàn bà trẻ đến làng chúng tôi. Cô bị kiệt sức và xin một bữa ăn cùng nơi tạm nghỉ chân. Cô kể cho chúng tôi câu chuyện của mình.

Ở làng cô, nơi gần biên giới Lào, có một gia đình thù địch với cô và người nhà của cô, họ rất tức tối về việc mảnh ruộng thuê của gia đình cô mang lại

nhiều sản lượng hơn so với các mảnh ruộng của họ. Sau nhiều lần tranh cãi, gia đình kia tìm sự giúp đỡ của một thầy mo. Vào lúc trời nhập nhoạng tối, người đó bí mật bôi lên cánh cửa ra vào căn lều của người đàn bà một thứ chất lỏng đã bị bỏ bùa, nhằm để nhử rắn ở quanh vùng vào bên trong túp lều.

Chỉ trong một thời gian ngắn, hàng trăm con rắn độc đã trườn vào lều và cắn những người trong gia đình đang nằm ngủ. Bà mẹ già, chồng và năm đứa con cô đã chết một cách thê thảm. Bản thân cô thoát chết chỉ vì hôm đó tình cờ ngủ lại nhà một người em gái vừa sinh con.

Ở làng tôi có một bà cụ biết được cách giải bùa, nhưng người đàn bà trẻ quá sợ hãi nên không dám quay trở về nhà. Vì vậy mà cô sẽ đi tiếp, cô nói với chúng tôi như vậy, chừng nào đôi chân của cô vẫn còn đủ sức.

Người đàn bà trẻ chỉ ở lại ít hôm. Sau đó cô lại rời khỏi làng chúng tôi, với đầy đủ thức ăn dự trữ, để tiếp tục con đường của mình.

Ngày xưa ngày xưa có một vị Hoàng đế

Qua nhiều thế kỷ, do vị trí địa lý và tài nguyên của mình, đất nước chúng tôi đã trở thành miếng mồi thèm khát của các thế lực ngoại bang. Vương quốc

Trung Hoa từ rất lâu đã đưa Khổng Giáo với quan niệm ngũ thường - nhân, nghĩa, lễ, trí, tín – cũng như hệ thống pháp luật và quản lý nhà nước thông qua các quan lại vào áp dụng ở quê hương chúng tôi. Các vị quan này là những học giả thuộc giới tinh hoa có nhiều ảnh hưởng của triều đình, có trách nhiệm thừa lệnh Hoàng đế thực hiện việc bảo tồn nền văn hóa Trung Hoa. Công việc này hoàn toàn chỉ dành cho nam giới.

Để trở thành quan, có nghĩa là người có địa vị cao quý, các bậc nam nhi phải thông thạo về văn học Trung Hoa và phải vượt qua những kỳ thi khó khăn. Chỉ sau đó họ mới được thăng quan tiến chức trên các thang bậc hành chính và quyền lực của triều đình.

Với việc áp dụng hệ thống quan lại, tất cả các tỉnh huyện phải được sắp xếp lại. Cho dù nền thống trị của Trung Quốc mang lại tiến bộ kinh tế và nhiều thành tựu văn hóa và giáo dục ở đất nước chúng tôi, các phong tục và truyền thống bản địa đã bị cấm đoán và bị thay thế bởi các luật lệ của Trung Hoa. Và như vậy có nhiều cuộc bạo loạn đã nổ ra, có lúc thành, có lúc bại. Đồng thời Đông Nam Á ngày càng lọt vào tầm ngắm của các thế lực Phương Tây; đặc biệt là nước Pháp đã vươn dài cánh tay của mình sang đây. Nhiều cuộc khởi nghĩa chống phong kiến ở An Nam đã bị dập tắt với sự giúp đỡ của người Pháp. Pháp đóng vai một nhà bảo hộ được hoan nghênh

và tận dụng cơ hội để đặt chân lên đất nước này. Rốt cuộc Trung Hoa đã công nhận khu vực bảo hộ Bắc Bộ là địa phận thuộc Pháp.

Vào thời điểm này các nhà truyền giáo Cơ đốc Pháp ngày càng giành được nhiều ảnh hưởng trong dân chúng, ngược lại các cuộc phản kháng chống lại xu hướng Cơ đốc hóa do các nhà nho Việt Nam khởi xướng bị thất bại.

Cuối thế kỷ mười chín tuy vẫn còn một Hoàng đế Việt Nam ngự trên ngai vàng, nhưng Pháp, với tư cách một thế lực thực dân quyền uy, đã thành lập và kiểm soát Liên bang Đông Dương, trong đó bao gồm các xứ Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ và cả Lào, Campuchia. Vào đầu thế kỷ hai mươi, Phật giáo, vốn bị triều đình và người Pháp chèn ép trước đó, được chấn hưng trở lại. Các tu sỹ Phật giáo thành lập các trường học, cô nhi viện và bệnh xá. Những người nghèo cứu mạng những người còn nghèo hơn cả mình.

Lúc tôi ba tuổi, Bảo Đại lên ngôi vua, tất nhiên là dưới sự bảo trợ của người Pháp. Ông từng du học ở Pháp và được quyền thừa kế ngai vàng. Huế, kinh đô của triều Nguyễn, nằm cạnh dòng sông Hương. Đô thành được bao bọc bởi năm dãy núi có chức năng phòng thủ, điều này được coi là một điểm lành.

Như vậy tôi đã lớn lên với tư cách bầy tôi của một Hoàng đế Việt Nam dưới ách thống trị thực dân Pháp và phải tuân thủ các điều luật hiện hành

của các quan lại đương nhiệm, cho dù quyền lực của quan lại ở những làng xã như quê tôi không thể hiện một cách mạnh mẽ như ở những khu dân cư lớn. Ở làng chúng tôi thì câu tục ngữ “Phép vua thua lệ làng” vẫn giữ nguyên hiệu lực.

“Những con khỉ da vàng”

Đầu thế kỷ hai mươi đất nước tôi được phân chia thành hai giai cấp. Một bao gồm các đại địa chủ bản địa, một thứ tầng lớp thượng lưu mới, những người di dân mới từ Pháp và các nhà truyền giáo Cơ đốc. Năm 1933 có một người An Nam đã được bổ nhiệm làm Giám mục Cơ đốc.

Những người bản địa giàu có và con trai của các quan lại được hội nhập một cách có chủ đích vào xã hội Pháp, trước hết là vùng đô thị, và được đào tạo trong các trường Pháp. Chữ viết lâu đời của chúng tôi, chữ Hán và chữ Nôm, được thay thế bởi chữ La tinh như là hệ thống chữ quốc ngữ mới. Qua đó có một đường ngăn cách rõ ràng xuất hiện giữa hai nền văn hóa. Trong thời thơ ấu của tôi hai phần ba đất đai nằm trong tay của giới thượng lưu này.

Giai cấp còn lại bao gồm nông dân và tá điền nhỏ phải gánh chịu sưu cao thuế nặng. Bộ phận dân chúng này bị gọi một cách khinh miệt là “dân nhà quê” và sống ở các thôn xã. Họ không được học

hành, ngay cả đọc và viết cũng không. Nhìn chung, những người Annamit khốn khổ này không có chút giá trị nào, người ta gọi họ là “khỉ da vàng”. Vợ của những người nông dân thường bị cưỡng bức đi làm việc ở các đồn điền cao su hay tại các mỏ than khét tiếng ở Hòn Gai gần biên giới Trung Quốc và chỉ được trả đồng lương chết đói.

Sau khi chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ, hàng trăm nghìn người đàn ông “nhà quê” đã bị đưa sang Pháp tham gia các “tiểu đoàn lính thợ”. Bố tôi là một trong số đó. Ông kể cho chúng tôi, trong khi nắm bàn tay bị cụt hai ngón của mình và cười cợt về sự dốt nát của đám lính da trắng, rằng họ chỉ muốn sử dụng ông và những người khác ở các trận đánh vào ban ngày, vì cho rằng người Annamit trong bóng tối sẽ sợ cộp và “ma quỷ”. Về sau thì họ mới rõ chính đêm tối là sở trường của “khỉ da vàng”.

Giá trị của một nụ cười

Lúc lên năm lần đầu tiên tôi đã có trải nghiệm với một ông quan có thực ngoài đời. Vào một ngày ông đến làng chúng tôi để kiểm tra hệ thống tưới nước ruộng và thu tiền thuế đến kỳ hạn. Từ trước đó sai dịch đã khua chiêng gõ mõ báo việc quan về làng.

Mẹ ở nhà với tôi. Bố thì vắng nhà đã hàng tuần lễ nay, lần này cùng với anh trai cả của tôi. Tôi đang

chơi trước nhà thì thấy một nhóm đàn ông vừa đánh trống inh ỏi, vừa cố sức dương cao hai tán lọng bước tới. Sau họ là một người đàn ông ngự trên một kiệu gỗ chạm trổ do hai người phu đi chân trần khiêng. Một tấm áo thụng dài bằng lụa xanh sẫm và gấm thêu che đôi chân đi hia của ông. Tôi phát hiện ngay trên sườn áo một con rồng thêu màu sắc rực rỡ, trên ngực là một ô vải vuông với rất nhiều hoa văn tinh xảo, ở chính giữa là hình một con chim. Người đàn ông đội một chiếc mũ hình nón đan bằng tre, từ trên đỉnh mũ bằng thủy tinh nhọn có một chùm lông ngựa rủ xuống và lắc lư theo từng nhịp bước của người khiêng kiệu, tôi thấy khá vui nhộn.

Tôi đứng im bất và không biết điều gì gây ấn tượng với mình hơn: sự xuất hiện ồn ào, hào nhoáng của vị quan và đoàn tùy tùng, hay hình dong của chính ông, bất động và cứng đờ như chiếc cổ áo của bộ trang phục dường như không cho phép chủ nhân của nó được phép có một động tác thừa nào.

Tôi nhìn thấy mọi dân làng đứng ở hai bên vệ đường đều cúi gập đầu cho khi người đàn ông này đi qua. Mẹ tôi từ nhà đi ra, ngay lập tức cũng cúi đầu và có ý chờ tôi làm theo bà. Nhưng tôi không làm như vậy. Vị quan chìa một ngón tay ra hiệu mà không nói lời nào, tôi nhận thấy chiếc nhẫn lớn đeo trên ngón tay và những móng tay dài ngoẵng và có hình vuốt của ông, ngay sau đó những người phu khiêng kiệu ngưng bước lại.

Mẹ tôi, không nói lời nào, đầu vẫn còn cúi gập, chia tay về phía đầu tôi và tìm cách đè nó xuống một cách vô vọng. Tôi không chịu và nhìn người đàn ông, ông ta cũng nhìn tôi trân trân. Vì có gì mà tôi lại phải cúi đầu? Tôi đâu có biết ông ta, ông ta cũng không phải là một vị bô lão, tôi thậm chí nghĩ như vậy. Không hề sợ hãi, tôi mỉm cười với ông. Ông ta nheo mắt, mỉm cười trở lại, rồi lại chia ngón tay lên cao. Những người phu tiếp tục khiêng kiệu ông đến tận giữa làng.

Khi nhìn sang mẹ, tôi thấy bà khóc.

“Đừng bao làm như vậy nữa! Không bao giờ được phép nhìn vào mắt sứ giả của Hoàng đế, nếu không con sẽ bị chém đầu! Hôm nay là con gặp may đấy!” Bà hấp tấp đi vào nhà và lấy một tráp gỗ nhỏ, trong đó có chứa các phần tài sản để đóng thuế của chúng tôi: đồ trang sức, mấy viên đá quý, tiền kim loại và vàng lá ròng. Giữa làng, những người dân khác đã xếp hàng đợi. Mẹ tôi nhập vào hàng người, và khi đến lượt mình, bà trao cho vị quan phần đóng góp cho Hoàng đế.

Lúc trở về, bà giải thích cho tôi một cách từ tốn, rằng Hoàng đế là Thiên tử và là đáng trị vì duy nhất của chúng tôi. Ông ấy chịu trách nhiệm về mọi số phận thần dân, chăm lo hạnh phúc và sự thịnh vượng của họ. “Con đã hiểu chưa?”, bà hỏi tôi. Tôi gật đầu nhiều lần và tiếp tục được phép chơi.

Khi vị quan đi rồi, một số người dân làng chuyện trò với mẹ tôi.

“Thật là bất công! Nếu mà chúng ta làm việc cho họ thì họ trả cho chúng ta bằng tiền đồng. Nhưng mà thuê thì chúng ta luôn phải trả bằng vàng.” Tất cả họ nhìn nhau buồn bã, tuyệt vọng cùng cực. Nhóm người dần giải tán, và mỗi người lại trở về với công việc của mình. Mẹ đổ nước nóng từ một ống bương và bắt đầu nhổ lông một con gà. Tôi đến trước mặt bà và nói một cách cương quyết: “Con chẳng thể nào hiểu nổi. Nếu Hoàng đế muốn điều tốt lành cho dân chúng thì tại sao ông lại lấy đi số vàng duy nhất mà chúng ta có?”

Mẹ ngẩng đầu, mỉm cười và trả lời: “Bởi lẽ như vậy”, rồi bà lại vặt lông gà tiếp. Tôi quay người và bỏ đi mà không thể thoả mãn với câu trả lời này, vì đối với tôi đó không phải là một câu trả lời.

Bản năng thợ săn

Lúc năm tuổi, lần đầu tiên tôi đi cùng bố đến một con sông, nơi ông dùng những cây lao tẩm thuốc độc để xiên các con cá lớn. Chất độc được ông chiết từ một loài cây đặc biệt và cất giữ rất bí mật. Ông cũng chỉ cho tôi cách dùng thứ cây cỏ nào thì có thể gây mê được các loài cá bé để sau đó chỉ cần dùng lưới để vớt những chú cá đã ngủ say này lên khỏi mặt nước. Ở những cánh đồng lúa ngập nước có đầy rẫy tôm, cua và các loài cá nhỏ.

Tôi thật vui sướng mỗi lần được đi cùng ông, bởi qua đó tôi cảm thấy dường như bản năng thợ săn trong mình được đánh thức. Trước khi bước chân vào rừng rậm thâm u, xứ sở của các loài rắn hổ mang, bọ cạp và những con rết khổng lồ màu xám xịt, tôi được bố dạy cách đọc dấu chân thú ở các cánh rừng tếch xum xue; đó là một trong những kỹ năng của một người thợ săn giỏi.

Để di chuyển một cách lặng lẽ hết mức, trước hết chúng tôi nhón gót chân để bước đi thật mềm dẻo. Những vết chân thú tìm thấy cần phải được phân tích căn cứ vào độ lớn và đặc điểm của lối chân. Tùy theo hình dạng của vết chân mà có thể phỏng đoán liệu con thú còn ở gần hay không. Tùy thuộc vào việc có mưa hay không và lối chân thú sắc cạnh hay tròn, người ta có thể đoán lối thú này đã có từ bao lâu. Chiều sâu của lối chân thì lại cung cấp thông tin về trọng lượng của con thú.

Chỉ riêng số lượng ngón chân hay cách di chuyển của con thú đã cho biết nó thuộc loài nào. Loài chim nháy nhót kiếm ăn trên cây và trong không trung có vết chân nằm cạnh nhau, khác với vết chân của những con chim chỉ biết đi mà thức ăn thường là các loài côn trùng sống trên mặt đất.

Một dấu chân chữ U bao gồm lối chân nhỏ phía trước và lối chân lớn phía sau cho hay đây có thể là một chú thỏ. Nếu chúng tôi tìm thấy cỏ bị xéo trên mặt đất và các vết vằn vèo chữ chi thì điều ấy có

nghĩa rằng một có một thú móng guốc hay một con hươu hoang ở cách đó không xa, đặc biệt nếu phần thức ăn còn sót lại của chúng chưa khô hay ở phần cạnh đã biến thành màu nâu.

Gấu thì cùng lúc nhấc chân trước và sau cùng bên và để lại những vết móng dài trên mặt đất, thường thì chúng cũng để lại cả những vết cào trên vỏ cây ở xung quanh. Các vết lệch song song theo chiều ngang trên cỏ cho thấy đó là dấu vết của một loài bò sát nhỏ, còn cỏ bị đè rạp một cách đều đặn cho thấy đó là vết của một loài bò sát lớn. Tôi luôn hứng thú với việc lần theo lối di chuyển của thú rừng và tìm ra loài nào từng gặm cỏ, ngủ hay săn bắt ở khu vực mà chúng tôi đang theo dấu. Hai bố con thường xuyên để ý đến hướng gió, phần để tránh bị lộ, phần là để không bỏ qua các chỉ dấu quan trọng trong hơi gió. Bởi vì mỗi loài thú không chỉ để lại các dấu vết như da hay xương mà chúng tôi có thể mang về nhà chạm khắc để làm đồ chơi, lông hay những nhánh cỏ gãy, mà còn có cả một thứ mùi vị đặc trưng. Nếu tìm thấy phân thú, bố tôi có thể dựa vào hình thù, độ lớn và màu sắc mà xác định đó là loài thú nào, nó đã ăn gì vào lúc nào và di chuyển về đâu.

Dấu vết khiến tôi sợ hãi nhất là một đường kéo dài gồm nhiều vệt nối nhau, do đuôi một con thú quẹt trên mặt đất để lại. Khả năng lớn nhất đấy là một con hổ. Nếu gặp trường hợp như vậy thì tôi chỉ có thể thầm cầu Trời rằng bố đã hoàn toàn có lý

khi ông cho rằng con hổ đã đi xa. Trong những lần đi rừng tôi luôn lưu ý sao cho chiếc nón che kín đầu và không có con rắn nào có thể mổ xuống từ trên cao. Rắn “hai bước” là một loài rắn khét tiếng, từ những nhành cây trên cao nó thả mình rơi xuống các nạn nhân của mình. Sau nhát cắn của nó, nạn nhân chỉ còn có thể đi tiếp hai bước cho đến lúc từ giã cuộc đời.

Ngoài ra tôi không bao giờ được phép đi qua những khoảng rừng thưa có mọc cỏ voi, bởi vì chưa tính đến nguy cơ gặp thú dữ, loài cỏ sắc này có thể cứa đứt da tôi như lưỡi dao lam.

Khi đi theo bố trong rừng rậm, tôi phát hiện nhiều loài cây và thảo mộc mới, bố tìm cách giải thích cho tôi những gì mà ông biết về chức năng hay công dụng của chúng. Tôi thích đùa nghịch với đám cây mắc cỡ mọc ven đường mà người địa phương vẫn gọi là “cô gái thẹn thùng”. Nếu có ai chạm vào chiếc lá xanh, nó sẽ giật mình và ngay lập tức cuộn tròn lại. Tôi luôn ngạc nhiên khi mỗi lần chứng kiến những bụi cây đã bị bố dùng lưỡi mác sắc như dao cạo phạt trụi chỉ vài ngày sau đó lại mọc dày trở lại. Thiên nhiên bao bọc quanh ta thật quyến rũ và khiến tôi cảm thấy mình vô cùng nhỏ bé.

Tôi bám sát bố tôi từng bước, đặc biệt nếu chúng tôi bị khỉ, trong đó có loài khỉ đầu chó, nhìn chòng chọc và ném thức ăn thừa vào người. Những câu chuyện lưu truyền trong làng hiện về trong tâm trí

tôi. Không người đàn bà nào, đặc biệt là các cô gái trẻ, lại được phép liều mạng đi vào rừng rậm mà không có đàn ông đi cùng, vì theo theo lời đồn đại sẽ gặp mỗi nguy cơ bị những con khỉ đột khổng lồ bắt cóc và hãm hiếp rồi biến mất tăm hơi.

Vào dịp trăng rằm có lúc chúng tôi thức dậy từ đêm khuya để vào núi lấy củi cho bếp lửa của gia đình. Một số loài gỗ được chúng tôi đốt thành than củi trong một chiếc lò gang rồi đem đi bán. Một chuyến hành trình trong khí hậu nóng ẩm nhiều lúc kéo dài cả ngày trời. Trên đường vào núi, chúng tôi bỏ lại phía sau lưng cả hàng đàn kiến lửa đỏ, để rồi ngay sau đó lại vật lộn với cơ man bọn vắt hút máu kinh tởm, những con vật này đã đánh hơi chúng tôi từ tận xa và thả mình rơi xuống từ các ngọn lá lông bông nước, hay trườn lên từ đất bùn để cắn vò hút vào bắp chân chúng tôi. Tôi khiếp sợ chúng, bởi có một cô em họ của tôi đã chết khi bị một con vắt chui vào hốc mũi. Những con vật hút đến no máu và chúng tôi không bao giờ được phép rút chúng khỏi người, nếu không muốn bị các vết thương tấy mủ. Tuy nhiên may mắn thay chúng sẽ tự rụng khi chúng tôi xuống đến đồng bằng. Không bao giờ chúng tôi uống nước từ các dòng suối trên núi để tránh bệnh tật.

Một câu chuyện kể của bố mãi hằn sâu trong trí nhớ của tôi. Có lần ông làm người dẫn đường cho một nhóm đi săn hổ, ngoài ông ra còn có bảy tay

súng nữa. Tất cả họ đều là những thợ săn lão luyện, trừ một luật sư người An Nam, ông này thích chơi golf hơn là đi săn và thường mua các chiến lợi phẩm làm tù thú rừng, để sau đó khoe khoang ở giới thượng lưu, làm như chính ông ta đã săn được chúng vậy.

Dọc đường đi người đàn ông có vóc dáng nhỏ nhắn và mảnh mai này lên cơn khát. Bi đồng của ông ta đã cạn, cũng như những người khác. Theo lời kể của bố tôi thì phải đi bộ tiếp hai tiếng nữa thì mới đến trạm có sẵn nước uống tiếp theo. Thế nhưng ở gần đó có tiếng róc rách của một dòng suối nhỏ. Mặc dù bố tôi đã nghiêm khắc cảnh báo về mối nguy hiểm và yêu cầu vị luật sư không được đi một mình đến dòng suối, ông ta đã cười vào mũi bố và men theo một lối nhỏ để đi xuống. Ông ta biến mất hút ngay trong bụi rậm, nơi ánh sáng mặt trời hầu như không lọt tới. Nhóm người chờ cả mấy phút. Khi ông ta mãi vẫn không quay lại, tất cả đều bỏ đi tìm. Xuống tới khe suối một cảnh tượng kinh hoàng bày ra trước mắt họ. Một con trăn khổng lồ, dài ít nhất phải mười hai mét, màu da lẫn một cách hoàn hảo vào sắc diệp lục của cây rừng, hẳn đã bất ngờ tấn công người lên cơn khát, quấn chặt lấy ông ta trong chớp mắt, nghiền nát thân thể rồi nuốt chửng kẻ xấu số. Con trăn tuồn mình không một tiếng động vào lớp cỏ cao và sắc khi nhóm người vừa đi tới. Từ chiếc mõm mở toác của nó còn thấy đôi bàn chân của nạn nhân chĩa ra ngoài.

Điều quan trọng đối với chúng tôi là trước khi hoàng hôn đổ xuống đã phải kịp về đến bìa làng. Bố tôi thường kể rằng khi trời tối “ông Ba mươi” sẽ đi kiếm ăn, với một đứa trẻ như tôi đây là một hình dung thật khiếp đảm. Người ta cố tình gọi hổ là “ông”, vừa do sợ hãi, vừa do nể vì. Thỉnh thoảng, cùng những người thợ săn khác, bố mang những con thú săn về làng, chân của chúng được buộc lủng lẳng trên những đòn tre dài. Những con thú này thường là một thứ chiến lợi phẩm mang lại một khoản tiền đáng kể, một số bộ phận trong cơ thể chúng được sử dụng để điều chế dược phẩm. Công thức điều chế và cách dùng là một bí mật được truyền lại từ hàng ngàn năm nay, từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Chẳng hạn bố tôi thường đốt bộ râu hổ trước khi ướp xác con thú. Râu hổ khi được xay mịn và trộn vào thức ăn có thể đâm thủng dạ dày người mà không để lại dấu vết, nó cũng được dùng cho phép bùa chú. Chỉ thịt hổ là không ăn được. Mẹ tôi và tôi từng hầm thịt hổ trong ba ngày liền mà nó vẫn dai ngoách và không thể nào xơi nổi.

Có một lần chuyến đi kéo dài hơn dự tính và bóng đêm nhanh chóng sụp xuống. Bố liên tục gõ vào tấm nã bạt đeo bên đùi nhằm để xua đuổi thú dữ. Tôi vừa chạy vừa khóc, cố sao để về đến nhà thật nhanh, tôi sợ trước các con thú đói mồi và những cô hồn còn được gọi là “ma quỷ”.

Ông bà của tôi thường kể về chúng. Đó là linh hồn của những người chết không tìm được sự bình yên ở thế giới bên kia, hoặc vì lúc sống họ đã làm điều ác, chẳng hạn làm thầy mo xấu, và do vậy khi chôn cất bị người đời ghê lạnh, không được ban phước lành và bị nguyên rửa. Hoặc là khi hấp hối họ vẫn còn than vãn về việc không thực hiện được mọi nghĩa vụ của mình trên cõi thế. Những lời cầu nguyện, việc tha thứ tội lỗi hay ban phước lành có thể giúp cứu vớt linh hồn của họ. Rốt cuộc thì tôi có thể thở phào nhẹ nhõm khi thấy những mái nhà đầu tiên trong làng hiện lên trước mắt.

Tôi tìm cách xóa những khoảng khắc đầy hãi hùng nhanh hết mức. Nếu vài tuần sau đó bố mang về cho tôi những con vẹt tuyệt đẹp hay một chiếc sáo trúc do ông tự tay gọt thì tôi hầu như đã quên bằng những ký ức này.

Thân linh nổi giận

Giữa năm 1935 bố tôi lại có đợt vắng nhà rất lâu. Chúng tôi không biết chính xác ông ở đâu. Bởi vì bà nội tôi đoán ông đang ở nhà người vợ lẽ nên bà lên đường đi đón bố tôi về nhà. Bà có quyền làm việc đó, mẹ tôi thì không.

Tuy nhiên lý do thực sự cho việc bà tôi phải cất công đi một quãng đường xa như vậy không phải là

việc mẹ tôi từ hàng tháng nay có một vết thương hở miệng ở ngực trái. Cũng không phải vì ánh mắt mẹ đã từ lâu chẳng còn ngời sáng nữa.

Đó là vì mùa mưa đang đến gần, mang theo ẩm ướt, sương mù và tai ương. Những người cao tuổi dự báo như vậy, sau khi quan sát những đàn chim táo tác bay ngược hướng và phát ra những tiếng kêu lạ.

Dòng suối có những đoạn chỉ sâu mấy xăng ti mét nay biến thành một dòng sông chảy xiết hung hãn. Lúc đó tôi năm tuổi và đang ngồi cạnh một người em họ bên bờ sông, ngắm một con trâu bị chết đuối, xác đã trương phềnh vừa dạt qua chỗ chúng tôi, thì bỗng nhiên cậu em trượt chân rơi tõm xuống nước rồi mất hút ngay trong dòng thác. Người lớn đang làm việc không xa nơi đó nghe được tiếng thét của tôi nhưng chẳng hề tìm cách vớt thân thể bé nhỏ lên khỏi dòng nước đỏ ngầu đang chảy xiết. Cả họ và tôi đều không biết bơi. Chúng tôi đứng như bị hóa đá trên bờ và bất lực chứng kiến cảnh cậu bé đáng thương bị chết đuối. Tấn thảm kịch này khiến tôi mãi mãi có một cảm giác kinh hoàng mỗi khi tiếp xúc với sông nước. Ít ngày sau bố tôi cùng bà quay trở về nhà với vẻ mặt cau có. Nước lũ đã rút.

Một thời gian ngắn sau tôi đổ bệnh. Tôi bị đau đầu, đêm thì sốt và lên cơn ớn lạnh. Ông ngoại của tôi được gọi đến. Lưỡi tôi khô rang và cuống họng đau xé. Da tôi bắt đầu lên mụn. Ông tôi chỉ nói: “Đậu mùa”. Điều này có nghĩa rằng đây là một đòn

tấn công của ma quỷ và là một mối đe dọa cho cả dân làng!

Tôi được ông nhanh chóng mang tới một túp lều bằng đất sét nằm ở bìa làng. Túp lều này vừa dùng để làm nơi cho đàn bà sinh con ngoài phạm vi nhà ở, vừa để cách li người ốm, tránh bệnh truyền nhiễm lây lan. Tại đây tôi đã phải sống hàng tuần lễ trong một buồng tối, ngày đêm bị hành hạ bởi những cơn đau nhói do mụn nhọt gây ra.

Phải sau ba hôm hoàn toàn bị cách li, những chuyến thăm nuôi hàng ngày của bà ngoại mới giúp tôi giảm nhẹ được phần nào sự khổ sở. Chỉ những người già như bà mới được phép tiếp xúc với tôi. Hàng ngày bà dùng nước thấm ướt môi cho tôi, và vào những lúc như vậy bà không bỏ lỡ dịp kể cho tôi nghe những câu chuyện rùng rợn về ma quỷ. Đương nhiên cũng có ma lành, thậm chí có những con ma xó chuyên giữ nhà. Tương truyền một ông chú của bà tôi sống ở Lào được một con ma xó đều đặn rì tai về việc liệu trong khi ông ấy đi vắng có ai đó vào vườn ăn trộm rau quả hay không. Vào buổi tối người ta có thể thấy các vật thể trắng chuyển động. Theo lời bà tôi kể đấy chính là các đầu lâu đang bay lượn!

Tôi cảm thấy thật khổ sở vì bị mọi người bỏ rơi. Tuy nhiên nhờ những cuộc đến thăm của bà ngoại mà giờ đây thời gian trôi qua nhanh hơn. Mất và tai tôi không còn bị mưng mủ nữa, nhưng rải rác đầu đó trên người vẫn còn những mụn nhọt ứ máu.

Sau bốn tuần một thầy cúng được mời đến để giao tiếp với thần linh. Hai con gà trống thiến của cô tôi được đem cúng dâng các vị thần bảo hộ và tổ tiên. Tôi nghĩ là cô đã rất giận tôi về việc này. Rốt cuộc thì cô đã vỗ béo mấy chú gà này cho mình chứ đâu có phải cho tôi. Còn tôi thì lại cảm thấy thoả mãn, bởi tôi vốn không ưa người đàn bà luôn có bộ mặt khó đăm đăm này mỗi khi nhìn thấy tôi, và không thể chịu nổi tiếng gà gáy quang quác đánh bật mình khỏi giấc mơ từ lúc còn mờ sớm.

Cuối cùng thì tình cảnh khốn khổ của tôi cũng trôi qua. Tuy nhiên trước khi được phép trở về ngôi nhà của bố mẹ trước đó đã được xông khói bằng các loại lá thiêng, người thầy cúng còn gõ trống bên tai tôi, đi quanh tôi mấy vòng, vừa đi vừa niệm các câu thần chú để đuổi tà ma ra khỏi hản người tôi.

Sau đó thì nghi lễ hoàn tất. Tôi đã khỏi bệnh và được phép lao vào vòng tay rộng mở của mẹ.

Một chuyến hành trình ra thế giới lớn

Có một lần tôi đi theo bố ra thành phố Nam Định nằm ở phía Bắc. Ở đó ông rẽ qua thăm người em gái không có con cái, ngày hôm sau chúng tôi lại đi tiếp về Hải Phòng để trao đổi hàng hóa. Chuyến đi vất vả này khiến tôi rất hưng phấn. Chiếc xe kéo của chúng

tôi chất trĩu hàng. Tôi ngồi ngất ngưỡng ở trên, bố thì đi cạnh con trâu. Ông đi dép cao su tự chế bằng lớp ô tô, quai dép làm bằng sấm xe đạp quấn quanh mắt cá chân.

Ở Hải Phòng có đến muôn ngàn giọng nói làm náo nhiệt cả khu phố gần hải cảng.

Tôi vô cùng bối rối. Chưa bao giờ tôi chứng kiến một cảnh tượng như vậy. Tiếng còi tàu hú to thúc giục trộn lẫn với giọng nói lanh lảnh của người bán hàng rong, những tiếng rao gay gắt của họ khiến tôi liên tưởng đến tiếng gà gáy của cô tôi ở quê. Người đi xe đạp, người lái xích lô, xe chở hàng của người buôn bán chuyển động tứ tung, đan xen liên tục mà không hề đụng nhau. Một vài chiếc ô tô bóp còi inh ỏi dành cho mình lối đi giữa đám đông.

Tôi đồng tai tìm cách phân biệt các thổ ngữ và tiếng nói khác nhau mà mình không hiểu hết đang vang lên từ những đám người chen chúc và thử đoán họ đến từ vùng nào, một phần dựa vào trang phục. Nhưng hầu như tôi không đoán nổi nếu bố không nói cho biết. Khi chúng tôi đi qua một ngôi chùa Tàu đồ sộ, bố chỉ về hướng một nhóm phụ nữ Dao, một dân tộc thiểu số ở vùng cao nguyên phía Bắc. Ngay lập tức họ thu hút sự chú ý của tôi bởi hàng lông mày cạo và khăn turban đỏ rực. Họ ngồi bên vệ đường và tươi cười rao bán các hàng dệt nhiều màu sắc. Cũng có cả phụ nữ Hmong vượt qua những chặng đường dài từ núi cao xuống thành

phổ để bán đồ thổ cẩm quý giá với những hoạ tiết
thêu đa dạng, được làm từ sợi bông và đay, cũng
như đồ trang sức bằng bạc hay các hạt dễ rụng. Họ
mặc váy xếp ly nhiều màu sắc, cổ đeo vòng bạc dày
chéo biến tinh xảo. Một số người trong số họ, thay
vào khăn quần đầu sặc sỡ, quần tóc thành hình tháp
trên đỉnh đầu. Để có được mái tóc rất cầu kỳ này,
trong hàng năm trời họ đã phải cẩn trọng tết các
sợi tóc rơi, có khi cả tóc của những người họ hàng
đã chết, vào tóc của mình. Những tháp tóc quả thật
là đầy ấn tượng!

Chồng hay con trai của họ mặc quần đen rộng
ống và áo choàng ngắn, họ rao bán đồ gỗ, tre và mây.
Ngồi không cách xa họ mấy là những người phụ nữ
mặc váy màu sẫm, phía sau lưng đính các đồng tiền
bạc, mũ được trang điểm bằng những hòn bi bạc hay
những quả cầu bằng sợi nhiều màu sắc, phần để làm
đẹp, phần cũng để xua đuổi tà ma. Những người phụ
nữ này rao bán đồ mây đan.

Các quý bà ăn vận sang trọng, làn da trắng trẻo,
gương mặt giấu dưới ô che nắng màu trắng thêu
ren, ngồi hững hờ trên xe xích lô và để cho một phu
xe người Hoa đi chân đất, mồ hôi nhỏ nhai, mặc áo
quần rách rưới màu xanh kéo trên đường phố, kéo
theo cả mùi nước hoa quý phái của họ. Những người
lính châu Âu vội vã đi qua, nói cười ầm ĩ. Tôi nhận
ra quân phục của họ thật chín chu, khác hẳn với bộ
quân phục của bố tôi ở nhà.

Tại đây lần đầu tiên tôi nhìn thấy một người đàn ông da đen đồ sộ với cặp mắt lồi. Người lính mặc quân phục này vừa mới mua đồ ăn từ một quầy ăn nhanh và bây giờ đang nhai. Lúc đi ngang qua ông ta, tôi thoáng rung mình. Cặp mắt của ông khiến tôi nhớ đến mắt của những con yêu quái thường có ở các đền chùa.

Bố và tôi đã tới nơi. Ở khu chợ chính có bày bán rắn sống, sừng hươu, da cá sấu, sừng tê giác bản địa và nhiều thứ khác nữa. Da hổ và xương hổ, những con khỉ nghiền răng trèo treo và chim chóc kêu inh ỏi đặc biệt được ưa chuộng. Bố nắm thành thực hết mọi thứ và biết rõ phải đi đâu, gặp ai. Chưa hết một ngày chúng tôi đã bán và trao đổi hết sạch hàng hóa. Bố mua từ một người đàn ông Hmong một chiếc cung tên mới cho mình. Chúng tôi chất lên xe hàng hóa do các thầy lang từ các làng bên đặt, những loại thảo dược tương truyền có các tác dụng màu nhiệm, bột sừng tê giác, vỏ quế cuộn tròn và rắn hổ mang chúa ngâm rượu. Bố cũng không quên mua quà cho mẹ: Một thỏi dày màu xám có mùi thơm, được gọi là “Xà phòng Marseille”. Mẹ mê mẩn thứ này.

Trên đường về chúng tôi lại nghỉ ở nhà cô tôi. Sau khi cắt một miếng to từ bánh “Xà phòng Marseille” để đổi một chai rượu Rum, cô tận dụng cơ hội cùng cha tôi đến một quán ăn khét lẹt mùi thuốc, để chơi bài ba quân ăn tiền ở đó. Tôi dội rửa cho con trâu và gần như suốt đêm một mình canh gác nó.

Có một cảm giác gì đó thật lạ lùng. Tôi rất vui mừng rồi cuộc lại được trở về nhà, nơi cuộc sống diễn ra một cách êm ả, tuy nhiên đồng thời cũng cảm thấy cuộc sống thành phố thu hút mình nhường nào. Trong một ngày tôi đã chứng kiến một cõi hỗn mang náo nhiệt, những dòng chảy của người qua lại, màu sắc và mùi vị, sự pha trộn của các ngôn ngữ. Thành phố với những phương diện hoàn toàn khác nhau của nó đã đè bẹp tôi như một cơn sóng và cuốn tôi sang một thế giới khác. Và thế giới này đối với tôi dường như hấp dẫn, sinh động và bí ẩn hơn là rừng rậm.

Bé hạt tiêu

Lúc đã lên sáu tuổi vào một buổi sáng tôi được bố gọi đến. Ông ra lệnh cho tôi xòe lòng bàn tay phải rồi thả ba đồng tiền xu vào. Tôi đứng đó, mắt mở tròn xoe mà không biết phải làm gì. Trước khi tôi kịp hỏi thì ông đã nói:

“Bây giờ đã tới lúc mày phải đi kiếm tiền rồi. Đây là ba đồng tiền xu. Con đi mua đường rồi mang về cho mẹ. Mẹ sẽ chỉ cho mày cách làm kẹo kéo từ đường mía. Xong rồi thì con đi ra thị xã Hà Tĩnh. Nhớ là phải bán lẻ từng cái! Con chọn chỗ đứng ở nơi nào đông xe, đông người, trước rạp chiếu bóng hay cạnh chỗ lính gác trước cổng doanh trại. Rồi

mang tiền bán được về cho bố. Nếu làm tốt và bán được hết hàng thì bố sẽ thưởng cho mày một đồng.”

Chao ôi, đó là cả một gia sản! Tôi coi tất cả những điều này là minh chứng của sự tin cậy, tim tôi tràn ngập cảm xúc tự hào. Tôi cầm chặt ba đồng tiền xu trong tay, lòng đầy sung sướng, chạy ngay đi mua đường ở cách đấy mấy nhà. Cuối cùng thì tôi cũng đã được giao một nhiệm vụ. Tôi thầm nhủ sẽ nhất định hoàn thành nó sao cho bố hài lòng.

Mẹ để tôi đo lượng đường và nước, trước khi chúng tôi đổ cả hai vào một nồi kim loại duy nhất mà gia đình tôi có để đun sôi. Mẹ chờ cho đến lúc chất lỏng màu vàng óng ngույն đi một tí, sau đó chế biến khối đường dẻo với những động tác nhanh nhẹn. Vào ngày này tôi học cách làm sao để không bị bỏng và trước hết là tránh được cám dỗ của việc nếm kẹo. Không lâu sau thì món kẹo mạch nha đã xong, chúng được xếp ngay ngắn trong một chiếc rổ đan bằng tre.

“Hai viên kẹo giá một xu. Phải rao thật to và rõ ràng chữ ‘Bonbon’ để người ta nghe được con! Mà cấm không được ăn một chiếc nào trong đó và đừng đánh rơi một đồng xu nào cả!” “Bonbon” là từ ngoại quốc đầu tiên mà tôi học được. Bố tôi biết nói một ít tiếng Pháp.

Đường vào thị xã chẳng có gì nguy hiểm. Nền tư pháp An Nam của chúng tôi rất hà khắc với những phiên toà xử nhanh và các bản án nặng nề được thi

hành ngay lập tức. Ai phạm tội sẽ bị chặt ngón tay, bàn tay hay thậm chí bị chém đầu. Tất cả người dân sống ở đây đều biết rõ điều này. Và như vậy ai cũng có thể thoải mái đi lại vào cả lúc ban ngày và ban đêm mà không phải đề phòng.

Tôi lên đường một mình với rổ kẹo đã đầy kín. Đến thị xã Hà Tĩnh tôi chọn cho mình chỗ đứng trước một rạp chiếu bóng. Hương vị kẹo mạnh nha thơm lừng trong mũi tôi và miệng thì ứa đầy nước dãi. Tôi tưởng tượng vị chiếc kẹo mạch nha tan ra như thế nào trên lưỡi, nhưng không dám ăn dù chỉ một chiếc, vì sợ hãi hình phạt sẽ đến. Và như vậy tôi đành chỉ nuốt nước bọt và nguyên rửa thanh tre mảnh và dẻo đặt ở sau cửa ra vào được dùng làm roi đánh đòn ở nhà tôi.

Mỗi lần rao hàng tôi lại khuyến mại một nụ cười thật tươi, tôi bán cứ như chơi và chẳng mấy chốc tất cả số kẹo đã hết. Chiếc rổ mang theo nhẵn thín, còn túi quần của tôi bây giờ chứa những mười đồng tiền.

Tôi hớn hỏ chạy về nhà. Mẹ đang giũ lúa trên một tấm ván để tách hạt lúa khỏi nhành. Bà mỉm cười với tôi. Bố đến và cầm số tiền mà tôi đưa cho ông. Mẹ được bố đưa ngay hai đồng để đi mua một con gà. Bố đi vào nhà và lấy một ống bương hai đầu bịt da thú được dùng làm tráp đựng tiền của gia đình và bắt đầu ném các đồng tiền vào.

Tôi nín thở và nhắm đếm theo. Năm, sáu, bảy... Trên tay ông còn lại một đồng tiền. Đồng tiền của

tôi. Bây giờ đến lượt tôi được trả công, tôi nghĩ như vậy. Với một giọng nói ra mệnh lệnh không chấp nhận một sự trái ý nào, ông nói cụt lủn: “Đi mua cho tao một chai rượu!”

Không một lời khen, và cũng chẳng có một lời nào nào khác nữa phát ra từ môi ông. Tôi cầm đồng tiền và rời khỏi nhà, trước khi bố có thể nhìn thấy nước mắt của tôi trào ra. Tôi thoáng tưởng tượng mình sẽ dùng cây hèo tre mảnh và dẻo đặt đằng sau cánh cửa vụt vào bố để trừng phạt cho sự lừa dối của ông, tuy nhiên ý nghĩ này chẳng có sức an ủi lâu. Thật buồn là nhiều ngày tương tự như vậy sẽ còn đến với tôi.

Danh mục tội lỗi

Tôi học được rằng việc phân chia công việc quan trọng ra sao và một nghĩa vụ có ý nghĩa nào. Nếu bố vắng nhà lâu này, anh trai cả của tôi, người mà tôi không hề có một sự gắn bó nào, cầm chịch trong nhà với tư cách là ông chủ gia đình ở vị trí kế tiếp.

Anh ta có quyền ra lệnh và trừng phạt. Chẳng bao giờ anh ta phải làm việc nặng như mẹ và tôi. Điều khiến tôi ngạc nhiên nhất là việc anh ta có thể sai khiến mẹ. Dẫu sao chẳng nữa vẫn còn là một đứa trẻ, vậy mà anh ta đã được coi như một người đàn ông. Những cái tát mà anh ta dành cho tôi một khi không vâng lời khiến tôi phải chấp nhận điều này.

Mẹ chẳng hề ngăn cản anh ta làm việc đó. Chẳng bao lâu tôi đã hiểu rõ hệ thống tôn ti trật tự được quy định một cách chính xác vận hành như thế nào: Người cao tuổi đứng trên người trẻ tuổi đã đành, nhưng đàn ông thì luôn đứng trên đàn bà, và gia đình thì quan trọng hơn cá nhân. Tôi là người đứng cuối bảng, có nghĩa chẳng là ai cả. Tôi không tồn tại nếu không có người khác. Tôi cố nén nổi uất ức trước thứ tôn ti trật tự này vì sợ người lớn sẽ đọc được ý nghĩ của mình nhờ ông bà tổ tiên mách bảo.

Bố đã xây dựng cả một hệ thống hình phạt nhằm đảm bảo trật tự và quy định giải pháp cho mọi xung đột. Nó như thế này: Cho mỗi một lỗi lầm và thái độ khinh thị, cho mỗi một hạt gạo bị đánh rơi xuống đất, ông vẽ một vạch trên một tờ giấy treo trên tường nhà cạnh chiếc hèo tre. (Mẹ thì chẳng bao giờ vẽ vạch). Cảm giác bất an vì không biết bao giờ hình phạt sẽ được thực thi xem chừng còn tồi tệ hơn cả chính bản thân hình phạt.

Thường thì bố im lặng, ông không nói nhiều. Vào những ngày mà ông cảm thấy khó ở, hoặc một cách vô cớ, hoặc do rượu rum đã cạn, chỉ cần một cái nhìn hơi xắc đã đủ khiến ông cho cây hèo tre nhảy múa.

Những lúc như vậy, ông trói hai bàn tay tôi vào cột gỗ giữa nhà và buộc mái tóc dài của tôi vào chân chiếc giường tre. Sau đó ông lấy tờ giấy mà ông gọi là danh mục tội lỗi ra. Ông đọc tội đầu tiên mà tôi mắc phải và ngay lập tức vung hèo. Thật kỳ quặc là

các anh em trai của tôi chẳng bao giờ bị trừng phạt như vậy.

Thường thì ông dừng lại sau mười hay mười một hèo. Tôi không được phép khóc, nước mắt rơi sẽ khiến tôi bị bồi thêm một hèo nữa. Mẹ chẳng hề nói gì. Bà không bao giờ phản đối các hành động của bố. Chỉ khi mẹ đắp thuốc lá lên các vết thương trên lưng tôi, tôi mới để cho nước mắt trào ra - không phải vì bản thân, mà vì nỗi đau xót mà tôi đọc được trong mắt bà.

Những lúc như vậy tôi nguyên rửa bố tôi, mái tóc dài của tôi và toàn bộ thế giới bất công.

Báu vật bằng vàng

Chỉ trong một năm, với sự hỗ trợ của tôi, lọ tiền tiết kiệm của gia đình đã nhiều lần được đong đầy, tuy nhiên cũng có nhiều lần bố mẹ tôi lại rút cạn nó. Có lần tôi nghe mẹ chuyện trò với bà hàng xóm và kể với bà ấy rằng bên cạnh việc mua quần áo lụa mới - mỗi năm một lần chúng tôi được sắm một bộ quần áo - bà đã mua cả một cân vàng ròng. Tôi không hiểu được điều này - tại sao chúng tôi lại phải sống tằn tiện trong khi có cả một cân vàng, thậm chí còn hơn thế nữa? Tôi tận dụng cơ hội một lần bố vắng mặt vì lại nhận việc hướng dẫn một nhóm đàn ông vào rừng rậm và hỏi mẹ số vàng dùng để làm gì.

“Số vàng này để dành làm tiền học cho anh trai của con. Mỗi năm đi học của anh con tốn một cân vàng”, mẹ giải thích cho tôi như vậy.

“Trường học có nghĩa là gì hả mẹ?”, tôi hỏi.

“Đó là nơi có những người rất thông thái dạy cho ta trở thành thông thái. Ở đấy người ta học đọc và học viết.”

“Thế còn con? Bao giờ thì con sẽ được đến trường?”

Mẹ tôi cười phá lên, tôi chưa bao giờ nghe mẹ cười như vậy, làm hở cả hàm răng đẹp nhuộm đen mà bình thường tôi ít khi được nhìn thấy.

“Con ấy ư? Sẽ chẳng bao giờ con được đến trường cả! Con trai mới được đi học, con gái thì không. Là con gái thì thì lấy chồng rồi đẻ con. Vì vậy con chẳng cần phải đến trường để đảm đương nghĩa vụ này.”

“Thật bất công!”, tôi giận dữ hét lên.

“Sự đời là như vậy. Có những điều ta chẳng thể nào thay đổi được. Nào, con lấy nhíp ra đây và nhổ tóc sâu cho mẹ đi!”, bà nói một cách nhẹ nhàng và lắc đầu, tiếp tục cười.

Tôi lấy chiếc nhíp từ một trong hai chiếc ngăn kéo lớn của chiếc bàn duy nhất của gia đình. Không có nhiều của cải là một điều tốt, vì như vậy chẳng có gì để mất. Mẹ gỡ khăn quấn tóc, và cả một dòng suối tóc đen chảy xuống gần tới đất. Bà nằm xuống một tấm chiếu làm bằng lá cọ phía trước nhà, lúc đầu còn kiểm tra xem tôi nhổ có chính xác không, lúc sau bà ngủ thiếp đi một cách an tâm và thư thái trong lòng tôi.

Tôi thấy nhẹ lòng vì không còn phải làm việc gì trong ngày nữa. Cảm giác hạnh phúc khi ngắm gương mặt của mẹ giúp tôi quên đi trong chốc lát mọi điều cay đắng của cuộc đời mình: tâm trạng u ám của tôi, ý thức về một sự bất công ghê gớm, một sự trộn lẫn giữa cảm xúc giận dữ bị đè nén và sự bất lực.

Tò mò, một tội lỗi

Những giao tiếp duy nhất giữa tôi và anh trai cả, ngược lại với anh trai kế tôi, Hòe, cho đến nay là những cú tát mà anh ta dành cho tôi. Anh không đếm xỉa gì đến tôi trừ khi cần sai bảo tôi việc gì đó. Tuy nhiên anh luôn đòi hỏi tôi phải bày tỏ thái độ tôn kính, bởi vì anh là một đứa con trai có đặc quyền, một người đàn ông. Anh không bỏ qua một dịp nào để tôi nhận biết được điều này. Tôi từng nhiều lần thấy anh từ trường học quay trở về, chân đi đất, nhưng quần áo thì sạch sẽ, sách vở cầm trên tay, và ngày tôi càng ngạc nhiên hơn về chốn “thiên đường” này, nơi anh trai tôi dường như đang được đào luyện để thành một người thông thái. Tuy nhiên tôi chẳng hề thấy anh thông thái hơn được chút nào. Trong mắt tôi, anh vẫn ngạo mạn và khinh rẻ người khác hệt như trước đó. Dù sao thì bây giờ anh đã biết đọc và biết viết, và như

vậy trong lòng tôi dần nhen nhóm một cảm xúc mới: Giá như tôi cũng có được một chút thông thái, chỉ một chút thôi... Tôi không cảm thấy ghen tị, mà dường như chỉ là sự tò mò trước một điều hoàn toàn xa lạ đối với mình. Một buổi sáng dậy tôi không còn kiểm chế được nữa. Tôi đợi cho tới khi anh rời khỏi nhà đi đến trường, rồi sau đó lấy một trong những cuốn sách mà anh cất trong số đồ đạc của mình. Vô cùng hồi hộp và trốn dưới gầm bàn trong bếp, tôi bắt đầu lật các trang trong cuốn sách mà lúc đó có lẽ tôi đang cầm lộn ngược. Chắc chắn phải có một bí mật được ẩn giấu ở trong đó! Nó ở đâu? Những con chữ mà tôi nhìn thấy chẳng nói lên được điều gì. Tôi không giải mã được điều gì, tuy nhiên vẫn chắc chắn rằng câu trả lời ẩn giấu ở đâu trong đó. Chìm đắm trong cuộc tìm kiếm, tôi không nhận ra có một đôi chân trần lấm bụi đang đứng như trời trồng bên cạnh tôi. Anh cả tôi quên một thứ gì đó và đã quay trở lại nhà.

Anh ta chẳng cho tôi cơ hội để có thể mở miệng. Anh lôi tôi xềnh xệch từ gầm bàn. Cầm chiếc hèo tre của bố trên tay, anh quật như điên dại vào người tôi, và khi tôi khụy xuống dưới những cú đánh, anh dùng cả hai chân đá tôi, lúc đầu vào bụng, sau đó vào sườn, lưng và cuối cùng là vào mặt. Tôi không tìm cách bỏ chạy và giữ thế bất động, với hy vọng cơn khùng của anh sẽ chóng trôi qua. Nhưng anh ta không hề ngưng, rốt cuộc tôi bất tỉnh.

Như mọi lần, mẹ chẳng hề nói gì. Bà ân cần chăm sóc tôi suốt cả tuần lễ. Toàn bộ thân thể sưng vù khiến tôi đau đớn. Anh cả đánh tôi bầm dập khắp nơi, môi tôi rách toang. Trong khi nằm đó tôi hình dung những trận đòn của bố còn nhẹ nhàng hơn chừng nào.

Từ lúc ấy tôi căm thù người anh cả, một mối thù sẽ kéo dài suốt cả cuộc đời. Và trong lòng tôi bỗng nhiên trỗi dậy một ý nguyện không thể nào cưỡng nổi, ý nguyện bỏ nhà ra đi. Xuất phát từ sự căm thù đối với người mà sẽ không bao giờ tôi gọi tên.

Một con gà bằng vàng

Mấy tháng nữa trôi qua cho đến khi tôi có thể thực hiện được một thứ kế hoạch phản kháng. Tôi đã tám tuổi, và thay cho cảm giác yếu đuối hay sợ hãi, giờ đây tôi thấy mình tự tin và dũng mãnh.

Một khi đã đủ khả năng kinh doanh kẹo thì tại sao tôi lại không thể có năng lực học được các con chữ trong bảng chữ cái? Tôi biết là cách nhà vài con đường có mấy nhà giàu cho con trai đến trường, và tôi đã làm quen được với ba đứa trong số đó khi chúng tôi cùng nhau trốn trong nghĩa địa và chơi trò giả giọng ma hù dọa người qua lại.

Để đánh đổi các trái cây chín ngọt mà tôi ăn cắp một cách thật kín đáo trong các vườn cây vào các

buổi sáng sớm, bọn con trai sẵn sàng truyền lại cho tôi các bài giảng mà chúng đã học. Có lúc tôi “đánh rơi” vài viên kẹo xuống đất để sau đó được đổi lại bằng tri thức. Bọn con trai dùng một cây gậy nhỏ vẽ lên nền đất bụi bặm các con chữ trong bảng chữ cái. Chúng tôi có thể nhanh chóng xóa những con chữ này một khi có ai đó đến gần. Tôi miệt mài học và tìm cách nhập tâm bài đã học cho đến “tiết học” tiếp theo. Sau tám ngày tôi đã thuộc lòng bảng chữ cái. Tiếp theo đó bọn con trai chỉ cho tôi cách ghép các chữ cái thành từ ra sao. Tôi không bao giờ cảm thấy thoả mãn. Càng học tôi lại càng muốn biết nhiều hơn, và cứ sau mỗi tuần tôi lại càng cảm thấy vững tâm thêm. Lúc đầu tôi xấu hổ do phải đi ăn cắp để thoả mãn trí tò mò và khát khao hiểu biết của mình, nhưng hồi ức về trận đòn man rợ của người anh cả đã khiến cho mọi băn khoăn trong tôi tan biến.

Tôi không dám nghĩ đến hình phạt chắc chắn là thảm khốc sẽ dành cho mình một khi bị phát hiện. Bất kể là trẻ con hay người lớn khi phạm tội ăn cắp sẽ bị chặt ngón tay, tôi biết như vậy. Tái phạm lần thứ nhất sẽ bị mất cả bàn tay, tái phạm lần thứ hai sẽ rơi đầu...

Cứ như vậy, ăn cắp quen tay, tôi đã phát hiện ra bao tài năng tiềm ẩn trong mình và ngày càng biết cách tận dụng chúng một cách hiệu quả hơn. Đỉnh cao cho “sự nghiệp” của tôi là việc ăn cắp

một con gà mái của bà cô ở cạnh nhà. Trước đó tôi có hỏi cô liệu bà có thể cho tôi một con gà để thưởng công cho sự giúp đỡ của tôi trong công việc đồng áng không. Cô tổng cổ tôi ra khỏi nhà và hét theo sau lưng: “Hãy tự mà đi kiếm sống và đừng có xin xỏ!”

Thế là một hôm, tôi tới một ruộng lúa gần nhà và nhặt nhanh một nắm thóc ở đó. Tôi chờ cho đến khi cô rời khỏi nhà đi chợ, rồi lên đến hàng rào gỗ ngăn cách giữa tôi và đàn gà của bà. Tôi đào một lỗ nhỏ, đủ rộng cho một con gà có thể dễ dàng chui đầu qua, rồi rắc thóc lên khoảng hai mươi xăng ti mét dọc hai bên hàng rào. Nhớ đến lời nói của bố khi đi săn, tôi nhẫn nại chờ đợi và hoàn toàn tin tưởng rằng đây không phải là một việc xấu, bởi vì con gà sẽ tự nguyện chạy đến chỗ tôi. Bố tôi nói rằng giống vật cũng biết suy nghĩ. Nếu mà con gà có khả năng suy nghĩ thì hẳn nó phải biết chính xác về điều mà nó làm. Vậy thì tôi đâu phải chịu trách nhiệm nếu nó ngu xuẩn và tham lam?

Con gà vừa thò đầu qua lỗ để mổ các hạt thóc còn lại ở bên phía tôi thì tôi chộp lấy nó, bẻ ngoặt cổ để cho nó chết thật nhanh và im ắng. Sau đó tôi bới rộng lỗ, kéo con gà sang phía mình, rồi ngay lập tức lấp chỗ hở lại.

Tôi không sở hữu một cân vàng, nhưng bây giờ lại có trong tay một con gà mái mà với tôi là giá trị chẳng kém. Sau đó tôi đã thực hiện phi vụ kinh

doanh lớn nhất của đời mình: tôi đã đánh đổi con gà này lấy cả một năm học ở lũ trẻ.

Bói toán quàng xiên

Vào một ngày tôi đang chờ khách mua những chiếc kẹo cuối cùng thì thấy phía đường bên kia có nhiều người vây quanh một cụ già ngồi dưới một bóng cây trên một chiếc ghế gỗ ba chân. Cụ ăn mặc rách rưới như tổ đũa. Đám trẻ ngày thường ngồi trên cây cao dỗi xuống các thầy chùa đi ngang qua và hát những bài dung tục chế giễu họ bây giờ tụt xuống đất và kể với tôi rằng chỉ cần trả ba xu là ông cụ có thể dự báo được tương lai.

Những người hiếu kỳ đã xếp thành hàng, có những tiếng kêu xuyết xoa vọng đến tai tôi. Tôi tiến lại gần hơn và lắng nghe điều mà ông cụ đang tiết lộ cho những khách hàng muốn biết trước số phận của mình.

Đứng trước tôi là một người đàn bà trung niên, tôi thật ngạc nhiên khi thấy bà bắt một con thằn lằn từ trên thân cây rồi nhét đầu nó vào miệng và nuốt chửng cả con. “Nó sẽ chữa lành bệnh bướu cổ của cô”, bà ta nói như vậy với tôi sau khi đã nuốt gọn con vật. Hẳn lúc đó tôi đã phải trở mắt nhìn bà. Bà ta chỉ cho tôi xem cục bướu trên cổ rồi quay mặt đi, chờ cho tới khi mình đến lượt.

Cả tôi cũng rất muốn được biết về tương lai của mình, nhưng mà tôi biết làm gì bây giờ? Tôi không thể chi số tiền vừa kiếm được. Cuối cùng thì mọi người đều bỏ đi, chỉ còn một mình tôi đứng trước cụ già.

“Này cô bé, cháu không muốn biết về tương lai của mình à?”, cụ hỏi tôi một cách ân cần. “Chỉ tốn có ba xu thôi mà.”

“Cháu không thể chi tiền của bố mẹ được ạ”, tôi nói một cách xấu hổ và đưa tay sờ số tiền xu ở trong túi. Khi tôi định bỏ đi, cụ già nói: “Cháu lại đây, ông không lấy tiền của cháu đâu. Đưa tay đây cho ông xem.”

Bị bất ngờ, tôi chìa bàn tay phải cho ông cụ. Ông xem xét rất cẩn thận, lần từng đầu ngón tay và đường vân tay. Sau đó ông nói một cách chậm rãi và trịnh trọng:

“Sẽ rất nhiều lần con thoát chết, nhiều lần trong đời con sẽ đứng sát cửa tử. Ta nhìn thấy những tai hoạ mà con sẽ vượt qua. Con sẽ đi rất xa và trước lần sinh nhật thứ ba mươi lăm sẽ có một ngôi nhà riêng, nhưng không phải ở đây, mà ở nước ngoài. Con sẽ đẻ nhiều con. Những năm về già con sẽ gặp nhiều may mắn.”

Tôi lễ phép cảm ơn ông và nghĩ ông già hẳn phải là một người hoàn toàn mất trí! Tôi sẽ rời đất nước của mình và sẽ có nhiều con? Không bao giờ! Và tôi lấy đâu ra tiền để xây nhà? Tôi cố quên đi thật

nhánh những lời vô nghĩa lý này của người bói toán quàng xiên.

Sắc đẹp là trên hết

Cũng như phụ nữ dân tộc Thái Đen và H'Mông Trắng, phụ nữ dân tộc Lào cũng có tục nhuộm răng. Vào một buổi sáng, lúc tôi đã mười tuổi, mẹ gọi tôi đến. Bà giải thích cho tôi rằng đã đến lúc tôi cũng cần nhuộm răng để làm tôn vẻ đẹp của mình và để người đời biết rằng tôi là một cô gái trinh bạch. Tôi vui mừng mà không hay biết rằng thủ tục cứ ba năm phải làm lại một lần này sẽ gây cho tôi không ít phiền toái. Đầu tiên răng của tôi được nhuộm đỏ bằng một lớp bột nhão trát trên mo cau. Tôi phải há miệng, một chiếc đũa tre ngắn giúp tôi xiết chặt hàm lại để lưỡi không còn động đậy được nữa. Ở tư thế như vậy trong mười bốn ngày liền tôi được tiếp thức ăn là các vắt xôi nhỏ được để nguội với nhân đậu xanh.

Sau đó ông bà tôi được mời đến. Đầu tiên họ thì thầm nói mấy lời cầu nguyện, tiếp theo giã phèn đen thành tinh bột trong một chiếc cối đá nhỏ. Lọc qua một lần họ hòa tan bột trong nước, nhúng một tấm vải bông vào đó rồi áp lên răng tôi, trên một lá dừa có hình hàm răng của tôi.

Cho đến sáng hôm sau tôi vẫn ngậm cả hai thứ ở trong miệng. Hàm răng của tôi đau buốt, tôi phải cố

lắm để nhin khóc. Suốt thời gian mẹ tôi để ý sao để không có một người đàn bà nào đang để tang, hành kinh hay có thai nhìn thấy tôi, vì nếu không thì mọi chuyện sẽ xôi hỏng bống không.

Trong lúc đó ông bà của tôi đã đốt các vỏ dừa và giã vụn chúng thành bột. Trát lớp bột này lên răng sẽ tạo ra một độ bóng tuyệt vời, những năm tiếp theo tôi sẽ phải tiếp tục chăm sóc hàm răng bằng một thứ nước sinh tố màu đỏ từ lá trầu, vỏ cau được nhai nhuyễn với vôi.

Cuối cùng thì thủ tục này đã kết thúc, và tôi được giải thoát. Tôi có được những chiếc răng đen bóng. Tất cả đều hài lòng, và đây là điều quan trọng nhất.

Tết cuối cùng

Sau Thảo và Mây mẹ tôi còn sinh một em trai nữa, dưới sự trông chừng của bà ngoại trong túp lều vắng vẻ nơi tôi từng chiến đấu chống lại cơn bệnh đậu mùa. Em tên là Lê, việc chăm sóc em là một trong những nhiệm vụ mới của tôi.

Đầu tháng hai 1940 tất cả gia đình tôi, cùng nhau đón Tết Nguyên đán, một điều thật hiếm có. Đây là lễ đón mừng năm mới theo lịch Trung Quốc, diễn ra sau tuần trăng mới thứ hai sau tiết Đông chí, tức là giữa 21 tháng Giêng và 21 tháng Hai dương lịch. Năm đó là năm Canh Thìn, tức là năm cầm tinh con Rồng.

Ông bà tôi ngồi bên bàn cạnh bố tôi, ông đã trở về nhà. Bố chống đũa chờ mẹ tôi và tôi phục vụ ông cũng như ông bà.

Vào ngày này, khi mọi người có mặt đều đối xử với nhau lịch sự và mềm mỏng một cách chủ ý để tránh “dông” cho cả năm, mẹ tôi đã chuẩn bị những món ăn đặc biệt ngon, mặc dù bà đang bị ốm. Bên cạnh cơm, bắp ngô, khoai lang và món bún có sợi dài biểu tượng cho sự trường thọ, còn có nhiều món thịt và cá nấu với sốt gừng, nấm hương và rau mùi. Trên bàn ăn cũng không thiếu những chén nước mắm nhỏ, một loại nước chấm đặc trưng làm từ cá muối mặn. Món nộm đu đủ trộn hạt sen chả mấy chốc đã hết bay. Phần tôi thì ăn món bánh chưng ngọt – một biểu tượng cho hạnh phúc – đến mức đầy bụng, khiến bà tôi phải khuyên sau đây tôi phải nhảy dây để tiêu hết món ăn. Đỉnh cao của bữa tiệc đối với tôi không phải món tiết vịt tươi luộc, hay món “trứng trăm năm tuổi” dầm muối trong hũ chôn một trăm ngày trong lòng đất. Không, đó là món nhộng đặc sản, giòn ngậy được nuôi trong bóng tối và sau đó sấy khô, bố tôi mang về như là một đền bù cho thời gian ông vắng nhà. Đây là món ăn tuyệt diệu nhất mà tôi từng được biết!

Vào ngày này tôi thật hạnh phúc. Không mấy may có tín hiệu nào cho tôi biết đây là cái Tết cuối cùng mà tôi được đón trong lòng gia đình.

Tương lai của tôi - và tôi cảm thù lũ lợn như thế nào!

Lại một mùa mưa trôi qua. Như thường lệ, chúng tôi đón những trận mưa rào bất chợt, cả nhiều cơn mưa to nổi bong bóng ẩm áp mà lũ trẻ trong làng khoái trá nô đùa và vầy vùng trong đó. Khi trời nổi cơn giông thì chúng tôi chạy ù về nhà, vào những lúc như vậy tôi thấy người lớn thường chụm môi và thổi phù phù, như thể làm thế sẽ đuổi Thần Sấm với các lưỡi tầm sét của ông ta.

Nhờ thuốc lá của ông ngoại mà tôi đều đặn đắp lên ngực mẹ, sức khỏe của bà đã hồi phục. Vết thương há miệng bỗng ngưng xuất hiện trước đó và hành hạ mẹ suốt một thời gian dài nay đã lành. Da bà gần như mịn màng trở lại. Ông ngoại chẩn đoán vết thương này là một thứ “ung thư nữ”. Khác với “ung thư nam”, vết thương này nông và có thiết diện rộng. Ông bắt mẹ ăn kiêng, bởi ông biết dùng loại thực phẩm nào thì có thể tác động đến diễn biến của ca bệnh. Tôi đã quen với việc chăm sóc mẹ và đem từ chợ về cho bà trái cây ngọt hay tôm tươi, mỗi lần như vậy mẹ đều thật vui lòng.

Một ngày tôi từ thị xã quay trở về, trước nhà chúng tôi không có một ai. Mẹ chắc chắn đang đi trên đường cùng với em, tôi nghĩ vậy. Tôi đặt

lần đi chợ xuống gần cửa ra vào. Số tiền bán hàng nhanh chóng được cất vào ngăn kéo phía trên cùng của chiếc bàn lớn, cho đến lúc bố đếm chúng và bỏ vào ống tre tiết kiệm. Tôi đi vào phòng ngủ và ném chiếc nón của mình lên chiếc gối gỗ, từ bên ngoài lúc này có tiếng một con gà mái cục tác inh ỏi đánh thức sự chú ý của tôi. Khấp khởi mong sẽ có một bữa ăn tối thật khoái khẩu, tôi chạy vụt ra ngoài và đuổi theo con gà, dẫn nó một cách thật nhẹ nhàng và nhanh chóng vào một góc vườn. Con gà kéo tôi theo khá xa đến tận mấy bụi tre và xương rồng, ở đó tôi chui vào giữa hai khóm cây và tìm cách tóm lấy nó. Nhưng không được. Tôi giật bắn khi bỗng nhiên nghe có tiếng đàn ông đi lại gần. Tôi nhận ra giọng một người, đó là bố tôi. Giọng thứ hai là của một người đàn ông lạ. Bây giờ thì họ dừng chân và trò chuyện tiếp. Tôi vừa định đứng dậy để chào hỏi thì nghe thấy tên tôi được nhắc đến.

“Vây là mọi việc đã ổn. Bao giờ cái Cúc trưởng thành thì ta sẽ tổ chức đám cưới. Tôi sẽ nhận thừa ruộng, còn con trai của ông sẽ mang đến cho chúng tôi hai con lợn”, bố tôi nói. “Nhất trí! Đất ruộng chỗ đó rất màu mỡ, con trai tôi thì lại chăm chỉ. Nó sẽ thích lắm đấy. Con bé nhà ông quả là xinh”, người đàn ông kia nói.

Nỗi sợ hãi bị phát hiện trong lúc nghe trộm khiến tôi toát mồ hôi lạnh khắp sống lưng, lần đầu

tiên tôi cầu khẩn tổ tiên xin để con gà mái đang cúi đầu im lặng cách tôi không xa đừng làm tôi bị lộ.

“Nào, ta phải uống mừng thôi. Mời ông đi theo tôi, tôi có rượu rum ở nhà” Bố tôi và người đàn ông lạ bỏ đi một lúc lâu rồi mà tôi vẫn còn nằm bết trên mặt đất, hai bàn tay ôm lấy đầu. Bầu không khí ngột ngạt hơn mọi khi giờ dường như đã trở nên quánh đặc. Tôi không thể tin được về những gì mình vừa nghe thấy. Ngay vừa mới đây bố tôi đã đánh đổi tôi, con gái đẻ của ông, lấy một thửa ruộng và hai con lợn! Và với một người lạ hoắc! Thì ra tương lai của tôi sẽ là như vậy... Con gà mái và tôi nhìn vào mắt nhau, và dường như con vật cũng đồng cảm với tôi, nó tiến lại gần hơn. “Đằng ấy không định bắt tớ nữa ư?”, ánh mắt của nó dường như muốn hỏi tôi vậy. Bây giờ thì tôi có thể dễ dàng bẻ quặt cổ nó, nhưng tôi đã tha mạng cho nó.

Tôi đi thật chậm rãi về nhà. Các em gái của tôi tíu tít chạy về hướng tôi. Lê, em trai út của tôi, nằm khóc trong vòng tay mẹ. Không chỉ vì em bị ngã dúi vào bếp và bị nước canh nóng làm bỏng đít, mà vì anh cả của tôi còn đánh đòn nó thêm do tội làm đổ nồi canh xuống đất. Anh ta trừng phạt nó bằng cách dùng lưỡi mác chém vào gót chân của thằng bé. Mặc dù trong một khoảng khắc nghĩ việc một đứa con trai cũng bị trừng phạt là một điều công bằng, tôi cho rằng hình phạt khốc liệt này là hành động của một kẻ vũ phu độc ác và tàn

bạo, có quyền hành hạ người khác và thưởng thức sự hành hạ này.

Cổ đẩy ứ, tôi cố ăn một chút gì đấy. Tôi đợi cho tới lúc mẹ một mình rồi đi đến chỗ bà. Hẳn mẹ sẽ an ủi, giải thích mọi điều và giúp đỡ cho tôi.

“Hôm nay con nghe thấy là con sẽ bị gả cho một người đàn ông lạ. Tại sao lại như vậy hả mẹ?”, tôi hỏi nhỏ.

“Nhưng phải hai, ba năm nữa cơ mà”, mẹ tôi trả lời một cách ngạc nhiên, nhưng bình tĩnh. “Bố đã tìm cho con một mối tốt. Khi đã trưởng thành thì con sẽ phải thành lập gia đình, đó là chuyện thường tình.”

“Chuyện thường tình ư?”, tôi hét lên. “Con có quen biết gì người đàn ông này đâu. Con đâu có yêu anh ta! Con không không muốn lấy anh ta! Bố mẹ đã dễ dàng đánh đổi con chỉ để lấy một mảnh ruộng và hai con lợn! Con không muốn như vậy!”

“Mẹ biết. Rồi con phải làm quen với điều này thôi. Cả mẹ cũng được gả cho bố, mặc dù lúc đó mẹ có biết bố là ai đâu. Và bây giờ con xem, tất cả đều đã ổn đấy chứ”, mẹ nói. Tôi cố tìm trong ánh mắt mẹ một tia đồng cảm, nhưng chỉ thấy sự cam chịu.

Vào khoảng khắc mà mẹ nói điều này tôi có cảm tưởng như mình đã bị cưỡng đoạt ý chí và già đi nhiều tuổi, tuy nhiên trước khi tôi kịp trả lời mẹ thì bà đã bỏ tôi đứng đó một mình. Toàn bộ sự cam hờn bỗng nhiên dồn về bố tôi, người đàn ông xa lạ và tất cả loài lợn trên thế gian này!

Họa vô đơn chí

Vào những tuần tiếp theo chúng tôi không nói gì về việc này nữa. Thông qua công việc tôi tìm cách lãng quên và xua đuổi ý nghĩ về điều này bằng cách chơi lâu hơn với Lê. Tôi thử hình dung làm mẹ thì sẽ như thế nào khi bế đứa con trên tay, nhìn thấy nó cười và vui sướng. Biết đâu mọi chuyện sẽ không đến nỗi tồi tệ?

Mấy ngày sau, lúc ở nhà, tôi nghe tiếng mẹ cãi nhau với bố, điều mà bà chưa bao giờ làm. Khi đến gần tôi nghe thấy bố dồn ép mẹ cho tôi đi cùng ông trong chuyến đi săn sang phía Bắc Lào sắp tới. Lần đầu tiên tôi chứng kiến mẹ nổi giận.

“Nó còn quá bé”, mẹ nói một cách cương quyết. “Ông hãy để nó ở nhà với tôi! Chúng tôi cần có nó ở đây.” Bố tôi tìm cách thuyết phục bà thêm mấy lần nhưng không có kết quả. Lần đầu tiên mẹ tôi đã kháng cự - vì tôi! Đây là một điều mới mẻ!

Rốt cuộc thì bố đã nhượng bộ. Tôi làm như mình không nghe thấy gì. Tôi ngạc nhiên là bố lại muốn mang tôi theo trong chuyến đi này. Nhưng tôi còn ngạc nhiên hơn nữa về sự phản kháng quyết liệt của mẹ tôi.

Một vài ngày sau có ba người đàn ông đến đón bố đi. Chúng tôi nhìn ông chất các dụng cụ đi săn quen thuộc lên xe của họ rồi ngồi vào chỗ. Ông lên đường cùng với họ, và như mọi lần, không hề có một lời giã biệt.

Chỉ ít tuần nữa là đến mùa gặt lúa tháng Mười. Bố vẫn chưa quay trở lại. Hai anh trai tôi đi vào thị xã, mẹ và tôi thì ở nhà đánh vẩy mấy con cá vừa đánh bắt được bằng dao sắc. Các em tôi đang tìm cách châm bếp lửa thì có hai người đàn ông lạ tiến đến gần nhà và dường như muốn gặp chúng tôi.

“Chúng tôi đến đây để đòi tiền nợ của chồng bà”, một trong hai người đàn ông nói cộc lốc, chẳng hề chào hỏi gì trước đó.

“Tiếc là chồng tôi không có nhà”, mẹ tôi trả lời một cách hòa nhã, mặc dù rất ngạc nhiên. “Ông ấy..”

“... đã chết ở Lào rồi!”, người đàn ông lạnh lùng nói tiếp hết câu. “Ông ta và những người khác đã bị đột kích trong chuyến đi. Ở phía Bắc đang có bạo loạn. Tất cả đều bị chết. Và bây giờ thì chúng tôi đến đòi lại tiền.” Mẹ đánh rơi con cá xuống đất và ngơ ngác hỏi: “Chết ư?” Bà nhìn tôi. Tôi có thể đọc được ý nghĩ của mẹ. Chỉ suýt nữa thì tôi cũng đã đi theo cùng bố. Liệu có phải mẹ đã có một mối linh cảm? “Vậy các ông muốn đòi tiền gì?”

“Tiền ông ta đánh thua khi chơi bài ba quân”, người đàn ông còn lại trả lời, rồi họ bước vào nhà. Họ lục lọi và tìm thấy tiền tiết kiệm của chúng tôi cất trong một tráp gỗ đợi đến lúc đổi thành vàng. Họ cắp theo chiếc tráp gỗ mà không thèm đếm xỉa đến tiếng khóc của mẹ tôi và lời cầu khẩn của ông bà tôi vừa đổ xô đến. Họ biến nhanh như cát và không nói một lời, hết như lúc đến.

Tất cả chúng tôi đều đứng ngây người và bất lực, tôi không thể tin được là giờ đây mình không còn bố nữa. Tôi không khóc, bởi trước khi nổi buồn có thể chạm vào đến tim thì cảm giác sợ hãi trước người chủ mới của gia đình đã xâm chiếm hết tâm trí của tôi.

Ít mà nhiều

Ngoại trừ mẹ và bà chẳng có ai trong chúng tôi khóc vì cái chết của bố. Như đã dự đoán, anh cả của tôi ngay lập tức thể hiện quyền uy của mình với tư cách ông chủ gia đình một cách đầy khoáng chí. Đám trẻ con chúng tôi làm công việc của mình không chút kêu ca, với hy vọng sẽ không bị anh ta đánh đòn.

Ông bà của tôi khuyên mẹ mang giấy tờ của bố ra thị xã làm đơn xin tiền tuất, ít nhất để chúng tôi có một khoản tiền nào đó sống qua ngày. Tôi được phép đi cùng mẹ, bởi tôi thuộc đường ở thị xã hơn bà.

Thị xã Hà Tĩnh nhộn nháo hơn mọi khi. Trên đường phố chỉ có ít người qua lại, họ tỏ ra sợ sệt, lính Pháp lái xe tải hấp tấp chạy tới chạy lui. Chúng tôi phải đi vào một doanh trại Pháp. Một người đàn ông da đen đứng ở cửa bập bẹ giải thích cho chúng tôi cách tìm đến chỗ có thẩm quyền, đường đi nghe chừng phức tạp. Một người đàn ông châu Âu dáng vẻ hòa nhã, thường xuyên dùng một chiếc khăn bông

trắng lau mồ hôi mặc dù quạt gió đang chạy, kiên nhẫn lắng nghe, vừa nghe vừa gật gù, câu chuyện ngắn của mẹ tôi do một người lính Annamit đứng gác ở cửa dịch sang tiếng Pháp. Khi bà nói xong, ông ta xem qua mớ giấy tờ có đóng dấu của bố tôi rồi gặt sang một bên với vẻ khinh khỉnh, ít nhất là theo cảm nhận của tôi. “Vâng. Chồng của bà đã phục vụ trung thành cho mẫu quốc trong hai mươi lăm năm. Thật tội nghiệp là ông nhà không còn nữa. Nhưng tiếc là chúng tôi không giúp được gì cho bà”, người lính trẻ dịch lại. “Nhưng mà xin ông xem đây, đây là giấy tờ, con dấu... Ông ấy thậm chí đã mất hai ngón tay khi chiến đấu”, mẹ tôi nói như vậy và đưa giấy tờ cho người đàn ông trẻ.

Với giọng nói điềm tĩnh và lạnh lùng, viên công chức nói tiếp: “Chồng bà chưa bao giờ có quyền hưởng hưu trí, và như vậy gia đình ông ấy cũng không. Ông ta là người Annamit.”

Mẹ tôi có vẻ không hiểu điều mà người đàn ông nói. Bà chờ đợi một lời giải thích tiếp theo.

“Chồng bà là lính tình nguyện”, người lính trẻ nhấn mạnh chữ “tình nguyện”. “Lính tình nguyện người Annamit đối với chúng tôi không có quyền gì hết. Điều này có nghĩa là bà sẽ không được hưởng một chế độ nào cả.”

Người đàn ông đứng dậy, khẽ chào chúng tôi trước khi đi ra ngoài. Mẹ thu gom đăm giấy tờ lại. Bà già đi trông thấy. Vào ngày này tôi học được một

điều: Một người đàn bà Annamit chẳng là gì so với một người đàn ông Annamit, nhưng so với một người Âu châu thì một người đàn ông Annamit cũng vô giá trị như chính một người đàn bà.

Một ngày được tổ tiên phù hộ

Mặc dù mẹ không một lời phàn nàn tôi vẫn cảm nhận được bà buồn bã như thế nào. Tôi chỉ chờ một dấu hiệu từ mẹ để có thể an ủi bà, để một nụ cười sẽ làm gương mặt của bà rạng rỡ trở lại, nhưng vô vọng. Vào một ngày tôi đang đứng phơi quần áo phía sau nhà, trong lòng ngổn ngang bao ý nghĩ, thì bỗng nhiên có một loạt xe vận tải quân sự chạy vào làng. Tôi nghe tiếng đàn bà la hét và tiếng trẻ con khóc. Những giọng đàn ông cục cằn ra lệnh bằng một thứ tiếng xa lạ. Tôi bỏ lại mọi thứ và chạy đến chỗ mẹ. Quân đội Nhật Bản đã đột nhập vào làng của chúng tôi.

Trong chớp nhoáng mọi người dân đã bị dồn lại bằng vũ lực tàn bạo. Một cụ già bị chém đầu bằng kiếm vì dùng một chiếc muôi gỗ huơ lên tự vệ. Đa số người lớn và trẻ em, trong đó có người nhà của tôi, quỳ gối xuống đất, cúi đầu và chấp tay lạy xin tha mạng sống.

Đám lính tráng đẩy về hung dữ. Vẻ mặt của họ khiến tôi liên tưởng đến mặt của những con trâu lên

cơn điên. Một người lính nói to bằng tiếng Việt rằng Nhật Bản đã chiếm nước của chúng tôi. Nông dân chúng tôi không được phép kháng cự và phải nộp cho quân đội Nhật Bản toàn bộ lương thực dự trữ, nếu không làng chúng tôi sẽ bị phá huỷ. Đám lính sau đó tản ra, đi vào từng nhà và cướp bóc các gian nhà kho.

Các anh chị em tôi tiếp tục quỳ gối trước sân và theo dõi diễn biến sự việc mà không dám cự mình. Mẹ thì đi theo hai người lính vào nhà. Tôi đi theo sau. Một trong hai người lính lấy hết các dự trữ cá, thuốc Lào và gạo của chúng tôi từ gian kho, người kia thì dùng dao bửa ống bương chứa tiền tiết kiệm. Khi mẹ tìm cách van xin, người này đâm vào mặt bà và đoạt lấy những gì mà ông ta muốn. Mẹ ngã xuống đất và nằm khóc ở đó. Tôi không dám đến chỗ mẹ và đứng lặng như bị tê liệt.

Với bao gạo cuối cùng của gia đình tôi trên vai và các thực phẩm dự trữ khác trên tay, người lính Nhật đầu tiên im lặng rời khỏi ngôi nhà của chúng tôi. Người thứ hai vừa đi qua chỗ tôi thì bỗng nhiên quay ngoắt lại. Y nhìn tôi từ đầu đến chân. Hoàn toàn bất ngờ, bàn tay cứng như sắt của y tóm chặt vai phải của tôi, khiến tôi rùng mình khiếp sợ. Với một thứ tiếng Việt lơ lớ, y hét lên: “Con này! Đi theo chúng tao!”

Không suy nghĩ gì, tôi kháng cự một cách quyết liệt và đẩy người đàn ông ra khỏi người bằng cách

cào cấu vào bàn tay y. Tôi thấy lòng trắng mắt của y vằn tia đỏ. Y tức giận rút lưỡi lê, đâm thẳng vào người tôi. Trong giây lát, tôi cảm thấy lưỡi kim loại lạnh thọc qua làn da, xuyên sâu vào bụng rồi lại được rút ra.

Theo bản năng, tôi nhắm nghiền mắt lại, gập người về phía trước và ngã xuống đất, giả chết. Tôi hy vọng rằng hung thủ sẽ rời đi, và y cũng bỏ đi thật.

Thời đen tối

Cuộc đột kích trôi qua. Nằm trên vũng máu tôi nghe tiếng kêu la, khóc lóc và nguyên rửa trộn lẫn vào nhau ở phía bên ngoài. Anh chị em tôi đi vào nhà và đỡ mẹ đứng dậy, mặt bà đầm máu. Mẹ đến ngay chỗ tôi, trước khi kịp nhìn thấy vết thương của tôi, mẹ đã cho cho gọi ông ngoại sang.

“Các con kiếm thật nhiều mạng nhện mang về đây!”, ông hạ lệnh một cách bình tĩnh, nhưng dứt khoát với đám trẻ. “Phải cầm máu lại ngay!” Mặc dù vết đâm sâu, dường như không có một cơ quan nội tạng quan trọng nào bị tổn thương.

“Con đã gặp may, nhờ tổ tiên”, ông ngoại nói và thận trọng kéo chiếc áo của tôi qua đầu. Lũ trẻ quay trở về với các túm mạng nhện vừa nhanh chóng gom được trên tay. Ông ngoại lần lượt xếp các lớp mạng nhện lên vết thương. Vết thương đau rát,

nhưng ánh mắt nhìn tự tin của ông khiến tôi yên lòng. Tôi tin cậy ông và biết là ông sẽ chữa lành vết thương cho tôi. Từ hôm đó, mỗi ngày nhiều lượt, ông đến nhà để băng cho tôi. Khi đã khoẻ hơn, tôi tận dụng cơ hội để hỏi ông về thành phần các loại thuốc cao của ông.

Sau một vài tuần tôi đã có thể đứng dậy, bụng vẫn còn bị băng, để hỗ trợ cho mẹ trong những công việc hàng ngày.

Kho bếp vẫn trống rỗng, mùa thu hoạch lúa chẳng đủ cho tất cả các miệng ăn. Nhiều người trong làng quyết định tạm thời bỏ nhà cửa đến sống ở nhà bà con cho đến khi tình hình ổn định trở lại.

Vào thời gian này có nhiều người từ ngoài Bắc và trong Nam đi qua làng chúng tôi và kể lại cho dân làng nghe những tin tức mới nhất về tình hình trong nước. Nhật Bản, với quân đội hùng mạnh của mình, đã thiết lập căn cứ chiến lược trên phần lớn lãnh thổ Đông Dương, qua đó áp đặt sự hiện diện của mình đối với chính quyền thuộc địa Pháp. Cho dù những kẻ chiếm đóng chấp nhận hệ thống hành chính đang có, điều đó không ngăn cản họ bắt giữ người Pháp, người Việt và đưa họ lên vùng núi. Đồng thời, đối với thường dân, dường như ít có gì thay đổi, Hoàng đế của chúng tôi vẫn tiếp tục tại vị. Thế giới đối với chúng tôi như vậy dường như vẫn ít nhiều yên ổn. Tuy nhiên chúng tôi cũng có nghe về một vụ khởi nghĩa do Đảng Cộng sản khởi

xướng ở phía Nam bị đàn áp đẫm máu và về nhiều vụ nổi dậy ở phía Bắc nhằm chống lại hai thế lực chiếm đóng, người Pháp và người Nhật. Liên tục có những gia đình đến lánh nạn ở làng của chúng tôi, họ còn giữ được mạng sống thật nhưng đã mất hết mọi thứ khác.

Kiểm được cái ăn đối với chúng tôi lúc đó còn quan trọng hơn là việc để tâm đến các sự kiện này. Chúng tôi cùng khổ đến mức phải đi bắt sâu bọ sống dưới các vỏ cây rồi sau đó nướng chúng qua quýt để ăn.

Những con lợn được báo trước

Giai đoạn khốn khó khiến anh cả của tôi phải tạm dừng việc đi học, may mắn thay chỉ kéo dài mấy tháng. Tôi nhận thấy anh đã trở nên cáu bẳn như thế nào vì việc này. Sau đó cuộc sống của chúng tôi bình thường trở lại. Như mọi khi mẹ gánh nước từ sông lên, dùng khăn vải để lọc rồi rót vào hai can lớn bằng kim loại. Chúng tôi dùng nước này để nấu cơm và nấu nước chè. Rau quả có trở lại, ông ngoại còn cung cấp thêm cho chúng tôi thịt và tôm để nấu canh ăn với cơm. Sau này anh Hòe còn tham gia đi săn cùng với những nam thanh niên khác, và khi lần đầu tiên họ khiêng về một con hoẵng bắn được, cả nhà đã reo lên hoan hỉ.

Lũ con gái chúng tôi thường đi vào bìa rừng kiếm củi. Một ngày khi chúng tôi quay trở lại, có một người đàn ông lạ đứng cạnh anh cả, tay chỉ về hướng tôi. Hai người đàn ông đi vào nhà chúng tôi và mở một chai rượu rum. Tôi chuyển dần mớ củi vừa kiếm về lên nhà, trong lòng thấy bất an. Máu trong huyết quản của tôi như bị đông lại khi tôi nhận ra người đàn ông lạ mặt: Ông ta chính là người mà tôi đã có lần nghe trộm khi nói chuyện với bố tôi – tôi đã được hứa gả cho con trai của ông ta!

Anh tôi theo tiễn ông ta một đoạn và tỏ ra vô cùng mãn nguyện khi quay trở lại.

“Lại đây”, anh ta gọi tôi khi vào đến nhà. Đây căng thẳng, tôi đi đến chỗ anh, với hy vọng không bị nhận ra là mình đang bị run rẩy.

Anh ngồi xuống. Tôi đứng yên.

“Mày biết đấy, nhà ta đang gặp khó. Anh chẳng thể lo được hết cho mọi người. Vì vậy mà tao đã quyết định làm lịch cưới của mày sớm hơn. Gia đình chồng mày thật tốt bụng và đã đồng ý rước dâu về sớm hơn. Trước mùa mưa các cụ sẽ nhuộm lại răng cho mày, và sau khi nhận đồ lễ cưới, mẹ và anh sẽ đưa em đến nhà người ta. Tháng Mười sẽ làm lễ cưới. Mọi chuyện là như vậy, bây giờ thì mày đi đi!” Nói xong anh ta vớ lấy một cuốn sách với vẻ ngạo mạn và bắt đầu đọc, không thèm đếm xỉa gì đến tôi nữa. Trên môi anh ra thấp thoáng một nụ cười.

Hoàn toàn lặng lẽ, tôi rời khỏi căn nhà. Tôi đã hết run và bình tĩnh một cách lạ thường. Chỉ trái tim tôi là trĩu nặng như đá đè, đến mức không còn cả chỗ cho sự cảm hờn. Trước ngày sinh nhật lần thứ mười hai của tôi, hai con lợn đã hứa sẽ được mang đến, và một người đàn ông lạ hoắc sẽ cưới và chiếm đoạt tôi làm vợ.

Quyết định

Tôi quay lại ngay với việc nhà, liếc thấy qua đuôi mắt mẹ đang bận rộn chế biến hai con bồ câu rừng cho bữa ăn tối. Trước mâm cơm, anh cả tôi lại sẽ lăn xả vào những miếng ngon như một con thú dữ và chỉ chừa lại cho mấy anh em chúng tôi phần đầu và cánh. Còn mẹ thì, lặng lẽ như mọi lần, sẽ ăn phần thức ăn còn sót lại của chúng tôi.

Hình dung rằng mình sẽ sống cuộc đời của một người đàn bà nhẫn nhục như mẹ vượt quá sức chịu đựng của tôi, và ngay trong buổi tối hôm đó, khi mọi người đã ngủ say, tôi đã đi đến một quyết định. Tôi sẽ bỏ trốn.

Còn hai tuần nữa mới đến rằm, vầng trăng khuyết còn chênh chếch ở phía cuối trời. Chẳng mang theo một thứ đồ đạc gì, tôi băng chân trần qua đêm về hướng Bắc, bụng chứa đầy hờn tủi và không hề ngoái mặt lại một lần. Trước khi rạng đông hiện

lên, có đôi vợ chồng già cho tôi ngồi lên chiếc xe kéo của họ, trên xe có mấy con gà, một chiếc bàn và hai chiếc ghế, toàn bộ gia sản của họ.

Họ không chất vấn tôi và để cho tôi ngủ cho đến khi xe tới Vinh vào buổi chiều. Tôi quyết định ở lại đây. Tôi nhảy xuống đất, cảm ơn và vẫy theo đôi vợ chồng già cho đến khi họ đi khuất.

Ở Vinh tôi đi từ nhà nọ qua nhà kia để tìm việc làm. Tôi kể với mọi người rằng mình đang trên đường đi tìm người bố bị thất lạc và cần có việc để sống qua bữa và đi tiếp.

Người ta khuyên tôi đến thử vận tại cửa hàng bán đồ trang sức. Ở đó một người phụ nữ trung niên với thái độ thân thiện nhận tôi làm người ở. Tôi có nhiệm vụ giặt và là ủi quần áo cho bà ấy, bà không trả lương, nhưng mỗi ngày cho tôi một bữa ăn nóng. Tôi còn phải đi lấy nước sạch ở một ao nhỏ ở gần đấy.

Vào sáng hôm sau tôi bắt đầu với những công việc nhẹ nhàng này. Sau vài tiếng đồng hồ tôi đã xong việc và được phép rời khỏi nhà để đi ngắm nghĩa phố phường. Mọi người theo đuổi công việc của mình như thường lệ. Lần đầu tiên tôi thấy một người lấy ráy tai chuyên nghiệp, ông ta lanh lảnh rao chào dịch vụ của mình, trên tay cầm một que gỗ dài và mỏng. Tôi cũng nhìn thấy nhiều trẻ em chơi trên đường phố, chúng khiến tôi nhớ gia đình. Nhưng tôi gạt các hồi ức của mình sang một bên. Tự do, đó là một cảm giác thật mới và đẹp đẽ!

Giá trả cho nỗi nhớ

Tám ngày trôi qua. Bà chủ hài lòng với công việc của tôi, và tôi được ăn uống đầy đủ. Nhưng đồng thời tôi lại cảm thấy một nỗi nhớ nhà không thể tả trào lên trong lòng. Tôi thật nhớ các em gái và em trai Lê của tôi, tôi hình dung chúng ngủ thiếp đi trong căn phòng ngủ chung của chúng tôi như thế nào. Tôi thấy nét mặt dịu hiền của mẹ và tìm cách hình dung về mùi hương tóc, làn da mềm mại của bà. Tôi sợ rằng mình sẽ quên tất cả những điều này.

Bà chủ của tôi mỉm cười thông cảm, khi tôi nói với bà rằng mình muốn quay trở về nhà. Trước khi chia tay vào sáng sớm, bà còn nấu cho tôi món mì nóng và cho tôi hai bánh chưng để đi đường. Bà xoa đầu tôi khi tôi lên đường, cử chỉ này khiến tôi liên tưởng nhiều đến mẹ và càng củng cố thêm cho quyết định trở về của mình.

Tôi gặp may: Người tài xế một chiếc xe vận tải quân sự từ Hà Nội chở hàng tiếp viện cho một căn cứ ở Đà Nẵng dừng xe khi thấy tôi vẫy và cho tôi đi cùng. Đến Hà Tĩnh tôi xuống xe và chạy về nhà.

Lúc ấy đã gần trưa. Các em tôi chơi trên sân trước nhà với các vỏ dừa và bỏ rơi mọi thứ khi nhìn thấy tôi, chúng ào đến bám vào cổ tôi. Mẹ là người đầu tiên từ trong nhà đi ra. Trong đôi mắt sáng ngời hạnh phúc của mẹ tôi nhận ra mình đã làm bà đau khổ như thế nào và tôi bật khóc. Tôi nuối tiếc vì đã

khiến bà bị tổn thương, nhưng cũng thật sung sướng vì cuối cùng đã phát hiện được một sự bày tỏ cảm xúc nơi bà.

Bây giờ anh trai cả từ trong nhà đi ra và tiến thẳng đến chỗ tôi. Không nói một lời, anh ta đâm thẳng vào mặt tôi, cú đâm mạnh đến mức tôi ngã gục xuống đất. Dưới ánh mắt của tất cả mọi người, anh ta túm tóc tôi và kéo tôi xềnh xệch trên nền nhà, tôi cảm thấy đầu gối bị đất đá xé toạc.

Như bố từng làm ngày trước, anh cả buộc tóc tôi vào chân giường, giật phăng chiếc áo mỏng khỏi lưng tôi trước khi đi lấy chiếc hèo tre. Sau đó anh ta đánh tôi tóe máu. Mỗi một cú đánh kéo tôi về gần hơn với thực tại, với thể giới bạo tàn của tôi. Mỗi một cú đập khiến tôi ý thức rõ ràng hơn chỗ của tôi không phải ở đây, không thể còn ở đây được nữa. Chính tôi cũng ngạc nhiên rằng mình đã không la hét, không khóc lóc. Tôi cảm thấy có một nguồn sức mạnh nội tại ngăn cản mình làm việc đó và có lẽ điều này đã khiến anh cả càng trở nên tức giận hơn.

Khi không còn sức để đánh nữa, anh ta ném chiếc hèo tre vào mặt tôi, giọng thều thào rít lên: “Lần sau thì tao sẽ giết mày!”

Tôi nằm liệt giường mười ngày liền, khắp cả mình mẩy sưng tấy. Tôi nuôi dưỡng sự căm hờn, còn mẹ thì chăm sóc tôi, không hề nói một lời như mọi khi.

Giã biệt

“Nếu thế giới ngoài kia không còn muốn
lắng nghe ta, ta hãy xây dựng một thế giới
cho riêng mình và hãy cầu nguyện để đừng
kẻ nào có thể hủy hoại nó!” (Loan)

Vào một buổi sáng tinh mơ hai anh trai của tôi lên đường đi Sài Gòn. Chúng tôi cảm nhận thấy những hơi gió ẩm nóng đầu tiên, báo hiệu cho mùa mưa sắp đến, khi bà ngoại cho biết sáng mai bà sẽ nhuộm răng lại cho tôi. Trong thâm tâm tôi khước từ việc trở thành một người phụ nữ trưởng thành. Tôi cảm ghét cơ thể của mình và cầu mong tổ tiên không cho phép các nét mặt của mình trở nên tinh tế hơn.

Trong những tuần lễ cuối hình ảnh cơ thể sùi vầy, biến dạng của mình khiến tôi càng thêm củng cố ý định sẽ bỏ nhà ra đi. Lần này thì tôi chắc chắn là mình sẽ thành công hơn. Tuy nhiên, tôi không muốn ra đi mà trước đó không từ biệt mẹ.

Tôi tìm thấy mẹ trong vườn, bà đang nằm thiu thiu ngủ dưới bóng râm của rặng cây ăn quả. Nét mặt của bà thư giãn một cách hiếm hoi. Trông bà thật đẹp. Tôi đặt đầu lên ngực bà, mắt vẫn nhắm bà đưa tay vuốt ve tóc tôi.

“Mẹ ơi, con đến để chào mẹ. Con muốn đi khỏi nhà, lần này sẽ đi hẳn...” Không hề run rẩy, tôi nhỏ nhẹ nói những lời này.

Mẹ ngồi dậy, bình tĩnh, nhìn sâu vào mắt tôi, dường như với hy vọng tìm thấy trong đó một lời nói dối. Tâm hồn tôi có thể cảm thấy cái nhìn dò xét của bà. Những lời nói của bà chấm dứt khoảng khắc kéo dài này.

“Nếu con nghe được những tiếng gọi từ tương lai của mình mách bảo thì con hãy đi theo chúng. Mẹ vẫn biết rằng con không bao giờ chịu khuất phục. Những lúc chúng kiến sự bướng bỉnh của con là mẹ thấy lại chính mình thời tuổi trẻ. Giờ thì mẹ không sao có được sự can đảm này nữa, bởi mẹ quá yếu ớt. Mẹ hiểu con. Con có lý, con hãy đừng lặp lại con đường của mẹ. Con hãy như một con chim trời, con hãy bay thật xa như có thể! Ngày ngày mẹ sẽ cầu nguyện tổ tiên phù hộ cho con. Nếu đến một ngày mà con cảm thấy đã chắc chắn thành công thì con hãy cho mẹ biết! Mẹ sẽ chờ. Con gái yêu, còn một điều nữa, con nhớ đừng quên để bảo trọng tính mạng: Từ bây giờ con phải sống như một đứa trẻ mồ côi, không còn người nhà. Nếu có ai hỏi thì con hãy nói rằng mình không có gia đình nữa, để không ai có thể lần theo tung tích của con được. Anh trai của con đi về phía Nam, vậy thì con hãy đi về hướng Bắc.”

Tôi nghĩ rằng cả hai chúng tôi đều muốn việc chia tay diễn ra một cách ngắn ngủi để không bị sụp

đổ dưới gánh nặng của khoảng khắc này. Chúng tôi không khóc. Mẹ lại nằm xuống và nhắm mắt lại, để tôi không thể đọc cảm xúc của bà, sợ có thể làm thay đổi quyết định của mình.

Tôi quay người bước đi, chỉ lưu giữ lại ký ức này. Tôi còn cảm thấy cái nhìn trù mến của mẹ sau lưng, cho đến khi hoàng hôn đổ xuống. Tôi cuốc bộ đi tới tương lai của mình. Ngày đó tôi vẫn chưa tròn mười hai tuổi.

C h ư ơ n g
h a i

Cuộc chiến bất phân thắng bại

Bảo trọng

Vào mùa mưa khắp nơi đầy bùn lầy. Xe đạp, xe kéo và xe ô tô chạy ngang qua tôi có nhiều lúc phải chạt vật lấm mới tiến lên được phía trước. Từ đầu cuộc trốn chạy tôi đã quyết định làm sao tránh đi trên đường cái quan. Do sợ hãi trước các toán quân Nhật Bản đi qua có thể xâm hại đến mình, và cũng là để đề phòng trường hợp anh cả quyết định truy đuổi, tôi luôn chọn các con đường phụ nếu được.

Tôi ăn trái cây hái dọc đường, ngủ trên các cánh đồng. Tôi thậm chí mong không gặp phải các con vật có nọc độc. Như thường lệ, tôi tắm rửa dưới các trận mưa rào, uống nước âm ẩm đọng trên lá cây, sau khi đã xem xét kỹ ở đó không có đĩa vắt bám.

Sau hai ngày, khi nhận ra ở vùng địa phương này hầu như chỉ có các gia đình đi lại với các xe kéo chở đồ, tôi quyết định bám theo họ. Đi xe tốt hơn là đi bộ. Thỉnh thoảng tôi xin được đi nhờ, mỗi lần đều nói mình là trẻ mồ côi, như mẹ đã dặn. Tôi đã thành công: Gần như lần nào tôi cũng được cho đi nhờ.

Đi quá Vinh một đôi vợ chồng có ba đứa con nhỏ dành cho tôi một chỗ trên xe. Họ xuất thân từ vùng ngoại ô kinh đô Huế và đang trên đường đi ra người nhà ở Hà Nội. Họ kể cho tôi nghe những trải nghiệm tệ hại với hiến binh Nhật, còn được gọi là “Kempeitai”, đám quân tàn bạo này sau khi cướp bóc ở các làng quê của chúng tôi lại đi tiếp về

hướng Nam và còn gây ra ở đó nhiều tai ương hơn nữa. Đôi vợ chồng là người theo Công giáo, và bởi vì tôi không hiểu Thiên giáo giáo là gì, họ đã giải thích ngắn gọn cho tôi hiểu về tôn giáo của họ. Họ chia sẻ cùng tôi phần lương thực eo hẹp của mình một cách hiền nhiên, và trong khi cùng chung sức kéo chiếc xe khỏi các vũng bùn để trợ lực cho con bò kéo, họ kể cho tôi nghe nhiều hơn về thời sự chính trị. Hình dung của tôi về tình hình của đất nước đạo đó còn rất phiến diện. Tôi chỉ linh cảm được rằng mình phải gặp rất nhiều may mắn để có thể tai qua nạn khỏi.

Vào buổi tối chúng tôi luôn dừng xe bên vệ đường để ngủ, thường có nhiều chiếc xe đạp thổ hàng không đèn vượt qua chỗ chúng tôi. Tôi nằm cạnh ba đứa bé ngủ kề bên nhau. Sương mù lạnh giá luôn qua làn áo vải bông của tôi, tôi thật vui mừng vì không còn phải lúi thúi một mình.

Ngôi nhà của bố mẹ mà tôi đã bỏ lại sau lưng giờ hiện lên trong tâm trí tôi như một ảo ảnh xa vời. Tôi cố không nghĩ đến nó. Tôi sợ sẽ bị nỗi buồn xâm chiếm và sẽ quay bước trở về.

Thử một lần

Chúng tôi đi qua nhiều làng mạc nhỏ. Có những nơi hầu như không thấy một bóng người, có những nơi

thì cuộc sống lại diễn ra náo nhiệt. Lợn, gà, vịt thả rông, có lúc chạy lẫn vào người. Khi đến một làng ở phía Nam thành phố Nam Định, chặng hành trình tiếp theo, chúng tôi nghe tiếng người phát ra từ chiếc loa do hai người đàn ông cầm trên tay đứng ở giữa làng. Họ kêu gọi các nhóm người dân đứng tùm ba tùm tư ở xung quanh tham gia phong trào chống Pháp và chống Nhật, thế lực xâm lược mới đã chiếm giữ các vị trí chiến lược ở miền Bắc và hiện đang tiếp tục xâm lấn miền Nam. Hai người đàn ông diễn thuyết với giọng nói hùng hồn về độc lập và quyền của nhân dân An Nam, khi họ kết thúc và lên xe đạp đi tiếp, đoàn người giải tán. Chỉ có một số ít đứng lại và cùng nhau thảo luận.

Chúng tôi mua một ít lương thực dự trữ và tiếp tục chuyến hành trình. Bởi vì tôi không biết chính xác mình sẽ chọn thành phố nào để làm nơi trú ngụ đầu tiên, đôi vợ chồng sẵn lòng nhận tôi làm con nuôi. Ở nước tôi, chỉ cần người muốn nhận con ngõ lời và có sự đồng tình của đứa trẻ thì ngay từ lúc đó đứa trẻ sẽ được gia đình và nhà chúc trách công nhận là thành viên mới của gia đình mà không cần một thứ giấy tờ nào. Tôi do dự một lát. Tôi bị giằng xé bởi những suy nghĩ trái ngược nhau. Cho dù trong thâm tâm thật thèm muốn có được hơi ấm của gia đình và vừa được tận hưởng tình cảm ấm áp đó trên bao cây số của chặng đường vừa trải qua, cuối cùng tôi đã từ chối. Tôi cảm thấy mình vẫn còn quá hoang

mang. Và như vậy, tôi đã quyết định chia tay với gia đình ân nhân ở chợ Nam Định. Họ tỏ vẻ buồn bã và đi tiếp, trước đó không quên ban phước lành cho tôi. Tôi đã chọn thành phố này một cách bột phát, với ý nghĩ loé lên trong đầu là sẽ đến thăm cô tôi ở đây. Bà thường sống ở Nam Định khi tìm được công việc ở đó. Rốt cuộc thì tôi đã đi một khoảng cách đủ xa với nhà và cảm thấy trong lúc này rất cần có một điều gì đó gợi nhớ lại về gia đình. Tim đập thình thịch, tôi bắt đầu dò hỏi ở khu vực xung quanh. Tôi đi tìm nhà của cô tôi.

Trên chợ có nhiều người nông dân mà tôi nhận ra qua sắc áo vải bông xanh và đen bán đủ thứ hàng, từ khoai lang, thảo dược đến cả các chú gà chọi có mào đỏ và tím tuyệt đẹp. Một bà nông dân dùng một chiếc quạt gỗ quạt gió cho một con lợn nái to tướng có vẻ đã kiệt sức sau một chuyến đi dài, nằm vật trên nền đất bụi bặm, trong khi một đứa bé gái tưới nước lên mồm của nó. Các bà già đứng bên cạnh các hàng lụa và nhung, phần lớn thêu chỉ vàng và bạc, rao bán đồ nữ trang. Tim tôi giật thót khi một mùi thơm thật quyến rũ từ hàng phở xộc vào mũi. Tôi nhận ra ngay chỗ này! Tại đây, đúng ở vị trí này, nơi có những người phụ nữ duyên dáng mặc áo dài lụa, hồ hởi mua gia cầm từ những tiểu thương chở gà vịt sống, chân của chúng bị trói túm trên xe đạp, bố đã cùng tôi dừng chân dạo trước để ăn một bát phở nóng.

Được khích lệ, tôi đi lướt qua những hàng cắt tóc rong, miệng lẩm bẩm cầu khẩn bố, giờ đã thuộc về thế giới tổ tiên, phù hộ cho tôi tìm đúng đường dẫn đến nhà em gái của ông ở Nam Định. Tôi quyết định phải tìm người đàn bà này bằng được! Nhất định tôi phải tìm được bà! Với cảm xúc lâng lâng và dạ dày đang cồn cào vì cơn đói, tôi thầm tạ ơn tổ tiên: Trước lúc màn đêm đổ xuống, chưa hết thở dốc, kiệt sức, nhưng với một cảm giác nhẹ nhõm, tôi đặt chân lên ngưỡng cửa nhà cô tôi. Phía trong có ánh nến đang chiếu sáng. Tôi gọi to tên cô qua cánh cửa.

Bảng chữ cái yêu dấu

Ngay lập tức tôi nhận ra quyết định đến đây là một sai lầm. Cái nhìn của cô nói nhiều hơn cả nghìn lời. Ngạc nhiên, kinh hoàng và đầy ghê tởm, cô chòng chọc nhìn tôi mấy phút liền từ đầu đến chân, làm như thể cô không nhận ra tôi là ai. Càng về sau tôi lại cảm thấy xấu hổ hơn vì bộ quần áo rách rưới, bộ mặt bẩn thỉu hết như tay chân, móng chân, móng tay đen đúa và mái tóc rối bù xù. Nhưng trước hết tôi cảm thấy mình thật bất lực do sự im lặng của cô. Khi tôi kể với cô rằng bố tôi đã mất, bà chỉ nhún vai và nói với giọng lạnh lùng: “Thật tiếc”. Lúc này tôi thoáng ngửi thấy mùi rượu rum mà người đàn bà này chắc đã uống trước đó. Sau đó cô quay ngoắt

người lại, lấy từ buồng trong một mớ quần áo sạch, đặt bộp vào ngực tôi, hất hàm chỉ về hướng một chậu kim loại đựng đầy nước đặt ở góc nhà và nói sảng: “Rửa người đi!”

Ngoài ra cô chẳng hỏi han điều gì, không nhắc đến ai trong gia đình, tôi thực sự biết ơn bà về điều này. Tôi còn biết ơn cô nhiều hơn về việc từ nay không còn phải ngủ ngoài trời với biết bao nguy cơ rình rập. Cho dù tôi hiểu rằng dưới mái nhà mỏng lợp lau sậy này không thể chờ đợi hơi ấm của tình người, tôi vẫn có cảm giác đã tìm được một chốn nương thân mà mình vẫn thiếu thốn bấy lâu nay.

Đánh đổi cho việc phục dịch của mình, tôi được giữ lại bộ quần áo mượn và ở lại chỗ cô. Cô cũng cho phép tôi ngủ cùng giường. Cô sống một mình, không có con cái. Tôi chẳng phải là đứa con thay thế của cô, mà chỉ là một người hầu gái làm hết thảy các công việc, ngoài ra cô còn yêu cầu tôi phải gọi cô bằng “bà”. Những chuyện như vậy tôi chấp nhận được hết.

Vào những tháng tiếp theo đó tôi hiểu nhiều hơn về cô. Cô sống qua ngày, kiếm sống bằng nghề phụ bếp tại các quán ăn ở nhiều thành phố khác nhau, hay ở những đồn điền trên các vùng cao nguyên.

Ở thời điểm này chúng tôi không nghĩ tới việc đến một lúc đó sẽ tìm chỗ định cư ở thành phố. Như những kẻ lang thang cơ nhỡ, chúng tôi đi khắp cả miền Tây Bắc bộ, lúc thì cước bộ, lúc thì bằng tàu hỏa.

Cô tôi biết tận dụng triệt để sức lao động của tôi và cho nhiều người chủ thuê lại, tất nhiên là tiền lương tôi có được thì cô luôn bỏ vào túi riêng. Tôi phải thức giấc trước bình minh để hái nụ chè ở các đồn điền trồng chè. Điều khiến tôi khổ sở nhất là những cục sừng tím nhỏ ở bắp chân do đĩa hút máu. Sau giờ làm việc, chủ đồn điền dùng bật lửa để đốt những cục sừng này.

Vào một ngày nọ trên con đường giữa chốn đồng không mông quạnh, cách Hà Nội chừng hai tiếng đồng hồ, đoàn người buôn bán và các gia đình mà chúng tôi sát nhập đang chậm chạp đi tới bỗng nhiên khựng lại. Bên cạnh hai chiếc xe đỗ ngang đường có những người đàn ông An Nam cầm súng chặn từng người một. Họ đeo ruột tượng đựng gạo choàng qua vai. Áo sơ mi có ống tay dài bỏ lửng trên quần rộng.

“Việt Minh”, những người đứng trước chúng tôi lo lắng nói.

Khi đến gần, cô tôi và tôi nghe được rằng đây là một chiến dịch xóa nạn mù chữ được khởi xướng bởi phong trào đòi độc lập của Hồ Chí Minh. Một người đàn ông giơ cao một tấm bảng có ghi chữ cái trên đó. Chỉ những ai đọc được các chữ cái mới được phép đi tiếp. Những người khác phải lên xe và được đem đến một chỗ khác, nơi họ sẽ được “dạy học”. Mặt bà cô tôi bỗng nhiên trắng bệch. Tôi nhìn thấy sự hoảng hốt trong ánh mắt cô: Bà không biết đọc.

“Bà cứ nói A, B, C, D và hãy chỉ vào bốn chữ cái đầu tiên”, tôi nói nhỏ, “A, B, C, D ... A, B, C, D!” Chúng tôi đến lượt. Cô tôi nói dối một cách thân nhiên: “Tất nhiên là tôi biết đọc!”, bà nói mặc dù chưa được ai hỏi và bắt đầu xướng to và chậm rãi các chữ cái: “A, B, C”, và còn to hơn nữa “D!” Người đàn ông sốt ruột đẩy bà đi tiếp để kiểm tra tôi. Tiếp theo đó, với nét mặt không chút biểu cảm, nhưng không giấu được ánh mắt ngạc nhiên, ông ta để tôi đọc hết toàn bộ bảng chữ cái. Tôi được cho đi qua và đương nhiên là sung sướng tận hưởng vẻ mặt thắng thốt của cô tôi. Việc tôi học đọc và học viết quả đã không phí phạm!

Một thành phố đẹp

Cuối cùng chúng tôi đã tới Hà Nội. Bởi vì ở các đồn điền hầu như không còn công việc, cô tôi muốn đi kiếm việc ở đây. Chúng tôi thuê một căn hộ nhỏ ở tạm mấy tháng tại một khu phố cổ, nơi chủ yếu là người bản xứ sống. Vào các buổi sáng sớm tôi bán bánh mì Pháp, bánh sừng bò và thuốc lá lẻ ở gần công viên Bách thảo và khu doanh trại. Cô tôi thì nhận đồ giặt thuê, cô đi lấy nước ở một vòi nước gần nhà. Vào buổi chiều, trong căn hộ của chúng tôi, tôi là quần áo đã phơi khô, sau đó cô mang chúng đi trả cho khách.

Trong thời gian này tôi chẳng hề một lần thấy tiền lương của mình. Mà tôi cũng chẳng bận tâm đến điều đó, tôi cảm thấy hoàn toàn đầy đủ vì có tự do và các bữa ăn nóng đủ no. Thỉnh thoảng, nếu cô tôi nổi hứng, tôi được phép cùng bà đi xem kịch. Mặc dù chủ đề chính của phần lớn các vở diễn là tình yêu bất hạnh, tôi theo dõi các lớp diễn rất nghiêm trang và chăm chú, bởi các vở kịch đã đánh thức trong tôi những tình cảm hoàn toàn mới, những cảm xúc quý giá, chưa bao giờ có trong đời. Dường như có nó thật, một thứ tình yêu lớn, mà vì nó ta có thể đấu tranh, thậm chí hy sinh tính mạng! Dường như có nó thật, sợi xích vô hình của lòng chung thủy! Trên sân khấu, nơi tình yêu chân chính được thể hiện, người ta không thể đánh đổi nó để lấy một thửa ruộng và hai con lợn cưới, như chính tôi cũng đã từng không đánh đổi. Liệu ở cuộc đời thực có thể có như vậy được không? Ở ngoài kia, trong cõi đời thực, tôi mơ một ngày sẽ yêu bằng cả trái tim, và chàng, thần tượng của tôi, sẽ đáp trả tình yêu của tôi, bất chấp mọi thứ quy tắc áp đặt.

Tối đến tôi rửa cốc chén ở nhiều quán nhỏ tối tăm khác nhau mà cô tôi biết và thường có mặt đến tận khuya ở đó, bên một chén rượu rum, miệt mài chơi bài ba quân. Chơi bài là niềm đam mê lớn của cô, cô luôn đắm mình vào đó mỗi khi có thời gian. Tôi yêu Hà Nội, đây là một thành phố tuyệt đẹp.

Tôi nhanh chóng khám phá nó bằng cách đi bộ hay đu bám theo tàu điện chạy ken két. Vào những lúc rỗi rãi hiếm hoi tôi thích đi dạo ở phía Tây khu phố cổ ở Hồ Hoàn Kiếm. Theo truyền thuyết đây là nơi vào thế kỷ 15 vua Lê Lợi đã hoàn trả thanh bảo kiếm cho một con rùa khổng lồ trước đó đã trao nó cho ông để đánh đuổi quân Trung Quốc ra khỏi bờ cõi. Nhà hát lớn, Trường Mỹ thuật Đông Dương, những lâu đài tráng lệ và các biệt thự Pháp màu nâu vàng tô điểm các đường phố và những đại lộ với các hàng cây cổ thụ tỏa bóng mát cho người qua lại. Những người đàn ông châu Âu ăn mặc sang trọng, thường là đấm đui tay trong tay với một, thậm chí với hai người đàn bà An Nam xinh đẹp, ngồi trên xe xích lô đi qua những dãy phố mua bán thanh lịch. Từ các sảnh khách sạn sang trọng và quán cà phê vang lên tiếng nhạc Pháp từ các máy quay đĩa hát. Vào những ngày như vậy cuộc đời thật đẹp sao!

Một trò chơi đen tối

Đêm đã muộn. Ở quầy bar chỉ còn vài người lính ngoại quốc ngồi, dáng trầm mặc, mắt nhìn dán vào những chiếc cốc đã uống cạn. Tôi đã rửa xong cốc chén. Từ phía phòng bên trong, nơi có một nhóm người An Nam, vừa đàn bà vừa đàn ông, đang tụ tập

đánh bài ba quân, tôi nghe tiếng chửi và nguyên rủa của cô tôi vọng ra. Chắc hẳn đêm nay vận may đã không đến với bà.

Bà mở hé cửa, mặt đỏ gay đầy vẻ kích động, gọi thêm một bình rượu rum nữa. Khi tôi mang bình rượu vào, đám người ngắm hơn men cười ré lên, mọi ánh mắt đều đổ dồn về phía tôi, hơi rượu nồng nặc hòa lẫn với mùi răng thối làm tôi gấn nghẹt thở.

Liệu bố tôi cũng từng ở trong một tình trạng như vậy? Liệu mẹ tôi sẽ nói gì, nếu bây giờ bà nhìn thấy tôi? Những ý nghĩ này khiến tôi tim tôi nhói đau, và khi nhận thấy mình đang đỏ mặt vì xấu hổ, tôi rời khỏi căn phòng, đúng lúc cô tôi gỡ chiếc dây chuyền hạt ngọc xinh xẻo, đập mạnh lên bàn và nói: “Chơi tiếp!”

Sáng hôm sau, lúc tôi vẫn đang ngủ say, cô lay vai, hấp tấp đánh thức tôi dậy.

“Sáng nay có việc, dậy mau! Rồi đi tắm đi, tao đã chuẩn bị sẵn nước ấm rồi! Và sau đó thì mặc cái này vào!”, cô nói và đưa cho tôi một chiếc váy nhung đỏ ngắn tay tuyệt đẹp và một đôi hài màu bạc.

“Bà mua cho con đồ mới ư?”, tôi ngạc nhiên hỏi mà không tin được vào sự may mắn của mình.

“Ồ. Đúng vậy.” Cô tôi thậm chí bắt đầu giúp tôi làm vệ sinh sớm. Không có bất cứ dấu hiệu nào trên cơ thể tôi cho thấy tôi đã là một cô gái gần mười ba tuổi, ngoài hai bầu vú tí hon, giống như hai trái cây còn non, bé xíu, không biết sẽ nảy nở tiếp hay không, và mái tóc đen óng ả chảy dài xuống tận mông.

Tôi mặc vội chiếc váy và xỏ chân vào đôi hài cũng vừa như in. Cô tôi chọn cỡ thật chính xác, tôi nghĩ và ngắm mình trong gương, tay vuốt lên lớp vải nhung thật mềm mại. Chưa bao giờ tôi được ăn mặc đẹp như vậy! Cô kiên nhẫn chải tóc cho tôi khá lâu.

“Hôm nay cứ để tóc xõa nhé”, bà nói và bôi một lớp son đỏ lên môi tôi một cách thành thực, làm tôn thêm một chút nét đàn bà mới manh nha của tôi. Tôi hãnh diện và sung sướng rằng rốt cuộc thì sự chăm chỉ của mình đã được ban thưởng một cách hậu hĩnh. Với vẻ ngoài này chắc chắn hôm nay tôi sẽ bán hết veo số bánh sừng bò! Tôi chỉ muốn ôm chầm lấy cô tôi để cảm ơn sự hào phóng của bà, nhưng quang mắt thâm đen của cô bỗng khiến tôi nhớ lại buổi tối hôm qua. Vì thế tôi ngưng ý định này lại.

Tiếng thì thầm cứu tinh

Một chiếc xích lô đã chờ sẵn khi cô tôi và tôi đóng cánh cửa lại phía sau lưng. Không nói một lời, chúng tôi đi đến một khu phố lạ đối với tôi, nằm rất xa căn hộ của chúng tôi, gần một khu chợ lớn của người Hoa. Trên một đường phố buôn bán sầm uất, chúng tôi dừng lại trước một toà nhà đẹp.

Một người đàn ông béo lùn dường như đã chờ sẵn và vui vẻ mời chúng tôi bước vào cánh cửa rộng mở. Đi qua hành lang chạy xuyên giữa các căn phòng

đầu tiên, chúng tôi bước vào một sân trong, nơi có một ngôi nhà hai tầng, bao quanh tầng trên là một ban công bằng gỗ. Tôi nhìn bao quát tất cả, đầy ngạc nhiên. Tôi chưa từng bao giờ làm việc ở một ngôi nhà như vậy!

Trong sân người đàn ông quay sang tôi và yêu cầu tôi há miệng. Đầu tiên ông ta quan sát hàm răng nhuộm đen của tôi, đôi bàn tay với các móng tay bị hỏng, mái tóc của tôi, sau đó ông ta lùi lại một bước, dường như để kiểm tra toàn thân. Tôi cố mỉm cười, e sợ sẽ có thể không được nhận vào làm công việc mới. Tuy nhiên ông ta tỏ vẻ hài lòng và cười toác miệng, để hở cả những chiếc răng bọc vàng.

“Mày chờ ở đây”, cô tôi nói với một giọng gay gắt khác thường, khiến tôi liên tưởng đến giọng nói của bố. Người đàn ông vén một tấm màn nặng nề phủ lên cánh cửa. Ông ta mở cửa, rồi cùng cô tôi biến mất trong ngôi nhà mà không nói một lời. Tôi ngoan ngoãn và lo âu đứng chờ, mắt nhìn lên ban công và tự hỏi có những gì có thể ẩn giấu sau nhiều cánh cửa này, vừa lúc đó có những tiếng nói thì thầm và tiếng cười khúc khích từ một góc trên tầng một vọng xuống, thu hút sự chú ý của tôi. Năm hay sáu cô gái trẻ, tất cả đều trang điểm và ăn vận xinh xắn như tôi, đứng túm tụm ở trên đó và nhìn xuống tôi.

“Đằng ấy mới đến à?”, một cô hỏi.

“Vâng ...”, tôi do dự trả lời và hạ giọng, nói thì thầm hệt như các cô gái vì sợ bị bắt quả tang.

“Nhưng mà tôi chưa biết ông chủ mới sẽ giao cho tôi công việc nào.” Một vài cô tiếp tục cười rúc rích, cho đến khi một trong số các cô gái ra lệnh cho họ im lặng và hấp tấp gọi tôi: “Này cô bé, biến ngay khỏi đây! Em đang ở trong một nhà thổ và sẽ phải bán thân cho đám đàn ông! Không ai trong các chị có thể thoát khỏi đây! Tin chị đi! Em hãy chạy thật nhanh!”

Tôi hoảng hốt lùi lại. Bỗng nhiên hiện lên trước mắt tôi là những con lợn mà gia đình tôi đã được hứa hẹn sẽ nhận được nhân lễ thành hôn của tôi, giờ đây dường như chúng đang rình rập trong căn phòng bên cạnh, nơi dì tôi đang có mặt, và sẵn sàng lao ra. Tôi kiễng gót chân, tiến sát đến tấm màn chắn nặng nề.

“Bà có chắc là nó còn trinh không?”, giọng người đàn ông hỏi.

“Chắc, chắc như đinh đóng cột”, tôi nghe cô tôi trả lời, đầy mãn nguyện. “Và bây giờ thì ông đưa tiền đây! Trò chơi bài khốn kiếp này ... Thật đấy, tôi xót lòng lắm vì phải bán con bé, nhưng ông tin tôi đi: Thua bài ba quân còn nhục hơn nhiều lần!” Bà tôi cười, và tôi nghe tiền kim loại kêu xúng xảng.

Tôi như bị tê dại. Chỉ khi tấm màn chắn được gạt sang một bên và một bàn tay đàn ông béo múp vươn ra tìm cách tóm lấy vai của tôi, tôi mới định thần trở lại. Có một giọng nói từ bên trong thét lên với tôi: “Chạy đi! Chạy thật nhanh khỏi nơi đây!”

Một cánh cửa mở

Hoàn toàn bối rối và khiếp đảm về những gì sẽ chờ đợi mình nếu lọt vào tay những người này, tôi chạy thục mạng ra đường phố, vừa chạy vừa xô gạt những người bắt gặp, bắt kể trẻ hay già. Những người bán hàng chửi vọng theo tôi và nguyên rửa, trong lúc nhặt lại những trái cây bị rơi dưới đất. Tiếng chửi giận dữ của họ làm át cả tiếng hét của cô tôi và của người đàn ông. Tôi cảm thấy hơi thở của mình đuối dần và rẽ vào một ngõ hẻm xa lạ.

Mặc dù yếu tố bất ngờ của cuộc trốn chạy đã cho tôi một lợi thế nhỏ, nhưng giờ đây đôi chân của tôi đã chùn. Liệu tôi sẽ có thể nhờ vả ai bây giờ? Tôi run bắn khắp toàn thân và đứng như trời trồng. Tôi đã bị thất thế, bất cứ lúc nào những bộ mặt giận dữ của những kẻ truy đuổi cũng sẽ có thể xuất hiện từ góc phố. Chắc chắn là họ sẽ kéo tôi theo.

Bỗng nhiên có một cánh cửa bật mở phía sau lưng tôi.

“Vào đây, nhanh lên!”, một giọng nói vang lên. Không do dự tôi nhảy qua khe cửa, không kịp nhận biết ai là người vừa lên tiếng. Cánh cửa vừa khép lại thì tôi đã nghe những tiếng la hét tiến lại gần.

Tôi vẫn như bị tê liệt. Cơ thể đầm mồ hôi không chịu tuân thủ tôi nữa. Người đàn ông già vừa mở hé cánh cửa ra hiệu báo tôi hãy yên lặng. Mắt nhắm

nghiền, tôi thậm kê cứu mẹ. Tôi sợ mất hết hồn vía và run lấy bầy khắp toàn thân.

“Bình tĩnh, bình tĩnh lại đi con. Đừng sợ! Họ đã đi rồi”, người đàn ông nói nhỏ nhẹ sau một hồi im lặng. “Con ngồi xuống đi. Ở đây con được an toàn, sẽ không có gì xảy ra với con cả. Tên của ông là Hương”, ông nói tiếp và niềm nở chỉ vào một chiếc ghế gỗ chạm trổ, tôi ngồi xuống mà đôi chân và đầu gối vẫn run lấy bầy. Tôi tìm cách chế ngự hơi thở hỗn hển của mình.

Ông Hương lặng lẽ nấu cho chúng tôi một ấm chè xanh rồi ngồi xuống trước mặt tôi.

Một người tử tế

Tôi quyết định kể cho ông nghe sự thật. Về lý do tôi chạy trốn khỏi nhà, về cả những gì tôi đang trải qua. Ông để cho tôi nói mà không ngắt lời, chăm một tẩu thuốc và gật gù nghe. Tôi cảm ơn ông đã cứu thoát tôi khỏi cuộc sống trong nhà thổ, một cảnh ngộ mà từ trước tới giờ tôi mới chỉ nghe qua lời kể. “Nếu con muốn, con có thể ở lại đây”, ông nói. “Ông sống một mình. Con có thể nấu cơm cho ông, làm việc nhà. Mà con lại biết đọc nữa, vậy thì thỉnh thoảng con đọc sách báo cho ông nghe. Mỗi năm hai lần con sẽ có quần áo mới. Tất nhiên ông cũng sẽ trả lương cho con. Mười đồng một tháng.”

Nổi ngạc nhiên và niềm vui tràn ngập về lời đề nghị bất ngờ và hào phóng này chắc chắn đã hiển hiện hết trên vẻ mặt của tôi. Tôi không nói được nên lời và chỉ biết gật đầu. Vào khoảnh khắc này tôi không có khả năng làm được điều gì hơn nữa.

Ông Hương kể cho tôi nghe một chút về bản thân. Ông là một cựu binh người Hoa. Ông đã đào ngũ ở đó. Mấy năm trước ông đến An Nam từ vùng Bắc Bắc Bộ, sau đó bỏ về Hà Nội và ẩn náu ở đó. Ông để lại gia đình của mình ở Trung Hoa mà không bao giờ gặp lại. Tôi có thể đồng cảm thật sâu sắc với ông về việc này. Bởi vì hầu như toàn bộ hệ thống thương nghiệp của thành phố nằm trong tay người Hoa, giống như những người đồng hương khác không bị chết bởi bệnh sốt rét, ông đã xây dựng cho mình một mạng lưới quan hệ để có thể sống và làm ăn mà không bị quấy nhiễu ở đây.

Chúng tôi chọn một phòng trống ở trên gác và sắp xếp nó làm nơi ở cho tôi. Từ lúc này trở đi tôi có được cảm giác là chủ nhân nơi ăn chốn ở mới của mình. Tôi cảm thấy hài lòng. Ngay trong ngày hôm đó ông mua cho tôi một bộ quần áo giản dị, không gây sự chú ý. Vào thời gian đầu ông cấm tôi không được ra ngoài, như một biện pháp phòng ngừa.

Bây giờ tôi sống ở đây, trong một ngôi nhà tiện nghi, lòng tràn đầy sự biết ơn đối với một người xa lạ dành cho tôi sự chăm sóc ân cần như của một người ông và từng bước giúp tôi có một cuộc sống

hoàn toàn bình thường, không sợ hãi. Theo thời gian, tôi dành cho ông một lòng tin cậy vô hạn và sự nể vì. Tôi cũng cảm thấy đây là một tình cảm hai chiều. Và như vậy tôi làm những công việc nội trợ và bếp núc hàng ngày của mình càng chăm chỉ và cẩn trọng hơn, thậm chí với cả một niềm vui lớn. Tôi vẫn chưa hết bàng hoàng về sự may mắn của mình.

Khi có khách người Hoa đến nhà thì tôi lui lên tầng trên, nhưng vẫn chăm chú lắng nghe chuyện từ đó. Sau một vài tháng, tôi đã hiểu sơ sơ nội dung trò chuyện nói bằng tiếng mẹ đẻ của ông chủ. Cùng với ông giữa chừng tôi cũng đi mua sắm ở khu chợ của người Hoa, vào những dịp như vậy ông luôn mỉm cười để tôi đếm tiền bằng tiếng Hoa.

Một vài lần ông đi dạo phố Hà Nội cùng tôi, ông biết hết các góc ngách của thành phố và chỉ cho tôi những khu phố lạ, nơi các đường phố được sắp xếp theo các nghề thủ công khác nhau, chẳng hạn phố Hàng Đào, phố Hàng Bông, phố Hàng Thiếc hay phố Lò Đúc.

Tuy nhiên, khi ở thành phố bắt đầu có các vụ tấn công vào các lực lượng chiếm đóng và cả những vụ nổ, ông quyết định không ra phố nhiều nữa. Ở nhà an toàn hơn. Ngược lại với tôi, ông tỏ ra rất bình tĩnh khi nghe tiếng súng từ bên ngoài vọng vào. Việc trả đũa trước một vụ tấn công lại kéo theo những vụ tấn công mới.

Trong chừng mực nào đó ông khiến tôi nhớ về ông ngoại của tôi, bởi ông cũng có một khối tri thức lớn và sẵn sàng chia sẻ nó với tôi. Ông thường xuyên chữa lỗi cho tôi khi đọc và viết. Vào những lúc rỗi tôi đọc ngẫu nhiên các cuốn sách của ông. Nằm trong lớp màn chống muỗi, lần đầu tiên tôi đọc những cuốn chuyện ngôn tình ly kỳ, các truyền thuyết và chuyện cổ tích hấp dẫn và cả các cuốn sách về lịch sử Pháp mà ông chủ đặc biệt quan tâm.

Để giúp tôi có khả năng tự vệ, ông đều đặn truyền cho tôi Vịnh Xuân quyền, một môn phái võ thuật tự vệ của Trung Quốc. Những lúc cao hứng, ông chỉ cho tôi các động tác phản công. Chúng tôi tập luyện với vũ khí là một cây côn đơn giản làm bằng gỗ. Chẳng hạn tôi học cách dùng cây côn để nối dài cánh tay của mình và để làm chủ được đòn tấn công.

Càng ngày tôi càng cảm thấy chắc chắn, tự tin và mạnh mẽ hơn.

Nhập gia tùy tục

Ông Hương thích những món ăn đơn giản mà tôi nấu cho ông. Tuy nhiên cũng có lúc ông vào bếp và chỉ tôi cách nấu ăn, bằng cách tẩm gia vị các món thịt hay cá cho ngon miệng hơn. Ông chẳng nề hà gì, kể cả trong việc thái rửa rau hay chỉ cho tôi các công

thức nấu ăn mới. Điều này khiến tôi ngạc nhiên, bởi cho đến lúc đó tôi chỉ biết rằng: Một người đàn ông thì chẳng dính dáng gì đến công việc bếp núc, mà được đàn bà nấu nướng và phục dịch. Truyền thống này bắt di bắt dịch ở đất nước tôi. Những giờ làm bếp chung này của chúng tôi được đan xen bởi những câu chuyện kể và các giai thoại. Vào một ngày, trong khi chờ món xúp thịt chín, ông kể cho tôi ở Trung Quốc người ta dùng các sợi tre được xay rất mịn nhằm giết đói phương một cách kín đáo bằng cách làm thùng dạ dày của người đó. Ông không khỏi ngạc nhiên khi nghe tôi chia sẻ lại kinh nghiệm của bố. Tôi không quên việc bố đã nhồi các con thú săn của mình và trước đó đốt cháy bộ ria của chúng ra sao. Những sợi ria này cũng có thể đâm thùng dạ dày một cách sắc lẹm và không để lại dấu vết. Gian bếp thường vang lên tiếng cười. Dĩ nhiên tôi vui mừng một khi ông có mặt cùng tôi trong bếp. Và tôi cũng không khỏi ít nhiều tự hào về việc ông tỏ ra ưa thích sự có mặt của tôi bên cạnh.

Vào một buổi chiều có một đôi vợ chồng quen biết đến thăm ông, họ trò chuyện về bầu không khí chiến tranh đang dần bao phủ khắp đất nước. Nhiều khu vực đang bị tranh chấp ác liệt giữa Việt Minh, Pháp và Nhật. Đối với người dân tình hình ngày càng trở nên bất an hơn. Sau cuộc thảo luận dai dẳng, để tránh khỏi tâm trạng ủ dột và lo âu, chủ và khách hẹn cùng đi ăn tối ở một quán Tàu.

“Cô bé này cũng có thể đi cùng, nếu cô ấy thích”, người phụ nữ nói một cách thân thiện và cảm ơn tôi về ấm trà mà tôi đã pha cho bà. “Sao lại không nhỉ, con có muốn đi cùng không nào?”, ông Hương hỏi tôi.

“Cảm ơn ông bà, con rất thích ạ”, tôi trả lời.

Chúng tôi gặp nhau ở khu phố Hoa kiều, ở đó có thêm một đôi vợ chồng đứng tuổi nữa cùng họp mặt. Quán ăn nhỏ được chọn từ trước sắc mùi khói thuốc và chật ních khách, tuy nhiên có một nữ nhân viên dẫn chúng tôi ngay vào một phòng phụ nhỏ, ở đó có kê một chiếc bàn tròn và chúng tôi được ngồi tách biệt với các thực khách còn lại.

Dường như tất cả các món ăn đều đã được đặt trước. Đầu tiên chúng tôi ăn món chim cút nhồi, tiếp theo đó là món xúp sò huyết. Đúng là danh bất hư truyền: Khi tôi vừa chọc đũa vào một con sò, một tia máu tươi phọt ra! Bên cạnh món vịt Bắc Kinh giòn tan còn có bảy món khác nhau, tất cả đều được chế biến từ thịt của cùng một con rắn. Tôi quyết định ăn món cơm thịt vịt. “Món tiếp theo chắc chắn là không dành cho con!”, ông Hương nói với tôi một cách hào hứng.

Ba nhân viên dọn sạch bàn ăn, trước khi họ quay lại phòng, mang theo năm con khỉ bé đầy sợ sệt, cổ từng con bị quấn xích sắt và phần thân bị bó chặt trong một chiếc cũi gỗ. Dần dần tôi hiểu những chiếc lỗ tròn nhỏ khoét trên bàn ăn được dùng để làm việc gì. Trước mặt chủ tiệc và các thực khách khác – trừ

mỗi tôi – các con khi bé bị nhốt trong cũi lần lượt được đặt xuống dưới các lỗ bàn, đỉnh sọ của từng con nhô lên. Tôi không thể tin nổi mắt mình về những gì chúng kiến sau đó. Với một con dao cực sắc, đỉnh sọ của chúng bị bỏ ra, những con vật xấu số rú lên và giẫy dụa. Sau khi xem xét và tán thưởng, từng thực khách cầm một chiếc thìa bạc múc vào não con khi của mình. Với một động tác thuần thục, họ khoét gọn cả bộ óc nhỏ và để cho nó chảy tan trên lưỡi một cách khoái trá, trong khi những con vật đổ gục xuống.

Vào buổi tối hôm đó tôi chẳng ăn được gì thêm nữa. Tôi cảm thấy mừng là thức ăn đã ăn trước đó không bị trào ra khỏi dạ dày. Tôi tự nhủ rằng những con vật sống mà mình mua ngoài chợ rồi cũng bị hóa kiếp dưới tay mình như vậy, chẳng có gì là ghê gớm cả. Và người Hoa có những phong tục của riêng họ. Tôi tìm cách coi câu chuyện xảy ra là bình thường. Tuy nhiên, vào những ngày sau đó, tôi thật khó tránh nghĩ đến nó mỗi lần trước khi thiếp vào giấc ngủ.

Một con ma đói

Từ một năm nay tôi sống ở nhà ông Hương, nhờ vào các mối quan hệ của mình mà ông đã khắc phục một cách thần tình những đợt khan hiếm thực phẩm thường xảy ra ở thành phố trong thời gian này. Nông dân bị bóc lột và cưỡng bức nộp toàn bộ thu

hoạch mùa màng ở những nơi do người Nhật kiểm soát. Vào thời gian này, tôi làm thân với một bạn gái người An Nam sống ở nhà bên, vào những giờ rỗi cô dạy cho tôi cách đi xe đạp. Hiền ít hơn tôi một tuổi và sinh ra ở Hà Nội. Chúng tôi chơi trò dùng những chai thủy tinh rỗng thổi giả làm tiếng còi tàu thủy. Thỉnh thoảng chúng tôi đạp xe của Hiền đến trước một doanh trại và chờ ở đó cho đến khi có một người vẫ mỗ hồi thổi kèn trompet điểm danh. Vào đúng lúc đó chúng tôi vừa cười cợt, vừa cố tình mút các quả chanh còn xanh trước mặt ông ta. Gần như lần nào chúng tôi cũng làm cho người lính có hàng ria mép bị rối loạn, sau hồi kèn độc tấu ông ta bị người chỉ huy quát tháo. Do nước dãi chảy đầy miệng nên ông ta không thổi được âm thanh nào cho ra hồn, những tiếng kèn tậm tịt của ông khiến chúng tôi cười vỡ bụng. Đáng tiếc là chỉ thỉnh thoảng chúng tôi mới có dịp tụ tập để nô đùa, bởi chúng tôi không được phép gặp nhau ở nhà, mà chỉ ở trên đường phố. Vì vậy mà những khoảng khắc vô tư bên cạnh nhau này càng trở nên quý giá và gợi nhớ cho tôi rằng mình vẫn còn là một đứa trẻ.

Một buổi sáng có tiếng người gõ cửa. Ông Hương lúc ấy đang lơ mơ ngủ trên ghế với một cuốn sách đặt trên ngực. Bởi vì đang ở tầng trệt, tôi có nhiệm vụ mở cửa.

Trước mặt tôi là một bóng hình mà chỉ mới nhìn thoáng qua đã khiến cho máu của tôi bị đông cứng

trong huyết quản và mặt mày tái mét, trước khi tôi kịp mím môi để tìm cách nén lại một tiếng thét ngăn ngui và khô khốc. Đó là một thầy ma đúng như trong hình dung của tôi. Tôi hoảng hốt lùi lại, vẫn không tin đây là sự thật, mắt trở hết cỡ, để cho cô tôi bước vào.

Cái nhìn vô hồn của người đàn bà nát rượu khiến vẻ mặt thô cứng, đầy vết nhăn và già nua càng trở nên ghê rợn hơn, và chỉ trong tích tắc, cái ngày khủng khiếp mà bà ta đã phản bội tôi vụt hiện về trong trí nhớ. Tôi cứng người vì sợ hãi. Ông Hương đã tỉnh giấc. Ông chậm rãi đứng dậy, tiến về phía chúng tôi và khoát tay ra hiệu mời cô tôi vào nhà.

Cứ như thể tôi đang không tồn tại, cô tôi ngồi bệt ngay xuống chiếc ghế của tôi và điềm nhiên gật đầu khi ông Hương mời bà ta một chén chè rồi ngo quanh khắp nhà trong khi tôi đi pha nước với một cảm giác đầy uất ức. Bà uống nước đang nóng, sau đó cất giọng khàn khàn tố cáo về toàn bộ nỗi bất hạnh do tôi đổ lên đầu bà. Bà đòi tiền bồi thường và đưa ra ngay một tổng số tiền bằng toàn bộ tiền lương trong năm của tôi.

Tôi không thể tin nổi điều mình đang chứng kiến. Ông Hương im lặng lắng nghe rồi đứng dậy, lấy tiền từ túi và trao cho cô tôi với điều kiện từ nay phải để cho tôi yên và không bao giờ được phép xuất hiện trong cuộc đời của tôi nữa. Khi nói xong ông đứng dậy, cô tôi đi theo ông ra cửa và biến mất, không hề nhìn tôi một lần.

Khi cánh cửa sập lại, tôi mới bừng tỉnh dậy từ trạng thái đờ đẫn và òa khóc, lâu lắm rồi tôi không như vậy.

“Con khóc vì chuyện tiền nong ư?” ông Hương hỏi và vuốt nhẹ vai tôi. “Đó là cách tốt nhất mà chúng ta có thể làm để vĩnh viễn thoát khỏi bà ta”, ông nói và tìm cách lau nước mắt cho tôi.

“Không, không phải vì vậy”, tôi vừa khóc vừa trả lời. “Con khóc là bởi vì cuộc đời thường quá bất công đối với con. Tại sao lúc sinh ra con không phải là con trai mà lại là con gái? Tại sao con luôn phải đánh mất tất cả, cứ mỗi lần sau khi con gặp được một chút may mắn? Tại sao người ta lại truy đuổi con? Con có làm gì nên tình nên tội đâu!” Tôi dùng ống tay áo gạt nước mắt.

Ông Hương ngồi xuống và nhìn tôi như chưa bao giờ ông làm vậy, đầy nghiêm trang và tư lự.

“Cúc à, con biết không, đời là cho và lấy. Tìm thì sẽ thấy. Được rồi lại mất. Sinh tử tử sinh. Con cứ tin ông, mất mát chỉ khiến ta đau đớn lần đầu tiên. Những thử thách trong cuộc sống sẽ làm cho con cứng rắn và mạnh mẽ hơn. Tất nhiên, điều này không dễ. Con sẽ còn nhiều lần bị vấp ngã, nhưng mà ông tin chắc rằng con sẽ luôn đứng dậy và đi tiếp. Con hãy nhớ lời của ông.”

Ông mỉm cười thật nhân hậu với tôi, khiến tôi cũng chỉ có thể mỉm cười đáp trả.

Bằng cả trái tim

Tôi đã làm việc không lương một năm để trả một khoản nợ mà tôi không hề gây nên để được đổi lấy tự do. Sau nghiệm trải này và cũng do nỗi sợ hãi rằng một ngày nào đó bà cô của tôi sẽ xuất hiện trở lại, tôi quyết định chỉ sống tiếp nửa năm ở nhà ông Hương để kiếm thêm ít tiền và sau đó đi tiếp mà không bị hoàn toàn trắng tay. Ông tôn trọng quyết định của tôi.

Đến tháng Tư 1944, tôi lên đường. Tôi mang theo hai chiếc áo bông, một chiếc áo dài thêu bằng lụa tím, một đôi dép mà tôi không muốn xỏ vì đi chân trần thoải mái hơn, số tiền mà tôi kiếm được và một chiếc lược có cán làm bằng mai rùa bóng loáng, tất cả được để trong một chiếc áo thun cuộn tròn, buộc vào đầu một chiếc gậy gỗ. Mái tóc đen dài từ mấy lâu nay được tôi búi cao, để tôn thêm vẻ người lớn trước mặt ông Hương.

Vào buổi sáng chia tay, lúc tôi đã dọn nhà và chuẩn bị xong bữa trưa, chúng tôi ngồi im lặng bên nhau và cùng uống trà. Ông Hương bỗng nhiên đứng dậy, rời khỏi phòng rồi quay trở lại với một chiếc hộp bé trên tay, ông mỉm cười trao nó cho tôi.

“Ông cũng muốn cảm ơn con và chúc con vạn sự may mắn. Còn đây là quà cho con”, ông nói nhỏ.

Tôi tháo lớp vỏ bọc, mở chiếc hộp và phát hiện thấy một đôi khuyên tai vàng tuyệt đẹp, mỗi chiếc

đính một hạt ngọc trắng lấp lánh. Không nói nên lời vì cảm động, tôi lấy món đồ trang sức giá trị ra, món quà tặng đầu tiên trong đời của tôi. Lúc này tôi mới chợt nhớ ra là mình chưa khâu lỗ tai.

“Ông có thể khâu tai cho con, nếu như con muốn. Ông có sẵn đồ ở đây”, ông nói như có thể đọc được ý nghĩ của tôi, và trên nét mặt của ông tôi nhận ra là ông vui mừng vì đã dành được cho tôi một sự bất ngờ.

Tôi gặt đầu và để ông dùng một chiếc đinh bằng gỗ xỏ hai dải tai của tôi. Niềm vui vì món quà tặng khiến tôi quên hết cả cơn đau.

Trong gương tôi nhìn thấy một thiếu nữ mười bốn tuổi tươi cười hạnh phúc đang dần trở thành một người phụ nữ trẻ mà nét mặt thanh tú càng tươi sáng hơn nhờ đồ trang sức quý báu.

Ông khẽ đóng cánh cửa sau lưng tôi, và mặc dù trong một khoảng khắc trái tim tôi như bị thất lại và biết rằng mình sẽ nhớ ông, tôi cảm thấy vui mừng vì sẽ được nhìn thấy và nghiệm trải những điều mới mẻ.

Lạc lối vào một chốn hoang tưởng

Tôi rời Hà Nội theo hướng Đông Bắc và dừng chân ở chặng đầu tiên là Từ Sơn. Ở đó tôi thuê một căn phòng bé tí ở nhà của một bà góa và suy nghĩ mình sẽ kiếm tiền bằng cách nào. Đơn giản là tôi sẽ làm

thứ mà tôi vẫn làm và làm tốt nhất từ trước đến nay: Bán hàng, với một nụ cười trên môi, nhưng lần này là cho riêng mình! Chẳng mấy chốc những đồng tiền đầu tiên đã rơi rủng rỉnh vào túi của tôi. Ngày ngày, có lúc cũng là vào buổi tối, tôi đứng cạnh một nhà hát và bán thuốc lá và đồ uống cho người qua lại. Quyền tự do không phải báo cáo với bất cứ một ai, được tự quyết về việc mình làm, làm bao giờ và làm ra sao là một kinh nghiệm hoàn toàn mới đối với tôi. Và tôi tận hưởng cảm giác hạnh phúc này, cho dù có lúc phải chứng kiến bầu không khí đe dọa. Ngày qua ngày, tiếng súng từ xa vọng về, nhưng tôi cố không nghe nó, như chính ông Hương chắc cũng sẽ làm như vậy ở một hoàn cảnh tương tự.

Một người phụ nữ hầu như ngày nào cũng mua nước xô đa ở chỗ tôi có lần bắt chuyện với tôi: “Này, em là một cô bé thật xinh xắn. Liệu em có muốn làm việc cùng với các chị ở nhà hát hay không, liệu em có thể hát ở đó? Làm việc này chắc chắn được trả tiền nhiều hơn so với việc em bán nước ở đây.”

“Em chỉ biết làm công việc nội trợ và bán hàng thôi ạ. Em chưa bao giờ hát cả”, tôi ngạc nhiên trả lời.

“Em có thể học được mà. Lúc nào xong việc thì em cứ đến nhà hát và hỏi chị. Tên của chị là Hoa.” Chị mỉm cười với tôi, trả tiền nước xô đa và đi tiếp.

Vào buổi tối tôi đến chỗ chị. Hoa là người trưởng gánh hát. Chị dạy cho tôi nghệ thuật hát ca trù.

Công việc của tôi là hát những ca khúc buồn bã dựa trên các bài thơ và các bài hát nói. Nhạc cụ đệm cho tôi chỉ có một bộ phách bằng tre do chính tôi gõ, một chiếc đàn đáy ba dây do một nam nhạc công ngồi cạnh tôi chơi. Các bài hát hầu như chỉ nói đến tình yêu bất hạnh, về chia ly và niềm hy vọng mới.

Những gì mà Hoa đòi hỏi ở tôi có vẻ dễ dàng. Chị cho tôi hai tuần để học ca từ và các động tác biểu diễn. Những giai điệu đầu tiên mà chị hát thắm trước cho tôi nghe từ âm thanh đầu tiên đã có sức thuyết phục đến mức tôi có cảm giác như có thể chạm được vào nỗi khát vọng trong không gian căn phòng. Chị hát trước, tôi cứ thế hát theo. Đồng thời chị cũng dạy cho tôi cả những động tác đệm biểu cảm trên bộ phách. Chị ấn vào tay tôi mấy tờ giấy mỏng, đó là sổ bài hát của tôi, và giao hẹn với tôi đến tập hàng ngày. Tôi ngạc nhiên khi phát hiện ra mình có khả năng hát, tuy nhiên cũng cố gắng hết sức mình để hát thật hay và không phụ lòng chị Hoa. Hai tuần lễ liền, từ sáng sớm đến tối, tôi tới chỗ tập và khi ở một mình thì lại luyện phần ca từ. Ôn trời là tôi biết đọc!

Sau đó là tối biểu diễn đầu tiên của tôi: trên một sân khấu nhỏ, với một bộ trang phục đẹp được mượn riêng cho tôi, trước một khán phòng không kín hết chỗ ngồi. Vào ngày này, như các bạn diễn khác đã dạy tôi nhiều lần, tôi tránh uống nước hoa quả chua để giữ gìn các thanh đới.

Trước đó Hoa trang điểm cho tôi và giúp tôi mặc trang phục. Tôi tưởng mình có thể chết đi được vì hồi hộp, tuy nhiên khi những tiếng nhạc đệm đầu tiên vừa vang lên thì ngay lập tức tôi đã trấn tĩnh trở lại. Thậm chí tôi còn có cảm giác khoan khoái và càng hát càng trở nên vững tâm hơn. Sâu thẳm trong lòng mình tôi tưởng tượng tình yêu có thể đẹp như thế nào và tôi sẽ buồn bã ra sao nếu như số phận nghiệt ngã với tôi như với cô gái ở trong bài hát. Không chủ định mà khi hát niềm khao khát dẫn dắt tôi đến một người thân yêu, trong giây lát này tôi có thể hy sinh mọi thứ để có thể gặp lại, hít hà và ôm chầm lấy người đó. Như bị lên đồng, tôi không thể không nghĩ đến mẹ tôi, vì tình cảm với mẹ là thứ tình yêu duy nhất mà tôi biết được từ trước đến nay.

Khán giả của tôi xúc động. Tôi nhận được tiếng vỗ tay hoan hô. Hoa hài lòng, tôi còn hài lòng hơn nữa khi nhận được tiền công. Lần đầu tiên trong đời, ít nhất là trong mắt mình, tôi đã kiếm được bốn tiền.

Các nghệ nhân khác, phần lớn là người nghiệp dư như tôi, tới đây từ mọi miền của đất nước trên đường đi tìm việc làm. Chẳng mấy chốc thì tôi nhận ra có một số người trong họ, kể cả Hoa, có những buổi tối đã dốc nhả số tiền kiếm được để cùng hút thuốc phiện. Tất cả họ đều niềm nở đối với tôi và nhiều lần mời tôi đi cùng với họ. Rốt cuộc vào một buổi tối tôi đã nhận lời.

Trong một quán ăn có kèm dịch vụ đặc biệt, người ta có thể tùy thích đi vào những căn phòng mở, được dọn dẹp sạch sẽ ở phía trong, để thả sức hút thuốc phiện và quên đi thời gian. Nằm trên những tấm đệm thoải mái và mềm mại là những thân hình không còn biết rõ họ có thuộc về thế giới này nữa hay không, mọi sự đối với họ chẳng còn một ý nghĩa nào, bởi các giác quan của họ đều đã bị lu mờ. Những người này khiến tôi nhớ đến cô tôi, và một cảm giác ghê tởm dâng lên trong tôi.

Với tôi tất cả đây chỉ là một trò dối lừa mà tôi không muốn can dự. Tôi có cảm giác những cảm nhận và xúc động sâu xa mà họ hát và thể hiện trên sân khấu bỗng nhiên biến thành một giấc mơ rất xa xôi, dường như chúng không tồn tại nữa, trong lúc tôi lại muốn tin đó là sự thật! Họ sống trong một thực tại khác. Dường như họ đã đánh mất hy vọng đối với cuộc sống, niềm hy vọng mà tôi vẫn còn cảm nhận đâu đó trong tim mình và khiến cho tôi, từ một thời gian ngắn trở lại đây, mở to mắt để nhìn đời và sống một cách hoàn toàn có ý thức. Sâu thẳm trong lòng mình, tôi cảm nhận rằng cuộc sống vẫn chứa đựng những khả năng khác, chẳng hạn như tình yêu. Tôi muốn đối mặt với cuộc sống, thay vào việc chạy trốn trước nó. Ngay từ lúc này, mặc dù tôi mới cảm nhận được nó từ một thời gian cách đây, khát vọng sống của tôi đã quá lớn để có thể buông mình chìm đắm trong màn khói thuốc phiện.

Rõ ràng là tôi đã lạc lối đến chốn này.

Chưa đầy ba tháng sau buổi diễn đầu tiên tôi quyết định rời khỏi thành phố, lúc ra đi cũng đơn giản như lúc mình đến đây. Sau một cuộc chia tay ngắn ngủi, tôi tiếp tục lên đường, tâm hồn giàu có thêm bởi một nghiệm trải và đầy háo hức, vâng, đầy cảm giác đói khát đối với cuộc sống đang chờ tôi ở phía trước.

Một cuộc gặp khó chịu

Mùa mưa lại đến, và tôi có ý định đi tiếp về hướng Bắc mà không biết chính xác sẽ đến nơi nào. Tôi vẫn giữ cho mình mục tiêu tìm một cuộc sống bình an trong tương lai, cách biệt với người anh trai mà tôi căm thù, cách biệt với cả những luật lệ cứng nhắc của làng xã. Ở đó, ở phía Bắc, hẳn phải có một chốn như vậy cho tôi, nơi ước mơ giản đơn này sẽ trở thành hiện thực.

Trước sau tôi vẫn kể với mọi người rằng mình là một đứa trẻ mồ côi mà chẳng còn cảm thấy áy náy gì do nói dối. Cảm giác được ai đó chờ đợi hay chào đón ở nơi nào đó đã trở nên hoàn toàn xa lạ đối với tôi. Những người nông dân chất phác từ những thôn xóm nhỏ mà tôi đi qua thường cho tôi đồ ăn thức uống mỗi khi tôi xin họ, mặc dù chính họ cũng có nhiều nhận gì cho cam, thêm vào đó họ lại còn cho

tôi ngủ nhờ. Nếu ít gặp may mắn hơn thì tôi ngủ qua đêm ở ngoài trời, trên một cánh đồng, bất kể ở đó ẩm ướt ra sao. Tôi chấp nhận mọi việc như vốn có. Và như vậy cuộc sống cũng trở nên dễ chịu hơn một chút đối với tôi.

Vào một ngày tôi lại kết bạn đường với một đôi vợ chồng già cũng cuộc bộ như tôi. Chúng tôi đã đi đến gần thị xã Bắc Giang. Đó là một ngày nóng và oi ả. Trước mặt chúng tôi đột nhiên xuất hiện một nhóm thanh niên nam nữ có trang bị vũ khí. Tuy không chĩa súng vào chúng tôi, họ ngang nhiên chắn đường và yêu cầu chúng tôi phải ủng hộ cuộc kháng chiến.

“Mất mỗi một hạt gạo vào tay kẻ xâm lược là đánh rơi một giọt máu đào của nhân dân”, một trong những người đàn ông nói.

“Hãy góp của cho chúng tôi để cứu nước!”, một người phụ nữ yêu cầu. Hai người già sợ hãi và ngoan ngoãn móc tiền từ túi ra. Họ cũng nộp cả những nắm xôi là thức ăn dự trữ đi đường. Những ánh mắt soi mói giờ đây nhắm thẳng vào tôi, tôi trở nên hoảng hốt. Thật bất ngờ là ông già đã lên tiếng bênh vực cho tôi, ông nói với một giọng van lơn và hơi run rẩy: “Con gái chúng tôi chẳng có gì cả. Xin các ông bà để cho cháu đi. Chúng tôi đã già cả, xin các ông bà rủ lòng thương!” Tôi thầm cầu khẩn rằng họ sẽ không mở túi quần áo mà tôi đã giấu toàn bộ số tiền mặt của mình vào trong đó. Tuy nhiên sự việc diễn ra không như dự đoán.

Một người trong số họ, có lẽ là người đội trưởng, đưa tay về phía đầu tôi, và trước khi kịp hiểu anh ta muốn gì tôi đã thấy đau nhói ở tai phải.

“Chúng tôi cũng cần cả những thứ như thế này!”, giọng nói đánh thép của anh ta vang lên. Anh ta liếc qua chiếc khuyên tai của tôi, sau đó nhét vật trang sức đâm máu vào túi. Tôi không chờ đến lúc anh ta giật tiếp chiếc khuyên thứ hai từ vành tai và cố gắng tháo nó ra và trao cho anh ta thật nhanh.

Họ tỏ ra thoả mãn, để cho chúng tôi đi tiếp và lại biến mất sau các lùm cây.

“Cám ơn ông”, tôi nói với người đàn ông già đang lăm bằm chữi. Vợ của ông đưa cho tôi một chiếc khăn để tôi ép chặt lên vết thương đang chảy máu, cho đến lúc chúng tôi chia tay ở thị xã Bắc Ninh gần đấy.

“Đời là cho và lấy ...” Những lời nói này vang lên trong tâm trí của tôi. Một món quà mà tôi nhận được vừa bị lấy đi. Lạ lùng thay những lời an ủi này của ông Hương đã khiến tôi vượt qua cơn buồn bã.

Bí mật được hé mở

Ở Bắc Ninh tôi mau chóng tìm được việc làm tại một gia đình có năm đứa con để đổi lấy đồng lương ít ỏi và một bữa ăn trong ngày. Tôi làm hết mọi công việc trong nhà. Gia đình họ sống trong một căn nhà

dưới một ngọn đồi nhỏ, bên cạnh một bờ gác của quân đội Pháp.

Căn nhà nền đất đơn giản được xây bằng đá, lợp mái tôn phẳng dẹt đã hỏng cho thấy nó hẳn sẽ không còn chống chọi được lâu nữa trước các cơn bão không hiếm khi xảy ra ở đây.

Tôi ngủ ở một trong hai căn phòng phụ trên một chiếc giường gỗ lớn cùng với tất cả lũ trẻ dưới một tấm màn chống muỗi. Chỉ có những bức vách mỏng ngăn giữa chúng tôi, phòng khách đồng thời là phòng ăn và phòng ngủ của bố mẹ.

Một buổi tối, mấy tuần sau khi đến ở cùng gia đình nhà chủ và đang ngủ say sau một ngày làm việc vất vả, tôi bị tiếng cười rúc rích của hai đứa con gái lớn làm thức giấc. Chúng đứng sát mặt vào tấm vách, mũi gần như dí vào lớp giấy báo dán trên tường thay cho giấy bồi và tỏ vẻ vô cùng khoái chí. Tôi đứng dậy khẽ khàng để không gây tiếng động và tiến lại gần bức vách. Có ai đó đã dùng một chiếc đinh to chọc một cái lỗ ở đó. Lũ trẻ để ngón tay lên miệng ra hiệu cho tôi phải thận trọng và để cho tôi nhìn qua chiếc lỗ. Tôi há hốc miệng và mở mắt tròn xoe khi phát hiện thấy trên giường một cặp đôi nam nữ trần như nhộng đang im lặng quấn vào nhau mê mải dưới ánh sáng êm dịu và ấm áp của một ngọn đèn cacbit!

Đó là lần đầu tiên tôi chứng kiến đàn ông đàn bà làm tình với nhau. Tôi cảm thấy má của mình trở nên nóng bừng, phần vì xấu hổ, phần vì tò mò,

tim đập thành thạch dội đến tận cổ và một nỗi thèm khát mới mẻ dâng lên trong người. Tôi mừng là căn phòng đang tối. Tôi tìm cách giấu kín mọi biểu lộ cảm xúc của mình, bởi vì tôi cảm thấy thật xấu hổ khi phải thừa nhận sự thiếu hiểu biết và ngây thơ của mình trên lĩnh vực này. Tôi chỉ nhún vai, mỉm cười và nằm xuống giường trở lại. Mấy phút sau hai đứa trẻ cũng quay lại giường và ngủ thiếp trước tôi. Ý nghĩ của tôi còn quanh quẩn khá lâu với những hình ảnh của cuộc làm tình vừa mới nhìn thấy. Tôi vẫn còn nguyên cảm giác rạo rực trong cơ thể và thử hình dung sẽ ra sao nếu chính mình được nghiệm trải điều vừa chứng kiến.

Bất khả chiến bại

Vào tháng Ba 1945 nền độc lập của Việt Nam được tuyên cáo và người Nhật đã sắp xếp Hoàng đế Bảo Đại của chúng tôi vào vị trí Quốc trưởng. Những người đàn bà gầy guộc cùng với bấy đứa con đã nhiều ngày trời không miếng ăn bỏ vào miệng của họ trên đường đi qua kể về các cuộc thẩm sát và về việc nhiều người bị giam giữ. Càng ngày người ta càng cảm nhận rõ rệt hơn bầu không khí đe dọa giờ đây đã bao trùm khắp nơi.

Tôi vui mừng rằng vào lúc này mình đang có một nơi ăn chốn ở, nhưng rất khó để có thể làm quen với

với tiếng súng đại bác và tiếng bom nổ vọng về. Bên cạnh công việc nấu nướng, giặt giũ và trông nom lũ trẻ tôi cũng còn có nhiệm vụ mỗi ngày một lần, có khi hai lần, đi gánh nước sạch về nhà từ một nơi cách đây khoảng một cây số.

Vào một buổi sáng tôi đã có mặt trên đường từ rất sớm. Tôi vừa đi, vừa thì thầm ngâm một bài thơ của Nguyễn Công Trứ đã học từ dạo ở nhà hát lúc này hiện về trong tâm trí:

“Chữ tình là chữ chi chi,
Dầu chi chi cũng chi chi với tình.
Sầu ai lấp cả vòm trời,
Biết chẳng chẳng biết hơi người tình chung? Nói:
Đa tình là dở,
Đã mắc vào đồ gỗ cho ra!
Khéo quấy người một cái tình ma,
Trói buộc kẻ hào hoa biết mấy!
Đã gọi người nằm thiên cổ dậy,
Lại đưa hồn lúc ngũ canh đi.
Nực cười thay lúc phân kỳ,
Trông chẳng nói, xiết bao nhiêu biệt lệ.
Tình hướng ấy dầu bút thần khôn vẽ,
Càng tài tình càng ngốc, càng si.
Cái tình là cái chi chi?”

Trên đường đi tôi cũng tự hỏi tại sao chiến tranh lại khiến cho con người muốn rời bỏ quê hương của mình. Vào thời điểm đó tôi chưa hình dung rằng mình có thể làm một điều như vậy. Với tình cảm gắn bó với đất nước của mình, tôi nghĩ rằng dù thế nào thì nó vẫn đủ rộng lớn để dành cho mỗi một người con dân một chốn yên lành, cách xa hẳn các xung đột.

Tôi bắt đầu thấy giếng nước ở phía trước thì có một tiếng nổ dữ dội ở phía sau lưng, khiến tôi suýt ngã chúi xuống và bừng tỉnh giấc mơ ngày. Khi quay đầu lại thì tôi nhìn thấy, lần đầu tiên, giữa đám quần áo rách nát, một cơ thể người bị cắt đứt đôi từ trên xuống dưới.

Một người đàn ông trẻ, chỉ cách phía sau tôi mấy mét, vừa dẫm lên mìn. Xác chết của anh ta trông thật khủng khiếp.

Vào khoảnh khắc này những lời nói của ông thầy bói hiện về trong đầu tôi. Vâng, cái chết vừa gõ cửa chỗ tôi, nhưng lần này nó đã chọn một nạn nhân khác. Ý nghĩ này trong giây lát cho tôi có được một cảm giác bất khả chiến bại. Tôi nhặt chiếc đòn gánh vừa bị rơi xuống trong vụ nổ và đặt nó lại lên vai, đi tiếp đến giếng nước, trong lúc hai đầu gối vẫn còn chưa hết run. Tôi nhanh chóng lấy đầy hai thùng nước. Trên đường trở về nhà chỉ khi đã đi vượt qua xác chết của người đàn ông một quãng tôi mới có thể thở phào. Vừa bước đi tôi vừa tự nhủ, vụ việc diễn ra vừa rồi đâu phải là dành cho mình.

Những chiếc nôi biết bay

Ở ngoại ô thành phố ngày càng có nhiều xe kéo giò đây chủ yếu được dùng vào việc chở xác các nạn nhân từ các vùng lân cận đến. Người chết được nhanh chóng trút xuống những hố lớn và được vùi kín ngay khi hố đã đầy. Có nhiều người bị chết đói, đa số họ là những người thuộc tầng lớp bần cùng nhất, trong đó có nhiều trẻ em bị bỏ rơi. Những cơ thể gầy đét của họ làm người ta liên tưởng đến những thân cây đã bị khô héo.

Vào một ngày có mấy người đi đến chỗ tôi với dáng điệu hồ hởi, mỗi bên tay xách một chiếc xô chứa đầy những con lợn béo ú đang nhúc nhúc cuộn mình. Họ cười sung sướng, tôi rất ngạc nhiên không hiểu họ kiếm được từ đâu ra thứ của hiếm đó vào thời buổi này. Đã từ bao lâu rồi chúng tôi chẳng hề có những món đặc sản như vậy trong bữa cơm hàng ngày.

Khi tôi hỏi, họ chỉ cho tôi chỗ đang lúc nhúc đầy những con vật như vậy. Tôi biết chỗ này quá rõ: Đây là một trong những hố lớn dùng để chôn xác người. Với một cảm giác nôn nao trong dạ, tôi cầu xin tổ tiên đừng bao giờ để mình lâm vào cảnh đói khát.

Những tình huống nguy hiểm mà tôi rơi vào ngày càng xảy ra nhiều hơn. Chỉ mấy tuần sau vụ nổ mìn có một việc khá kỳ quặc, gần như lỗi bịch, đã xảy ra đối với tôi.

Lúc đó tôi đang có mặt trước nhà để rửa mấy chiếc xoong nhỏ trong một chiếc nồi lớn. Khi sắp xong việc thì từ phía trên đồi có một tiếng rít vang lên, tiếp theo đó là những tiếng gõ công cộc khiến tôi phải ngẩng đầu lên.

Một vật lạ từ trên cao xuống nhảy chồm chồm trên đường, sau mấy lần bị va chạm thì chuyển hướng và dừng hẳn một đoạn ngắn phía sau lưng tôi. Bởi vì nó bằng kim loại nên sau khi trấn tĩnh lại tôi đoán là có ai đó đã vút đi các thứ xoong nồi cũ của mình. Thật là vô liêm sỉ và táo tợn, tôi rửa thắm và rất tức giận vì đây là một việc làm quá nguy hiểm.

Tuy nhiên tôi cảm thấy vật lạ này có gì đó không bình thường, vì vậy tôi đi tiếp mấy bước sang bớt gác quân sự ở bên cạnh và gọi người ở đó ra.

Tôi vung tay vung chân ra hiệu, tìm cách giải thích cho người lính da trắng xa lạ hiểu là mình vừa tìm thấy một chiếc nồi biết bay. Ông ta dường như không hiểu tôi, nhưng sau một lát thì gọi người chỉ huy ra, người này biết nói một ít tiếng Việt và tôi có thể trình bày ngắn gọn cho ông ta điều mình muốn nói.

Chúng tôi cùng nhau đi đến chiếc nồi bây giờ đang nằm im lìm và vô tội, lấm đầy bụi đường. Hai người lính đảo mắt nhìn nó và tôi thấy vẻ mặt vốn đã tái của họ bây giờ càng trở nên nhợt nhạt hơn. Cả hai hốt hoảng cùng nhìn tôi, tóm chặt lấy cánh tay tôi phải, kéo tôi chạy thật nhanh khỏi thứ đồ vật này. Đó là một quả lựu đạn diéc.

Giàu mà vẫn nghèo

Bởi tình hình đối với dân thường ngày càng trở nên căng thẳng hơn, gia chủ của tôi quyết định rời khỏi thành phố đi về hướng Nam với tất cả các đồ đạc mà họ có thể mang theo. Bản thân tôi thì đường nào cũng không muốn đi về hướng Nam nên đã chia tay họ và tìm một chỗ làm mới.

Chủ mới của tôi là một người đàn ông người Hoa già và giàu có, vợ của ông trẻ hơn ông rất nhiều, bà này có gốc gác nửa là Bồ Đào Nha, nửa là người Hoa. Ở mặt tiền của ngôi nhà bà ta có một cửa hiệu nhỏ. Ba người con trai gần như đã trưởng thành, tuy nhiên đều chưa lập gia đình và sống ở nhà. Gia đình họ chẳng thiếu thốn thứ gì, tôi có cảm giác dường như cuộc sống ở đây cứ tiếp tục diễn ra một cách bình thường.

Trong ngôi nhà bày biện khang trang chủ nhà cho đào hai hầm nhỏ làm kho dự trữ, trong đó chứa đầy các loại các thực phẩm có thể bảo quản được lâu dài.

Ở sân sau còn có một giếng nước riêng để có thể lấy nước sạch từ đó, đây quả là một xa xỉ phẩm.

Trong đội ngũ gia nhân có một người đàn ông duy nhất là một ông già lưng còng với một bộ mặt không giờ biểu lộ cảm xúc, bao quát toàn bộ công việc quản gia. Ông tên là Sơn. Ông là một người đầy tớ trung thành của gia đình, phục vụ ở đây từ thuở

còn tằm bé, tôi cảm thấy sự tự hào của ông khi ông kể về điều này. Dưới sự giám sát nghiêm ngặt của ông, tôi đã học được rất nhiều điều. Nếu trong lúc làm bếp tôi mắc phải một lỗi nào đó (may mắn là điều này hiếm khi xảy ra), chẳng hạn như rau thái không chuẩn hay món thịt nấu chưa chín, ông trừng phạt bằng cách bắt tôi xòe các ngón tay ra và dùng đũa quẹt vào đó. Tôi chấp nhận những đòn hạ nhục nho nhỏ này, bởi vì ông cũng tỏ lời khen ngợi mỗi khi tôi làm được việc. Từng bước, từng bước tôi học thêm nhiều điều mới mẻ.

Ông chủ của chúng tôi thỉnh thoảng có những hành vi khá kỳ quặc. Một khi nổi hứng, ông ta ra lệnh nấu những món thật ngon, nhưng chẳng bao giờ ăn, mà chỉ để ngắm. Có một ngày theo nguyện vọng của ông chúng tôi chế biến một món cá cực ngon. Ba ngày liền ông yêu cầu tôi bày món cá này lên mâm và tỏ ra rất ưng ý, nhưng mỗi lần sau đó ông lại bảo mang nó xuống bếp trở lại để chúng tôi bảo quản giữa các thanh nước đá. Trong thời gian đó chúng tôi chỉ ăn các cục cơm nếp vắt chấm với nước tương. Chỉ trước khi con cá bắt đầu thiu, ông ta mới cho phép cả nhà ăn nó, nhưng riêng ông lại không hề đụng đũa.

Lúc tôi hỏi ông Sơn tại sao ông chủ lại ứng xử kỳ quặc như vậy, ông chỉ lắc đầu và nói: “Ông chủ nhà ta bị trời hành. Ông ấy có tất cả những gì người đời thèm muốn, nhưng lại không thể thưởng thức chúng.”

Hành vi ứng xử của ông chủ là trải nghiệm kỳ lạ nhất mà tôi có được trong thời gian sống ở gia đình này. Nhiều năm sau tôi vẫn còn phải tự hỏi tại sao một người chẳng thiếu thứ gì để hưởng thụ, vậy mà chẳng bao giờ được toại nguyện.

Cái chết đến trên bốn chân

Cả ở nơi đây tôi cũng chỉ nhận được một đồng tiền lương ít ỏi, nhưng tôi luôn được no bụng và không phải ngủ ngoài trời. Một trong những công việc của tôi là đi chợ mua thức ăn. Để làm việc này tôi được giao một khoản tiền nhất định. Tuy nhiên tôi quyết định những khi mua được thực phẩm với giá rẻ hơn mức bình thường do biết cách mặc cả thì sẽ giữ lại cho mình số tiền đã tiết kiệm được. Như vậy tôi thấy công bằng hơn.

Trên chợ vào buổi sáng này chỉ có ít người qua lại, trong đó có mấy người lính Pháp mang theo súng dài. Tôi bước đi nhịp nhàng, trên vai là chiếc đòn gánh, một đầu là một thúng rau quả tươi, ở phía thúng đầu kia là hai con gà đang sống, chân buộc túm vào nhau.

Tôi đã kết thúc việc mua hàng cho ngày hôm nay và đang trên đường về nhà thì bỗng nhiên có những tiếng hét át hẳn cả tiếng trò chuyện của những người bán hàng. “Chạy đi, nhanh lên! Nó bị hóa đại

đấy! Tránh nó ra!” , nhiều giọng nói hấp tấp lẫn vào nhau. Tôi không biết những tiếng gọi này dành cho ai, chỉ khi có mấy người đàn ông và đàn bà sợ hãi chạy qua chỗ tôi và xô tôi suýt ngã xuống đất, tôi mới nhận ra nguyên nhân của cơn hoảng loạn bất ngờ này: một con chó mực.

Laο tiếp một vài mét đến trước mặt tôi thì nó dừng lại, dương mắt nhìn vào tôi chòng chọc. Nó không lớn lắm, tiếng thở hồng hộc của nó trộn lẫn trong tai tôi với tiếng tim của chính tôi đang đập dồn dập. Tôi chỉ có một giây lát để kịp để ý đến dải nhót đang nhỏ lỏng tỏng từ hai bên mõm nó và nghe được giọng một người đàn bà gọi tôi: “Chạy ngay đi, bé ơi! Chó dại đấy!” Tôi không hiểu được chó dại có nghĩa là gì, nhưng biết đây là điều chẳng có gì tốt lành. Bỗng dưng con vật chồm vào tôi. Bị bất ngờ bởi đòn tấn công này, tôi ngã sập xuống đất và hét lên kinh hãi khi hàm răng sắc nhọn của nó cắm xuyên qua lớp quần vải vào bắp chân trái của tôi.

Tôi cảm thấy răng của con vật đã ngoạm sâu vào đến xương ống chân và thét lên kêu cứu vì quá đau đớn. Ba người đàn ông cầm gậy chạy tới và vụt lia lịa vào con chó cho đến khi nó rời khỏi tôi. Con vật lại tìm được nạn nhân tiếp theo và cắn vào cổ tay của một trong mấy người đàn ông. Người này hét lên, tìm cách giẫy ra thì có một tiếng súng nổ. Một người lính Pháp đã bắn chết con chó và cứu chúng tôi khỏi con quái vật này. “Ta phải đốt nó ngay lập

tức”, những người đàn ông đứng vây quanh con vật đã chết nói.

“Trong phố có mấy người bị cắn rồi, trong đó có ba người ngoại quốc. Và bây giờ thêm hai người này...”, một người đàn bà nói.

Hoảng loạn và đau đớn, tôi ném đại đám rau quả và hai con gà bị rơi vào thúng. Tôi chỉ muốn trở về nhà, thật nhanh .

Cỏ diên

Trước khi xem xét vết thương, tôi vá lại chiếc quần. Bốn lỗ sâu trên ống chân của tôi hầu như không chảy máu và cơn đau điếng trước đó cũng đã dịu xuống. Tôi lại làm những công việc thường nhật mà không kể gì về sự việc đã xảy ra vì sợ sẽ bị khiển trách.

Những ngày đầu tiên diễn ra khá bình thường. Tôi tiếp tục tìm cách quên đi các cơn đau. Chỉ đến bữa ăn tối chung với ông bà chủ vào ba ngày sau đó - khi không có khách chúng tôi vẫn ăn chung cùng nhau - tôi không thấy ngon miệng. Tôi có cảm giác khó ở, gây gây sốt. Ngoài ra tôi còn bị buồn nôn. Bà chủ điềm tỉnh bảo tôi đi ngủ và nói rằng với một cô gái ở lứa tuổi của tôi đấy là một chuyện bình thường. Có thể là tôi sắp hành kinh, một điều mới mẻ đối với tôi.

Đêm khuya bỗng dưng những cơn đau xoáy óc và cơn khát cồn cào đánh thức tôi dậy. Tôi đứng dậy,

rót cho mình một cốc nước trà, nhưng không sao uống nổi được một ngụm. Cổ của tôi như bị thít lại. Để không đánh thức ai, đặc biệt là ông Sơn cũng ngủ trong gian bếp ở ngôi nhà ngang như tôi, tôi lại đặt mình xuống giường, nhưng suốt đêm tôi bị khát nước, bất an và thường xuyên trằn trọc, trở người qua lại.

Vào sáng sớm tôi phải dậy để chuẩn bị cho bữa ăn sớm. Ông Sơn đã đứng sẵn trong bếp khi tôi lao đảo đi vào, các khớp xương đau nhức nhối.

Ông chào tôi như mọi lần và mở rèm cửa để cho ánh nắng lọt vào thì tôi hét lên.

“Cháu làm sao vậy?”, ông hỏi một cách ngạc nhiên và lo lắng.

“Ánh sáng làm cho mắt cháu nhức, cháu khát cháy cổ mà chẳng uống được một giọt nước nào. Suốt cả đêm cháu đã bị như vậy”, tôi trả lời và lấy hai bàn tay che mắt.

Ông Sơn rót cho tôi một chén nước trà mới pha, khi tìm cách uống thì tôi nhận ra cổ của mình còn bị thít chặt hơn nữa. Tôi có cảm giác bị ngạt thở và hoảng hốt tới mức đánh rơi chén nước xuống đất. Khi ông Sơn cúi xuống để nhặt các mảnh vỡ thì tôi ngập ngừng nói:

“Ông ạ, cách đây ba ngày cháu bị một con chó cắn ở chợ. Có lẽ cháu bị ốm là vì vậy. Cháu xin lỗi.”

“Bị chó cắn? Thật sao? Ở đâu?”, ông hỏi, đột ngột trở nên chăm chú.

Tôi thấy trán ông toát mồ hôi khi chỉ cho ông xem vết thương.

“Sao lại có thể thế được... Cháu ở lại đây! Ngồi xuống và chờ ông ở đây!”, ông hạ lệnh cho tôi rồi chạy ngay sang ngôi nhà chính, nhanh hết mức tuổi tác của ông cho phép. Sau ít phút ông quay lại cùng ông chủ và ba người con trai của ông chủ. Họ đứng lại ở cửa bếp và tôi nghe ông Sơn hạ lệnh.

“Con bé chẳng còn nhiều thời gian nữa. Cháu cầm mười đồng chạy ngay đến ông bác sĩ người Tây. Bảo ông ấy đưa số thuốc tiêm cần thiết. Như vậy vẫn chưa đủ đâu, nhưng tạm thời cứ mang chừng ấy về đã. Rồi chạy đến chỗ ông thầy Đông y và lấy cho bác một thang cỏ điên. Cháu đưa cho ông ấy một trăm đồng, vì từ ngày mai ông ấy còn phải đến đây chín lần. Và bây giờ thì giúp bác trói con bé vào giường. Cẩn thận đừng để con bé cào cấu hay cắn, bệnh dại là bệnh truyền nhiễm đấy!”

Cánh cửa mở rồi lại khép. Chỉ có ông Sơn đến cạnh tôi và nhìn tôi một cách bình thản. Ba người còn lại đứng sau lưng ông, trên tay cầm các sợi dây thừng dài. Mặc dù vô cùng khiếp sợ, tôi đặt hết niềm tin vào ông.

Trong lúc dìu tôi đến chiếc giường gỗ ông nói với tôi, với một giọng bình thản cố ý:

“Này cháu, bây giờ bác sẽ cho cháu uống thuốc, rồi cháu sẽ khoẻ trở lại, nhưng trước tiên bác và các anh phải buộc cháu vào giường đã.” Ông nói chưa

dứt câu thì hai bàn chân của tôi đã bị trói chặt. Tôi tìm cách nhòe dậy nhưng bốn bàn tay vạm vỡ ngay lập tức đã đè tôi dúi xuống, nhanh đến mức đầu của tôi bị đập bộp vào mặt giường gỗ. Bây giờ hai bàn tay tôi cũng bị trói nghiêng lại.

Ông Sơn nói tiếp với tôi: “Cháu ạ, có những hình thù khiếp đảm sẽ hiện lên trước mắt cháu, nhưng cháu hãy cố nhớ là chúng không có thật. Bất cứ điều gì xảy ra đi nữa, chúng chẳng hề có thật! Chỉ khi bệnh đại đã rời khỏi cơ thể cháu thì những ảo ảnh này cũng mới biến đi. Cháu hiểu chưa?”

Vết thương của của tôi bây giờ có cảm giác nhồn nhột rất kỳ cục.

“Cháu hiểu chưa?”, ông Sơn nhắc lại. Tôi khẽ gật đầu, do sợ hãi hơn là hiểu.

Các lọ thuốc tiêm của vị bác sỹ người Tây đã được đem về. Ông Sơn tiêm cho tôi ba mũi lên thành bụng. Tiếp theo đó người con trai của ông chủ, người ướm dằm mồ hôi do chạy, mang về thang thảo dược đã được ông thầy Đông y bào chế đựng trong một bình thủy tinh lớn. Ông Sơn đến chỗ tôi, một tay cầm chiếc bình không đáy nắp, bên trong là một thứ chất lỏng sền sệt, đục ngầu, bốc mùi hôi thối, một tay cầm một chiếc phễu.

Người ta đè mạnh lên má tôi, mở vòm miệng đủ rộng để ông Sơn có thể dùng phễu rót thứ chất lỏng đã pha chế vào họng tôi. Sự kháng cự của tôi hoàn toàn vô hiệu. Tôi cảm thấy luồng chất lỏng chảy

xuống dạ dày của mình. Tôi nhắm mắt lại cam chịu. Tất cả yên tĩnh lại. Bây giờ cuộc chiến đấu của tôi để mạnh khỏe trở lại đã bắt đầu.

Tôi không biết có bao nhiêu thời gian đã trôi qua cho tới khi tôi bắt đầu nghe thấy một tiếng gõ nhẹ trong đầu mình. Tiếng gõ sau đó chuyển thành tiếng rít. Tôi mở mắt ra. Dưới chân tôi có vật gì đó động đậy. Tôi rùng mình khiếp sợ khi nhận ra nó. Một con rắn khổng lồ đang quấn lấy tôi và tìm cách bóp nát thân thể của tôi, trước khi nó há to mồm để nuốt chửng lấy tôi. Sau đó tôi nghe thấy tiếng la hét thất thanh của những con khỉ giận dữ chồm thẳng vào tai tôi. Những chiếc mồm hở to tướng mở hoác trước mặt tôi. Tôi muốn chạy trốn, nhưng thấy mình đã bị trói chặt và thấy vô cùng tức giận. Tại sao người ta lại trói tôi? Tôi nghe rõ cả những tiếng đập thình thịch của trái tim hoảng loạn trong lồng ngực. Tôi chỉ có một mình! Không có ai ở đây để giúp đỡ tôi. Bất kể tôi mở hay nhắm mắt, những hình thù ngày càng trở nên quái đản hơn đẩy tôi vào trạng thái cuồng điên, khiến tôi liên tục rú lên vì tức tối và kinh hãi.

Phải mấy tiếng đồng hồ sau những hình ảnh này mới thoát khỏi đầu óc và thân thể đã kiệt sức vì giấy dứa của tôi. Khi mở mắt, tôi nhìn thấy trước tiên là gương mặt lo âu của bà chủ, sau đó là ông Sơn, ông dùng khăn lau trán cho tôi và lần đầu tiên mỉm cười âu yếm với tôi. “Vậy là cháu đã qua được cơn nguy

khốn rồi. Bây giờ cháu đã lại là cháu”, tôi còn nghe được lời ông nói, trước khi chìm sâu vào giấc ngủ do kiệt sức.

Chín ngày liền tôi tiếp tục uống thứ thuốc nước bốc mùi thối mà một người đàn ông già hàng ngày mang đến cho tôi. Mỗi lúc như vậy, để đề phòng, người ta lại trói tôi, tuy nhiên không còn lần nào tôi bị lên cơn mê sáng nữa.

Về sau tôi được biết vào thời gian này ở Bắc Ninh có bảy người chết vì bị chó dại cắn. Hai người ngoại quốc là lính lê dương có vợ là người An Nam được cứu sống. Họ hẳn đã phải đi qua một thứ địa ngục tương tự như tôi, một cô gái mới mười lăm tuổi đời, để tránh cái chết gần trong gang tấc.

Một phen thay đổi sơn hà

Mùa mưa năm nay với những trận mưa xối xả, kèm theo những cơn bão dữ dội, đã huỷ hoại mùa màng và khiến cho bao người trở nên trắng tay. Ở nhà ông bà chủ của tôi số lương thực dự trữ cạn dần. Khi nạn đói lan tràn khắp miền Bắc, có những người tị nạn kiệt sức vào thành phố kiếm ăn kể rằng họ đã phải tuyệt vọng chứng kiến cảnh các toán quân Nhật Bản trước khi rút lui đã ném xuống sông số gạo mà chúng chưa tiêu thụ hết. Vào thời gian này tôi nhìn thấy xác trẻ em vụn thành đồng ở trước mấy ngôi nhà.

Một quả bom nguyên tử được ném xuống Hiroshima, một sự kiện đã dẫn tới việc đầu hàng của Nhật Bản và qua đó là sự thoái vị của Hoàng đế của chúng tôi. Một thời gian ngắn sau đó những người lính Trung Quốc mặc quân phục màu xanh da trời, phần lớn đi chân đất, hành quân đến từ phương Bắc để giải giáp quân Nhật. Những vụ hiếp dâm và cướp bóc, nếu vẫn chút gì đó sót lại để cướp, diễn ra như cơm bữa theo các lời đồn đại. Những câu chuyện kể sồn gai ốc này là lý do để bà chủ của tôi, theo lệnh của chồng bà, cùng với các người con và ông Sơn, rời khỏi nhà đi về hướng Nam để chờ tới lúc yên hàn. Họ thuê một chiếc xe buýt cho chuyến hành trình. Trong túi họ chứa đầy đồ trang sức, vàng và tiền, nhiều tới mức như tôi chưa bao giờ thấy vậy trong đời. Những đồ vật quý giá khác không mang theo được thì những người con trai đem giấu kỹ dưới lòng giếng.

Trong ngôi nhà lớn, chỉ một mình tôi ở lại với ông chủ do tuổi đã cao nên không kham nổi chuyến đi xa. Ông thậm chí còn không nghĩ tới việc rời căn nhà, bởi nếu sau đó có ai khác bước vào ngôi nhà bị bỏ hoang thì sẽ được coi như là người chủ mới. Và tôi muốn giữ lời hứa của mình là sẽ tiếp tục phục vụ ông một cách trung thành, như ông Sơn đã làm từ trước tới nay, và coi đây cũng là một dịp đền ơn cho những thứ thuốc men mà ông đã bỏ tiền mua để chữa bệnh đại cho tôi.

Trong phạm vi khả năng của mình tôi đảm đương các công việc nội trợ giờ đây đã trở nên đơn giản hơn nhiều. Hầu như ngày nào vào bữa trưa chúng tôi cũng chỉ cùng nhau ăn một món cháo lẫn với thịt lợn sấy khô, được gọi là “ruốc”. Buổi tối đến ông đi ngủ sớm. Ông thường nói với tôi rằng thời buổi tệ hại này chẳng mấy chốc sẽ trôi qua; không nghĩ ngợi gì nhiều tôi tin vào lời của ông.

Vào tháng chín, chẳng có dấu hiệu nào báo trước, tôi bắt đầu có hành kinh. Bởi vì không có quần lót nên tôi để cho dòng máu sẫm đen chảy xuống đất và rửa người nhiều nhất có thể. Sau ba ngày thì tôi hết hành kinh. Sau đó tôi chẳng hề cảm thấy mình nữ tính hơn được chút nào, và tôi vẫn tiếp tục cảm ghét đôi vú trông như hai quả chanh non còi cọc của mình.

Việt Nam giữa chừng được tuyên bố độc lập lần thứ hai, lần này bởi một người đàn ông có tên Hồ Chí Minh. Với tư cách là tân nguyên thủ quốc gia mà xe ô tô được hộ tống bằng xe đạp, ngay từ mùa xuân 1945 ông đã kêu gọi người dân đi phá kho thóc Nhật để khắc phục nạn đói và chống lại kẻ xâm lược. Nhiều người, cả đàn ông và đàn bà, không còn gì để mất ngoài tính mạng của mình và của con cái họ, quyết định chọn ông và hoàn toàn tin tưởng đi theo ông. Họ đặt toàn bộ hy vọng của mình vào phong trào Việt Minh có biểu tượng là lá cờ đỏ sao vàng giờ đây đang hiện diện gần như khắp nơi trên miền Bắc.

Những lá cờ đỏ nhằm hiệu triệu ý chí của người dân thay đổi và cải thiện hoàn cảnh của mình.

Bình yên trong hỗn loạn

Đối với tôi cũng như với toàn thể người dân bản xứ, việc sống dưới rất nhiều thế lực chiếm đóng và chính phủ khác nhau đã gần như trở thành một thói quen. Họ thả tay thực hiện quyền lực, và tùy theo ý thích, khi thì để cho dân chúng yên ổn, khi thì o ép hết mọi bề. Cuộc sống hàng ngày của tôi giới hạn trong việc sống ẩn mình cùng ông chủ và né tránh các xung đột có thể bùng nổ hay các tranh chấp dẫn đến xung đột. Tôi biết là chúng chỉ mang lại đau khổ. Tuy nhiên khi nỗ lực để thích nghi với hoàn cảnh, tôi vẫn luôn có những cảm xúc lẫn lộn, bởi tình hình căng thẳng chung đang đè nặng lên tâm trí tôi và cả thành phố; không lúc nào tôi có thể biết chắc ai là người muốn điều lành và ai có ý định làm điều dữ. Như tất cả mọi người tôi sống trong niềm hy vọng chẳng bao lâu nữa những ngày bình yên hơn sẽ đến và những bóng đen bất an hiện tại sẽ được xua tan.

Ông chủ của tôi tránh không ra ngoài, còn tôi thì run rẩy đi ra phố để mua thực phẩm cho hai người vào những ngày rét mướt trong tiết lạnh đầu năm, vừa hy vọng, vừa lo âu đón chờ những tin tức mới nhất.

Giờ đây nhiều lần xuất hiện những người Âu gầy gò, nhợt nhạt đội mũ kê pi và những người lính Phi châu cao lớn lưng lững với những cặp mắt trước nay vẫn khiến tôi khiếp sợ ngồi trên các đoàn xe vận tải đi vượt qua người đi bộ. Đồng thời bộ đội Việt Nam với mũ cối màu xanh và quân phục màu nâu đỏ, đeo súng hay cầm gậy tre diễu hành qua thành phố, trên tay là quốc kỳ màu đỏ sao vàng.

Thực tình tôi cảm thấy thản nhiên trước mọi việc, điều cốt yếu là làm sao có đủ cái ăn và không bị ai quấy nhiễu. Tình hình trở lại yên ổn trong mấy tháng trời. Ban ngày trên đường phố người ta lại nghe tiếng rao của những người bán hàng cần mẫn, đêm đến những hành khúc cách mạng mới mẻ vang vọng xa xa. Những hàng cây phượng vĩ to lớn nở hoa đỏ rực. Nếu giờ đây người thầy bói già đạo xưa đang đứng trước mặt tôi, hẳn tôi sẽ hỏi ông liệu sắc đỏ này là tượng trưng cho hạnh phúc hay là màu của máu.

Một cốc cà phê và một kiếp người

Trên những đường phố gần như vắng tanh ở Bắc Ninh giờ đây bỗng nổ ra các trận giao tranh. Những tiếng nổ và tiếng súng bắn ở gần, tiếp theo đó là tiếng đại bác đáp trả khiến cho tôi khiếp sợ. Mỗi lần đạn bắn trúng vào mái tôn ở ngôi nhà ngang, chiếc

quạt mà tôi cầm trên tay để quạt cho ông chủ trong phòng khách lại run bắn lên.

Mặc dù bề ngoài không hề có biểu hiện gì hoang mang, thay vào việc ngồi yên như mọi khi, ông lại đi lấy một chiếc đệm bông từ trên gác xuống, chần dục trước cửa sổ. Ngồi trên một chiếc gối thêu trước tấm đệm, ông lần đọc trong một cuốn sách.

“Cháu đi pha cho ông một cốc cà phê”, bỗng dưng ông nói với tôi.

“Nhưng mà thưa ông ... họ đang bắn nhau ở ngoài kia! Cháu không thể đi được, cháu đang sợ!”, tôi trả lời.

“Hãy làm như ông vừa bảo”, ông nói với giọng nghiêm khắc và cáu kỉnh, mãi đọc trong cuốn sách hơn là bận tâm đến tình trạng tâm lý của tôi.

Chưa bao giờ tôi lo lắng như lúc này. Đạn súng máy vãi như mưa xuống mái nhà của chúng tôi. Với ý nghĩ rằng mình sẽ chết ngay tại chỗ, tôi chạy xuống nhà bếp, giữa những làn đạn chết chóc bay chiu chiu ở xung quanh. Tay run bắn bật, tôi nhóm lửa nấu nước và tìm cách tập trung vào công việc để quên đi nỗi sợ mà không được. Toàn thân run rẩy, tôi mang cốc cà phê đầy vừa pha xong chậm chậm đi qua sân, thay vì chạy nhanh như trước đó, nước mắt dâng trào. “Thưa ông, cà phê của ông đây ạ”, tôi thở phào nói khi đặt chân vào phòng khách. Không ai trả lời tôi. Liệu ông chủ đã đi ra ngoài rồi ư? Đột nhiên tôi đánh rơi chiếc cốc. Phía giữa chiếc đệm đã nhuộm màu đỏ. Tôi thấy thấy ông chủ giữa một vũng máu,

người gập về phía trước, vẫn còn ngồi trên chiếc gối. Ông đã bị một viên đạn bắn vào giữa lưng.

Không kịp đắn đo gì về hành động của mình nữa, tôi chạy ra cửa và mở tung nó ra. Như bị mất hồn, tôi la hét trên đường phố cầu cứu. Tôi không biết là trận đánh đã trôi qua và xung quanh trở lại im ắng như thể chẳng có gì xảy ra.

Những người lính Pháp đi đến chỗ tôi. Họ mang ông chủ vẫn đang còn thoi thóp thở của tôi đi. Đó là lần cuối cùng tôi nhìn thấy ông.

Bị số phận bỏ mặc

“Phải chăng mỗi người
đều chỉ là một ‘kẻ sống sót’?” (Loan)

Ba đêm trôi qua. Tôi ngủ li bì, không tỉnh giấc lấy một lần, cho đến khi hồi lại sức. Chỉ còn lại một mình trong ngôi nhà, tôi luôn ở trong trạng thái sợ hãi. Tôi không còn dám đi ra ngoài, kể cả xuống bếp. Liệu tôi còn làm gì được bây giờ?

Tôi thường khóc. Tôi rất nhớ mẹ. Nhớ bàn tay bình thản của bà hắt lúc này sẽ dịu dàng lau nước mắt cho tôi và nụ cười hàm ý rằng: “Con đừng sợ, rồi mọi việc sẽ trở nên tốt lành.”

Vào sáng sớm tinh mơ ngày thứ tư có tiếng chân đạp mạnh vào cửa ra vào và tiếng động rầm rầm. Lính lê dương Pháp đổ xô vào khám xét nhà, trước khi họ dẫn tôi ra ngoài, các họng súng chĩa thẳng vào tôi. Họ đã nhận được lệnh tản cư thành phố.

Không xa ngôi nhà có một chiếc xe tải lớn đỗ sẵn, trên đó đã có mặt nhiều đàn bà, trẻ em và người già. Tôi trèo lên xe.

Hình ảnh cánh cửa nhà mở toang là hồi ức cuối cùng của tôi, áo quần trên người là tài sản duy nhất mà tôi mang theo.

Chẳng hề có ai giải thích một điều gì với chúng tôi. Và không một ai trong chúng tôi dám hé miệng đặt câu hỏi. Suốt cả ngày chúng tôi đi trên những con đường gập ghềnh theo hướng Đông Nam. Trong những lần giải lao ít ỏi chúng tôi không được phép xuống xe. Trong khi xe chạy, các bà mẹ có con nhỏ giơ trẻ có nhu cầu lên thành xe để chúng đái ỉa qua đó. Trẻ sơ sinh thì khóc thét inh ỏi cho đến lúc kiệt sức thiếp đi.

Buổi tối xe dừng lại nhưng người ta hạ lệnh cho chúng tôi phải ngồi yên.

Chúng tôi tiểu tiện vào lòng bàn tay để không bị chết khát. Đầu tiên là trẻ em uống, sau đó là người già, và cuối cùng, như luôn luôn vẫn thế, là chúng tôi – đàn bà và con gái.

Vào sáng hôm sau chúng tôi lại đi tiếp, vẫn chẳng hề được cho ăn cho uống, nhưng lại bị họng súng

chĩa vào đầu. Tôi chỉ muốn hất tung những tiếng thét căm tức và phần nộ lên trời cao, nhưng không sao nói nên lời, bởi tôi nhận thấy có nhiều người còn tuyệt vọng hơn cả tôi cũng phải nuốt nước mắt và im lặng.

Chúng tôi bỏ những cánh đồng lúa lại phía sau và đi vào thành phố lớn Hải Phòng. Người ta ra lệnh cho chúng tôi xuống xe. Không hề có một lời giải thích nào, những người lính cùng các chiếc xe cam nhông biến đi, nhanh chóng hết như lúc họ đến, bỏ mặc chúng tôi đứng đó.

Tại sao họ lại mang chúng tôi đến đây? Rồi số phận của chúng tôi sẽ ra sao?

Những người bị bỏ rơi cùng tôi chầm chậm tách nhau ra mà không nói nhiều lời. Tôi cũng bỏ đi mà không biết phải về đâu. Năm ấy tôi gần mười bảy tuổi.

Một cuộc gặp gỡ lặng lẽ

Tôi cân nhắc. Đầu tiên là tôi phải tìm ngay một việc làm, bởi chỉ có tiền thì tôi mới có thể sống nổi.

Hải Phòng là một thành phố rất sôi động và có nhiều gương mặt khác nhau. Khắp nơi đều thấy sự hiện diện của nhà binh. Các bà xơ Công giáo đi thành nhóm qua các dãy phố bị phá hủy, những đồng đồ nát gợn nhớ cách đây mấy tháng đã diễn ra các cuộc giao tranh ác liệt ở đây. Mấy chiếc thuyền mảnh với

cả các gia đình trên đó đi vào đến tận trung tâm thành phố trên các nẻo đường thủy.

Giao thông ở đây tấp nập hơn nhiều so với các khu vực nội địa. Dọc đường men theo các cầu cảng khổng lồ, nơi có các con tàu lớn chạy động cơ hơi nước đang chuẩn bị nhổ neo, tôi gặp những người đủ các màu da và chiều cao. Ở hầu như mỗi góc phố đều có các tu sĩ Phật giáo đi khát thực.

Suốt cả một ngày trời tôi đi hỏi xin việc làm tại một khu phố ngay gần cảng. Tôi chỉ nhận được các lời từ chối cho đến khi tới một tiệm bán đồ uống và gà rán cả ngày lẫn đêm. Bà chủ là một người đàn bà có thân hình tròn trĩnh xuất thân từ Lào, góa chồng và sống cùng với người em gái và cô con gái ở góc sau của cửa hàng. Em gái bà làm công nhân trong một xưởng dệt lụa, cô con gái thì có một quầy ăn ngoài đường để kiếm sống. Bà đồng ý nhận tôi vào làm việc. Buổi tối tôi phụ trách việc bán gà rán và được trả công bằng các bữa ăn và chỗ ngủ.

Sau khi tôi đã rửa qua người, bà chủ trao cho tôi một bát mì nấu với thịt gà, tôi đang gần như chết đói nên ăn ngấu nghiến một loáng hết ngay. Ngay trong đêm đó tôi sẽ bắt đầu làm việc ngay. Trong khi ăn tôi để ý thấy trên tường tấm ảnh của một người đàn ông với gương mặt gầy gò. Tôi hỏi bà chủ với giọng cảm thông: “Thưa bà, liệu đây có phải là ông nhà đã quá cố?” Bà chủ lắc đầu cười: “Không, đây là ông Hồ Chí Minh, Quốc trưởng mới của chúng ta.”

Lần đầu tiên tôi nhìn thấy người đàn ông mà đa số dân chúng đặt hy vọng của mình vào đó, với ước mơ chẳng mấy chốc sẽ có một cuộc sống tốt đẹp hơn, đất nước không còn thế lực ngoại bang chiếm đóng.

Nhầm đường

Lúc đầu tôi rất khó khăn trong việc thích ứng với nhịp điệu công việc mới, bởi mặc dù làm việc vào buổi đêm song ban ngày tôi lại hầu như không thể chợp mắt. Những lời nói của ông thầy bói không để cho tôi yên. Rồi tôi sẽ sống ở nước ngoài, ông từng nói như vậy. Và bởi vì tiên đoán của ông về việc tôi sẽ nhiều lần thoát khỏi cái chết trong gang tấc cho tới nay đều nghiệm đúng, dần dần tôi cảm nhận rằng đó chính là số phận của mình. Điều này có nghĩa là tôi sẽ phải đi tiếp để có được sự yên ổn mà tôi đang tìm kiếm.

Chỉ sau vài tuần, tôi ngả theo tiếng gọi thôi thúc từ bên trong này. Nhưng mà đi về đâu? Tôi loại trừ hai mục tiêu Nam Định và Hà Nội có thể dễ dàng đi đến bằng tàu hỏa, bởi các dấu vết mà cô tôi để lại ở đây còn quá mới. Còn đi tiếp về hướng Nam thì không thể vì ở đó có anh cả của tôi. Và như vậy thêm một lần nữa tôi quyết định đi tìm vận may ở phía Bắc.

Ở chặng đầu tiên tôi men theo con đường dọc theo vịnh Hạ Long, lúc thì đi bộ, lúc thì ngồi trên xe

kéo, lúc thì lại bám đuôi một chiếc xe buýt. Vịnh Hạ Long đẹp như trong mơ, tôi ngắm nhìn không thoả mắt. Trên những bãi cát dài ngư dân đem phơi các hải sản đánh bắt được. Những người khác thì lênh đèn đánh cá ngoài khơi trên những chiếc bè mỏng mảnh được trét kín nước bằng hắc ín. Những chiếc thuyền mảnh lớn với buồm nâu lui tới chậm rãi giữa các ngọn đá vôi trắng mọc lên từ mặt nước đẹp như tranh vẽ.

Trong mấy tháng, cùng với những nữ công nhân khác, tôi làm việc quần quật tại một mỏ than ở Hồng Gai để đổi lấy đồng lương chết đói. Than là một trong những nguyên liệu xuất khẩu quan trọng nhất của Việt Nam, bên cạnh những tài nguyên khoáng sản khác cũng như gỗ quý và hải sản. Sau một thời gian quan sát, tôi thấy có nhiều người đi thuyền nhỏ sang các đảo lân cận để cũng khai thác than ở đó, nhưng được lương cao hơn, một hôm tôi quyết định đi tới đó.

Giờ tôi đã liêu lĩnh và mưu mẹo hơn, tôi giả vờ làm người khuân vác để lọt xuống một con thuyền. Khi bị kiểm tra trong chuyến đi, tôi khóc lóc cầu xin lòng thương hại vì lý do là trẻ mồ côi không có tiền nhưng nhất thiết phải đi tới đảo. Sau khi lau nước mắt, nụ cười thật tươi của tôi đã có tác dụng và người kiểm tra đã tha cho tôi.

Không may là tôi bị say sóng khá nhanh và nhận ra rằng mình không thể hàng ngày qua lại trên

thuyền. Tôi chỉ ở lại có một đêm và sau đó lại làm một “người đi tàu lậu chính thức” để trở về đất liền. Sáng hôm sau trên thuyền tôi lại gặp người kiểm tra hôm trước, lần này ông ta mỉm cười để cho tôi đi cùng mà không hỏi điều gì.

Tôi tiếp tục đi. Chuyển hành trình dẫn tôi lên đến tận Cao Bằng, một vùng núi cao rừng rậm ở phía cực Bắc. Nhiều người mà tôi gặp dọc đường đi cho tôi đồ ăn. Một ngày tôi trò chuyện với một gia đình sống trên vùng cao nguyên và kể cho họ nghe về kế hoạch xuất ngoại của tôi. Tất cả họ đều cười phá lên chế nhạo tôi.

“Cô bé ơi, cô tới chốn này là bị nhầm to rồi! Ở trên này chỉ có toàn người Trung Quốc thôi! Cô có hiểu như vậy là như thế nào không? Ngay cả đi thuyền buồm qua vịnh cũng cực kỳ nguy hiểm, trên biển đầy rẫy bọn hải tặc! Chúng sẽ giết cô như ngóc ngay! Nếu như mà muốn xuất ngoại thì cô phải đi về hướng Nam.” Giờ thì tôi đã hiểu. Họ có lý. Có lẽ cho tới lúc này tôi chưa tìm được chỗ đứng của mình trên cõi đời này chỉ là vì mình đã đi nhầm hướng.

Lập tức tôi quay trở lại và đi về hướng Hải Phòng bằng cách trốn chui lủi giữa những chiếc lồng gà phủ vải bạt trên một chiếc xe tải. Việc tìm cách rời khỏi đất nước mà không có một kế hoạch nào khiến tôi mất trắng nhiều tháng trời, nhưng tôi vẫn bất chấp. Ít nhất là bây giờ thì tôi đã biết mình muốn đi về đâu.

Lời cầu nguyện rút gọn

Vào tháng Giêng 1947 tôi trở lại Hải Phòng. Trên từng bước đi tôi phát hiện những đồng đồ nát của một thành phố bị phá hủy, trên trời là các máy bay gầm rú, mà không tin nổi vào mắt mình. Đi ngược về hướng tôi là những gia đình mang vác theo mình mọi thứ của cải còn sót lại, lại có những gia đình hoàn toàn tay trắng. Trong khi các toán quân Pháp, lính nhảy dù và lính viễn chinh, rõ ràng là đang trong tình trạng báo động, diễu qua chúng tôi cùng các xe thiết giáp nối theo sau, mở ra trước đôi mắt rụng rời của tôi là cả một cảnh tượng tàn phá.

Thành phố tuyệt đẹp mà tôi từng bỏ lại sau lưng nay đâu rồi? Khu hải cảng hầu như chẳng còn lại gì. Tất cả chỉ là những đám tro tàn gạch vụn. Người dân đi đào bới trong các đồng đồ nát, hoang mang tìm kiếm một thứ vật dụng nào đó. Tại trung tâm thành phố, trước những ngôi nhà chưa bị sụp hẳn, bên cạnh các cây đổ, người ta bày bán đồ gỗ. Một cửa hàng dường như bị cướp sạch đồ. Tôi bước vấp vào một con chó đã chết. Mùi cháy khét lẹt bám theo tôi. Liệu trong các đồng đồ nát còn có xác người? Thời gian dường như ngưng đọng lại để tôi thu vào trí nhớ của mình những hình ảnh này cho mãi mãi về sau. Tôi không hề hay biết chiến tranh giữa Pháp và Việt Nam đã diễn ra đến mức ác liệt như vậy từ

mấy tuần qua. Tôi không hiểu từ “chiến tranh” thực sự có nghĩa gì.

Một bà cụ có người nhà đã tản cư hết về vùng nông thôn cho tôi ở trọ cho đến lúc tìm được việc làm. Bà buồn bã kể cho tôi về các cuộc thảm sát tiếp nối nhau. Giọng nói đều đều của bà kể những điều khiến cơn giận dữ và phần nộ trào lên trong tôi. Từng chi tiết, từng lời của bà khiến lòng tôi tan nát. Mỗi một hình ảnh của sự tàn phá thế chỗ cho hình dung cứng nhắc trong đầu tôi cho tới nay về một giải pháp hòa bình cho các xung đột. Chầm chậm, như một liều thuốc độc, những lời kể của người đàn bà này thấm thấu vào các giác quan của tôi và làm tan biến mọi ảo tưởng trong tôi. Tôi đã đi đến thực tại: Chúng tôi đang ở trong một cuộc chiến, bản thân tôi đang ở ngay chính giữa nó, hoàn toàn bất lực.

Nhận thức này khiến tôi quy cuộc đời mình vào một công thức đơn giản: sống hay là chết. Trong chốc lát tôi hiểu rằng trong những lời cầu nguyện trước đây đối với tổ tiên, mình đã đòi hỏi thật vô lối khi xin được “sống trong hòa bình”; từ lúc này, tôi chỉ còn cầu xin “được sống sót”.

Một gương mặt quen thuộc

Vào buổi tối bà cụ chia sẻ cùng tôi thức ăn của mình, cơm với canh cua và cà muối mặn. Sáng sớm hôm

sau, sau một giấc ngủ sâu để lấy lại sức, tôi lên đường đi kiếm việc ngay. Lần này thì chẳng dễ dàng. Tám tiếng đồng hồ sau đó tôi vẫn chưa tìm được gì. Mà tôi cũng không phải là người duy nhất đi tìm việc làm. Những bà già gánh hàng rong đi qua các nhà, các gia đình có trẻ em, những người dân với vẻ mặt thất thần ngồi trước ngôi nhà đã bị phá hủy của họ, tất cả như những diễn viên trên sân khấu. Chỉ có điều là lần này phong cảnh đã được thay đổi.

Tôi đã chực bỏ cuộc và quay trở về thì bắt gặp một gương mặt quen thuộc trên đường phố. Thời gian lúc ở Hà Nội tôi và chị Hoa đã từng mua vải của người đàn bà có vóc dáng thanh mảnh này để làm trang phục sân khấu. Đạo đó chị thường tỏ ra ưu ái khi bán hàng cho tôi. Chồng của chị làm nghề chụp ảnh, ở Hà Nội anh là người đã chụp cho tôi bức ảnh đầu tiên trong đời. Chị lập tức nhận ra tôi, chúng tôi vui mừng ôm chầm lấy nhau và cảm thấy vô cùng hạnh phúc khi được gặp lại người quen ở một thành phố lạ.

Khi người chồng ra trận, chị tìm được chỗ ở tại nhà một người họ hàng gần; chị ngỏ lời mời tôi về sống cùng. Tôi đi theo chị về nhà, lòng thầm cảm ơn số phận. Nơi chị ở chỉ cách đây mấy con phố, nhưng nằm ở hẻm ngoài khu vực bị ném bom.

Ngôi nhà nhỏ xây mái bằng toát lên vẻ cởi mở, tôi nhanh chóng được đón nhận một cách thân thiện. Tại đây người nhà của chị người quen của tôi

bán nước ngọt và thuốc lá cho lính Pháp mặc thường phục thường qua lại vào các buổi tối. Thịnh thoảng tôi được phép giúp đỡ họ bán hàng và qua đó có dịp bồi bổ thêm vốn từ vựng tiếng Pháp của mình. Ngoài ra tôi còn kiếm thêm vài đồng bằng cách đi gánh nước thuê cho các gia đình khá giả, đôi vai của tôi bây giờ đã trở nên cứng cáp hơn dưới sức nặng của chiếc đòn gánh.

Một bước sa chân

Vào một buổi sáng có người gọi tôi. Ở một phố không xa chỗ chúng tôi ở có người đặt nước. Với hai thùng nước đầy, tôi lên đường đến chỗ khách đặt, chẳng mấy chốc ngôi nhà tôi tìm đã hiện lên trước mặt, cao vượt lên những đồng đồ nát xung quanh. Ngôi nhà trông như bị bỏ hoang. Tường bên ngoài lỗ chỗ những lỗ thủng lớn. Hai đứa trẻ chơi ở bên cạnh lối ra vào. Khi tôi hỏi có ai đặt nước ở đây, chúng chỉ lên phía trên, tầng bốn.

Tôi đi vào. Khắp nơi mảnh thủy tinh rơi vãi trên các tấm trần nhà lớn bị đổ xuống và trên các đồ gỗ bị vỡ. Các bức tường phía trong cũng có những lỗ thủng lớn, từ đó người ta có thể nhìn ra ngoài. Chỉ có cầu thang là còn nguyên vẹn. Tôi hạ hai thùng nước xuống và nặng nhọc leo lên từ từ. Ở tầng bốn có một người đàn bà mảnh dẻ mở bức rèm tre thay

cánh cửa cho tôi vào nhà. Chồng bà cần nước để tắm. Bà cảm ơn, trả tiền rồi quay đi.

Phía cuối hành lang tôi phát hiện thấy một chiếc ban công nằm sát mấy căn phòng bỏ trống.

“Từ trên cao này mà nhìn xuống thành phố thì thật tuyệt vời”, tôi chợt nghĩ. Không ngần được sự tò mò, tôi đặt hai chiếc thùng rỗng xuống nền nhà và từ từ đi tới phòng bên cạnh.

Cánh cửa ra ban công chỉ có thể mở hé một nửa. Khi bước ra sân thượng nhỏ, tôi không thể tin nổi về những gì đang mở ra trước mắt. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy một cảnh tượng như vậy. Bức tranh toàn cảnh của sự tàn phá át mất cảnh quan đậm sắc xanh của thành phố. Khói từ những đám cháy vẫn bốc ngút lên trời cao. Một nỗi buồn triu nặng đè lên tâm trí tôi. Tất cả mọi vẻ đẹp đều đã bị thẳng tay hủy diệt và chôn vùi dưới các đống đổ nát, vì sao lại có thể như vậy? Và tôi nữa, vì sao tôi lại có mặt ở đây? Phải chăng thực sự không còn một chốn bình yên nào cho tôi trên thế gian này, một nơi chốn mà ở đó tôi không còn phải nhìn thấy những cảnh tượng như trong giờ phút này?

Câu trả lời cho những câu hỏi này đến ngay sau đó. Chiếc ban công mà tôi đang đứng ở trên bỗng nhiên sụt xuống, và cùng với tôi, rơi xuống sâu từ độ cao tầng bốn.

Khi rơi xuống, tôi nghe thấy trái tim mình ngừng đập, tôi không còn nghi ngờ gì là mình sẽ chết.

Sân trước của địa ngục

Tôi rơi sầm xuống đồng thùng gỗ chứa các bình ga đã cạn xếp chồng lên nhau trên sân. Tôi nghe rõ tiếng va đập và cả tiếng xương của mình gãy. Sau cú sốc là những cơn đau khủng khiếp. Tôi cảm giác mặt và chân tay mình ngay lập tức bị sưng vù lên và đập vào tai là tiếng hét hãi hùng của những người đang tiến lại chỗ tôi.

Thân thể gãy nát của tôi nằm đó bất lực. Tôi vừa bị cấm khẩu, vừa không thể cử động được người, thậm chí không mở nổi mắt. Nhưng tôi nghe có người nói về mình, như thể từ xa vọng lại.

“Ồ xem kia. Con bé chết rồi. Rõ là tội nghiệp...”, một người đàn bà nói.

“Đâu, nó hãy còn thở mà”, một người đàn bà khác cãi. Im lặng một chốc, sau đó có một giọng đàn ông cả quyết: “Ta cứ chờ đến sáng sớm mai. Nếu đến lúc đó con bé vẫn còn thở, ta sẽ mang nó đi.” Các giọng nói xa dần, người ta để tôi nằm lại đấy ở tư thế như lúc tôi rơi xuống, suốt ngày trời và suốt cả buổi tối dài dằng dặc, tưởng không bao giờ kết thúc.

Tôi nằm hôn mê, như dưới một lỗ sâu, kiệt sức vì đau đớn. Về sau này một người nữ y tá kể cho tôi nghe rằng vào buổi sáng hôm sau, khi nhận thấy tôi vẫn chưa chết, người ta đã nhặt thân thể bất tỉnh của tôi chất lên một chiếc xe trâu, nhưng không có trâu, mà do hai người đàn ông kéo. Lúc này là thời

chiến và chẳng tìm ra đâu được một con vật làm sức kéo. Hai người đàn ông này đã liều mình để cứu tôi, một cô bé xa lạ. Họ đã can đảm đi cùng tôi hai ngày và một đêm trên đường để đem tôi đến một bệnh viện công ở tỉnh. Sau đó họ lại ra về, đơn giản như lúc đến và không để lại tên tuổi. Một vài ngày sau, bị đánh thức bởi một thứ mùi nồng nặc, xộc thẳng vào mũi, tôi bừng tỉnh dậy. Đây là mùi cồn sát trùng, như về sau tôi được biết, và ngay lập tức những cơn đau choáng váng khiến tôi nhớ lại cú ngã.

Tôi tìm cách cử động, nhưng ngay sau đó rú lên vì đau đớn. Một giọng phụ nữ mềm mại trấn an tôi, rồi người đó dùng khăn ướt thấm môi tôi, trước khi tôi rơi vào một giấc ngủ mê man.

Tôi bị vỡ ba chỗ ở hộp sọ. Xương sườn và một xương ống chân cũng bị gãy ở nhiều chỗ. Xương mắt cá chân bị lồi ra khỏi da đã được xếp lại, vết thương của tôi đã được khâu kín. Ngoài ra xương cụt của tôi cũng bị chấn thương nặng. Mái tóc dài óng ả của tôi đã bị cắt trụi vì vết thương cần được băng bó. Toàn bộ thân thể tôi bị bó bột, trừ một chân còn lành lặn.

Bởi vì thiếu giường nên chẳng mấy lâu sau tôi được đặt lên một băng ca đặt trên đất. Vào lúc này tôi phát hiện rằng mình đang có mặt tại nơi chốn đang diễn ra một tấn kịch rừng rợn mà tôi bất đắc dĩ phải tham gia.

La liệt xung quanh tôi là là những bệnh nhân thập tử nhất sinh, các bệnh nhi gãy đứt, những

hình hài bị tàn phế bởi chiến tranh, tuy vẫn còn thở nhưng chẳng còn ra vẻ người, tiếng rên la của họ chẳng mấy chốc đã trở thành một giai điệu đen tối đeo đẳng tâm trí tôi. Thời tiết oi bức. Ruồi nhặng bám trên gương mặt bết mồ hôi của tôi. Một chiếc quạt duy nhất đều đặn đảo đi đảo lại, thổi luồng khí thối của các vết thương hoại tử vào mũi tôi.

Ở đây tất cả chúng tôi đều bất lực đợi chờ cái chết. Mới vừa mười bảy tuổi, tôi đã có mặt ở sân trước của địa ngục.

Những người bạn đồng hành trong đau khổ

Mọi thứ đều thiếu thốn: dụng cụ vệ sinh và y tế, thuốc men, thiếu nhất là thuốc giảm đau. Các nữ y tá cũng nghèo gần như các bệnh nhân, tuy nhiên họ hết sức chăm sóc người ốm, nhiều lúc chẳng bằng gì khác ngoài lòng tận tụy. Hàng ngày họ kiên nhẫn làm vệ sinh chiếc băng ca của tôi, về phần mình tôi gần như cảm thấy xấu hổ vì vẫn còn ở trên cũi đời này.

Bệnh nhân được mang đến và chuyển đi liên tục, không phải để được chữa lành bệnh, mà để có một nơi chốn để không phải chết một mình. Đã có nhiều lúc tôi nghe tiếng thở hắt yếu ớt cuối cùng hay hơi thở dốc vội vã trước thời khắc lâm chung mong đợi.

Và mỗi lần khi bất đắc dĩ trở thành nhân chứng của những khoảng khắc riêng tư như vậy, tôi cứ tự hỏi tại sao mình vẫn còn sống sót.

Trong lúc những con người ở ngoài kia đang chiến đấu để sinh tồn thì phần lớn chúng tôi ở đây chỉ có mỗi một nguyện vọng: được phép chết. Đó gần như là một lời cầu hôn của chúng tôi đối với Thần Chết. Nhưng ở trường hợp của tôi thì lời cầu hôn đó đã bị bác bỏ.

Và như vậy trong suốt hơn một năm trời tôi đã quần quai trong cái nhà tù hôi hám, rùng rợn, đầy các loại chuột bỏ này, giữa những thây ma sống, với sự tuyệt vọng là người bạn đường duy nhất.

Cô Bè

Với một chiếc lưỡi lam người ta đều đẵn cắt các sợi tóc mọc qua kẽ băng của tôi. Vải băng gần như đã trở thành lớp da thứ hai của tôi. Cuối cùng thì thạch cao bó bột cũng đã được gỡ ra, thân thể của tôi lại được tự do.

Với chiều cao một mét bốn mươi lăm vào lúc đó tôi chỉ cân nặng có ba mươi ba cân. Cơ thể và giọng nói của tôi không còn thực sự tuân theo ý chí của tôi nữa. Tôi phải học nói và học đi lại từ đầu.

Khi lần đầu tiên ngồi dậy tôi có cảm giác mình không bao giờ có thể đi nổi nữa. Nhưng vào ngày mà

tôi đi được bước đầu tiên, cảm giác chiến thắng nhỏ nhỏ này đã mang lại cho tôi sức mạnh. Mỗi ngày chỉ trong ít phút và với sự trợ giúp của một nữ y tá, tôi học lại các động tác đã quên để tới một lúc nào đó sẽ trở lại một người khoẻ mạnh.

Có những đêm tôi mơ về quá khứ. Tôi thấy mình đang chạy, trong túi đựng đầy tiền bán kẹo mạnh nha. Những lần khác tôi hát trên sân khấu của một nhà hát không quen biết. Nhưng thường là những giấc mơ như vậy biến thành các cơn ác mộng ngọt ngào, ở đó tôi đánh mất điểm tựa và rơi tự do, kèm theo là những ảo ảnh rùng rợn. Trong khi rơi xuống tôi tìm cách bám bấu vào một chỗ nào đó nhưng không thành, cho tới khi hốt hoảng choàng dậy từ giấc ngủ.

Nằm bên cạnh tôi là một bà cụ thường có con gái Hải Phòng đến thăm. Cô Bè, con gái của cụ, chăm sóc mẹ rất chu đáo, tuy nhiên bà hầu như chẳng còn nhận ra con mình. Vào một ngày, khi bà mẹ đang ngủ, cô bắt chuyện với tôi và sẵn lòng giúp tôi tập đi.

Trong khi tập, chúng tôi trò chuyện với nhau cho đến khi tôi mệt. Cô Bè là người Công giáo. Khi tôi nói với cô rằng tôi không hiểu được ý nghĩa việc sống sót của mình, cô trả lời tôi: “Chỉ có Chúa Trời mới có thể quyết định lúc nào số phận của ta kết thúc. Nếu như mà em vẫn còn sống sót thì điều này có nghĩa là em phải tiếp tục sống để kể lại về tất cả những gì đã trải qua.”

Ba tháng sau mẹ của cô Bè mất, mặc dù vậy cô vẫn tiếp tục đến thăm và chăm sóc tôi. Cô đã dang tay cứu độ và ban cho tôi niềm hy vọng.

Một thiên thần lặng lẽ

Vào tháng Ba năm 1948 cô Bè quyết định đón tôi về nhà, để tôi có điều kiện hồi phục sức khỏe tốt hơn.

“Em cứ về chỗ chị. Em vẫn còn yếu lắm. Ở chỗ chị em có thể nghỉ ngơi và ăn cho đến kỳ no thì thôi.” Cô giúp tôi mặc quần áo mang theo người. Tôi ra viện với đầu cạo sạch tóc. Chúng tôi đi xe xích lô chậm chậm đến căn hộ đơn sơ của cô tại một khu phố mà tôi chưa biết ở Hải Phòng. Lúc bấy giờ dân thường ở thành phố ít nhiều đã ổn định trở lại, tuy nhiên tin đồn về các vụ tranh chấp và chiến sự vẫn tiếp tục lan đến chỗ chúng tôi. Ở các địa điểm chính thức bên cạnh cờ Pháp giờ còn có thêm cờ Việt Nam tung bay, gần như trong một thứ tình huynh đệ, còn Hoàng đế của chúng tôi thì sống lưu vong.

Ba tháng trôi qua. Cô Bè sống một mình với tôi. Tôi chẳng thiếu một thứ gì, hàng ngày trước khi đi làm cô chuẩn bị đầy đủ hết mọi thứ cho tôi. Tuy nhiên có một lần tôi nhận thấy cô gói ghém quần áo thêu rất đẹp và đồ trang sức rồi mang theo, trong khi tưởng tôi vẫn còn đang ngủ. Tôi lơ mơ đoán biết lý do vì sao cô lại làm như vậy. Một sáng sớm, khi

thấy cô lại lấy đồ trang sức từ trap ra, tôi cố gắng hết sức mình để đi theo cô. Ở một ngõ nhỏ, cô đi vào một cửa tiệm và chỉ đó một lát, khi quay trở ra không còn chiếc túi ở trên tay. Tôi nhanh chóng quyết định bước vào. Một người đàn ông đứng tuổi chào tôi một cách hòa nhã.

“Chào ông. Cháu vừa thấy cô Bè vào chỗ ông. Cô ấy có mua gì không ạ?”, tôi hỏi.

“Không. Từ mấy tháng nay cô Bè có mang đồ ra đây nhờ bán hộ.”

“Cô ấy mang những thứ gì đến chỗ ông ạ? Cháu có thể xem được không?”

“Tất nhiên”, ông nói, với giọng còn vui hơn và nở một nụ cười tươi, chỉ cho tôi những chiếc áo dài, khăn trải bàn thêu rất đẹp, đồ ăn bằng bạc và đồ trang sức cũ.

Hóa ra là như vậy. Tôi là một thứ gánh nặng, và cô đã sẵn sàng gánh lấy nó mà không hề kêu ca. Cô cần có số tiền này để nuôi tôi.

“Hiện giờ thì cháu không chuộc được”, tôi nói một cách quả quyết. “Nhưng liệu ông có thể cất giùm cháu tất cả các thứ của cô ấy được không ạ, cho đến lúc cháu có đủ tiền để chuộc lại?” Người đàn ông đồng ý.

Khi đi ra ngoài, tôi còn nói với ông: “Và cháu còn xin ông một điều nữa: Xin ông đừng nói gì với cô ấy về việc này.”

Vào lúc này tôi hiểu rõ thêm một điều. Thông qua sự giúp đỡ của cô Bè tôi cảm thấy trong cuộc

đời mình vẫn còn những điều tốt lành. Với nhận thức được củng cố trong lòng này, niềm tin của tôi đối với Thiên Đế càng trở nên mãnh liệt hơn, tôi tin tưởng chắc chắn rằng chính Người đã cử cô Bè đến giúp tôi.

Không phải chết mà là sống, đây là thử thách mà tôi vừa vượt qua. Thêm một lần nữa tôi được tái sinh.

Sức mạnh mới

Vài ngày sau tôi quyết định kết thúc giai đoạn nghỉ dưỡng. Một thời gian ngắn sau khi tôi nhờ cô Bè kiểm hộ việc, cô đã tìm được cho tôi việc làm tại một doanh trại Pháp. Ở đó tôi có thể quét dọn và làm phụ bếp, với một số tiền công gấp ba mức mà tôi có thể kiếm được cho loại công việc này.

Từ lúc này tôi làm việc nhiều tháng liền như một cái bóng thầm lặng trong căng tin và nhật thức ăn thừa ở đây mang về để ăn tối chung với cô Bè. Bằng cách đó chúng tôi sống qua ngày. Dần dần tôi kiếm đủ tiền để đến một ngày chuộc lại được số đồ mà cô Bè ký gửi.

Khi nhìn lại số đồ của mình, cô Bè òa khóc. Điều quan trọng đối với mỗi chúng tôi là không ai phải đánh mất thể diện. Cô Bè chưa bao giờ phàn nàn về việc thiếu thốn hay đòi hỏi ở tôi một điều gì. Về phần mình tôi tự nguyện quyết định hoàn trả lại tài

sản cho cô một cách tế nhị. Và như vậy cả hai chúng tôi đều giữ được danh dự.

Tuy nhiên tôi cảm thấy sắp đến lúc phải lên đường, không phải chỉ vì tôi đã mười chín tuổi và muốn sống cuộc đời riêng của mình, mà cũng là vì không muốn choán một chỗ quá lớn trong cuộc đời của cô. Sức khoẻ của tôi lúc này đã hồi phục. Khi đã tiết kiệm đủ tiền cho một khởi đầu mới, tôi cảm ơn cô và chia tay. Chúng tôi không còn bao giờ gặp nhau nữa.

Tôi thuê một căn hộ nhỏ ở gần doanh trại, nơi tôi vẫn tiếp tục làm việc, và sau một thời gian ngắn tôi kết bạn với với hai cô gái trẻ, cả hai đều trẻ hơn tôi hai tuổi. Họ bán bánh mì và thuốc lá trong một quầy hàng nhỏ ở gần chỗ tôi.

Ngọt sinh ra ở Hải Phòng là trẻ mồ côi phải lăn lộn từ tấm bé. Liên sống trong một căn hộ nhỏ cùng với Anh, cô em gái mười lăm tuổi, một sắc đẹp hoàn hảo. Bố của Liên mất sớm, mẹ Liên sống cùng với hai đứa em gái nữa ở Đà Nẵng, một thành phố ven biển ở phía Nam.

Mặc dù tình hình đã ít nhiều trở nên yên ổn hơn, trong thành phố vẫn còn nhiều người tị nạn mang theo những kiện hành lý nặng chờ xe buýt hay tàu hỏa.

Cả ba chúng tôi đều chia sẻ phương châm sống: “Chiến tranh không thể làm ta suy yếu, ta đã đủ lớn để quyết định vận mệnh của mình!”

Và như vậy chúng tôi đã quyết định cùng mở một quán ăn nhỏ. Chúng tôi gom lại toàn bộ số tiền tiết kiệm của mỗi người và thuê một ngôi nhà nhỏ không xa trại lính lắm, với bàn ghế và đầy đủ bát đĩa.

Tôi chịu trách nhiệm chạy các thủ tục cần thiết về phía chính quyền. Tất cả đều diễn ra suôn sẻ, và trong tôi trào dâng một nguồn năng lượng mới.

Một thời huy hoàng

Chúng tôi quyết tâm kiếm tiền, và mọi việc diễn ra đúng như vậy. Từ sáng cho đến tận khuya chúng tôi bán thuốc lá, xúp, gà rán, nước chanh và bia ướp lạnh, chủ yếu là cho lính. Giữa chừng tôi đã học cách xây dựng và chăm sóc các mối quan hệ. Thông qua vẻ duyên dáng và tài ngoại giao mà tôi áp dụng một cách hoàn toàn có chủ ý, tiệm của chúng tôi trở nên vô cùng ăn khách.

Người ta đều đặn cung cấp cho chúng tôi hàng hóa và các tảng nước đá lớn dùng để ướp lạnh đồ uống, thứ bình thường rất khó kiếm trong thành phố. Ở một góc tiệm có một máy quay đĩa chơi nhạc từ bộ đĩa nhạc Pháp lớn do tôi sưu tầm. Máy quay và các đĩa hát đều do tôi mua lại từ những người tị nạn với một số tiền nhỏ. Thứ âm nhạc mang chất hoài niệm này chạm vào con tim của khách hàng và khiến họ thích dừng chân ở chỗ chúng tôi.

Vào một ngày thậm chí tôi còn mua một chiếc đàn accordion để khách hàng có thể chơi vào giờ muộn nếu họ có hứng thú. Một trong số họ là Jean, một người Pháp điển trai, đính hôn với một cô gái gốc Hoa xinh tuyệt trần, tên là Sao A Mung. Cả hai thường đến thăm chung tôi, và chẳng mấy chốc chúng tôi đã kết bạn với nhau.

Với sự đồng ý của hai người bạn hàng, tôi tự mình quản lý toàn bộ hoạt động kinh doanh. Tiền lãi và số tiền bo hậu hĩnh chúng tôi chia cho nhau một cách công bằng, giữa chúng tôi không có chuyện cãi vã và tị nạnh.

Chẳng mấy chốc tôi đã có nhiều tiền đến mức có thể sống trong một căn nhà nhỏ riêng có đủ tiện nghi ở phía ngoài trung tâm với hai cô giúp việc. Một cô giặt giũ quần áo, một cô thì cho đàn gà và lợn ăn vào buổi chiều trước khi đi chợ và nấu nướng. Hàng ngày vào buổi sáng có một chiếc xe xích lô đón tôi tới chỗ làm, buổi tối lại chở tôi về nhà.

Tôi sắm cho mình, bên cạnh quần áo thuê vàng bạc, cả đồ trang sức thú vị và diện chúng tùy thích. Tuy nhiên dưới lần áo dài tôi luôn đeo cây thánh giá nhỏ do cô Bè tặng tôi lúc chia tay.

Rất nhanh chóng tôi quen với cảm giác thịnh vượng và thành đạt. Giờ tôi còn có thời gian đọc các tiểu thuyết diễm tình và đến chụp ảnh ở một hiệu ảnh. Việc này đã trở thành một niềm đam mê lớn của tôi. Không có bất cứ một điều gì trên

thế giới khiến tôi có thể có ý định rời bỏ đất nước. Không một tin tức nào về tình hình chiến sự hay nạn cướp bóc ở miền Bắc khiến tôi có thể thay đổi ý định của mình.

Những đóa hoa vô tội

Tôi không cảm thấy bận lòng vì việc phải mang tiếng gái đã lớn mà chưa chồng. Tôi có tất cả những gì mình muốn, và mỗi lần nếu có một người đàn ông nào tỏ ý tán tỉnh, tôi đều nhã nhặn khước từ.

Vào một buổi sáng, khi bước vào tiệm ăn từ rất sớm, tôi phát hiện cả một biển hoa cúc, loài hoa mà tôi ưa thích, bày trên khắp các mặt bàn và quầy bán hàng. Ngọt và Liên từ trong bếp đi ra rất nhanh khi nghe tiếng tôi và trao cho tôi một chiếc phong bì màu vàng. Cả hai đều cười một cách tinh quái.

“Có chuyện gì thế?”, tôi hỏi mà không hay biết điều gì.

“Hoa được mang đến sáng sớm nay cho chị đấy”, Ngọt nói và cúi đầu kính cẩn trước tôi.

“Và chiếc phong bì này chúng em cũng được dặn trao lại cho chị”, Liên bổ sung, còn lúng túng hơn cả tôi. Tôi mở phong bì, ngón tay hơi run rẩy. Trong đó có một tấm bưu thiếp với những dòng chữ vàng. Tôi đọc to: “Thưa quý cô, cho phép tôi được tặng cô những đóa hoa này, mặc dù cô hẳn

biết không có loài hoa nào trên thế giới này có thể sánh được với sắc đẹp của cô. Một người hâm mộ trung thành của cô.” Thư không đề tên người gửi. Tôi thấy mặt mình bị đỏ bừng và cất chiếc bưu thiếp lại vào phong bì.

“Chà, thế mới gọi là một người hâm mộ! Chắc anh ấy phải giàu lắm và đang chết mê chết mệt chị, nếu không thì đã chẳng làm như vậy”, Liên nói, Ngọt gật gù tán đồng.

“Em cứ nói vậy. Đúng là một gã điên. Để rồi xem. Và bây giờ thì bắt tay vào việc thôi!” tôi gạt đi nhằm che giấu sự ngượng ngập của mình. Cả ba chúng tôi đi vào bếp để chuẩn bị các món ăn. Ngày làm việc trôi qua rất nhanh, tôi mệt mỏi trở về nhà. Mặc dù đêm đã khuya, tôi vẫn nằm thao thức trên giường, mắt nhìn trần trần lên chiếc quạt trần đang quay, thổi phồng chiếc màn chống muỗi của tôi.

Tôi đặt tấm bưu thiếp lên trên bàn ngủ. Hôm nay một người đàn ông lạ khiến tôi bối rối. Mắt nhắm nghiền, tôi tìm cách tưởng tượng một người đàn ông trẻ bên cạnh mình, nhưng rồi tôi lại mở mắt rất nhanh khi thấy người đàn ông trẻ đã biến thành một ông già đang đi kiếm một cô nhân tình trẻ.

Trong đêm này tôi ngủ không yên giấc và bức bối vì phí phạm thời gian quý báu cho những giấc mộng tình chẳng đâu vào đâu.

Màu của trái tim

Mấy ngày liền tiệm ăn của chúng tôi tràn ngập các loài hoa quý mà chẳng có ai đứng ra nhận là chủ nhân. Tôi tìm cách dứt tiền cho người vận chuyển để lần ra tung tích của người tặng hoa bí ẩn nhưng không thành. Mỗi lần như vậy người vận chuyển đều chỉ im lặng và cúi đầu đi ra ngoài. Cứ như vậy tôi quen dần với việc được tặng hoa, nhưng chẳng mấy lâu sau đó tôi đã tặng tiếp chúng cho láng giềng và khách hàng.

Hiển nhiên vào mỗi ngày tôi đều phát hiện thấy mình đang cố tự làm đẹp hơn một chút so với thông thường. Tôi lưu ý sao để cô hầu gái của tôi chải mái tóc dài của tôi thật mượt và áo quần của mình thật chỉnh.

Vào một sáng sớm tôi quyết định chọn một chiếc áo dài nhung màu tím, thêu rồng vàng. Khi bước vào quán, tôi không nhìn thấy hoa tươi, tâm trạng đang hào hứng của tôi chùng hẳn xuống. Thất vọng tôi đi vào bếp. Ngọt vội đến gặp tôi, ngay theo sau là Liên, nét mặt hân hoan hơn mọi lần. Ngọt cầm trên tay một chiếc hộp chạm trổ khá tinh vi và cẩn trọng trao cho tôi. Bởi vì trông nó thật quý giá, cả hai đã cất giữ nó trong gian bếp.

Trong lòng hộp có một bông hoa cúc tím được cài một dải băng đỏ. Vừa trông thấy nó tim của tôi đã đập như muốn vỡ tung lồng ngực. Đối với tôi

đấy là một tín hiệu mà tổ tiên dành riêng cho mình, bởi bông hoa này cùng màu như chiếc áo dài mà tôi chọn mặc ngày hôm nay! Đường như tôi nghe được một tiếng nói từ trên cao vọng xuống: “Ta đã nghe được lời cầu khẩn của con. Đây là người đàn ông mà ta đã chọn cho con!”

“Chị còn chờ gì nữa! Mở nó ra đi!”, Ngọt và Liên đồng thanh. Tôi chậm chậm mở nắp hộp và nín thở khi thấy một vòng vàng đeo cổ rực rỡ nạm thạch anh tím được mài một cách tinh xảo hiện ra. Một tấm bui thiếp với dòng chữ vàng quen thuộc nằm ngay bên cạnh.

“Thưa quý cô! Xin cô hãy nhận món quà này như là một dấu hiệu của tình yêu vô tận mà tôi dành cho cô. Xin cô hãy đeo chiếc vòng này lên cổ và đi ra phố. Tôi đang chờ cô ở đó.”

“Chị phải làm gì bây giờ! Anh ta đang chờ ở ngoài kia!”, tôi kêu lên choáng váng. Tay tôi quá run không cài được chiếc vòng. Rốt cuộc thì Ngọt cài móc khóa nó hộ cho tôi, trước khi đẩy tôi ra khỏi gian bếp và tiếp theo đó là ra khỏi tiệm ăn. Tôi biết là dĩ nhiên cả Ngọt và Liên sẽ chực sẵn bên cửa sổ để không bỏ sót một chi tiết nào. Và tôi đã đứng ở đó, bên vệ đường. Hy vọng là tổ tiên của tôi biết rõ điều mà họ dành cho tôi. Trong giây lát tôi cảm thấy đầu gối của mình mềm nhũn xuống. Tôi e lệ nhìn về phía trái, rồi về phía phải mà không phát hiện được ai. Khi chậm chậm nhìn về phía bên kia đường

thì tôi thấy một người đàn ông mặc com lê trắng ngồi lạng lẽ trên một chiếc ghế quan sát tôi. Tôi phát hiện ánh mắt đầy triu mến, gần như thân thuộc của anh và khâm phục phong cách bình thản của anh khi đứng dậy để đón tôi. Anh cao lớn. Đẹp trai. Và giàu có.

Anh chạm nhẹ vào chiếc vòng cổ tôi đeo hơi bị lệch, trước khi đưa bàn tay của tôi lên môi hôn một cách dịu dàng. Đôi môi gợi cảm của anh thật mê hoặc, khiến tôi vừa rét run, vừa nóng bừng người. Cảm giác hạnh phúc đưa tôi vào một trạng thái bồng bềnh chưa bao giờ trải qua trước đó. Không nói một lời và không chạm tiếp vào người anh, vì sợ hãi khoảng khắc kỳ diệu này sẽ biến mất, tôi đi dạo cùng người đàn ông đầu tiên của cuộc đời mình.

Phép thuật của tình yêu

Hùng kể ít về mình. Tôi chỉ biết rằng anh xuất thân từ một gia đình giàu có ở miền Nam và đang thực hiện các thương vụ của ba anh tại thành phố này. Anh nhiều hơn tôi mười tuổi và là một nhà lãnh mạn đích thực.

Bên anh chẳng mấy chốc tôi có được cảm giác rằng cuộc chiến lúc bùng lên, lúc lắng xuống ở miền Bắc chẳng bao giờ len đến được chỗ chúng tôi. Mặc dù Hoàng đế của chúng tôi đã quay trở lại Việt Nam,

tình hình giữa hai bên tham chiến vẫn tiếp tục căng thẳng. Trung Quốc, nước láng giềng to lớn của chúng tôi, mới đây đã trở thành Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Hùng làm thơ tặng tôi và tiếp tục tấn công tôi bằng các món quà quý và hoa. Mỗi lần gặp nhau anh âu yếm chạm mũi vào mũi tôi. Đây là cách hôn nhau ở nước tôi và suốt một thời gian đây là sự đụng chạm cơ thể duy nhất mà chúng tôi tự cho phép.

Trong những tuần đầu tiên anh tôn trọng việc tôi vẫn còn là một trinh nữ mặc dù đã ở độ tuổi đôi mươi. Tuy nhiên cả tôi cũng ngày càng có thêm đòi hỏi đối với anh, anh đánh thức trong tôi những cảm xúc từ trước tới giờ mình chưa biết tới. Khi anh, hoàn toàn bị chinh phục bởi tình yêu đối với tôi, ngỏ lời cầu hôn thì tôi cũng đã sẵn sàng trở thành đàn bà, người đàn bà của anh.

Và như vậy tôi đã để cho anh trở thành chủ nhân cơ thể và cảm xúc của tôi. Cùng anh tôi khám phá lạc thú của tình yêu. Sau những ngày làm việc bận rộn là những đêm nồng nàn trong căn nhà nhỏ của tôi, và mặc dù tôi hầu như không ngủ, tình yêu của chúng tôi đã chấp cánh và tiếp cho tôi nhiều sức mạnh. Rất nhiều lúc, khi xe xích lô như thường lệ đến đón tôi đi làm, Hùng vẫn còn ngủ.

Hùng giới thiệu tôi với chị gái của anh sống ở đầu bên kia thành phố. Anh nói rằng tôi là vợ đính hôn của anh. Mặc dù chị gái Hùng tiếp đón tôi khá

lãnh đạm, tôi vẫn coi chị là một người dễ thương. Nhưng thực tình mà nói tôi không mấy bận tâm. Chỉ có Hùng là quan trọng! Trong vòng tay của anh tôi luôn tìm được sự bình yên mà mình tìm kiếm bấy lâu nay, và nếu có những ngày các tin tức xấu lọt đến tiệm ăn của chúng tôi thì lời nói của anh lại khiến tôi bình tâm trở lại. Hùng ân cần chăm sóc và không hề để tôi nghi ngờ rằng chúng tôi sẽ có một cuộc sống hạnh phúc. Và bởi vì tôi tin rằng chỉ một người đàn ông thành công mới có thể có những món quà tặng quý giá như vậy, tôi lại càng củng cố lòng tin của mình về một cuộc sống an toàn và đầy đủ trong tương lai. Thành công mang tới sự thịnh vượng và cũng có nghĩa là sức mạnh.

Ba tháng trôi qua, và chẳng mấy chốc nữa tôi sẽ làm quen với bố mẹ Hùng. Ngọt và Liên luôn gọi tôi là chuột sa chĩnh gạo và mỗi lần như vậy đều thở dài tỏ vẻ khao khát. Cùng nhau chúng tôi nôn nóng tiến hành những khâu chuẩn bị cuối cùng cho đám cưới. Tôi tự hào vì sẽ sắp kết hôn với một người đàn ông mà tôi yêu và đã tự chọn cho mình.

Những đám mây ô nhục

Một buổi sáng, khi tôi vừa bước lên xe xích lô thì có một ông già đứng bên vệ đường vẫy tay ra hiệu. Tôi nhận ra đó là người láng giềng của tôi, ông ở chỉ

cách tôi mấy bước sau một hàng rào tre dày. Tôi bảo người lái xe dừng lại và bước xuống để nói chuyện với ông.

Không nói lời nào, ông lịch sự tỏ ý mời tôi bước đến bậc cửa nhà ông. Tôi đến gần và mỉm cười thân thiện với ông. Khi tôi hỏi ông có việc gì thì nét mặt ông bỗng dưng thay đổi. Ánh mắt ông trở nên buồn bã và ông tránh không nhìn tôi. Ông chấp tay, cúi đầu và nói: “Thưa cô, tôi cầu xin cô! Xin cô thứ lỗi nếu hôm nay tôi phải làm phiền cô, nhưng tôi nghĩ là mình có nghĩa vụ phải thông báo và cảnh báo cho cô biết về những chuyện không hay. Xin cô thứ lỗi!”

“Không dám”, tôi ngạc nhiên trả lời, “xin ông cứ cho biết chuyện ạ.”

“Trong phố có các tin đồn về mẹ xù...”

“Mẹ xù?” Tôi cảm thấy tim mình bắt đầu đập nhanh hơn. “Vâng. Có lẽ đấy chính là mẹ xù ... Có tin đồn rằng của cải gia đình ông ấy có được từ những phi vụ bất minh. Đền chùa bị cướp và ... Nhưng mà thực ra đấy không phải là điều mà tôi muốn nói với cô.” Ông hạ thấp giọng. Tôi biết là da mặt tôi đã trở nên đỏ bừng. Tôi dán mắt nhìn vào miệng ông, nghe những lời sẽ vĩnh viễn làm tan vỡ trái tim của tôi.

“Thưa cô, mẹ xù không chung thủy với cô.”

“Không thể thế được!”, tôi nói và hít sâu. “Ông không biết điều mà ông đang nói! Chúng tôi sẽ làm lễ cưới ...”

“Thưa cô, hàng ngày tôi vẫn quan sát cô. Tôi đã nhiều tuổi rồi, tôi biết cô là một người thật thà và chăm chỉ. Ở phố cô được tiếng là một cô gái trẻ rất cương nghị và hòa nhã. Nhưng mà mỗi buổi sáng, khi cô rời khỏi nhà và me xù còn ở chỗ cô, thì tôi lại nghe từ nhà cô những tiếng động không bình thường. Thưa cô, tôi khuyên cô khoảng một tiếng nữa hãy quay lại để chứng kiến tận mắt. Tôi rất lấy làm tiếc.”

Ông nhìn tôi một cách đầy thương cảm trước khi bước vào nhà, đôi vai thông xuống.

Vỡ mộng

Tôi đứng lạng và vẫn chưa hiểu nổi điều mình vừa nghe thấy. Đờ đẫn tôi quay lại xe xích lô và bảo người lái xe chạy tiếp, sau mấy trăm mét tôi yêu cầu anh ta hãy chở tôi chạy vòng quanh một lát trong buổi sáng. Trong thâm tâm tôi nguyên rửa ông già, hẳn ông chỉ ghen ghét hạnh phúc mà tôi đang có. Vì những lý do nào đó mà tôi chưa hay biết, ông ta đang muốn hủy hoại niềm vui sống của tôi.

Chìm đắm trong những ý nghĩ trái ngược nhau tôi không nhận ra chiếc xe xích lô của tôi đã đứng lại từ lâu và người lái xe nói với tôi: “Thưa cô ... thưa cô?” Tôi giật bản mình. “Bây giờ đi đâu ạ?”, anh ta hỏi. Bình thần, gần như đang mơ ngủ, tôi trả lời ngắn gọn: “Anh cho tôi quay trở lại nhà.”

Khi đến gần nhà, tôi bảo người lái dừng xe lại và bước xuống. Tôi trả tiền và cho anh ta nghỉ việc trong thời gian còn lại trong ngày. Mặc dù tôi rón rén đi như một con rắn đang trườn tới, từng bước chân vang động lên trong tâm trí tôi. Tôi cảm thấy áy náy khi nghi ngờ Hùng đến mức như vậy. Tôi gần như cầm thù bản thân về việc này. Nhưng mà tôi muốn biết sự thật.

Tôi cởi dép và đặt xuống trước thềm nhà, trước khi mở cánh cửa. Tôi bước vào nhà. Không có một tiếng động nào. Bỗng nhiên có tiếng nói và tiếng cười khúc khích từ trong phòng ngủ vọng sang. Từ phòng ngủ của tôi, phòng ngủ của chúng tôi. Tôi nín thở, trước khi nhẹ nhàng và chậm rãi mở cửa, lòng đầy căng thẳng.

Hùng và cô giúp việc của tôi nằm trần truồng, quấn vào nhau, giọng rên rỉ đầy thèm khát, bàn tay vuốt ve trên làn da, cơ thể nóng bừng tìm sự giải thoát trên giường của tôi. Trên giường của chúng tôi!

Tôi nhìn họ, mất hết khả năng cử động. Mỗi một cú đập của anh ta xuyên vào đầu tôi, vào tim tôi, vào tâm hồn tôi. Mỗi một tiếng hét đầy lạc thú của cô ta cắt xé tôi như một lưỡi dao, khiến tôi tổn thương, hạ gục tôi, huỷ diệt tôi. Liên tục như vậy. Những giấc mơ của tôi, hy vọng của tôi, cuộc sống của tôi trong chốc lát tan tành và rơi xuống như đồng đổ nát của thành phố này trước chân tôi.

Sự tức giận đột nhiên trào dâng trong tôi, tôi phản ứng như một hung thần. Tôi túm lấy một chiếc đèn bàn. Hai bên buông nhau ra, họ hoảng hốt nhìn tôi.

“Em yêu! Không phải như em nghĩ đâu! Anh chẳng muốn, nhưng mà cô ta ...”, Hùng cất lời, mắt mở trống hoang.

“Cút! Đồ rần rít! Đồ phản bội! Tôi không bao giờ muốn nhìn mặt anh nữa!”, tôi hét lên và ném chiếc đèn vào đầu anh ta. Mặt đỏ bừng, anh ta vớ lấy chiếc quần, không nói thêm được lời nào, trần truồng chạy ra khỏi nhà.

Về mặt tôi bị biến dạng vì cơn cuồng nộ mà tôi không còn kiểm soát được nữa. Tôi bắt đầu đấm túi bụi vào cô gái lửa thể đang đỡ đỡ, cứ như thể bằng cách đó tôi sẽ đánh bật khỏi người cô mùi người đàn ông mà cô ta đã đánh cắp của tôi. Vừa la hét, tôi vừa dùng hết sức mạnh của sự tuyệt vọng để hành hung cô, bất chấp mọi lời cầu khẩn.

Khi các nắm tay của tôi bị đau như dấn bởi các cú đánh, tôi túm tóc cô lôi vào bếp. Cô ta đã gần như bất tỉnh và không kháng cự. Tôi bóp nát ốt chỉ thiên trong lòng tay và trát chất lỏng sền sệt này vào miệng cô và vào giữa hai háng cô. Sau đó tôi túm tóc lôi xềnh xệch cô gái máu me đầm đìa và trần truồng trên đường phố và hét lên với tất cả mọi người, rằng cô ta đã phản bội và cướp đi danh dự của tôi. Một số hàng xóm và người qua đường vỗ tay và lớn tiếng mắng chửi cô gái. Tôi buông cô ta ra và trở về nhà, đầu ngẩng cao, cổ vươn thẳng. Tuy nhiên trong thâm tâm tôi nhắm đếm từng bước đi và biết rằng tất cả đang quan sát tôi. Bằng bất cứ giá nào tôi cùng

không được phép bày tỏ sự yếu đuối trước mặt họ.
Danh dự của tôi đang treo trên sợi tóc.

Dấu vết của tình yêu

Khi cánh cửa nhà rút cuộc khép lại sau lưng tôi, tôi kiệt sức nằm co quắp trên nền nhà. Tôi cảm thấy mình bị phản bội, lừa dối và làm nhục hết mức. Dần dần tôi mới ý thức hết thảm cảnh của mình. Một cách ngây thơ và mê muội, bất chấp các quy tắc xã hội, tôi đã trao tặng sự trinh bạch của mình cho một người đàn ông trước khi hôn thú. Bởi vào thời đó sự trinh bạch là giá trị duy nhất của một người phụ nữ, điều này có nghĩa là tôi sẽ không bao giờ có thể kết hôn một cách đường hoàng ở đất nước tôi được nữa. Ai mà lại đi mua một thứ hàng đã dùng và bẩn thỉu? Tôi không còn có giá trị nữa và sẽ không bao giờ còn được tôn trọng ở xã hội An Nam. Giờ đây tôi bị coi như một gái điếm.

Mù quáng bởi tình yêu tôi đã chấp nhận rủi ro này. Bây giờ thì đã quá muộn, tôi đã thua cuộc. Cuộc đời của tôi chỉ còn là một thảm họa!

Tôi không dám tới phòng ngủ, những tiếng rên rỉ hoan lạc của những kẻ phản bội vẫn còn vang vọng ở đó. Tôi ngồi hàng tiếng đồng hồ, bất động, trống rỗng, tuyệt vọng, bất hạnh cùng cực và không đến chỗ làm nữa.

Gần trưa Ngọt mở cửa bước vào mà không gõ, hơi thở đứt đoạn. Cô tìm thấy tôi ngồi ở một góc nhà, mắt trống rỗng. Tôi không còn khả năng khóc nữa.

“Chúng em biết chuyện gì đã xảy ra”, cô khê khàng nói và dịu dàng vuốt tóc tôi. “Cả thành phố bàn tán về chuyện này! Chị quả đã không gặp may. Nhưng mà điều quan trọng nhất là chị đã giữ được thể diện của mình! Người ta kể là chị đã đánh con bé đó còn kinh hơn so với cả một người đàn ông!”

Tôi không trả lời. Chẳng có gì để nói. “Em sẽ ở lại đây với chị, cả đêm nay nữa, nếu chị muốn. Liên sẽ cùng Anh lo việc ở tiệm. Em sợ để chị ở đây một mình”, cô nói tiếp và nhìn tôi một cách lo lắng.

Cô đứng dậy, đi vào bếp để đun cho chúng tôi một ấm chè hoa nhài. Cô rót nước từ bình chứa vào ấm nấu nước và cười với tôi: “Bọn em sẽ chăm sóc chị, đừng sợ!”

Tôi buồn bã trả lời: “Các em sẽ phải tự chăm sóc cho nhau.” Ngọt nhìn tôi, tỏ vẻ không hiểu điều tôi muốn nói.

“Bọn em phải tự chăm sóc cho nhau? Thế còn ...” Tôi cúi xuống, gật đầu. Nước mắt tôi bắt đầu chảy dàn dụa.

“Chị muốn dành cho các em sự bất ngờ. Chị sẽ có em bé.”

Ngọt đặt phích ấm nước còn lạnh lên bàn, như cô vừa bị bỏng, đến bên tôi và ôm chặt tôi. “Trời ơi ...

Lạy Trời, xin hãy giúp cho chúng con!”, cô nói nhỏ và cũng bắt đầu khóc.

Một món quà

Suốt cả một ngày và một đêm dài tôi nằm đau đẽ trong nhà của Ngọt, mãi cho đến khi mặt trời mọc, đấy là vào giữa tháng Tám năm 1950, một đứa bé gái, con gái của tôi, cất tiếng khóc chào đời. Nhìn thấy đứa con của tôi khoẻ mạnh, tôi rất đổi hạnh phúc và tự hào.

Ngọt và Liên thay nhau đóng vai trò bà đỡ. Liên từng giúp mẹ khi đẻ nên biết chính xác cần phải làm điều gì. Khi cô trao đứa trẻ sơ sinh cho tôi, tôi hút đờm từ trong mũi nó và nhổ đi. Trước đó hai cô đã buộc một đồng tiền bạc to lên cuống nhau của đứa bé. Sau đó nó ngủ thiếp đi.

Thời gian đầu khi có thai tôi thường bị rơi vào trạng thái buồn u uất. Lúc ấy tôi nhận ra nỗi buồn thất tình, tương tự như chiến tranh, có thể từng bước, từng bước hủy hoại một con người. Tuy nhiên tôi chẳng bao giờ hoàn toàn một mình. Hai người bạn gái trung thành của tôi giữ lời hứa và giúp đỡ cho tôi một cách không mệt mỏi. Cùng với họ, tôi lao đầu vào công việc, dần dần tôi cũng cảm thấy khuây khỏa hơn.

Ôm đứa bé đỏ hỏn trên tay tôi quả quyết nói với hai cô bạn: “Các em có biết không, nếu chiến tranh đã chẳng động được đến chân lông của chị thì

cả ái tình cũng vậy!” Để luôn nhớ những lời này, tôi đặt tên cho con gái mình là “Loan”, còn có nghĩa là “Phượng Hoàng”. Cái tên này sẽ phải là dấu hiệu cho sự hồi sinh của tôi, là biểu tượng cho sức mạnh của tôi trong cuộc đời. Từ nay con gái của tôi hàng ngày sẽ chỉ cho tôi biết rằng người ta có thể đứng dậy từ đồng tro tàn, tạo nên viên mãn từ sự trống rỗng. Loan là một món quà báu đối với tôi.

Điềm gở

Với chiếc bụng được buộc chặt, một ngày sau khi sinh tôi đã đi làm trở lại. Tôi địu Loan sau lưng với một chiếc khăn vải bông rộng, khi nó đói tôi chỉ cần xoay con về phía trước là có thể cho nó bú. Nó có một sức thu hút lớn với mọi người, bản thân tôi cũng cảm thấy ngạc nhiên vì đã trao tặng sự sống cho sinh thể kỳ diệu này. Tôi không thể và không muốn rời khỏi con, dù chỉ trong một phút.

Cửa hàng bán chạy. Chúng tôi tươi cười bán các đồ uống trước đó đã được pha loãng một cách có chủ ý với nhiều nước đá bảo quản trong một chiếc tủ gỗ.

Mấy ngày nữa trôi qua cho đến khi vào một buổi chiều có một thằng bé bỗng nhiên chạy ập vào tiệm của chúng tôi, người đầm đìa mồ hôi. Đây là thằng bé thỉnh thoảng vẫn chở các tảng đá lạnh đến cho chúng tôi.

“Cô ơi! Cô ơi!” Tôi vội vàng từ bếp đi ra, vẫn điệu Loan ở trên lưng, trong khi thằng bé thất thanh nói tiếp: “Cô ơi! Nhà cô đang cháy! Về nhanh lên cô ơi!”

Liên lúc đầu còn đứng đó bán tin bán nghi, rồi hoảng hốt đập cả hai tay lên đầu.

“Nó mang điếm gở đến! Nó mang điếm gở đến cho con bé rồi!”, cô nói với giọng sợ hãi.

“Đừng có mà nói vớ vẩn!”, Ngọt nói, bình tĩnh hơn một chút. Tôi biết là cô chỉ nói vậy để an ủi tôi. Tôi hiểu là cả hai đang nghĩ gì. Sau khi sinh, trong mấy ngày liền, người mẹ không được phép thốt ra một lời nào liên quan tới điếm gở, nếu không đứa trẻ sơ sinh sẽ bị ám bởi chính điếm gở đấy.

Tuy nhiên chẳng còn thời gian để suy nghĩ tiếp về việc này nữa. Tôi gỡ chiếc khăn điều và trao con gái cho Ngọt, trước khi cùng thằng bé chạy về nhà, vì xung quanh không có chiếc xích lô nào.

Ngôi nhà của tôi chẳng còn lại gì ngoài một đồng tro lửa đang bốc khói nghi ngút. Hàng xóm đã cùng nhau ngăn chặn không để cho đám cháy lan ra tiếp và gây thêm nhiều thiệt hại nữa. Tất cả đều bàng hoàng và chia buồn với tôi.

Tôi đứng đó bất lực. Thêm một lần nữa tôi lại mất hết tất cả những gì mình sở hữu. Thế nhưng chúng tôi, con tôi và tôi, vẫn còn sống. Trong khoảng khắc này chỉ điều đó mới quan trọng. Sự bất hạnh này khiến cho tôi càng hiểu thêm giá trị thật sự của cuộc sống và làm cho tôi sẽ trở nên mạnh mẽ hơn sau đó.

Trước khi quay trở lại chỗ làm việc, tôi bình tĩnh cảm ơn mọi người đứng xung quanh. Và bởi vì tôi phỏng đoán kẻ phóng hỏa có mặt không xa đây, tôi nói với giọng kiêu chế, nhưng đủ to: “Chẳng có gì kinh khủng cả. Bao giờ ta cũng có thể bắt đầu lại từ đầu!”

Sau các biện pháp điều tra ngắn gọn và nhờ các lời khai của nhân chứng, người ta đã tìm ra được kẻ phạm tội. Người đàn bà suýt nữa thì trở thành chị dâu của tôi đã bị quan sát thấy trong khi tiến lại ngôi nhà của tôi với một cây đèn dầu hỏa trên tay, khi đi ra thì chỉ hai bàn tay trắng. Khi bị hỏi cung, chị ta thú nhận ngay. Chị ta không chỉ hành động để trả thù, mà còn vì tin tưởng vào một phong tục mê tín ở nước tôi. Sau khi biết được tôi sinh con, chị ta tìm cách cho đứa bé bị gặp nạn.

Người đàn bà bị tổng giam. Cảm giác hú vía sau đó không xua được trạng thái xây xẩm khi tôi nghe lời khai của chị ta.

*Bonjour và Adieu**

Ngọt đề nghị tôi về ở cùng, bởi vì cô sống một mình. Cũng như Liên, cô chưa bao giờ ràng buộc sâu sắc

* Xin chào và Tạm biệt (tiếng Pháp trong nguyên bản)

với ai. Tôi đoán là cả hai đều cảm thấy bị răn đe bởi kinh nghiệm của tôi. Tôi vui mừng nhận lời mời của cô. Trước sau tôi không bao giờ rời Loan một bước, những lúc tôi phải làm việc thì con gái của tôi ngủ ngay ở chỗ chúng tôi trong bếp.

Chúng tôi vẫn tiếp tục công việc kinh doanh của mình dưới chế độ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập.

Tuy nhiên không lâu sau đó cả ở miền Nam lẫn vùng núi phía Bắc lại tiếp tục diễn ra các cuộc giao tranh ngày càng trở nên quyết liệt hơn giữa các lực lượng theo ông và người Pháp. Cuộc chiến tranh này như một đại dương đều đặn xô sóng lên bờ. Chúng tôi sống giữa hai bên bên mặt trận với hy vọng các xung đột sẽ nhanh chóng lắng xuống và hòa bình sẽ được lập lại như hằng mong mỏi và mang đến cho chúng tôi cơ hội có được một tương lai tốt đẹp.

Bởi vì khách qua lại ở tiệm của chúng tôi phần lớn là binh lính Pháp nên tôi chứng kiến nhiều gương mặt vô danh, trẻ và già, đang trên đường đến cái chết. Vốn tiếng Pháp của tôi khi đó đã đủ để có thể diễn đạt điều muốn nói và hiểu được những gì các vị khách của tôi kể với nhau trong khi ăn uống.

Bên cạnh lính dù còn có cả lính lê dương từ nhiều nước khác nhau đến chỗ chúng tôi và càn cốc lẫn cuối trước khi đi vào trận đánh. Người Đức,

người vùng Elsass, Breton, Basque, Corsica, Pieds Noirs, người da đen, Maroko, Hungary và Bỉ chỉ là một số trong nhiều người đang căng thẳng không biết ngày hôm sau sẽ mang đến điều gì cho họ. Phần lớn trong số họ nói to, và thường tỏ ra rất nôn nóng để bước vào cuộc chiến. Có những người lại âm thầm và dường như không biết chính xác vì lý do nào mà họ lại có mặt nơi đây. Có người lính viễn chinh lại mỉm cười với chiếc vé tàu điện ngầm mang điểm may rút ra từ túi áo, an tâm rằng một ngày nào đó lại có thể sử dụng nó ở quê hương. Lính lê dương hay bỏ một viên đạn vào cốc nước, sau đó hôn nó một cách dịu dàng trước khi đút lại vào túi quần. Trong khi tôi, luôn luôn với một nụ cười trên môi, gạt phăng bàn tay đang sờ mó mình và đặt nó lên mặt bàn, lịch sự nhưng vẫn đủ kiên quyết trước khi tính tiền, thì ngay sau đó lại có thể rót thêm một chén không lấy tiền cho một người bỗng đứng khóc nức lên như trẻ nhỏ, chẳng biết vì thất tình hay nhớ nhà.

Tôi đã hoàn toàn trở nên chai lì giữa tất cả những con người và số phận này và chấp nhận trong chốc lát lời chào “Bonjour” sẽ có thể biến thành lời chia ly “Adieu”.

*C'est la vie...**

Vào một buổi tối có một nhóm lính lê dương bước vào quán với câu nói của miệng quen thuộc: “Nào, ta vào chỗ mấy cô ả nhỏ bé đánh rắm qua quần lụa cái nào!” và đặt một chầu Cognac pha xô đa. Một người trong số họ, vẻ ngoài không lấy gì làm điển trai, mỉm cười ngượng ngập vì cách ăn nói của đám đồng đội. Anh ta tên là Philippe, quê xứ Bretagne. Họ luôn đến theo nhóm, uống một hay nhiều chầu, và quây tính tiền của chúng tôi cũng tha hồ vang lên tiếng loảng xoảng của tiền đồng. Thịnh thoảng có người lính cũng đến cùng một cô gái bản xứ mà trên nét mặt của cô gái ấy hiện rõ ước mơ sẽ có một tương lai chung với người đàn ông bên cạnh. Thường tôi vẫn nghe lời hứa hẹn sẽ mãi mãi đợi chờ nhau của họ. Và thường tôi phải an ủi những đôi trai gái trẻ tuổi linh cảm được rằng buổi tối trong quán của chúng tôi cũng là buổi tối cuối cùng bên nhau của họ.

Không lâu sau tôi hỏi đồng đội của Philippe liệu anh có bị điều động đi nơi khác bởi vì từ nhiều ngày Philippe không còn đến quán nữa. Tôi nghe kể anh đang nằm viện trong doanh trại vì bị tiêu chảy. Không nghĩ ngợi gì, vì Philippe luôn rất dễ

* Đời là vậy (tiếng Pháp)

thương và đối xử đúng đắn đối với tôi và vì tôi cũng cảm thấy thiếu bầu không khí vui vẻ toát ra từ anh, tôi đã tới doanh trại và mang theo cho anh trái cây tươi, ngoài ra còn có một suất ăn ngon và một chai rượu vang đỏ. Ngạc nhiên và rất xúc động, anh chân thành cảm ơn tôi.

Một vài tuần sau khi đã hồi phục, anh trở lại chỗ chúng tôi. Đứng bên quầy anh nói với tôi rằng anh khâm phục cách chúng tôi nhìn nhận con người như vốn có, cho dù là đẹp hay xấu, giàu hay nghèo, mạnh khỏe hay bệnh tật. Sau đó anh nói về sức mạnh của tình yêu mà anh đặt lòng tin vào đó. Rồi, một cách bất ngờ, anh tỏ tình với tôi.

Anh nói về hôn nhân và về một cuộc sống bình yên bên cạnh anh khi chiến tranh trôi qua. Lúc phá lên cười vì không còn tin vào tình yêu, tôi không ý thức được là điều đó đã làm tan vỡ trái tim của anh. Anh chỉ nói là tôi hãy suy nghĩ lại và cúi gầm đầu đi ra ngoài.

Vào một buổi sáng đầu 1951 Philippe bước vào quán của chúng tôi, một mình.

“Tôi sẽ tình nguyện đăng ký lên Cao Bằng, trừ khi em nghĩ lại”, anh nói với giọng bình thản và nghiêm trang. Tôi biết rằng tình cảm anh dành cho tôi lớn hơn chỉ là một mối thiện cảm, nhưng ngược lại với anh, trái tim tôi hoàn toàn trống rỗng.

Vào thời điểm này cùng lắm tôi chỉ có khả năng dành sự thương hại cho một người đàn ông, chẳng

hạn cho những cậu trai trẻ thỉnh thoảng lại khóc rống lên trong tiệm. Tình cảm sâu sắc hay thêm muốn gần gũi về thể xác đã trở thành xa lạ đối với tôi. Trái tim tôi vẫn còn cảm thấy nỗi đau sâu sắc và cay đắng do tình yêu đã gây ra. Từ dạo đó tất cả những gì liên quan đến đàn ông đối với tôi chỉ là gỗ đá: lạnh lẽo, bất động và không có sự sống. Từ sự thất vọng này trong tôi đã hình thành nên cảm giác rằng mình sẽ không còn bao giờ có thể yêu được nữa. Và chỉ vì quyền lợi thuần túy mà kết hôn một người đàn ông, ý nghĩ này hoàn toàn xa lạ đối với tôi. Thế nên tôi im lặng. “Ồ đó có thể tôi sẽ chết”, anh nói tiếp tục.

“Quên tôi đi”, tôi trả lời anh một cách lạnh lùng.

“Nếu vậy thì ... Chào em, trong tim tôi giờ chỉ còn cái chết.” Anh nhìn tôi, mặt trắng bệch và nước mắt trào ra.

Trước khi quay người để đi vào bếp tôi chỉ nói: “C’est la vie ...”

Hồi hận

Hồi ức về trận phóng hỏa vào ngôi nhà vẫn còn tiếp tục ám ảnh tôi, gắn liền với nó là sự sợ hãi rằng con tôi vẫn tiếp tục bị các mối hiểm nguy đe dọa. Tại sao số phận lại luôn nhắm vào tôi? Ở những khoảng khắc như vậy tôi ôm Loan thật chặt vào lòng. Nhìn

thấy con dần lớn lên ngay cạnh mình, tôi thấy được an ủi. Tuy nhiên tôi cũng bắt đầu suy nghĩ về tương lai của chúng tôi. Rồi con tôi sẽ sống ra sao, khi mà chính tôi cũng không biết ngày mai sẽ có gì xảy đến với mình? Đã từ lâu rồi tôi chưa bao giờ rơi vào một tình trạng sa sút tinh thần như trong mấy tuần qua, cả công việc hàng ngày trong tiệm lẫn những lời an ủi của các bạn gái cũng không làm tôi thật sự được khuấy khoả.

Dần dần, khi những ý nghĩ u ám cũng xâm chiếm tôi vào cả các buổi tối, tôi mới tự thừa nhận nguyên nhân. Từ sau lúc chia tay Philippe tôi mới ý thức thật sự rằng mình đã hành động một cách ích kỷ ra sao khi tôi chỉ biết nghĩ đến mình mà không nghĩ đến tương lai của con tôi. Tôi đã hành động nhẹ dạ biết bao! Không kể đến nỗi đau đớn khủng khiếp mà tôi đã gây ra cho một người đáng yêu như anh, tôi còn tự dày vò bởi nhận ra rằng mình không còn khả năng đáp trả tình cảm sâu nặng của một người khác nữa.

Tình cảnh khốn cùng của những đoàn người tị nạn càng về sau càng đông hơn đã trở thành một thực tế hàng ngày đối với tôi. Rốt cuộc tin tức về các trận đánh ác liệt ở Cao Bằng và Lạng Sơn đã chấn động tôi đến tận xương tủy. Ý nghĩ của tôi giờ đây chỉ còn xoay quanh Philippe và đè nặng như hàng ngàn hòn đá lên tâm hồn tôi, lên lương tâm tôi. Liệu tôi có phải là một kẻ xấu xa?

Ở phía Bắc cả mùa mưa cùng không đủ để làm cho máu của các nạn nhân thấm vào lòng đất bùn. Có thể Philippe cũng là một nạn nhân. Và với câu nói khước từ lời tỏ tình chân thành của anh, tôi đã đẩy anh vào chỗ chết. Tôi đã hành động sai trái và nhẫn tâm biết chừng nào! Cứ nghĩ mình đẩy một người đang yêu đi vào một chỗ chết chắc chắn, sức chịu đựng cuối cùng trong tôi vơi cạn và khiến tôi càng tuyệt vọng hơn.

Tôi phải sống với quyết định của mình, nhưng đã đến lúc tôi phải sửa lại lỗi lầm này. Tôi phải cứu vãn lại tình thế!

Việc giải thoát khỏi tội lỗi này của tôi diễn ra thông qua một người quen. Nguyễn Thị Nga, vợ đính hôn của một người Pháp, đã nhiều lần khuyên tôi vào làm việc cùng chị trong một doanh trại Pháp. Tại hiệu thuốc ở đó hiện người ta đang tìm một người giúp việc. Cho đến nay tôi vẫn luôn từ chối, nhưng lần này, khi chị lại đến thăm và hỏi tôi thì tôi đã quyết định đồng ý làm việc cùng chị.

Rất nhanh chóng, vào ngày 19 tháng Bảy 1951, tôi đã được tuyển làm “cu li” và lần đầu tiên được nhà chức trách Việt Nam cấp thẻ căn cước.

Bởi vì không biết mình sinh ra chính xác vào ngày nào, nhưng để tránh bị mắc lỗi và có thể trả lời một cách tự nhiên nếu về sau này bị kiểm tra, tôi đã khai ngày sinh là 10.10.1929. Mười ngón tay của mình thì dễ nhớ mà...



Ảnh thẻ căn cước của bà Đâu Thị Cúc năm 1951 ở Hải Phòng.

Ở hiệu thuốc, hàng ngày tôi cân đong và đóng gói các dược phẩm sau đó sẽ được gửi ra các mặt trận. Khi tôi vắng mặt thì Ngọt và Liên chăm sóc Loan. Tôi được phép rời chỗ làm nhiều lần để về cho con bú. Sau buổi làm việc tôi quay trở về quán bar để ăn tối và tiếp tục làm việc ở đó. Sáng hôm sau tôi lại thức dậy từ sớm để có thể đóng được thật nhiều gói thuốc. Và với từng gói thuốc, tôi cảm thấy tâm hồn trĩu nặng của tôi lại nhẹ nhõm hơn một tí.

Cuộc đời của một con chim Phượng Hoàng

Và rồi năm cảm tinh mạnh mẽ của con Rồng lại đến. Cũng vào năm Thìn cách đây mười hai năm, năm 1940, tôi đã quyết định vĩnh viễn rời khỏi nhà. Từ lúc đó tôi sống một cuộc đời cho bản thân, và giờ đây là cho con gái của mình.

Trong thăm sâu trái tim mình, tôi vẫn giữ hy vọng một ngày nào đó sẽ được sống trong hạnh phúc và hòa bình. Vào những khoảnh khắc mơ màng theo đuổi những khát vọng đó, tôi thường vuốt ve đồ trang sức duy nhất mà mình có: cây thánh giá nhỏ mà cô Bè tặng cho tôi.

Tôi chưa theo hẳn một đức tin nào, có lẽ bởi vì tôi mới hiểu biết quá ít về những tôn giáo mà mình từng tiếp xúc từ trước tới nay. Cũng có thể là vì tôi đã không được học hành đến nơi đến chốn. Nhưng mà tôi biết điều gì là quyết định: Ông Trời và tổ tiên của tôi. Tôi có quyền và tôi muốn được dựa vào nguồn sức mạnh này.

Vào một buổi tối đầu tháng ba, tôi có một giấc mơ kỳ dị. Chúa Hải đồng Giê Xu nằm trên nôi và đòi tôi nước uống vì Ngài đang khát. Lúc nhìn thấy cảnh tượng này, tôi cảm thấy tim mình đập mạnh hết như mình đang thức. Trong giấc mơ tôi đi lấy sữa và rót cho Chúa Hải đồng uống, như một bà mẹ với đứa con của mình. Sau đó tôi tỉnh giấc và cảm thấy thật

kỳ cục khi mình lại mơ về đứa con của Thượng đế người da trắng. Tôi với tay về phía Loan đang ngủ một cách ngon lành ở bên cạnh. Tôi bế Loan và lại ngủ thiếp đi với con gái trong vòng tay.

Giữa tháng Ba bỗng nhiên Loan làm tôi thức giấc trong một đêm khuya. Con tôi vật vã và khóc to. Ngay lập tức tôi choàng dậy, ôm con và cố làm cho nó bình tâm trở lại bằng cách hát nho nhỏ các bài hát quen thuộc của mình. Ở phía ngoài kia mưa lạnh sầm sập đổ xuống mái nhà như muốn gột sạch mọi thứ tội lỗi.

Ngọt cũng bị tiếng khóc của đứa bé đánh thức dậy.

“Chắc là nó đang mọc răng chị ạ”, cô nói. Tôi ru cho con ngủ tiếp. Ngọt đi nằm trở lại. Tôi nhẹ nhàng đu đưa đứa bé và bế con ngồi trên một chiếc ghế, dần dần nó yên ắng trở lại.

Về sau trời ngưng đổ mưa. Và tôi đã có thể nhìn thấy những tia mặt trời đầu tiên. Đây là vào một ngày thứ Sáu!

Bỗng nhiên, chẳng có một nguyên do nào, Loan lại khóc thét lên. Lúc bấy giờ tôi mất hết bình tĩnh. Con tôi chưa bao giờ đau ốm cả, nó đang bị gì vậy? Ngọt cũng tỉnh dậy và đi sang phòng bên thấp hương cầu nguyện cho sức khỏe của đứa bé. Tôi nghe tiếng lẩm bẩm của cô.

Chỉ vài phút sau, tôi rùng mình vì kinh hãi. Trước mặt tôi, từ trong bức tường trắng, tôi thấy ba người đàn ông bước ra. Căn cứ vào da mặt trắng

xanh và các tấm áo thụng dài của họ, tôi nhận ra đấy là các tu sĩ châu Âu. Những gương mặt như đắp mặt nạ của họ trùng trùng đổ vào tôi. Tôi bị cấm khẩu do quá sợ hãi, người ướt đầm mồ hôi.

Người đàn ông đứng ở giữa chĩa bàn tay về phía chúng tôi. Đầu tôi có thể đọc được ý nghĩ của ông ta.

Ông ta nói: “Con đừng sợ. Chúng ta đến để đón đứa bé của con.” Đường như Loan đã nghe thấy những lời này, nó khóc thét lên lần cuối, trước khi bàn tay nhỏ xíu của nó dẫy dụa, tìm cách bấu chặt vào tóc tôi, chặt đến mức tôi bị đau nhói. Sau đó nó ngừng thở.

Những bóng ma biến mất. Họ đã mang theo linh hồn của đứa con vừa chết trong vòng tay tôi. Chỉ ít lâu nữa Loan sẽ tròn mười chín tháng tuổi.

Một thầy thuốc do Ngọt gọi đến chỉ còn có thể xác nhận cái chết của Loan, nguyên nhân có thể là một căn bệnh truyền nhiễm do vi khuẩn gây nên. Những trường hợp ốm đau và những vụ dịch bệnh chết người như vậy không phải là điều hiếm hoi ở xứ sở này và đối với bác sĩ là một chuyện thường ngày. Nhưng với tôi, với một người mẹ, nó đã làm cho trái tim tôi tan nát.

Trời vừa lấy đi của tôi sinh linh cuối cùng mà tôi yêu quý.

C h ư ơ n g
b a

Những con đường số phận

Chim Phượng Hoàng vẫn tiếp tục sống

Nghi lễ đưa ma mà theo đó người chết được rước về với tổ tiên rất quan trọng ở nước tôi. Người ta tin rằng nếu không có nghi lễ đó linh hồn của người chết sẽ bị đẩy xuống địa ngục.

Một mảnh lụa trắng là biểu tượng cho “linh hồn trong trắng” được đặt lên ngực người quá cố để linh hồn lìa đời bám vào đó khi người đó trút hơi thở cuối cùng. Trong nhà, nhang được thắp lên để canh giữ thi hài, việc này phần lớn do những thầy cúng được mời đến làm. Trước cửa nhà người ta rắc những đồng xu bằng đồng để trừ tà ma. Khi thi hài được rửa bằng nước thơm và được người nhà khâm liệm, người ta nhét tiền và gạo vào miệng người chết, coi đó là bữa ăn cuối cùng.

Sau đó người chết được đặt vào một chiếc quan tài bài trí rất cầu kỳ với nhiều lá bùa may mắn gắn trên nắp, trước khi quan tài được đặt vào một chiếc khung sơn son thếp vàng, trông giống như một ngôi chùa nhỏ. Vào dịp này, người ta có thể thuê những người đàn bà đầu cạo trọc đến để khóc muộn và thể hiện sự đau xót của mình bằng những giọt nước mắt vô cùng thống thiết. Thân nhân mặc toàn đồ trắng, màu của tang lễ, và cũng có thể cắt trọc đầu.

Rồi quan tài được đem ra nghĩa địa. Đi đầu đoàn người đưa tang là hai người đàn ông rước đuốc và cờ,

trên cờ có ghi vị thế của người quá cố. Tiếp đó là đoàn người đi theo sau rắc vàng mã để trấn an ma quỷ.

Sau đó là người rước bia sơn son tường niệm người quá cố giờ đây đã được xếp vào hàng tổ tiên. Còn có một bàn thờ nhỏ, trên đó đặt những kỷ vật hay đồ dùng từng gắn bó với người quá cố. Sau cùng là xe tang, được vây quanh bởi đoàn nhạc công và tang quyến.

Khi đến nơi an táng người ta gọi hồn ba lần và quan tài lúc này có thể hạ huyệt.

Mọi việc diễn ra như vậy. Sau đó bài vị của người quá cố được đưa lên bàn thờ tổ tiên.

Tôi không muốn biết gì về những thứ thủ tục đó. Không một thứ nghi lễ, dù to tát đến chừng nào, có thể diễn tả nỗi đau mất con của tôi và tình yêu mà tôi dành cho nó. Tôi không cần bàn thờ, vì tôi mang tổ tiên tôi trong lòng mình và biết rằng tổ tiên tôi luôn đưa bàn tay cứu mang tôi, một đứa trẻ mồ côi. Tôi cũng không cần cả một người khóc thuê vì tự tôi có thể khóc.

Tuy nhiên tôi vẫn mặc đồ tang trắng và ngồi bên xác Loan suốt ba ngày.

Ngọt và Liên đã mang hoa đến và rắc lên thi thể bé nhỏ của nó. Tôi đã nhờ Ngọt cắt mớ tóc dài của tôi. Nó làm theo lời tôi mà rưng rưng nước mắt. Loan thích mái tóc của tôi, và đó là vật duy nhất ngoài tình yêu của tôi mà tôi có thể cho con gái tôi mang theo trên chuyến đi xa của nó.

Vì trước đó có ba tu sĩ da trắng hiện lên trong giấc mơ nên sáng ngày Chủ nhật tôi đưa xác con tôi, được quấn bằng lụa trắng, đến chỗ một cha cố. Trước khi nhờ vị linh mục mai táng Loan theo lễ nghi tôn giáo của ông, tôi nói: “Ông Trời thật công bằng: Một người đàn ông trẻ tuổi đã chết vì bị tôi khước từ. Và giờ đây tôi đã phải trả giá tội lỗi đó bằng chính giọt máu của mình.”



Nhân vật chính, mẹ của tác giả, cắt tóc ngắn sau khi người con gái đầu tên Loan qua đời.

Vị cha cố im lặng nhìn tôi và hiểu được nỗi buồn của tôi. Sau đó ông đã làm theo ý nguyện của tôi.

Tôi nêu lý do cá nhân và xin nghỉ việc ở chỗ tôi làm vào ngày 31 tháng Ba năm 1952. “Từ nay”, tôi nói với những người bạn gái của tôi, “tôi không muốn ai, kể cả các bạn, gọi tôi là ‘Cúc’ nữa mà hãy gọi tôi là ‘Loan’, bởi vì nó đã và sẽ mãi là con của tôi. Tôi đã không uống khi gọi nó là Con chim Phượng Hoàng.”

Ít lâu sau đó tôi quyết định rời khỏi thành phố, nơi đã mang lại cho tôi biết bao điều bất hạnh. Tôi chỉ mang theo một hộp nhỏ đựng đồ trang sức, tiền và một ít quần áo và chia tay với Ngọt, Liên và Anh, những đứa em buồn thê thảm khi phải để tôi ra đi.

“Chị không thể ở lại đây thêm nữa”, tôi nói với họ. “Vì nếu không chị sẽ chết vì buồn bã. Hãy nhận tất cả gì mà chị đã dành dụm được. Chị chẳng cần đến nó nữa. Chị cảm ơn các em nhiều lắm.”

Tôi leo lên xe khách, xe đưa tôi tới Gia Lâm, một thị trấn ở phía Đông Hà Nội, để bỏ lại thật xa phía sau quá khứ nặng nề.

Khi xe khách từ từ lăn bánh, họ gọi với theo, như đã đọc được suy nghĩ của tôi: “Chị có lý đấy Loan ạ: Một con chim Phượng Hoàng không bao giờ chết!”

Hoa, một tâm hồn cao cả

Quân đội Pháp từ lâu đã đóng quân tại Gia Lâm. Tôi sống ở ven con đường từ Hải Phòng tới Hà Nội, trong một túp lều nhỏ xiu như bao túp lều khác. Ngay đằng sau đó là những bãi lầy xa tấp, nơi tạo môi trường sống lý tưởng cho cá sấu và ếch ương và mỗi khi hoàng hôn đổ xuống, đàn ếch ương lại kêu uỳnh oang thật to, át cả những âm thanh ồn ào thường thấy. Lần này tôi muốn mở một quán bar, vì thế tôi thuê trên phố một gian phòng nhỏ và mua một số đồ gỗ. Rồi tôi thuê hai người phụ nữ trẻ phụ giúp cho tôi. Tiếng gầm rú của phi cơ ném bom và máy bay Đa-cô- ta từ sân bay gần đó thường trộn lẫn với những tiếng rao bình thân của những người bán đồ ăn. Như tất cả những người ở đây, tôi sống ngày này qua ngày khác. Một chiếc cầu dài mang tên Paul-Doumers bắc qua Sông Hồng rộng lớn và nối liền Gia Lâm với Hà Nội. Đường xe lửa đi Hải Phòng cũng chạy qua cây cầu này. Những người lính thực dân da đen, người cao lớn mặc quần soóc canh gác cầu, thường xuyên đi tuần ở đây. Cầu nhiều lúc bị tắc nghẽn vì xe trâu, xe xích lô, xe đạp và cả người đi bộ.

Vào những ngày nghỉ tôi đi xích lô qua cầu và dành thời gian ở bên Hà Nội. Động tác tượng trưng này nhằm rũ bỏ thân phận và đã giúp tôi dần dần lấy lại sức lực. Việc không cưới bố của Loan đã là một quyết định mang hậu quả nặng nề. Tôi đã vi phạm

những quy tắc xã hội và đã hủy hoại thanh danh của mình. Nhưng tôi đã cảm nhận rằng sẽ hoàn toàn sai nếu tôi từ bỏ cuộc sống tự quyết của một người phụ nữ. Việc mất Loan chỉ là thêm một thử thách nữa mà tôi phải trải nghiệm. Và tưởng chừng như con gái của tôi đang đòi hỏi tôi phải bắt đầu một cuộc sống mới, phù hợp với chính những nguyên tắc búống binh mà tôi đã đặt ra cho mình, tôi tìm cách để thực hiện điều này một cách tốt nhất. Tôi quyết tâm không lâu nữa sẽ lại có thể trụ được trên chính đôi chân của mình, tại một thành phố khác và bằng một cái tên mới.

Một buổi tối, tôi đã làm quen với một cô gái trẻ cách quán của tôi vài bước chân, tôi từng nhiều lần nhìn thấy cô đứng đó một mình. Cô bé 14 tuổi, tên là Hoa.

Tôi bắt chuyện với cô. Cô nhìn tôi một cách ngượng ngịu và cẩn thận nhòm ngó quanh đó, xem có ai nghe chúng tôi nói chuyện không. Cô bé nói nhỏ với tôi, cô là gái làm tiền và đang chờ khách làng chơi.

Rồi cô kể cho tôi nghe câu chuyện của cô. Đó là cách duy nhất để cô và gia đình cô tồn tại. Bố cô đã lên đường đi chiến đấu vì tự do của dân tộc mình; từ nhiều năm nay họ không được tin tức gì của ông nữa. Mẹ cô ở lại cùng với ba người con, thêm vào đó là người ông bị bại liệt, và chẳng còn một xu dính túi. Năm 12 tuổi Hoa đã phải bán mình cho

một người đàn ông lấy mấy trăm đồng để gia đình sống qua ngày. Không ai ép buộc cô bé làm việc đó, nhưng sự túng quẫn của gia đình cô trong cuộc chiến tranh khốn nạn này đã không cho cô một sự lựa chọn nào khác.

Tôi thật cảm động khi được biết rằng một con người có khả năng làm được những điều gì vì tình yêu dành cho người thân của mình. Đối với tôi, hy sinh của Hoa là minh chứng cho một tâm hồn thực sự cao cả.

Một gian phòng đầy bí ẩn

Người chủ mới cho tôi thuê nhà đón tôi một cách vui vẻ, gần như nồng nhiệt. Ông sống cùng với gia đình trong căn nhà bên cạnh và chẳng hỏi han gì cả. Một hôm tôi chợt nhớ ra mình để quên giấy tờ tùy thân ở nhà, và vì vậy phải nhanh chóng quay trở lại. Chẳng ai biết rằng điều gì có thể xảy ra trong ngày, vì thế tốt nhất là mang tất cả những gì quan trọng nhất bên mình. Khi về gần tới nơi, tôi thấy người chủ nhà bước vào túp lều của tôi, vai vác một nửa con bê. Tôi ngạc nhiên chờ vài phút ở trước cửa. Ông ta định trữ tảng thịt đó ở đâu? Trong nhà làm gì có chỗ.

Một lúc sau vẫn chưa thấy ông bước ra, tôi bèn đi vào trong nhà. Ông bình thản đứng giữa căn

phòng duy nhất của tôi và cười vui vẻ: “Cô Loan, tôi đang định kiểm tra xem trong lều của cô có sạch không”, tôi nhận thấy ông nói năng có vẻ lúng túng.

Tôi bình tĩnh trả lời ông với một nụ cười đặc biệt thân thiện và lịch sự: “Xin mời ông. Ông cứ kiểm tra đi ạ. Tôi hy vọng rằng mọi thứ đều sạch sẽ đối với ông. Tôi chỉ muốn về lấy cái túi mà tôi quên thôi.” Tôi không chờ ông trả lời mà đi thẳng về chỗ chiếc tủ con bên cạnh giường ngủ. Tất nhiên là tôi không hề thấy dấu vết gì của tảng thịt khổng lồ ban nãy. Tôi không tỏ thái độ gì, lấy cái túi và chào ông một lần nữa. Ông tỏ ra hài lòng với việc kiểm tra của mình, gật đầu đáp lại câu chào của tôi và theo tôi đi ra ngoài.

Buổi tối sau giờ nghỉ tôi về nhà, khóa chặt cửa và vặn nhỏ ngọn đèn Ca-bít. Sự việc xảy ra trong ngày đã không để cho tôi yên. Tôi muốn tìm hiểu xem điều gì đã xảy ra đối với nửa con bê. Tôi bắt đầu sờ vào tường. Không có gì cả! Nhưng tôi chợt phát hiện ra tấm thảm dưới giường của tôi có vết gấp ở một góc. Tôi nhẹ nhàng và cẩn thận kéo chiếc chõng tre cùng với tấm thảm sang một bên. Quả thực phía dưới là một chiếc nắp hầm.

Tôi tò mò kéo chiếc nắp hầm vài xăng-ti-mét sang một bên và phát hiện ra một lối ngấm. Túp lều của tôi bị đào rỗng dưới nền và ở đó có hẳn cả một đường hầm!

Giật mình và sợ hãi vì có thể có người nào đó từ dưới hầm chui lên, tôi vội vàng đóng chiếc nắp hầm lại và nhẹ nhàng đẩy tấm thảm cùng với chiếc chõng tre trở lại vị trí cũ. Vậy là tôi lại có thêm một câu chuyện rắc rối nữa. Gian phòng của tôi là cửa vào của một hệ thống đường hầm, và qua đường hầm đó hẳn ông chủ nhà của tôi đã tiếp tế thức ăn cho người của Việt Minh! Lúc đầu tôi có bị sốc, nhưng rồi cuộc thì tôi nghĩ rằng mọi sự đối với mình đều là vô can. Tôi chỉ mong muốn được yên thân và sống trong bình an.

Con rắn quay trở lại

Cuộc sống cứ thế trôi đi. Tôi cố tình lơ đi như không nhìn thấy những cây chuối ở đằng sau túp lều của tôi thỉnh thoảng lại rung lên khi tôi phơi quần áo lên giây phơi, và tôi cũng cố tình như không nghe tiếng những “con chuột chũi” hai chân đang nói chuyện ở những cái lỗ phía dưới không xa chân tôi là mấy, vì họ bỗng dưng va đầu vào những rễ cây cứng.

Đã hai tháng trôi qua kể từ khi tôi tới đây. Tôi không có lý do gì để phải lo lắng. Về phần mình, tôi chẳng thiếu thốn gì. Nếu có đủ tiền người ta có thể sống ở đây một cách khá thoải mái. Có những người thích ngồi xõm trên chiếc ghế đầu bởi họ cảm

thấy ngồi như vậy thoải mái hơn là ngồi trên ghế tựa, vào những giờ phút yên tĩnh họ ngồi trước cửa lều và bắt chấy trên đầu cho nhau. Những người khác thì bỏ tiền ra thuê người bới tìm tóc bạc và chìm vào giấc ngủ khoan khoái khi được nhổ tóc. Ngược lại, những người nghèo nhất trong số những người nghèo thì hàng giờ đứng ở vệ đường để bán những mớ tóc óng mượt của mình lấy ít tiền hoặc đổi lấy một chút đồ ăn. Những bóm tóc này phần lớn được phụ nữ mua về để độn vào những làn tóc mỏng của mình, hoặc là để tạo dáng thành những kiểu đầu độc đáo. Điều quan trọng là cần phải chú ý tới nguồn gốc của tóc, bởi cũng có những trường hợp tóc là của những người đàn bà đã chết.

Vào một buổi sáng tôi có linh cảm mình đang bị theo dõi. Tôi phát hiện ra một người đàn ông trẻ đeo kính đã theo mình suốt từ nhà cho tới chỗ làm. Giờ đây anh ta vẫn đứng cách quán bar của tôi không xa và làm ra vẻ như đang đọc sách.

Tôi cảm thấy bất an. Liệu có phải tôi đã bị phát hiện vì những mưu đồ của người chủ nhà hay không? Liệu có phải tôi biết quá nhiều hay không? Hay là vì những mối quan hệ của tôi với người nước ngoài?

Đến chiều thì tôi không thể chịu đựng được nữa. Người đàn ông vẫn còn đứng đấy. Bởi sự việc bắt đầu trở nên kỳ quặc, tôi quyết định sang bên kia đường và trực tiếp hỏi anh ta.

“Xin lỗi. Ông đã quan sát tôi suốt cả ngày trời. Tôi có thể giúp ông điều gì chăng?”, tôi hỏi và cố tỏ ra hoàn toàn bình thản. Bất ngờ vì sự thẳng thắn của tôi, người đàn ông trẻ bỏ kính ra, nhìn xuống đất và trả lời tôi một cách lúng túng: “Tôi phải xin lỗi bà... Có phải bà là bà Cúc?”

Khi chưa thấy tôi trả lời, anh ta nói tiếp: “Ông chủ của tôi đã lệnh cho tôi đến tìm bà. Ông ta muốn gặp bà để nói chuyện và để xin lỗi vì những điều ông ấy đã làm đối với bà. Ông ấy muốn đón bà về ... để làm vợ ông ông ấy.” Người đàn ông trẻ vẫn nhìn xuống với vẻ tôn kính.

Chỉ trong một tích tắc, hồi tưởng về Hùng đã ủa đến khiến tôi rụng rời. Tôi phải hít một hơi thật sâu. Vâng, tôi cũng đã từng muốn chung sống cùng anh. Bằng tất cả sự chân thành, tôi đã hiến dâng cho anh sự trinh trắng của mình. Giờ thì chỉ còn nỗi đau đớn khi tôi nghĩ đến anh. Sau khi đã lấy lại được đủ nghị lực và sự bình thản, tôi trả lời: “Ông hãy về nói với ông chủ của ông rằng tôi sẵn sàng đón nhận ông ta. Tuy nhiên với điều kiện là ông ta đủ can đảm để tự cắt đi một bên má mặt, coi đó là sự đền bù lại nỗi đau ông ta đã gây ra cho tôi. Còn nếu không thì tôi không bao giờ muốn nhìn lại ông ta nữa.”

Người nhắn tin gật đầu vội vã và ra đi với vẻ biết ơn vì có thể mang về cho ông chủ mình một câu trả lời.

Mối kết giao bằng hữu

“Nếu cuối đời bạn có thể tin tưởng vào chỉ một bàn tay, vào một người bạn duy nhất thôi thì bạn đã là người hạnh phúc!” (Loan)

Ở quán tôi chứng kiến những việc đã trở thành thường tình với mình, đó là phục vụ những người lính của nhiều quốc gia khác nhau và nghe họ kể chuyện. Với một nụ cười và một chút thái độ thân thiện là tôi đã được nghe họ dốc hết bầu tâm sự về cuộc đời của mình.

Thường thì tôi vỗ vai một người khách ca thán vì biết mình đã cùng đường. Nhiều lần tôi đã gạt đầu an ủi một đứa trẻ lớn tuổi đang nhớ nhung và mơ mộng những điều không bao giờ thành hiện thực trong cuộc đời của nó.

Chẳng phải vì tiền. Từ lâu tôi đã khám phá ra rằng tiền chỉ là một ảo tưởng của hạnh phúc. Ở đây tôi đang tiếp xúc những con người với tất cả những tình cảm, những nỗi khao khát của họ, con người với cả những thế mạnh và những mặt yếu.

Đồng thời tôi cũng đã học cách xử lý những màn đánh lộn. Một người lính chân ướt chân ráo vừa mới tới đã khoe khoang từng tham gia cuộc chiến tranh Triều Tiên thì không cần uống rượu đã đủ để khiêu

khích một người nào đó trong quân đội thuộc địa hoặc lính lê dương. Chỉ nói quá một lời thôi cũng đủ khiến bàn ghế bị đập nát trong phút chốc. Trong những trường hợp như vậy tôi luôn giữ cho thần kinh mình ổn định. Sau một vụ đánh nhau, tôi liệt kê mọi thiệt hại và ngày hôm sau vào doanh trại, nơi luôn có một vị chỉ huy của những thủ phạm đánh lộn sẵn sàng chi tiền bồi thường thiệt hại, và phần lớn còn kèm theo một lời xin lỗi, sau khi đã ghi lại tên ai trong sổ binh lính của mình gây chuyện, để trừ lương tháng sau.

Vào một ngày mưa tháng Bảy, tôi đang chăm chú lo rót bia thì bỗng thấy một chiếc xe xích lô dừng trước cửa quán bar. Tôi há hốc miệng đứng nhìn những người đang bỏ hành lý từ trên xe xuống: Ngọt, Liên và Anh thành linh đứng trước mặt tôi, trên mặt nở những nụ cười rạng rỡ.

“Chúng em đã bán tất cả để theo chị! Và bây giờ thì chúng em đã tới đây!”, họ tranh nhau nói loạn cả lên và reo lên mừng rỡ.

Chúng tôi ôm chầm lấy nhau, làm cho khách hàng của tôi cũng phải cười và cự nự một cách bốn cọt, ra ý họ cũng muốn được chúng tôi ôm cùng. Thật khó mà tin được. Tim tôi tràn đầy cảm giác hạnh phúc! Tôi đâu có mất tất cả: Tôi có những người bạn gái trung thành, những bằng hữu trọn đời.

Anh

Chúng tôi nhanh chóng dọn sang một căn nhà rộng hơn, có đủ chỗ cho bốn chị em. Nó nằm hơi xa một chút và bao quanh là một bãi lầy lớn. Tường hậu phòng ngủ của chúng tôi sát với vách ngoài của một ngôi chùa, trong đó có nhà sư trẻ trụ trì.

Bây giờ thì tôi cảm thấy rất nhẹ nhõm vì biết rằng bên dưới giường mình chẳng có người nào nữa. Chúng tôi cũng chuyển quán tới một vị trí khác sầm uất hơn. Cũng như trước đây, trong một bầu không khí thật chan hòa, chúng tôi đã tiếp tục công việc kinh doanh của mình một cách thành đạt.

Ngọt và Liên thì không thay đổi gì, vẫn như hồi tôi quen họ, nhưng Anh thì đã thay đổi rất nhiều, với cái tuổi mười chín của mình, cô trở nên xinh đẹp hơn nhiều. Tôi đã nghe kể về những gì cô đã phải trải qua trong những tháng vừa qua.

Đầu tiên cô bị chồng bỏ để đi theo một người đàn bà mà trong con mắt của anh ta thì còn xinh hơn cả cô. Sau đó người đàn bà này còn cho người hành hung cô. Giữa thanh thiên bạch nhật, một người lạ mặt đã xông vào Anh ngay ở giữa đường và tìm cách tạt axit vào mặt cô. Trong cái rủi có cái may, cô chỉ bị người đó làm bị thương ở cổ. Cũng chính vì sợ bị tiếp tục tấn công, cô đã quyết định cùng với Ngọt và Liên trốn tới chỗ tôi. Và đây chưa phải là tất cả: Anh đã có mang tháng thứ ba.

Tôi cảm nhận được rằng cô đã phải đau khổ như thế nào về việc đó. Cả Ngọt và Liên đều không thể giúp gì cho cô. Tôi đã tìm cách tiếp cận Anh để an ủi cô.

Chúng tôi có một cuộc trò chuyện với nhau, đúng hơn là cô chỉ nghe mà chẳng nói gì. Tôi bảo cô đừng quá lo lắng, ngay cả khi cô đang sắp sửa có con. Tôi lấy ví dụ rằng chính tôi cũng đã tự mình vực dậy sau cơn hoạn nạn. Danh dự, tôi nói với Anh, không phải là tất cả. Bản thân tôi cũng từng hạnh phúc, và đứa con của Anh chắc chắn cũng sẽ mang đến nhiều niềm vui. Ngoài ra cô còn có cả chúng tôi nữa mà!

Anh ngược nhìn lên. Một lúc sau cô nói nhẹ nhàng: “Em cảm ơn chị. Chị tốt với em quá. Em yêu chị như chính chị gái của em. Nhưng không có anh ấy thì cuộc sống của em chẳng có nghĩa lý gì hết. Cho dù cái gì sẽ đến, em cũng bất cần.” Cô từ từ đứng dậy và đi ra ngoài. Tôi buồn bã và bất lực quay trở lại chỗ những người kia. Tôi đồng cảm sâu sắc với điều mà Anh đã chia sẻ.

Hai ngày sau Liên tìm thấy Anh trong phòng ngủ. Tại đó, hoàn toàn không gây nên một tiếng động nào, Anh đã dùng dao trước hết đâm vào bụng mình và sau đó đâm nhát thứ hai vào tim để tự giải thoát khỏi cuộc sống mà cô không muốn có nữa.

Một đêm bất an

Vào một ngày cuối tháng mười một 1953, lúc gần nửa đêm, tôi cùng với Ngọt và Liên đang trên đường đi về nhà thì bỗng nhiên có tiếng súng nổ và tiếng những người đàn ông gào thét thật to, chỉ cách chúng tôi một vài con phố. Chúng tôi giật mình và chạy nhanh hơn. Chúng tôi đã gần về tới căn lầu của mình.

Những người lính Pháp bất thành lính xuất hiện như từ trên trời rơi xuống và chặn đường chúng tôi, họ chĩa súng vào chúng tôi. Họ đã đuổi theo một tốp chiến sĩ Việt Minh mà họ vừa mới phát hiện.

Khi họ nhận ra chúng tôi chỉ là ba người phụ nữ, họ lại để chúng tôi đi qua và tiếp tục kéo đi một cách hoang mang.

Vừa vào nhà chúng tôi liền đóng chặt cửa lại. Song chưa đầy mười phút sau có người đập cửa thật mạnh làm cửa bật tung ra. Lính tràn vào nhà chúng tôi, vũ khí lăm lăm trên tay. Chúng tôi ngồi yên, vô cùng sợ hãi. Trong khi một người chĩa súng vào chúng tôi, hai người khác lục soát các phòng.

Với giọng nói cau có “Xin lỗi các bà!” họ lại ra ngoài, bước vào bóng đêm sau cuộc lục soát không có kết quả.

Tôi cố tìm cách đóng cửa lại vì ổ khóa giờ đã bị đập hỏng, tôi nhìn ra và thấy tất cả các căn nhà khác đều bị lục soát theo cách tương tự. Chúng tôi pha chè uống để tĩnh tâm lại, nhưng khi bất thành lính

nghe nhiều tiếng súng nổ từ hướng bãi lầy thì chúng tôi suýt đánh rơi chén chè xuống đất.

“Chắc chắn là chúng ta bắn trúng nó rồi!” , một người la lên. “Hãy để cho hắn chết đuối!” , một người khác phụ họa thêm. Một lúc lâu sau tốp lính mới bỏ đi. Không ai trong số chúng tôi lại mừng tượng được rằng bãi lầy sau nhà chúng tôi lại là nơi trú ẩn của Việt Minh! Khi gặp nguy hiểm, họ có thể ngâm mình hàng giờ dưới nước và chỉ thở qua mấy chiếc ống tre.

Sau đó, vào lúc nửa đêm, chúng tôi nghe những tiếng chân vội vã ở phía sau căn nhà của mình và nghe giọng nói bằng tiếng Việt vọng ra từ ngôi chùa. Ngôi chùa là ngôi nhà duy nhất không bị khám xét, vì được coi là chốn linh thiêng. Cả đêm chúng tôi nghe thấy tiếng nói từ phía đằng sau vách khiến cho mình run sợ. Nếu người ta phát hiện ra rằng các nhà sư để cho những người bị truy đuổi lánh nạn thì chắc chắn tất cả chúng tôi đều phải tính tới chuyện bị trả thù.

Một chuyến đi trên mây

Những nghiệm trải mạo hiểm như vậy cũng không thể cản trở chúng tôi trong công việc kinh doanh. Cuộc sống vẫn cứ tiếp diễn. Ngày càng nhiều lính Pháp trụ lại ngắn hạn ở Gia Lâm, trước khi họ bị điều đi Điện Biên Phủ. Nơi đó người Pháp đã xây dựng cả

một căn cứ trong thung lũng và phải bảo vệ nó trước sự tấn công của các đơn vị bộ đội Việt Minh.

Một người lính lê dương đổi cho tôi một con gấu con màu nâu mà toán quân của anh bắt được trong rừng sâu để lấy một chai Cognac. Tôi hứa sẽ chăm sóc con thú đã được thuần hóa. Nó được xích cả ngày bằng một cái xích dài ở phía sân sau của quán bar chúng tôi và ăn đồ ăn thừa của bếp. Khi chia tay, anh lính lê dương khuyên tôi rời khỏi thành phố vì không bao lâu nữa tình hình có thể sẽ căng thẳng. Tôi chẳng hề để ý đến lời nhắc nhở của anh ta. Có lý do gì đâu mà phải lo lắng. Tôi đã phiêu bạt lâu lắm rồi và hầu như lúc nào, ở chỗ nọ hoặc chỗ kia, cũng đều có chiến sự.

Tôi đã quá quen với điều đó. Giờ thì sao tôi lại phải làm mình đau đầu vì chuyện này?

Sau đó không lâu, vào một ngày mưa, tôi đang trên đường đi chợ thì trời nổi sấm sét. Sấm to báo hiệu một cơn bão sắp tới. Bất thành lình trước mặt tôi, ngay trên đường phố, một người qua đường bị sét đánh trúng và bay đầu.

Liệu có phải qua đó Ông Trời muốn chỉ cho tôi biết cái chết và sự sống gần nhau trong gang tấc như thế nào hay không? Liệu có phải điều đó có nghĩa rằng: “Ta phải đi khỏi nơi đây” hay là “Ta luôn luôn gặp may?” Tôi không thể hiểu nổi ý nghĩa của chỉ dấu này. Chỉ biết là từ đó và mãi về sau tôi luôn cảm thấy một nỗi sợ khủng khiếp mỗi khi trời nổi giông tố.

Tháng Giêng 1954, Liên bắt ngờ nhận được một bức điện từ Đà Nẵng. Mẹ cô ốm thập tử nhất sinh và gọi cô về. Ngay ngày hôm sau chúng tôi giúp cô đóng chiếc va ly nhỏ và tiễn cô ra xe xích lô để đến nhà ga gần nhất. Tàu của cô qua đèo Hải Vân. Cô sẽ sớm về với mẹ, hy vọng là còn kịp!

Chúng tôi vượt nhẹ lên gương mặt tái mét của cô và chúc cô mọi điều tốt lành. Rồi cô đi khỏi. Chúng tôi sẽ rất nhớ cô. Với một tâm trạng nặng nề, chúng tôi trở về nhà, vì lúc đó đến quán bar làm thì hằng còn sớm quá. Lúc chúng tôi gần về đến nơi thì chợt Ngọt chợt phát hiện ra một con cú mèo đậu trên mái nhà chúng tôi. Một dấu hiệu chẳng lành! Ngọt vội quỳ xuống và khấn vái để xua đuổi điềm gở. Chúng tôi vào nhà mà bụng chẳng khỏi nôn nao, chúng tôi thấp hươu nhiều ngày để mong thần linh phù hộ và xua đuổi tà ma.

Cảm giác lạ lùng, đeo đẳng về việc có sự gì đó không may có thể xảy ra tưởng chừng như đã trôi qua sau hai tuần lễ thì vào ngày mồng ba tháng Hai, vào ngày Tết âm lịch của chúng tôi lại trôi dạt, khi chúng tôi lại nhận được một bức điện nữa. Điện lại gửi cho Liên. Chúng tôi vội vàng đọc xem trong đó viết gì:

“Chị yêu thương - Mẹ đang hấp hối - Mẹ đang gọi chị - Chị ở đâu - Hãy về ngay chị nhé!”

Ngọt và tôi bàng hoàng nhìn nhau, chúng tôi bỏ dở mọi công việc, vội vã lên xe xích lô để ra ga xe lửa.

Khi tới ga, chúng tôi hỏi nhân viên hỏa xa về chuyến tàu mà Liên đã đi. Ông ta trả lời một cách thần nhiên, như chẳng có chuyện gì lớn xảy ra: “Vâng, cách đây hai tuần đoàn tàu đã bay lên không trung. Có phá hoại mà.” Ông ta để chúng tôi đứng đó, bàng hoàng và buồn vô tận.

Liên đã có một chuyến đi trên mây. Từ trên đó cô có thể nhìn xuống thấy chúng tôi...

Chỉ cần nói quá một lời

Chúng tôi ủ rũ quay trở lại quán bar. Tất cả những người quen biết Liên, dù là người quen ở mấy cửa hàng bên cạnh hay khách hàng đều choáng váng. Nếu năm Ngọ bắt đầu như vậy, tôi nghĩ, thì nó sẽ kết thúc ra sao?

Để tưởng nhớ cô, chúng tôi thắp hương trong quán và sắm một giỏ trái cây cùng với hoa. Ngày hôm đó Ngọ và tôi làm việc như thường lệ. Đối với chúng tôi, đấy là cách tốt nhất để khuây khỏa. Trong bếp thì chúng tôi lau nước mắt, còn ở ngoài quầy bar thì chúng tôi cười với những người khác.

Mới chập tối mà quán đã nhanh chóng đông kín, ban đầu là lính dù với những cô gái cặp với họ, sau đó, vào giờ khuya hơn là lính lê dương và lính thực dân. Bao giờ họ cũng đi riêng và ngồi thành từng nhóm riêng. Mọi người đều kể chuyện và cười to,

tạo không khí thoải mái. Họ đến đây để cùng quên lãng, nhưng hôm nay họ muốn liên hoan. Họ cũng đã làm như vậy, cho tới khi một người lính thực dân ngà ngà say và bắt đầu hát một bài ca về sự thất bại của lính lê dương tại Bắc bộ. Những tiếng cười bỗng lặng ngắt. Khi anh ta vừa mới bắt đầu hát, những người lính lê dương đứng bật dậy và lao như điên dại vào những người khác. Các cô gái lập tức bỏ chạy. Và tôi chứng kiến một trận hỗn chiến lớn nhất từ trước tới nay.

Ngọt và tôi chờ ở trong bếp cho tới khi sự việc qua đi, bỗng nhiên những cảnh sát người Việt được trang bị vũ khí nhảy từ trên xe cam nhông xuống và xông vào quán. Họ đã nhận lệnh tiến hành lục soát và bắt đi tất cả những người không có giấy tờ.

Họ kiểm tra từng người một. Những người bản địa đều trình giấy tờ của mình mà không cự nự gì. Sau đó đến lượt Ngọt và tôi. Chúng tôi là những người duy nhất không mang chứng minh thư bên mình, và đến giờ chúng tôi mới chợt nhớ ra điều đó. Buổi sáng do vội vàng chúng tôi đã quên túi xách của mình ở nhà. Đây là lần đầu tiên, nhưng một lần như vậy cũng quá đủ.

Trong khi họ dùng súng bắt khách hàng ngồi hoặc đứng yên tại chỗ, chúng tôi tìm cách giải thích với họ rằng giấy tờ để ở trong túi xách ở nhà. Chúng tôi van nài họ để chúng tôi về lấy hoặc cho người về nhà chúng tôi để lấy giấy tờ.

“Lũ đi rạc! Hãy đi theo chúng tao!”, một người gào lên một cách vô cảm. Một người khác đi về phía chúng tôi, trên môi nở một nụ cười đi đượi làm tôi lạnh cả sống lưng và nói: “Chúng ta sẽ giải quyết việc đó ở trên đồn.”

Trước khi kịp ghi nhận được điều gì đã xảy ra với mình thì chúng tôi đã ngồi trên thùng xe tải, chiếc xe mà lúc đó chúng tôi chưa hình dung được rằng nó sẽ đưa mình trong đêm tối về hướng địa ngục.

Một đêm tối tăm

Chúng tôi tới một ngôi nhà nhỏ, tối om, bao quanh là tường cao tới đầu người, mép trên có rào dây thép gai. Chúng tôi xuống xe mà trong bụng thật nôn nao và phải theo mấy người đàn ông tới một cái cửa lớn.

Khi chúng tôi đi vào, mấy người giải chúng tôi phải đánh thức một người đàn ông đang ngồi ngủ gật trên ghế. Ánh đèn mờ ảo rọi xuống từ một cái đèn trần xỉn màu làm cho không khí trong phòng càng khó thở.

Ngọt không ngừng run lấy bầy, còn tôi thì bình thản chờ xem cái gì sẽ xảy ra.

Người đàn ông gác cửa nói với chúng tôi một cách cộc cằn rằng vào giờ này thì chẳng có gì để giải quyết cả. Rõ ràng là vào giờ khuya như thế này thì người phụ trách không còn ở đây nữa. Vì thế đêm nay chúng tôi phải ở lại đây.

Chúng tôi vẫn bị hai người dùng súng giải lên tầng trên. Trước mắt chúng tôi, một người gõ một thanh sắt chặn cái cửa thép nặng nề, người kia không nói một lời đẩy chúng tôi vào trong bóng tối. Chiếc cửa bị đóng rầm ngay sau lưng chúng tôi.

Một lúc lâu mắt chúng tôi mới quen dần với bóng tối, chúng tôi bắt đầu nhận biết được ranh giới của căn phòng chúng tôi bị nhốt. Tôi không thể tin được rằng tình cảnh của chúng tôi đã thay đổi đến mức tệ hại như vậy. Cái đồn mà chúng tôi đang có mặt ở đây chỉ là một phòng giam nhỏ bé, hơi thối của cảnh sát chính trị chứa đầy tù nhân. Đồng người không thể tưởng tượng nổi, phụ nữ, đàn ông mọi lứa tuổi được nhồi vào một căn phòng có kích thước bốn nhân bốn mét. Ngoài mùi hôi thối của nước tiểu và phân còn ngửi thấy mùi máu khô. Tôi lập tức nhận biết được mùi này vì tôi đã phải chịu đựng nó quá lâu trong bệnh viện.

Chúng tôi bị nhồi sát vào nhau đến mức chỉ có thể ngồi xổm hoặc phải đứng. Một vài tù nhân đứng tựa vào nhau ngủ gà ngủ gật. Không khí thật khó thở. Chỉ có duy nhất một chiếc cửa sổ nhỏ tí ở một góc trên trần, qua đó người ta có thể đoán được bên ngoài là ngày hay đêm.

Một vài người thỉnh thoảng phát ra những tiếng rên rỉ ngắn trước khi họ lại vật vờ ngủ tiếp, hoặc ít nhất ra vẻ như đang ngủ. Ngọt bắt đầu thút thít khóc và mãi không nín. Cô cũng sợ hãi giống hệt tôi.

Bây giờ thì toàn thân tôi cũng run lên và miệng tôi không dám thoát ra câu hỏi đang mấp mé ở bờ môi: “Họ sẽ làm gì với chúng ta đây?”

Người ta để chúng tôi bị dày vò trong nỗi sợ, hàng tiếng đồng hồ liền, cho tới khi những ánh mặt trời đầu tiên chiếu qua chiếc cửa sổ nhỏ và chúng tôi nghe những bước chân đầu tiên đi bên ngoài hành lang.

Thanh sắt được tháo ra. Một người đàn ông hiện ra trước cửa mở và nói với giọng cộc cằn: “Mấy đứa mới, lại đây!” Nghĩa là họ ám chỉ Ngọt và tôi.

Những người như bạn và tôi

Chúng tôi bị tách riêng. Trong khi Ngọt rẽ vào một phòng bên cạnh cùng với người dẫn đường thì tôi phải đi theo một người đàn ông đưa tôi vào một căn phòng trống, trong đó chỉ có một chiếc ghế. Ở đây không có cửa sổ, chỉ có ánh điện chiếu xuống từ một bóng đèn mờ mờ ở trên trần. Người ta ra lệnh cho tôi ngồi xuống.

Hai người đàn ông Việt Nam mặc đồng phục màu xanh ô liu đứng trước mặt tôi và bắt đầu hành tôi bằng những lời quy tội.

“Hãy thú nhận đi: Mày làm việc cho Việt Minh! Nếu mày thú hết tội với chúng tao thì chúng tao sẽ lượng thứ”, người đầu tiên nói với giọng trợn trù.

“Tôi chỉ làm việc cho tôi và không phải cho Việt Minh”, tôi trả lời, hoàn toàn bất ngờ.

“Nhưng mà mày nói tiếng Pháp. Mày hiểu hết những gì tụi lính nó nói và mày ton hót với Việt Minh!”, người thứ hai gào vào tai tôi.

“Tôi đã làm việc trong một trại lính Pháp, dọn vệ sinh và làm culi. Ở đó tôi đã học được một vài từ và cũng học được của những người lính ở quán bar. Vì vậy tôi biết một ít tiếng Pháp.”

“Ở nước ta đàn bà không cần phải làm việc cho người nước ngoài. Đàn ông chúng tôi đây nuôi đàn bà và lo cho họ!”, người này gào lên với tôi. Tôi im lặng và không thể không nghĩ đến bố tôi, đến anh tôi, đến Hùng và chồng của Anh và nghĩ đến việc những người đàn ông đó đã “tốt” tới mức như thế nào. “Những người đến uống bia nhà cô, họ muốn gì?”, người đầu tiên hỏi tôi, vẫn nhẹ nhàng như lúc đầu.

“Tôi không biết các ông định nói gì. Các ông hãy để cho tôi về nhà. Tôi thề với các ông là tôi nói thật! Các ông hãy để cho tôi về nhà cùng với một người lính của các ông để lấy giấy tờ, các ông sẽ thấy là tôi nói thật.” Đến lúc này tôi đã trở nên khó thở. Bỗng dưng một người đàn ông thứ ba xuất hiện từ một góc tối của căn phòng mà tôi không biết. Ông ta mặc thường phục. Mặt của ông ta mang những nét lai Âu-Á. Ông ta ngồi xuống đất trước mặt tôi và từ từ tháo chiếc dép xăng đan chân phải của tôi ra.

Giờ đây ông ta vuốt bàn chân tôi, từ tốn và gần như nhẹ nhàng.

“Hãy nói đi,” ông ta thì thầm, “rồi chúng tôi sẽ để cho cô đi. Hứa mà!”

“Tôi kiếm sống một cách lương thiện. Tôi chẳng liên quan gì đến những việc ở đây cả”, tôi trả lời. Hẳn đó là một câu trả lời không đúng chỗ.

Trước khi tôi kịp phản ứng, ông ta đã bóp bàn chân tôi mạnh đến mức tôi phải thét lên vì đau đớn. Tôi cảm thấy có những bàn tay ấn mạnh vai tôi xuống để tôi không đứng dậy được, trong khi có người khác ép chặt hai chân tôi vào nhau. Người lai Âu-Á lấy từ trong túi quần ra một vật gì đó, một cái kim. Bằng cái kim đó, ông ta giật bong móng chân cái bên phải của tôi ra và giờ nó lên trước mắt tôi. Đau đớn không thể chịu được, cú sốc làm cho tôi phải ói mửa ngay tức thì.

“Đồ con đĩ bẩn thỉu!”, người lai Âu-Á gào lên, hấn đứng dậy rút khăn tay lau những vết nôn của tôi bắn vào hấn. “Ngày mai đến lượt mày đấy! Mày hãy nghỉ lại một lần nữa đi! Tao mà như mày thì tao sẽ khai thật. Đưa nó về cũi đi”, hấn ta ra lệnh. Trên đường quay trở về cái phòng giam kinh tởm kia, nơi mang mùi của chết chóc, tôi nghe tiếng vang đùng đục của những cú đòn và những tiếng kêu gào của những người “phản quốc” từ những phòng bên cạnh vọng ra. Tôi chắc rằng mình sẽ phải bỏ mạng ở đây. Bàn chân tôi đau đớn kinh khủng và máu chảy đầm

địa. Sau tôi ít phút, Ngọt và một nữ tù nhân khác cũng được đưa về. Môi Ngọt rách và một mắt sưng to. Cô lại gần chỗ tôi và kinh hoàng nhìn chân tôi. Chúng tôi ôm choàng lấy nhau.

Cô khóc và nói: “Chúng mình chết mất! Chúng mình chết mất! Họ sẽ giết chúng mình mất!”

“Ừ”, một ông nói xen vào một cách chán chường. “Nhưng mà trước đó họ sẽ còn tra tấn dã man các cô đã! Tốt nhất là thú nhận tất cả, cho dù các cô chẳng làm gì. Khi đó thì họ sẽ đưa các cô đến một cái trại tù, nhưng mà các cô còn giữ được mạng sống.”

Một bà lưng tuổi thì thào với chúng tôi: “Có thể họ sẽ dùng điện tra tấn các cô. Hãy ngậm một cái khay áo bằng xà cừ giữa hai hàm răng, như vậy đỡ đau hơn.”

Ngọt và tôi im lặng gật đầu. Chúng tôi vội vã lục tìm trong những chiếc áo chèn của mình và mỗi người gỡ được một chiếc khay.

Lại một lần nữa tôi nhận biết được rằng con người ta đủ khả năng làm những gì và họ có thể tàn nhẫn đến mức độ nào. Những con người buổi tối có thể sống hoàn toàn bình yên bên cạnh chúng ta, sau khi ban ngày họ đã hành hạ những người khác đến chết. Những con người như bạn và tôi...

Cái nhìn vào địa ngục

Ngày hôm sau cánh cửa phòng giam chúng tôi vẫn đóng kín, song đôi lúc chúng tôi nghe bên ngoài hành lang tiếng cười của những người hành hạ chúng tôi. Hơn một nửa những người bị giam cầm còn đứng thẳng được, số còn lại nằm trên nền nhà, kiệt sức. Một người đã tắt thở đêm qua vì kiệt sức và đau đớn.

“Họ phải đưa những người chết này ra ngoài”, một người đàn ông bỗng nói khi phát hiện ra điều này. “Chúng ta hãy gọi họ đi!”

“Đừng làm thế!”, tôi gào lên. “Nếu chúng ta gọi họ thì họ sẽ lại tra tấn chúng ta! Hãy để mấy người chết ở lại đây..” Một người khác đồng ý với tôi. Nhóm chúng tôi xê dịch một chút, ba người chết được xếp chồng lên nhau ở trong góc.

Thật ghê rợn khi những người chắc chẳng còn sống được bao lâu nữa lại dùng những xác chết kia làm ghế băng.

Môi chúng tôi khô cứng, chúng tôi cũng chẳng thể đi tiểu được nữa. Đầu chúng tôi trống rỗng. Tôi cố tình nhắm mắt lại, hy vọng là có dòng suy nghĩ nào đó dễ chịu hơn đến với tôi, nhưng mùi đòn tra tấn đọng lại làm tôi ngứa ngáy trong mũi và lại đưa tôi trở về thực tại.

Mãi rồi đêm cũng đổ xuống, mang cho chúng tôi bóng tối và thêm hai người chết nữa. Khi trời mờ

sáng, chúng tôi nghe tiếng chân nặng nề bên ngoài hành lang đang đi lại phía chúng tôi. Ngay lập tức Ngọt và tôi đưa chiếc khuya áo xà cù vào miệng và giấu dưới lưỡi. Tôi có cảm giác rằng ngày hôm nay lại đến lượt chúng tôi. Tôi cảm tức là mình đã đoán đúng. Và cánh cửa được mở ra.

“Mày! Mày và mày!”, người đàn ông gào lên và chỉ vào người phụ nữ đang mang thai, Ngọt và tôi. Tôi lại được đưa vào căn phòng chỉ có một mình. Da tôi ươn đẫm và tôi tưởng như tôi không còn cảm giác gì trên thân thể mình nữa. Người ta bắt tôi cởi trần và nằm xuống chiếc ghế dài ở giữa căn phòng. Các điện cực được kẹp vào đầu vú tôi.

Tôi không biết rằng thời gian lấy cung đã trôi đi bao lâu. Tôi hoàn toàn tập trung vào việc ngậm chiếc khuya áo vào giữa hai hàm răng để chịu đựng tốt hơn những nỗi đau kinh hồn do điện giật. Có lần tôi cắn mạnh quá làm cho chiếc khuy áo của tôi vỡ đôi. Tôi sặc sụa ho. Khi tôi ngất cơn ho, người tra tấn bắt tôi đứng dậy. Hắn ta dùng chân đạp mạnh hết sức vào ngón chân cái đang bị thương của tôi. Tôi mong muốn có thể khai được điều gì đó, nhưng tôi chẳng có gì để thú nhận.

“Bao giờ sẽ chấm dứt đây?”, tôi tự hỏi. Tôi thực tình muốn chết. Khi linh hồn tôi bỗng rơi vào một cái lỗ đen sâu thẳm, tôi tưởng rằng đã đến lúc mình ra đi. Bóng tối sẽ giải phóng tôi khỏi tội lỗi duy nhất của mình là: vẫn còn đang sống trên đời.

Sức mạnh của ý chí

Mấy giờ sau tôi lại mở mắt ra. Đầu tôi gối trên đùi Ngọt. Người ta đã trả tôi về phòng giam. Không phải là nỗi đau thân thể do bị hành hạ làm cho tôi trào nước mắt mà vì sự xác nhận rằng mình vẫn chưa chết.

Ngọt nhìn vào mặt tôi để tìm một cử động, có thể là một dấu hiệu an ủi cô. Tôi đau đớn và kiệt sức, như tất cả mọi người ở đây.

Tôi cố gắng gượng dậy. Ngọt đã mặc lại chiếc áo chèn cho tôi. Bao quanh tôi chỉ toàn là những người trống rỗng, kiệt sức. Và bây giờ tôi biết chắc chắn một điều: Lần tra tấn sắp tới chắc tôi sẽ phải đau hàng, chỉ để mà trốn tránh sự đau đớn kinh khủng này! Phải có một điều gì đó xảy ra. Tôi bỗng đi tìm một vật gì đó, một vật gì bằng kim loại hoặc tương tự. Tôi vội vàng sờ nắn khắp người Ngọt và nghe cô kêu toáng lên: Chúng đã dùng roi đánh bập máu khắp lưng cô.

Tôi tìm thấy trong túi quần tôi một đồng xu. Tôi nghĩ ngay đến bố tôi và việc ông chế tạo những đầu tên nhọn. Không một lời giải thích với Ngọt, tôi bắt đầu mài đồng xu xuống nền nhà trước ánh mắt đầy ngạc nhiên của cô, bởi vì tôi đã lại cảm nhận trong tôi sức mạnh của hy vọng. Tôi chẳng còn gì để mất, chỉ có thể giành giật tất cả!

Tôi mài đồng xu mãi cho tới khi nó sắc như một lưỡi dao cạo râu. Sau đó tôi bảo Ngọt đứng tựa vào

tường và để tôi leo lên vai cô, mặc dù cô còn rất đau. Với lưỡi dao sắc tự tạo, tôi gần như dễ dàng cắt được miếng kính cửa sổ. Khí trời oi ả nhưng dễ chịu ủa vào. Tôi đã có thể nhìn ra tận ngoài đường cái đằng sau bức tường chắn lớn.

Những tù nhân cùng trong phòng tôi cũng cảm nhận được luồng gió. Buổi tối, tôi đứng hàng giờ trên lưng cô và chờ đợi một điều diệu kỳ. Không có gì xảy ra cả. Trời tối đổ xuống quá nhanh, chúng tôi mệt mỏi và lại phải ngồi xuống. Song chúng tôi không thể nhắm mắt được. Tự do trong tâm tay rồi, mặc dù tôi biết rõ là đây sẽ là bản án tử hình đối với chúng tôi, nếu kế hoạch của tôi không thành công.

Khi có con gà trống cất tiếng gáy, tôi lại trèo lên vai Ngọt và chờ cho tới khi thấy bên ngoài có gì đó chuyển động. Thời gian cứ thế trôi đi. Bỗng nhiên tôi nhìn thấy ở ngoài đường, bên ngoài bức tường chắn, có một tốp lính lê dương đang hành quân. Bằng vốn tiếng Pháp của tôi, tôi cố gắng gào to tưởng vờ cả lồng ngực: “Hãy thương hại! Thương hại! Cứu giúp! Chúng tôi “con gái” bị giam ở đây! Không ăn! Không uống! Đau nhiều lắm! Cứu giúp! Các anh lính! Giấy tờ ở nhà! Cứu giúp!”

Quả nhiên là những người lính lê dương dừng lại và họ phát hiện ra tôi. Một người lính công kênh một anh khác lên để người này nhìn được qua tường. Người này bắt đầu kêu lên để hỏi tôi. Anh

muốn biết có bao nhiêu người bị giam ở chỗ tôi. Tôi trả lời ba mươi, vì tôi không nhớ từ hai mươi là gì.

“Chúng tôi sẽ quay lại ngay!”, anh ta kêu lên với tôi, và những người lính rời đi theo hướng mà họ đã tới. Có lẽ giờ đây chỉ tính bằng phút thôi. Liệu người ta có giải thoát cho chúng tôi?

Ngọt nằm run rẩy trong vòng tay tôi. Tôi khẩn thiết cầu khẩn Trời và tất cả Tổ tiên của tôi, những người tôi biết và cả những người tôi không biết...

Không lâu sau chúng tôi nghe giọng đàn ông, những tiếng gọi và tiếng chân đi ngoài hành lang và đang xích lại gần. Tim chúng tôi tưởng chừng như ngừng đập. Ánh mắt của chúng tôi chỉ còn hướng về phía chiếc cửa thép này và có người đang mở nó từ bên ngoài. Chỉ mãi tới khi nghe giọng của một người lính Pháp vang lên một cách sừng sốt “Nom de Dieu!” (Khốn nạn!), chúng tôi mới hiểu được rằng: Giờ đây sự cứu giúp chúng tôi mới tới!

Giấy tờ hay là chết!

Rất đông lính lê dương dùng vũ lực ulla vào tòa nhà và chĩa súng vào những người gác và những người tra tấn chúng tôi. Tất cả tù nhân được đưa ra hành lang. Những người quá mệt mỏi lại nằm bệt xuống nền lạnh ngắt, Ngọt và tôi thì đứng thẳng.

Người chỉ huy của tốp lính lê dương, một viên đại úy, là một người cao to lực lưỡng, tóc đen nhánh, cầm súng rắn. Một người Việt của họ làm công việc dịch.

“Tại sao những người này lại bị giam ở đây?”, viên sĩ quan hỏi.

“Họ là những kẻ phản bội, lũ tay sai của Việt Minh”, người mặc thường phục đã tra tấn tôi trả lời. Giọng hắn ta nghe hoàn toàn bình thản, tưởng chừng đây là điều đương nhiên. “Còn hai người này?” viên sĩ quan hỏi tiếp, ngón tay chỉ vào Ngọt và tôi.

“Họ không có chứng minh thư. Cũng là tay sai, chắc chắn vậy!”, hắn nói, và tôi thấy hắn đã nuốt nước bọt. Tôi có cảm giác hắn đang thấy bất an. Viên đại úy suy nghĩ một lát. “Các cô có giấy tờ không?”, ông ta hỏi chúng tôi với giọng bình tĩnh. Rõ ràng chỉ trong trường hợp này rằng ông ta mới có thể biện minh cho sự can thiệp của mình.

Ngọt như bị cấm khẩu, người vẫn chưa hết run.

“Chúng tôi quên giấy tờ ở nhà. Trong túi xách của chúng tôi...”, tôi lấp bấp một cách vội vàng.

Ông ta cũng hỏi những tù nhân còn lại xem họ có giấy tờ không, tất cả đều nói là không. Họ lại bị đẩy ngay lập tức vào phòng giam tăm tối một cách không do dự. Không ai nói một câu gì và cũng không ai kháng cự. Những người này đã chấp nhận số phận của họ và cuộc sống của họ chừng như đến đây là kết thúc. Cánh cửa sắt đóng sầm lại sau lưng họ.

“Một người của tôi sẽ mang ngay túi xách của các bà tới đây, thưa các quý bà”, viên sĩ quan nói và khẳng định với chúng tôi điều đó.

Hơn một giờ đồng hồ trôi qua, người mang đồ quay trở lại, mặt nóng bừng, tay cầm cả hai chiếc túi xách.

“Đây, xin mời. Tôi đã thấy giấy tờ”, anh ta nói như thở không ra hơi. Mọi “thủ tục” được giải quyết nhanh chóng. Người tra tấn tôi lướt nhìn qua chứng minh thư của chúng tôi và lẩm bẩm: “Đây là một sự nhầm lẫn...” Hắn nói câu đó mà không hề có lời xin lỗi và cũng không dám ngẩng mặt lên nhìn chúng tôi. Nhưng mà chúng tôi đã được tự do!

Viên đại úy nhất thiết muốn dùng xe Jeep của ông đưa chúng tôi về nhà. Chúng tôi thật nhẹ nhõm nhìn thấy căn nhà của mình.

Món nợ

Chúng tôi chân thành cảm tạ những người đàn ông. Viên sĩ quan đưa tôi đến tận cửa và chờ cho tới khi Ngọt đã vào nhà để xòe bàn tay rộng bè nắm lấy vai tôi. Tay kia ông ta nâng nhẹ cầm tôi lên: “Tôi đã cứu mạng cô, cô bé của tôi. Cô nợ tôi đấy nhé...” Với cảm giác chiếm đoạt, ông dùng tay vuốt lên mái tóc còn hôi rình và dính dấp của tôi.

“Vâng, tôi xin cảm tạ ông, từ trái tim mình, thưa ông”, tôi trả lời một cách luống cuống và cúi mình.

“Tối hôm nay tôi sẽ qua đây. Nếu một trong hai cô chờ tôi ở đây thì tốt. Cô hiểu chứ?”, ông ta nói tiếp. Tôi gật đầu mà không trả lời ông ta, và ông ta để tôi đi. Tôi đóng nhanh cánh cửa phía sau lưng mình.

“Em không thể tin được, Loan! Chúng ta được tự do rồi! Chị đã thắng lợi”, Ngọt nói và nhảy cẫng lên vì vui sướng. “Nhưng mà chị làm sao thế? Chị làm sao?” Cô hỏi tôi khi thấy tôi đứng đó, vô cảm, mặt tái nhợt.

“Tối nay em phải để chị ở một mình,” tôi nói và cố gắng để giọng nói của tôi nghe bình thường như có thể. “Hôm nay em ngủ ở quán. Em hiểu không? Chị xin em, hãy nghe lời chị!”, tôi kết thúc câu nói một cách khắt khe và đổ mình xuống giường, mắt nhắm nghiền, tuyệt vọng. Cơn ác mộng thế là vẫn chưa chấm dứt.

Ngọt không nói gì, không hỏi gì. Cô đi tắm và thay quần áo sạch. Cô nhẹ nhàng ra khỏi nhà và còn dừng lại trước cửa, ánh mắt đầy thất vọng và thắc mắc liệu mình có làm điều gì sai không. Tôi khổ sở gượng cười: “Chỉ đêm nay thôi, Ngọt. Ngày mai rồi mọi việc sẽ tốt hơn.” Cửa đóng lại. Tôi không khóc nổi. Tôi là người đã sợ hãi trước khi bị tra tấn! Ý đồ cắt kính cửa sổ là của tôi! Và ai đã kêu cứu? Và như vậy tôi đã mắc nợ người đàn ông đó. Và như thường lệ trong đời, có nợ thì phải trả!

Ngọt là cô gái còn trinh, tôi biết điều đó, ngược lại tôi là người phụ nữ đã mất danh giá. Tôi chuẩn

bị để trả món nợ của mình bằng đồng tiền có giá trị duy nhất trong giờ phút này, bằng tấm thân của tôi. Tôi tắm rửa một cách từ từ và thận trọng, hàng tiếng đồng hồ và lưu tâm tới bàn chân đau đớn của tôi giờ đã được băng bó sơ sơ. Tôi vẩy một chút hương hoa hồng lên làn da mịn màng và mái tóc đã được chải kỹ của tôi. Tôi mặc một chiếc áo dài nhung the màu đỏ sẫm, hy vọng sẽ làm hài lòng người đàn ông đã cứu mạng sống chúng tôi.

Rồi tôi cũng chuẩn bị xong và chờ đợi. Nhịp tim tôi đập hòa với tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ báo thức lớn để trên chiếc bàn con bên giường ngủ. Khi một bàn tay đàn ông rộng bẻ mở cửa ra thì tim tôi tưởng chừng như ngừng đập.

Chỉ có bóng đêm làm chứng cho sự khuất phục của tôi. Tôi buộc phải tỏ ra hạnh phúc khi ông ta đề lên người tôi, và trong suy nghĩ rằng mình làm vậy để cứu danh dự của người bạn gái thân nhất.

Ông ta dậy trước khi trời mờ sáng. Tôi không động dậy và làm như vẫn ngủ để không kích thích thêm sự đòi hỏi ở ông ta. Ngay cả khi ông vuốt tóc tôi cũng vậy. Cửa đóng lại. Nó đã để lại cho tôi kỷ niệm với một người đàn ông, một kỷ niệm không hận thù, một dấu vết, tôi biết điều đó, chẳng mấy chốc sẽ thành hình hài trong bụng tôi.

Chúc may mắn!

Mặc dù Ngọt mừng tượng được điều gì đã xảy ra, nhưng cô không hỏi và tôi cũng biết ơn cô về việc đó. Bản thân tôi cũng ngạc nhiên vì tôi vẫn còn đủ nghị lực để sống. Biết bao lần tôi đã tuyệt vọng khi để cho những sự kiện trong dòng đời của mình chạy ngược lại trong ký ức. Chỉ một trong hàng ngàn sự kiện đó thôi cũng đủ làm cho tôi có thể kết thúc cuộc đời này. Nhưng vào những thời điểm đó tôi thường có đủ lý do để không làm điều đấy. Chẳng là có lần ông Hương đã nói với tôi: “Cả con cũng sẽ còn nhiều lần bị vấp ngã, nhưng mà ông tin chắc rằng con sẽ luôn đứng dậy và đi tiếp.” Chẳng là cô Bè hồi đó có nói với tôi rằng tôi cần phải sống tiếp để còn kể những chuyện đã trải qua? Tôi đã nhận thức được rằng đúng vào những thời điểm cần thiết thì luôn có những người thích hợp được đưa đến với tôi để chế ngự số phận của mình. Như vậy tôi thật sự không thể dùng tin vào điều tốt trong cuộc sống. Điều đó an ủi trái tim bị dằn vặt của tôi.

Có những tốp phụ nữ từ vùng châu thổ trên đường đến Hà Nội thường dừng chân tại Gia Lâm để cung cấp hàng hóa cho dân và các cửa hàng. Họ đi chân đất, lang thang nhiều ngày ở đây, chiếc nón quê che những mái tóc dài đen bóng rủ trên chiếc áo nâu sòng, ở cặp quần đen họ đeo một chiếc thắt

lưng bao bằng vải màu xanh nhạt. Hai chiếc thúng chứa đầy hoa quả và rau ở hai đầu đòn gánh nhún nhảy theo nhịp chân đều đặn và êm như ru của họ. Tôi đã chấp nhận mang trong mình một đứa con và việc bắt đầu mang thai làm da tôi căng bóng, sắc đẹp thêm mặn mà. Việc kinh doanh của chúng tôi cũng rất trôi chảy.

Rồi điều gì phải đến cũng đã đến. Ngọt yêu một anh lính Pháp trẻ. Anh ta cũng tỏ ra rất yêu cô. Cả hai đều coi nhau là thần tượng. Họ nhanh chóng đính hôn. Tôi mừng vô cùng vì thấy cô hạnh phúc. Hy vọng rằng người đàn ông này sẽ chăm sóc tốt cho cô như tôi đã làm từ trước tới nay! Trong thâm tâm tôi cảm thấy nhẹ nhõm vì Ngọt đã có một người mới bảo vệ cô; một chút sức lực còn lại tôi sẽ dành cho đứa con tôi, như vậy sẽ tốt hơn.

Một chiều Ngọt thông báo cho tôi với đôi mắt ngời sáng, hai người họ sẽ vào miền Nam. Khi chia tay Ngọt khóc vì cả hai chúng tôi. Cô đã quyết định đi theo tiếng gọi tình yêu lớn của mình, và tôi có thể hiểu rất rõ điều đó. Không biết rằng có dịp nào đó chúng tôi lại được gặp nhau hay không. Cô rời đi trên thùng một chiếc xe quân sự, trong vòng tay của người mình yêu nhất. Tôi giờ tay vẫy theo họ, mặc dù bụi từ lớp xe đã lắng xuống nhưng tôi vẫn còn đứng đó khá lâu. Tôi hy vọng không bị ngã quỵ dưới gánh nặng của nỗi buồn. Đó là lần cuối cùng tôi nhìn thấy cô.

Thế lực của đồng tiền

Sau đó không lâu tôi thuê một căn nhà nhỏ, ẩm cúng, xây bằng gạch kiên cố và có mái tôn, vẫn không xa bãi lầy và đường xe lửa. Một túp lều nhỏ sát đó cũng được tôi thuê cho những cô giúp việc của tôi. Nỗi nhớ nhung những người bạn gái dày vò tôi mỗi lần tôi một mình từ chỗ làm trở về nhà. Chúng tôi đã cùng nhau chịu đựng và nếm trải nhiều, vậy mà giờ đây tất cả họ đã biến mất khỏi cuộc đời tôi, và tôi thấy thiếu vắng họ. So với những tình bạn của tôi, thành đạt trong kinh doanh không có ý nghĩa gì nhiều, đó chỉ là một sự thỏa mãn.

Tiền chỉ là phương tiện để đạt mục đích, ngược lại tình bạn là một điều gì đó quý giá, một món quà do Trời phú. Nhận thức này dần dần thế chỗ cho nỗi u ám của tôi bằng lòng biết ơn và hạnh phúc và giúp tôi có được can đảm mới. Can đảm để tiếp tục sống, can đảm vì đứa con mà tôi cảm nhận được nó đang đập mạnh trong bụng mình.

Vào thời điểm này có năm cô gái trẻ làm việc ở chỗ tôi, trong đó có một cô hai mươi tuổi, góa bụa, vô sinh. Cô tên là Nguyễn Thị Cúc và chẳng bao lâu cô đã trở thành bạn gái của tôi.

Một hôm tôi bắt ngờ gặp trên đường phố ở Gia Lâm người phụ nữ đã cho cô tôi và tôi thuê nhà ở Hà Nội hồi đó. Hiền có hai đứa con nhỏ. Em gái trẻ và xinh đẹp của Hiền đi cùng với chị. Người chồng

Việt Nam của chị là lính dù trong quân đội Pháp và mới bị bắt gần đây. Chỉ hôm hôm sau, chị đã mất hết tất cả và phải ngồi ăn xin trên đường phố. Tôi thuê cho chị một túp lều nhỏ cách chỗ tôi không xa và lo cho chị hàng tuần lễ.

Vào một buổi sáng, tôi nhìn thấy chị cùng với em gái rời đi trong một chiếc xe xích lô. Tôi cũng không suy nghĩ gì về chuyện đó, nhưng tôi bỗng có cảm giác kỳ lạ khi thấy chị quay về một mình.

Trước khi đi làm, tôi ghé qua chỗ chị. Chị mở cửa cho tôi và khi hỏi em gái chị đâu thì chị không cầm được nước mắt.

Chị không trả lời, chỉ lắc đầu, hai bàn tay tự đập vào mặt. Tôi hiểu được việc gì đã xảy ra. “Chị đã bán nó! Hãy nói cho tôi bán cho ai và ở đâu! Ngay lập tức!”, tôi ra lệnh cho chị.

Giờ đây chị bắt đầu kể, với điệu bộ vô cùng xấu hổ. Chị đã bán em gái mình cho một nhà chứa lấy 3.000 đồng. Chị không dám nhờ tôi tìm việc làm vì tôi đã làm quá nhiều điều cho chị. Tôi để chị đứng đó với mấy đứa con đang khóc lóc, tôi cầm số tiền chị vừa nhận được, lấy thêm tiền từ trong chiếc rương nhà tôi và leo lên một chiếc xích lô để chuộc cô gái trẻ về trước khi mọi việc quá muộn.

Tôi đã trả 3.500 đồng để chuộc cô gái về. Cô ta chưa bị làm sao. Cô gái quỳ xuống đất và hôn chân tôi. Khi về tới nhà, họ hứa với tôi sẽ kiếm tiền bằng cách khác. Họ cũng đã kiếm được việc làm lương

thiện. Một bà già láng giềng lo trông hai đứa trẻ vào ban ngày.

Thời đó thật quá đơn giản dùng tiền để định đoạt số mạng của con người.

Vị khách ngồi trong góc

Dần dần ngày tôi càng phục hồi về tinh thần và bằng khoản tiền kiếm được, tôi mua cho mình quần áo đẹp và nhiều đồ trang sức mà tùy hứng lúc nào tôi cũng có thể đổi được lấy đồ mới tại tiệm kim hoàn. Ở đây có vô số những đồ quý giá mà những người di tản để lại với giá bèo bọt.

Đấy là tháng Tư 1954. Ngày càng có nhiều lính Pháp đến chỗ chúng tôi, nhiều người dự kiến sẽ được điều đến chỗ pháo đài Điện Biên Phủ.

Từ một tuần lễ nay, cứ tối nào cũng vậy, có một người lính trẻ luôn ngồi ở đúng cái góc quen thuộc trong quán bar của tôi và nhìn tôi chăm chăm. Anh ta lúc nào cũng trầm ngâm và trông có vẻ hoang mang. Trái ngược với những chiến hữu to mồm không lúc nào bỏ lỡ cơ hội để khoe khoang họ lại chinh phục được một cô gái, anh ta im lặng, bối rối một cách rõ rệt. Ánh mắt của anh ta gần như xin lỗi về thái độ của những người kia.

Nhân viên của tôi thường cười anh ta vì anh ta nhút nhát và họ nói: “Bây giờ họ đưa đến chỗ chúng

ta cả trẻ con vừa mới ra khỏi nôi nữa!” Liệu anh ta bao nhiêu tuổi? Mười tám, có thể là mười chín? Anh ta không hút thuốc. Anh cũng không uống rượu và ngồi nhâm nhi chai nước ngọt duy nhất trong cả buổi tối. Cứ nửa giờ đồng hồ anh mới uống một ngụm, cả một buổi tối dài như vậy.

Tôi cảm nhận được cặp mắt sáng của anh dõi theo từng cử chỉ của tôi, nhưng mỗi lần tôi nhìn anh thì anh lập tức nhìn xuống đất. Mặt anh đỏ rực và nhờ đó che lấp được trong khoảnh khắc vô số tàn hương trên mặt anh.

Một buổi tối, tôi chuẩn bị cho mình một nụ cười đẹp nhất và đi đến chỗ anh. Tôi nói to: “Này, anh lính, nếu đồ anh đặt chỉ có thế này thì chắc chẳng bao lâu nữa tôi sập tiệm mất!” Tôi vừa nói vừa chỉ vào cái cốc còn một nửa của anh. “Xin lỗi bà, nhưng mà tôi không có nhiều tiền. Ở chỗ bà đây tôi có thể quên cái doanh trại đi một chút, bà có biết không.” Anh cúi đầu xuống với vẻ hoàn toàn bối rối và nhỏ nhẹ nói thêm khi tôi đang định đi: “...và bà là người phụ nữ đẹp nhất mà tôi từng gặp! Chỉ nhìn bà thôi tôi đã thấy hạnh phúc.”

Tôi sững sờ. Đó là điều tôi không hề mong đợi. “Nhưng anh ta can đảm đấy”, tôi nghĩ. Anh đã quên đi trong một giây cái nhút nhát của anh thường làm anh đỏ bừng mặt lên để dành cho tôi lời khen đó. Tôi cười vui vẻ với anh. Mặc dù tôi thực sự đã nhiều lần được nghe những lời khen, nhưng lời khen của anh

làm tôi thoáng xúc động. Đó là những lời, như tôi cảm nhận được, đến từ trái tim.

Trước khi vào bếp tôi bảo với Nguyên đang phục vụ khách: “Nguyên, mang cho ông khách ở góc đằng kia một cốc nước ngọt mới nhé, của quán mời!”

Marcel

Hơi lạ là mỗi buổi tối tôi bắt đầu chờ người lính này. Anh ta tên là Marcel và là hạ sĩ. Ở tuổi mười tám, anh sang Việt Nam vào tháng Mười một năm ngoái, vào lúc hầu như chưa biết điều gì đã xảy ra ở đây.

Marcel kể cho tôi nghe về cuộc đời của anh và việc anh đã mất đi người bố vào năm anh chín tuổi. Năm mười tuổi, anh được mẹ đưa vào một ký túc xá quân đội với tư cách là trẻ mồ côi do chiến tranh. Anh ở đó nhiều năm và rất ít khi được về nhà. Cuộc đời đã chỉ cho anh thấy, có một gia đình nhiều khi còn khó hơn là không có gia đình. Tôi quá hiểu điều đó ở anh!

Tôi cảm thấy thương hại anh. Anh cũng là trẻ mồ côi, giống như tôi, cho tới nay chưa tìm được hạnh phúc ở trên đời này. Về ý nghĩa của cuộc chiến tranh anh hiểu quá ít, cũng như tôi. Những con người ở đây, như anh ta nói, đều đối xử tốt với anh từ khi anh đặt chân tới đây.

Sau một vài tuần, anh hỏi tôi một cách bối rối và rất thận trọng rằng tôi đã có nơi có chốn nào chưa. Lúc này tôi quyết định cho anh một câu trả lời thành thật: “Tôi đã có mang ba tháng với một người đàn ông mà tôi sẽ không bao giờ gặp lại nữa. Và tôi sống một mình.”

“Nếu như vậy và nếu cô muốn, tôi muốn được trở thành bạn của cô”, anh trả lời tôi, vừa buồn bã, vừa đầy hy vọng.

Tôi nhận lời. Chúng tôi trở thành bạn và sau đó thành một đôi mà không hề hứa hẹn gì với nhau và cũng không một lần nói với nhau hai chữ tình yêu. Vào thời điểm này đơn giản là tôi thích anh và như vậy đối với anh là đủ. Ngoài ra không ai trong chúng tôi biết rằng ngày tiếp theo sẽ mang lại điều gì. Tôi nghĩ rằng một ngày nào đó anh sẽ rời bỏ tôi.

Trời mưa tầm tã mấy ngày, đường xá trong thành phố có những chỗ bị ngập. Chúng tôi phải chờ cho tới khi nước rút, cho tới khi đường xá lại khô dần và anh mãi mới có được những giờ nghỉ. Chúng tôi muốn cùng nhau đi xích lô sang bên Hà Nội. Ở bên đó anh chỉ biết mỗi doanh trại và bệnh viện Lannessan*, nơi anh thường xuyên hiến máu. Cho tới lúc ấy, tôi chỉ cho anh xem chiếc hồ nhỏ xinh đẹp, những tòa biệt thự với những đại lộ đầy bóng

* Nhà thương Đồn Thủy

cây tiêu huyền râm mát, dẫn về hướng Bạch Mai. Về phần anh, anh cũng kể cho tôi nghe về Tháp Eiffel ở Paris và về thành phố Tours quê hương của anh, nơi mà người ta, như anh kể, cũng trồng những cây tiêu huyền bên hè phố.

Ở bên nhau chúng tôi quên đi mối đe dọa của cuộc chiến tranh không cho phép chúng tôi nghĩ đến ngày mai.

Cuộc sống ngày qua ngày

Mỗi một lần Nguyên lại hỏi tôi cũng như bao nhiêu người quen khác: “Sao chị lại chọn người đàn ông này? Da anh ấy đầy tàn hương, anh ấy không có tiền và lại bệnh tật nữa. Và anh ấy chưa hỏi chị lấy một lần là chị có muốn sang Pháp cùng với anh ấy hay không.”

Vâng, họ có lý. Mặt và lưng của Marcel đầy tàn hương, nhưng mà tôi lại thấy điều đó đầy bí ẩn, cũng vì ông tôi hồi xưa cũng đã khẳng định rằng tàn hương là những đồng xu vàng chảy ra và mang lại hạnh phúc.

Về tiền mà nói thì chắc chắn tôi sung túc hơn anh ta, nhưng tôi không nghĩ đến tiền. Và cũng đúng là anh có bệnh. Cô giúp việc của tôi đã kể cho tôi nghe, có một hôm cô ta đổ bỏ thấy anh chảy máu và phân có giun. Nhưng cái đó cũng chẳng phải là điều gì lớn lao cả. Tôi nhớ tới những cây thuốc của

ông tôi và nhanh chóng mua chúng ở chợ. Tôi nấu lên và cho anh uống thứ thuốc tôi pha chế - và anh đã nhanh chóng khỏe lại. Tại sao anh ta lại phải đưa tôi sang Pháp, nếu chính bản thân anh chưa biết rằng ngày mai mình sẽ ở đâu và cũng chưa thể chắc chắn rằng liệu mình có còn sống sót qua cuộc chiến tranh này không? Ngoài ra tôi cũng chẳng muốn đi khỏi chốn này.

Và mỗi một lần tôi lại trả lời họ vẫn một câu giống nhau: “Có lẽ trong đời này tôi phải làm một chút gì tốt đẹp cho một người nào đó chăng? Tôi chỉ muốn chăm lo cho anh ta.” Họ lắc đầu và để cho tôi yên.

Quan hệ của chúng tôi diễn ra hầu như trôi chảy. Mỗi khi có điều kiện, Marcel chờ tôi ở quán bar đến khi tôi được nghỉ. Anh để cho tôi chăm sóc anh và nấu cho anh ăn. Tôi rất cảm động về việc có hôm anh bảo đưa tôi toàn bộ lương của anh, coi như là một khoản bù đắp lại. Đương nhiên là mãi về sau tôi mới chấp nhận lời gợi ý đó.

Trong mối quan hệ của chúng tôi luôn có những tình huống khôi hài do phong tục và ngôn ngữ khác biệt. Có một hôm, khi chúng tôi mới bắt đầu quan hệ với nhau, anh ấy giận dữ về việc tôi nuôi một con gấu trong nhà và ở một số quầy người ta chào bán thịt chó bơi phẩm đỏ. “Các người ở đây là quân mọi rợ! Các người ăn cả thịt chó!” Tôi không nói gì về điều đó. Riêng về con gấu thì một hôm tôi quyết định làm một việc thiện đặc biệt đối với nó, tôi cho

nó uống một chầu lớn rượu vang đỏ. Không ngờ mắt nó đỏ lên. Con thú thường ngày hiền dịu giờ đây hoàn toàn hoảng loạn, nó nhanh nhẹn giờ hai chân trước, giương móng ra định vỗ tôi. Khi tôi nhảy lùi lại, nó bèn trèo lên cây, leo cao tới mức căng hết xích, nó gào lên với tôi vẻ cực kỳ hung dữ. Khi con thú đã tỉnh cơn say, tôi bảo một người lính lê dương vốn muốn có con gấu đó mang nó đi.

Một vài tuần trôi qua, vào một buổi tối anh bạn tôi trở về trong tình trạng bụng đói, tôi mời anh ta ăn hai miếng thịt rán rất ngon, đương nhiên là anh đã chén sạch. Khi tôi hỏi anh ấy ăn có ngon không thì anh ấy gật đầu hài lòng. Rồi tôi nói với anh: “Thịt chó cũng ngon đấy chứ nhỉ! Bây giờ anh cũng là quân mọi rợ rồi đấy!”

Tôi để anh ngồi đó và cười to đi vào bếp. Mãi về sau tôi vẫn còn thú vị về vẻ mặt anh lúc đấy.

Một lần khác, trong căn nhà của tôi, tôi chỉ về hướng chiếc tủ con bên giường ngủ và nói với giọng rất nghiêm nghị: “Anh thấy không? Đấy! Nó chết rồi!” Anh bàng hoàng nhìn tôi và hỏi với giọng đầy lo lắng: “Đã xảy ra cái gì? Ai chết?” Đến khi biết được rằng tôi ám chỉ cái quạt cây thì anh bắt đầu cười.

Anh sửa cái quạt và tôi thấy rằng anh rất khéo tay. Tôi khen anh và kể điều đó với tất cả những người mình quen, từ đó anh nhanh chóng có tiếng là một người hùng sửa chữa đồ đạc ở chỗ chúng tôi. Rõ ràng là anh thích được khen và quên đi cảm giác bị coi

thường, điều mà người ta đã luôn nhồi nhét vào đầu anh thời niên thiếu. Bằng cách đó chúng tôi đã hỗ trợ lẫn nhau: Anh sửa chữa những đồ vật hỏng hóc, còn tôi thì dạy cho anh không cần sợ hãi trong cuộc đời, biết từ chối và sống với con người thực của mình.

Đêm đêm, thỉnh thoảng Marcel bí mật trốn khỏi doanh trại để về với tôi mấy tiếng. Anh đã phải quen với việc chằng màn chống muỗi và ngủ trên một chiếc phản gỗ cứng. Anh cũng không cảm thấy phiền toái nữa khi thấy mấy cái lỗ dùi bằng kim ở tấm giấy bồi tường ngày càng to ra để người ta có thể quan sát chúng tôi rõ hơn khi làm tình hoặc cô giúp việc đột nhiên kiểm soát mang nước sạch vào cho chúng tôi. Ngay cả tiếng loa phóng thanh thông báo về máy bay bay trên bầu trời Gia Lâm, về việc tìm và tuyển dụng lính mới hoặc về những khẩu hiệu chống cộng sản, trước khi nhạc quân sự nổi lên cũng không cản trở chúng tôi trong khi tiến hành những sự vụ quen thuộc của mình.

Có một lần có một chiếc trong số máy bay này lượn một giờ trên bầu trời vì, như tôi nghe được sau này, có một chiếc dù có bốn quả bom mắc vào chốt của bánh sau. Sau nhiều thủ thuật phức tạp, viên phi công đã tháo gỡ được chiếc dù cùng với những quả bom mà không để lại hậu quả gì nghiêm trọng.

Không phải tất cả những chuyến bay kiểu đó đều diễn ra trôi chảy. Có một đêm có một chiếc máy bay tiếp tế rơi vỡ tan tành chỉ cách nhà của tôi vài trăm

mét. Viên phi công đã nhầm hệ thống đèn của cầu Paul-Doumer* với đèn của đường băng.

Vì Marcel vẫn tiếp tục đến thăm tôi mà không được phép, có một lần anh bị phát hiện và bị tạm giam tám ngày. Tuy vậy tôi có quen một người lái xe thường đến quán bar của chúng tôi. Tôi nhờ người này, đương nhiên là phải đãi anh ta một vài chén để hàng ngày anh ta mang đồ ăn ngon vào cho bạn trai của tôi, những món ăn ngon miệng hơn nhiều so với đồ ăn căng tin của doanh trại.

Tôi muốn để mỗi ngày qua đi đều là một ngày đáng sống đối với anh.

Thư gửi cho tôi

Marcel không phải là người nói suông. Đương nhiên tôi nhận biết những đức tính tốt trong anh và anh thể hiện chúng bằng hành động. Quan hệ của tôi với anh càng gắn bó, khi một hôm anh chủ động tuyên bố rằng anh sẽ để đứa trẻ trong bụng tôi mang tên anh để cho nó có một gia đình. Anh muốn nhận nó làm con nuôi và sẽ lo mọi thủ tục.

Chắc chắn là anh đã thông báo ý định này qua thư viết cho mẹ anh ở Pháp. Thư trả lời đến ngay

* Cầu Long Biên

tức thì. Anh chán nản cho tôi xem bức thư của bà, anh đọc chậm chậm và dịch cho tôi. Tôi nhớ một vài câu: “Ý tưởng gì mà điên rồ thế, nhận một đứa con không phải là của mày, một đứa con hoang làm con nuôi! Con trai yêu quý nhất của mẹ ơi, hãy hiểu rằng người đàn bà đó chắc chắn là một con điếm, cũng như nhiều kẻ khác! Tất nhiên là mẹ hiểu con chỉ vui vẻ với cô ta, nhưng mà hãy quên đi. Con còn quá trẻ và còn có cả cuộc đời ở phía trước.”

Mặc dù tôi hoàn toàn không thể hiểu được tại sao người ta lại có thể lên án một người không quen biết theo cái cách như vậy nhưng tôi vẫn im lặng. Dường như ở Pháp cũng chẳng khác gì ở chỗ chúng tôi: Ở đó người ta cũng không có quyền tự do lựa chọn quyết định của mình. Mặc dầu vậy người ta cũng nên kính trọng người cao tuổi cho dù không nhất thiết phải nghe lời, bởi dù sao thì người đàn bà đó cũng đã ban tặng cho anh cuộc sống. Không có bà thì làm sao có anh bây giờ. Tôi an ủi anh như vậy.

Chỉ một vài ngày sau, một lá thư từ Pháp gửi tới, nhưng lần này là gửi cho tôi. Tôi rất ngạc nhiên nhận được thư từ nước ngoài, tôi mở ra và nhờ Marcel đọc cho tôi nghe. Tôi không thể tin được những điều mà anh đọc cho tôi với giọng nhát gừng.

Người viết bức thư này là viên sĩ quan, bố của đứa con tôi! Ông ta xin lỗi vì đã không cho tôi biết tin tức gì về ông. Hiện tại ông đang nghỉ phép trước khi được điều sang An-giê-ri. Bởi vì ông nghĩ rằng

tôi đang bụng mang dạ chửa nên ông muốn nhận là bố đứa trẻ và muốn cưới tôi.

Tôi rất bàng hoàng, cả anh bạn tôi cũng vậy. Giờ đây bỗng có hai người đàn ông trong cuộc đời tôi, cả hai đều sẵn sàng để con tôi mang tên của họ. Tôi cân nhắc một lát rồi quyết định theo cảm xúc của mình và vào bếp lấy giấy bút.

Với ánh mắt buồn thiu, anh bạn của tôi bắt đầu ngồi viết những gì tôi đọc cho anh. Tôi cảm ơn người đàn ông về gợi ý của ông và thông báo với ông rằng giờ đây tôi đang xây dựng cuộc sống với một người khác, người đó cũng tuyên bố sẵn sàng nhận con tôi làm con nuôi. Có lẽ sẽ tốt hơn cho ông ta, nếu ông ta quên hẳn tôi đi.

Marcel ôm chặt lấy tôi và nói: “Cảm ơn em!” Lá thư được gửi đi. Sau đó tôi không nhận được thư trả lời nào nữa.

Trong vòng xoáy của chiến tranh

Thất bại thảm hại của người Pháp ở Điện Biên Phủ tháng Năm 1954 có nghĩa là Pháp trước hết phải rút hết quân đội ở miền Bắc và tiếp sau đó là ở cả nước. Một đường ranh giới tạm thời giờ đây sẽ chia cắt Bắc Việt Nam và Nam Việt Nam. Việc đình chiến kéo dài hàng tháng trời, trong khi tại Giơ-ne-vơ diễn ra các cuộc đàm phán về khả năng hòa bình.

Đương nhiên không khí bình yên chỉ là giả tạo. Mặc dù nhiều người, như tôi, sống trong ảo tưởng là hòa bình sẽ được lập lại, bởi vì người ta không bắn nhau nữa, nhưng hàng ngàn người mất hết gốc rễ lại chạy trốn. Họ chạy bằng máy bay, bằng tàu hỏa và tàu thủy, thậm chí chạy bộ vào miền Nam, nơi một người mang tên Ngô Đình Diệm được bổ nhiệm làm thủ tướng.



Người dân thường trên đường phố (Việt Nam, 1954)

Đặc biệt ở phố phường Hà Nội người ta cảm thấy một bầu không khí đe dọa âm ỉ. Người ta dùng hàng rào thép gai rào quanh những tòa nhà công cộng lớn và nhiều tòa biệt thự được bảo quản chu đáo giờ bị bỏ không. Cả núi đồ gỗ choáng lộn, những bộ xa-lông khảm ngọc trai chất ở ven đường chờ người mua.

Vào một ngày tháng Tám, những người lính Pháp đóng quân ở Gia Lâm, trong đó có Marcel, nhận được lệnh chuyển những chi tiết cầu về phía đông và tháo dỡ nhà kho tại căn cứ đóng quân hiện nay của họ để lắp ráp tại Cát Bi và Đồ Sơn, hai địa điểm gần Hải Phòng. Giờ đây bạn tôi đã ra đi mà không thể báo cho tôi biết chính xác anh ở đâu, còn tôi thì ở lại.

Vào một buổi tối, khi ý định đi tìm anh đang lờ mờ trong đầu tôi, tôi thấy một người ngồi ở thềm nhà tôi. Tôi giật mình vì tôi đã nhận ra ngay lập tức người ngồi đó là ai: Hùng!

Anh ta đã tìm thấy tôi! Tôi lơ anh đi và khi anh bắt đầu xin lỗi tôi, tôi cũng chẳng thèm nhìn anh và định đi qua. Anh ta quay lại, quỳ khóc dưới chân tôi, túm lấy tà áo dài của tôi vào van xin tôi đón nhận lại anh.

Tôi gạt gót xăng đan vào mặt anh ta một cách khinh bỉ và bước qua người anh để vào trong căn lều. Tim tôi đập mạnh vì hồi hộp, nhưng tôi không sợ. Tôi chỉ cảm thấy giận dữ.

Tôi còn nghe tiếng rên rỉ của anh hàng phút nữa, cho tới khi anh rời đi và biến khỏi cuộc đời tôi, lần này vĩnh viễn. Sự xuất hiện bất ngờ của anh ta khiến tôi phải nhanh chóng đi tìm Marcel.

Câu chuyện ở sau bức vách

Phần lớn nhân viên của tôi quyết định ở lại, trong khi Nguyên và tôi muốn lên đường đi về hướng Hải Phòng, lần này đem theo một số đồ gỗ, tiền và đồ trang sức.

Thật bột phát và đơn giản, chúng tôi vừa cười vừa vẫy một chiếc xe tải quân đội chở vật liệu vẫn còn chỗ trống trên thùng xe.

Người lái xe vui vẻ cười đáp lại và dừng xe. Tôi hỏi người lái xe và những người lính xếp đồ lên xe cho tôi và đi cùng xem họ có quen một hạ sĩ quan có tên là Marcel không, và họ đều trả lời là không.

Đến nơi giáp giới với Hải Phòng chúng tôi xin người tài xế cho xuống xe gần một cây cầu mà tôi biết. Tôi lại liêu lĩnh mỉm cười và nhờ họ đỡ đồ xuống và xếp ngay ngắn cho tôi. Họ cũng làm việc đó! Trước khi họ đi tiếp, tôi chân thành cảm ơn họ và dặn họ nhớ tới tôi nếu họ tình cờ gặp anh bạn trai như đã kể của tôi.

Thời gian trôi đi không lâu, Nguyên và tôi đang ngồi trên đống đồ gỗ và tính toán xem giờ đây sẽ tiếp tục như thế nào đây, bỗng nhiên chúng tôi thấy chiếc xe tải vừa đưa chúng tôi tới đây chạy lại gần, ngồi sau vô lăng vẫn là người lái xe đó, bên cạnh là Marcel, anh vẫy tôi với nét mặt sáng ngời. Chúng tôi ôm chầm lấy nhau. Ngay lập tức, anh kể cho tôi nghe về cái điều không tưởng đã xảy ra. Tại căn

cứ Cát Bi, cách một cái chùa không xa, anh đang cùng với một số người lính khác dựng một tấm vách ngăn cao và dài thì chiếc xe tải đó đến. Những người trong xe tảo đi các nơi, và người lái xe nói chuyện với một người đàn ông khác ở phía bên kia bức vách trong khi anh ta đang dỡ đồ từ trên xe xuống. Marcel tình cờ nghe được câu chuyện. Anh lái xe kể cho người đàn ông rằng anh chưa hề gặp một mẹ đàn bà nào nhỏ bé và xắc xược như vậy, cô ta dám hỏi anh và những người đàn ông khác xem họ có dỡ toàn bộ đồ của cô và bạn gái của cô từ trên xe xuống được không rồi lại còn xếp ngay ngắn như cô mong muốn nữa! Nhưng cô ả là một người xinh đẹp, đúng là xinh thật! Và cô đang đi tìm người yêu của mình tên là Marcel. Khi nghe thấy tên mình, anh bạn tôi giật mình và, vẫn đang còn đứng sau bức vách, hỏi thật to, người phụ nữ đó trông như thế nào, có phải là cô ta rất bé nhỏ và lại đang có bầu nữa không.

Và giờ đây anh đã đến và đang đứng trước mặt tôi!

Tưởng như hòa bình lập lại...

Bạn trai tôi giờ đây chạy qua chạy lại giữa Gia Lâm, Cát Bi và Đồ Sơn trong khi những tốp lính Pháp cuối cùng dần dần rút khỏi miền Bắc. Nguyên và tôi dọn về ở hai căn hộ kề sát nhau ở ven Hải Phòng. Đồng thời tôi mở ngay gần đó hai quán nhậu, một chiếc tôi đặt tên là “Chez Jacquie”, hai quán nằm đối diện nhau và rất tiện đường cho những người lính.

Khi tôi kể cho Marcel nghe về việc mình lại mở nhà hàng, anh nói rằng tôi điên. Đáng lý ra, như hàng trăm ngàn người Việt Nam khác, tôi phải chuẩn bị để di cư vào Nam, đến cái nơi mà chắc chắn là anh sắp được điều đến đó, trước khi quá muộn. Tôi đã không nghe lời anh. Cuối cùng thì anh có quyền gì mà quyết định về bản thân tôi. Anh không biết gì cả, tôi nghĩ như vậy. Tôi tin tưởng chắc chắn về hòa bình. Thời gian sẽ chứng minh rằng tôi có lý! Nửa cuối năm 1954 chúng tôi vẫn sống cùng với nhau, mặc dù bất đồng quan điểm.

Sau hai ngày dài đau đẽ với những cơn đau kinh người và tôi khi đó luôn gọi tên Marcel một cách tuyệt vọng, cuối cùng thì ngày Mồng Ba tháng Mười 1954, đứa con của tôi cũng chào đời trong căn nhà của Nguyên. Trong giờ phút khó khăn này Nguyên luôn ở bên tôi. Tôi sinh ra một cậu con trai, nặng hơn 4 kg làm tôi rách cả chỗ kín. Tôi rất yếu vì mất nhiều máu, phải nằm liệt giường hơn hai tuần lễ và



Sân bay Gia Lâm, nơi cha của tác giả từng đóng quân một thời gian.

lúc đầu tôi không có sữa cho con bú, điều đó làm tôi thấy rất bất hạnh.

Marcel mặc thường phục đến thăm tôi và đứa trẻ. Khi thấy rằng tôi không thể cho con bú, anh đi vào phố để kiếm sữa cho đứa bé. Chuyện đó không phải là không mạo hiểm. Giữa đường bỗng nhiên anh bị cảnh sát Pháp chặn lại và cho rằng anh là kẻ



Cảng Hải Phòng năm 1954.

đào ngũ. Anh đã trình giấy tờ và giải thích rằng vì sao anh lại đi ở đây. Họ đưa anh tới một cửa hàng để mua sữa. Nguyên giúp tôi giải quyết mọi thủ tục giấy tờ. Chúng tôi đã quyết định đặt tên cho đứa con trai là Marcel. Nó là một đứa trẻ tuyệt vời và tôi tin chắc rằng chúng tôi giờ sẽ có một cuộc sống hòa bình ở đây.



Chợ hoa ở Hải Phòng (1954)

Tự thân vận động

Khi bình phục trở lại, tôi mừng vì có sữa cho con bú. Không lâu sau đó tôi lại đi làm. Ban ngày một cô trông trẻ chăm sóc thằng bé, trong khi một cô gái khác chịu trách nhiệm về việc nhà và lo nấu ăn.

Tôi mua cho con tôi nhiều đồ trang sức, trong đó có cả một chiếc vòng đeo tay to bằng vàng già tuổi. Một hôm cô trông trẻ đánh cắp chiếc vòng để đem bán. Khi bị tôi phát hiện ra cô ta van xin tôi đừng trừng phạt cô. Tôi cảm thấy thương hại và cho cô một tháng lương để cô ra đi. Tôi thực tình chẳng

quan tâm tới việc mình có nhiều thêm hay là ít của cải hơn một chút.

Con trai tôi là một đứa trẻ rất xinh xắn và khỏe mạnh. Có lần một người phụ nữ giàu có mời chào trả nhiều tiền cho tôi nếu tôi bán thằng bé cho bà ấy. Ở chỗ chúng tôi chỉ cần đập tay là đủ để tiến hành các thương vụ, thậm chí thương vụ loại này. Nhiều khi những chào mời như vậy cũng không phải là không hợp lý, nếu bố mẹ những đứa trẻ quá nghèo, bệnh tật hoặc kiệt quệ. Trong trường hợp đó họ phải gác tình cảm riêng tư lại vì hạnh phúc của đứa trẻ, hy vọng nó sẽ có một tương lai xán lạn hơn. Mua một đứa con cũng là giải pháp thông thường đối với những cặp vợ chồng không có con và như vậy họ đã đạt được một nguyện vọng lớn. Tất nhiên là đối với tôi không thể có chuyện đó. Việc người phụ nữ đó mời chào như vậy đương nhiên cũng làm tôi tự hào.

Mỗi tối bạn trai tôi đến với tôi, anh ta chăm lo chu đáo cho đứa bé một cách đầy yêu thương, và tôi rất thích thú ngắm nhìn hai người. Khi đi ngủ, thằng bé luôn nằm trên chiếc sơ mi của anh, có hơi của anh và anh để chiếc áo lại cũng vì mục đích đó.

Tháng Mười một đến đã nhanh chóng đưa tôi trở về với thực tế. Một buổi tối Marcel thông báo với tôi rằng ngày hôm sau anh sẽ phải bay cùng với đơn vị vào Sài Gòn. Anh đề nghị tôi chuyển vào Nam cùng với những người tản cư khác nhưng tôi từ chối. Tôi vẫn cương quyết giữ ý kiến của mình rằng không lâu

nữa hòa bình sẽ đến và tôi phản đối chuyện rời khỏi miền Bắc.

Đối với chúng tôi điều đó có nghĩa là giờ đây con đường của chúng tôi sẽ chia đôi ngã. Anh buồn bã chấp nhận quyết định của tôi. Chúng tôi sống bên nhau những giờ cuối cùng và sau đó chia tay nhau mà không hề hứa hẹn điều gì.

Tôi để cho anh đi và tôi ở lại Hải Phòng, hoàn toàn phải tự thân vận động mà không có chút thất vọng hoặc cảm giác cay đắng nào. Tôi có đủ tự tin và đủ tiền để cùng với con tôi chống chọi.

Những ngày kinh hoàng

Đối với chúng tôi cuộc sống vẫn tiếp tục trôi đi. Sau đó không lâu tại Hà Nội, khi Việt Minh, phe người Việt thắng trận, thay chân những tốp lính của quân đội Pháp thì dường như số phận tương tự cũng được định đoạt cho Hải Phòng.

Loa phóng thanh trên đường phố luôn phát những khẩu hiệu kích động. Ban đêm những bài ca yêu nước vang lên làm mất đi sự yên tĩnh lạ thường mới có sau chiến tranh.

Vào một buổi sáng lúc đang chuẩn bị đi làm, tôi hời hợt nhìn qua cửa sổ, thấy một tốp nam giới đang đá vào một thủ cấp đàn ông vừa mới chặt khiến nó lăn lông lốc. Đây là thủ cấp ông thợ làm bánh ở

góc phố, ông làm bánh mì baguette cho người Pháp và cũng là chỗ quen biết của tôi. Hai người trong tổp đàn ông dùng đòn gánh có quẩn dây thép gai khiêng theo mấy thủ cấp khác nữa, cứ thế họ đi qua phố và gieo rắc bao nỗi lo sợ, kinh hoàng. Tôi thấy lạnh hết sống lưng. Tôi phải làm gì đây? Nguyên muốn ở lại đây, cô tin rằng đó là điều tốt nhất. Còn tôi thì không còn chắc chắn nữa. Điều quan trọng nhất đối với tôi là được tự do, và không có cái gì và không có ai có thể hạn chế được sự tự do này của tôi. Tôi đã tranh đấu quá lâu vì điều đó!

Vì vậy tôi phân vân, cho tới khi nhận được một bức điện của Marcel gửi từ Sài Gòn ra, trong đó anh viết rằng anh ốm lắm và nếu không có tôi chắc anh không qua khỏi. Nếu tôi không vào chắc chắn anh sẽ chết.

Giờ đây tôi biết mình phải làm gì. Trong giây phút đọc bức điện đó tôi hiểu rằng số phận của tôi là phải ra đi. Trời đã gửi cho tôi thông điệp đó, để tôi phải đến với Marcel.

Ngay trong đêm đó, lúc 1 giờ, tôi buộc đứa con trai đang ngủ của tôi lên lưng. Tôi đánh thức Nguyên dậy để chia tay cô. Chúng tôi ôm nhau. Cô không hỏi gì và đứng ở cửa thật lâu nhìn theo tôi.

Tôi mang theo giấy tờ của mình, tiền cũng như đồ trang sức và đi xe đến Cát Bi để từ đó tản cư trên chiếc máy bay của người Pháp chuẩn bị để vào Tân Sơn Nhất, sân bay của Sài Gòn.

Như nhiều phụ nữ khác với những đứa con của họ, tôi chen chúc vào khoang chứa hàng của một chiếc máy bay vận tải, vài giờ sau, vào lúc rạng sáng máy bay bay qua đường ranh giới. Bay cùng với chúng tôi có mấy người lính và qua lớp da bủng, mỏng như tờ giấy của họ, tôi biết rằng họ đã phục vụ thời gian dài ở Việt Nam, giờ đây họ nhìn chăm chăm vào khoảng không, có lẽ vì họ phải bỏ lại nơi đây một phần của mình, cũng giống như tôi vậy.

Thì cũng chỉ là đàn ông thôi!

Vừa hạ cánh xuống Tân Sơn Nhất, tất cả chúng tôi được đưa vào một trại tị nạn với những chiếc lều lớn của Mỹ. Nhân viên của Tổ chức Y tế Thế giới bố trí để từng người mới được một y tá khám và tiêm chủng, trước khi một viên công chức trao giấy tờ cho họ. Nhiều người không được rời lều vì bị bệnh lao.

Tôi thở phào nhẹ nhõm vì cả con tôi và tôi đều khỏe mạnh. Sau khi mọi việc xong xuôi và tôi đã nhận giấy tờ được đóng dấu và một cuốn sổ tiêm chủng, tay cầm bức điện tín, tôi hỏi thăm đường tới doanh trại, nơi mà chắc Marcel đang chờ đón tôi. Tôi mấp mòi mãi và cuối cùng cũng tìm được anh.

Người ta đưa anh ra từ trong một gian phòng lớn, nơi anh phải làm nhiệm vụ xếp dù. Trông anh

xanh bủng và gầy yếu, anh đi về phía tôi và vô cùng vui mừng vì chúng tôi lại gặp được nhau, trước khi anh thú tội với tôi điều gì đã xảy ra với anh.

Tình trạng sức khỏe của anh thật thảm hại, chẳng phải chỉ vì anh bị bệnh kiết lị mà còn vì anh đã ném toàn bộ số tiền lương của anh cho một cô gái giang hồ người Tàu và để rồi anh lại còn nhận được thêm bệnh lậu của cô ấy. Một quy định mới đã được ban hành, những người bị ốm vì bệnh sinh dục sẽ bị phạt ở mức tạm giam 30 ngày. Vì thế anh đã phải cố chịu đựng những triệu chứng kinh khủng này cho tới khi tôi đến mà không dám báo cáo.

Anh bị thế cũng đáng đời, tôi thầm nghĩ. Nhưng đồng thời tôi cũng thương anh vì tôi đã để anh tự do và có thể nói là chúng tôi đã không chung sống với nhau nữa. Tôi quyết định tha thứ cho anh và chăm sóc anh. Mà rốt cuộc cũng vì anh mà tôi đã vào đây.

Trước hết tôi tìm cho tôi một chỗ ở trong căn nhà gỗ tại Lan Xa Ca, một khu dân cư gần sân bay giáp với Sài Gòn. Cho dù nó chẳng có gì là xa xỉ nhưng tôi mừng là tôi đã tìm được cho tôi và con tôi một chỗ ở sạch sẽ và không bị chuột cống lớn, vốn rất nhiều ở vùng này tấn công.

Rồi tôi cùng với con trai tôi tới chợ Phú Nhuận ở gần đó mua bánh đậu, hoa quả và một số thảo dược cần thiết để về sắc thuốc cho bạn trai của tôi. Một tối, tôi đón anh từ doanh trại, nhiều ánh mắt ghen tị dõi theo chúng tôi kèm theo những tiếng huýt sáo

lớn của một vài người lính. Tôi cho anh uống thuốc này và không lâu sau anh khỏe dần.

Buổi tối thứ Hai, khi anh được nghỉ tôi đưa anh đến một bác sĩ trong thành phố để ông tiêm cho anh liều thuốc cần thiết để trị căn bệnh kia của anh. Trước khi tiêm ông tỏ vẻ ngạc nhiên vì tôi có đủ cứng rắn để đưa một người bạn trai không chung thủy đến chỗ ông! Tôi chỉ biết nhún vai và cười mỉm. Tôi biết làm thế nào? Marcel cũng chỉ là một người đàn ông.

Thành phố mới, luật chơi mới

Tôi nhanh chóng tìm được việc làm phụ bếp trong một nhà hàng và được phép mang con tôi tới chỗ làm cho tới khi tìm được một cô trông trẻ.

Sau khi bà chủ của tôi giảng giải cho tôi về cuộc sống ở thành phố mới này, tôi đã dễ dàng làm quen với nó. Sài Gòn hoàn toàn khác so với những thành phố khác mà tôi biết từ trước tới nay. Không phải chỉ có cuộc sống đầy sôi động mà nó còn giàu có hơn, rộng rãi và hào nhoáng hơn. Thành phố này xứng đáng được mang tên: “Hòn ngọc Viễn Đông”.

Tổng thống Diệm trị vì ở đây với sự hỗ trợ của người Mỹ, nhưng hình ảnh và không khí một thời của chính quyền thuộc địa Pháp trước kia, mặc dù đã thất bại, vẫn còn đậm nét nơi đây. Tại những khách

sang trọng trong thành phố những người được gọi là giới tinh hoa tụ tập uống một cốc Cognac-Soda, để rồi trong đêm khuya vào những câu lạc bộ riêng biệt kiếm cho mình những cô gái nhảy châu Á xinh đẹp nhất.

Dọc theo vỉa hè đường Catinat*, một đường phố buôn bán sang trọng với nhiều mặt hàng xa xỉ, những chiếc xích lô đạp chân và xích lô máy đậu chờ khách. Bên cạnh đường phố sạch sẽ, thông qua những con kênh nhỏ hẹp, người ta có thể đến được những ấp và khu dân cư kế bên nằm sát vùng sinh lầy.

Như tôi cảm nhận, Sài Gòn là một thành phố hiện đại với những đại lộ và đường phố lớn, với những tòa nhà trụ sở chính phủ và biệt thự đẹp như trong mơ, những trường học, nhà thờ, nhà hát, viện bảo tàng, thư viện và những khu vườn pha trộn hài hòa với những ngôi đền cổ. Một tòa nhà bưu điện đáng tự hào được xây dựng từ thế kỷ trước theo phong cách của Tour Eiffel tranh đua với Nhà thờ lớn lộng lẫy của Thiên chúa giáo. Càng sông với những kè, những bến khổng lồ và xưởng đóng tàu thường xuyên có tàu hơi nước cỡ lớn ra vào, những tiếng còi tàu rú lên làm tôi tưởng nhớ tới Hải Phòng. Trải dài về phía Tây Nam là khu phố sinh đôi Chợ Lớn, nơi trước đây là cảng buôn gạo lớn nhất thế giới, một khu phố tập

* Nay là Đường Đồng Khởi

trung những nhà buôn cũng như những nhà đầu cơ tài chính đáng ngờ điều khiển đời sống kinh doanh ở đây.

Khu ổ chuột bắt đầu ngay sát đó, nơi một bộ phận của dân thành phố sống trong những nhà thuyền hoặc trong những túp lều bằng tôn được nối với bờ sông bằng những tấm ván. Ở đây, những con chuột cống khổng lồ chạy hàng đàn. Ban đêm người ta rút những tấm ván vào trong túp lều để chống cướp. Nhiều khi có những người khách lạ, ví dụ khách hàng của gái làng chơi rẻ tiền sa chân xuống dòng nước thối hoắc. Nếu đi lạc vào bên đêm ở đây người ta bỗng nghe những khẩu hiệu hoặc những bài ca cộng sản vọng ra từ những chiếc loa làm cho lũ ếch ương phải im trong khoảng khắc.

Ngoài ven thành phố có cơ ngơi của một số phái giáo, họ tự xưng là Hòa Hảo và Cao Đài. Phái giáo thứ nhất là một loại phong trào Phật giáo sẵn sàng dùng vũ khí để chiến đấu bảo vệ nền tư tưởng của mình. Phái giáo thứ hai tôn thờ cả Phật và Chúa Giê-su lẫn Victor Hugo và Khổng Tử vì tất cả họ đều được coi là những sứ giả chuyển tải các thông điệp của Thượng Đế. Trong thực tế những giáo phái này có rất nhiều quyền lực và kinh nghiệm cho thấy mọi người không nên tiếp cận với họ.

Trong thành phố cũng có một băng đảng của những tên cướp đường sông chuyên cắt cổ người ta và đẩy thù hận, gọi là băng Bình Xuyên và được

chính quyền Pháp dung túng. Lực lượng cảnh sát cũng nằm trong tay chúng, và chúng làm giàu lớn bằng việc buôn lậu thuốc phiện và tổ chức cờ bạc, mại dâm và tổng tiền. Chúng tùy tiện ra tay cướp bóc ở các làng mạc và để lại những dấu vết tàn bạo.

Tôi biết rõ những nơi tốt nhất mà mình nên tránh xa. Nhưng mà không phải chỉ có những tên tội phạm này gây ra mối đe dọa. Một ngày đầu năm, tôi đi mua đồ tại chợ trung tâm. Tôi vừa đi ngang qua một người bị bệnh hủi ngồi sát bên gánh cá tươi vừa mới đánh được và ăn xin. Người đó giờ ra khuôn mặt bị biến dạng cùng với những ngón tay và ngón chân đầy máu me của mình. Tôi rất kinh hoàng. Bỗng nhiên có hai người lính đứng trước mặt tôi và cười khinh, nhìn vẻ bề ngoài có thể họ có gốc gác Ả-rập, họ chặn đường tôi và có vẻ khoái chí.

Tôi im lặng, không để ý đến thái độ của họ và muốn đi qua, và một người trong số họ gọi tôi thật to là “nhà quê!”. Tôi đã không chần chừ, vì như lời ông Hương đã dạy cho tôi, chiến thắng trong một cuộc chiến nhiều khi là do yếu tố bất ngờ. Tôi tụt ngay một chiếc xăng đan có gót bằng gỗ cứng ra khỏi chân mình và ném thật mạnh vào đầu người đàn ông đã chửi bới tôi. Với chiếc xăng đan còn lại trong tay và với nét mặt căng thẳng và giận dữ, tôi chờ đợi cuộc tấn công mới, nhưng nó đã không diễn ra. Những người đứng quanh tôi lặng im, chờ đợi,

có những người ném ánh mắt giận dữ về phía những người lính.

Hoàn toàn bất ngờ về phản ứng của tôi, hai người đàn ông đi tiếp mà không nói thêm một lời nào, chắc họ biết rằng nếu họ tấn công tôi, một người bản xứ trước mặt một đám đông như vậy thì chắc họ không tránh khỏi nguy hiểm cho chính sinh mạng của mình.

Tôi nhặt chiếc xăng đan từ dưới đất lên và tiếp tục đi chợ mua đồ.

Trong mơ tôi thấy...

Tháng Giêng 1955, bạn trai của tôi bỗng nhiên mắc bệnh vàng da. Tháng Hai, anh bay đến một bệnh viện phục hồi chức năng ở Đà Lạt nằm tại phía Đông Bắc. Người ta gọi Đà Lạt là “Thành phố của mùa xuân vĩnh cửu”. Thời tiết quanh năm dễ chịu ở đây với nhiệt độ không khí hai mươi độ đối với người nước ngoài thật thoải mái so với những cơn nóng bức oi ả trong những vùng khác của cả nước. Nông trang chè và cà phê ở khu vực này càng làm tăng thêm vẻ đa dạng đáng yêu với những sắc màu nổi bật.

Tôi đã thích ứng với cuộc sống mới của mình. Con trai tôi ngày càng lớn lên, sống hồn nhiên vui vẻ. Đêm đêm tôi nằm âu yếm con và ngủ ngon lành.

Bỗng một đêm tôi mơ thấy bạn trai của tôi quân phục rách bươm đang đi lạc trong rừng sâu, bên cạnh anh có một con hổ đang định vồ anh ăn thịt. Anh đang gặp nguy hiểm! Tôi giật mình tỉnh giấc, người ướt đầm mồ hôi và thấy bất an, tôi thức dậy và thắp hương khấn cho anh. Tất nhiên tôi không thể giải thích cho mình được giấc mơ đó, tôi biết rằng anh đang ở bệnh viện và ở đó anh không thể gặp nguy hiểm. Tôi khấn vái cả đêm và khấn cả tổ tiên tôi lẫn mẹ tôi để họ phù hộ cho anh sớm lành bệnh trở về với tôi.

Cho tới ngày đã hẹn không thấy anh xuất hiện, tôi lập tức tới doanh trại để hỏi thăm về anh. Khi biết tin anh đã khỏe mạnh trở về tôi cảm thấy nhẹ nhõm hẳn. Tuy nhiên anh bị phạt giam tám ngày vì anh đã tự gây nguy hiểm cho bản thân mình.

Tôi bình tĩnh chờ anh đến Lan Xa Ca với tôi. Trông anh có vẻ hồi phục và anh kể lại cho tôi nghe điều đã xảy ra.

Anh đi dạo chơi ở Đà Lạt, bên ven khu rừng rậm, và với bản chất hiếu kỳ, ưa mạo hiểm của mình, anh quyết định không đi theo con đường mòn có sẵn. Sau khi luồn lách một đoạn dài, anh bỗng trượt chân xuống một cái dốc sâu chừng hai mét, đường lên quá dốc và anh không thể leo lên được, vì vậy anh quyết định đi tiếp, hy vọng tìm được lối khác nhưng lại lạc trong rừng sâu. Cỏ voi sắc nhọn của rách làn da vốn nhạy cảm của anh ở nhiều chỗ. Không xa chỗ

anh đất rung lên vì có đàn voi lớn chạy qua, dẫm nát cả những túm cỏ cao và lướt qua chỗ anh. Anh lang thang trong rừng cả một ngày mà không có nước uống. Vì hoàn toàn kiệt sức, anh không biết phải làm gì nữa và bèn ngồi xuống, bỏ mặc cho số phận định đoạt. Nhưng anh đã gặp may vì có một người thổ dân đi săn và phát hiện ra anh, người đó đưa anh về chỗ bộ tộc của ông.

Ở đây phụ nữ mình trần chạy khắp nơi (và sau này anh mới biết rằng đàn ông nghiêm cấm không được sờ vào ngực của họ vì nếu làm vậy thì có thể bị giết chết). Tất cả những người dân trong bản đều hiền lành và vui vẻ, và họ cũng rất ngạc nhiên thấy một người lạ mắt màu sáng và da trắng. Họ cho anh ăn uống và ngày hôm sau, ngày mồng bốn tháng Ba, đúng ngày sinh nhật thứ hai mươi của anh, người đàn ông đã tìm thấy anh lại đưa anh về với “thế giới khác”. Người dân bản xứ chỉ xin muối làm phần thưởng cho việc cứu anh vì muối đối với họ còn quý hơn vàng. Ông nhận được hai ki lô muối và vô cùng hài lòng quay lại hướng rừng sâu.

Người ta đã định tuyên bố Marcel đã chết vì chưa bao giờ có một người nước ngoài sau nhiều giờ như vậy lại có thể sống sót từ rừng rậm trở về. Dù lúc đầu cấp trên của anh rất vui mừng thấy anh sống sót trở về, nhưng anh vẫn bị xử phạt với mức tạm giam tám ngày vì đã quá liều lĩnh và không chấp hành quy định.

Hạt giống hy vọng

Giờ đây anh đã khỏe lại. Gần như hàng ngày, sau giờ nghỉ tôi vào khu trang trại quân đội để thăm anh và mang cho anh những món ăn anh ưa thích do tôi nấu, trong khi đó một bà láng giềng trông con cho tôi.

Khi một trong những cấp trên của anh thường nhìn thấy tôi đến, ông gợi ý để tôi có thể ngủ lại chỗ Marcel để đỡ phải đi lại vất vả. Tôi cũng có nghe lời gợi ý của ông mấy lần. Nhưng khi áp chúng tôi bị bọn cướp Bình Xuyên cướp bóc và tôi không có nhà, tôi quyết định không ngủ lại trong doanh trại nữa vì sợ rằng con tôi có thể gặp chuyện.

Sau đó không lâu một vụ việc nữa xảy ra buộc tôi đi đến quyết định phải nhanh chóng chuyển chỗ ở. Giữa ban ngày ban mặt, khi Marcel còn đang ở chỗ tôi, lính dù Căm pu chia đột nhập vào áp chúng tôi và bắt dân chúng phải nộp rượu cho chúng. Khi một trong những tên tội phạm xông vào nhà chúng tôi, Marcel đứng dậy. Hấn dí dao vào bụng anh, anh vội giơ tay lên. Tôi vẫn bình tĩnh và nhanh chóng đưa cho hắn một chai Pastis và thế là hắn rời đi với vẻ hài lòng. Ngay ngày hôm sau tôi đã ở chỗ mới tại một khu phố tốt hơn.

Những bức thư cuối cùng của mẹ Marcel cho thấy bà không thay đổi ý kiến về tôi. Tuy nhiên con trai bà muốn đưa tôi về quê hương anh và nhất định muốn cưới tôi ở đó.

Anh nói với tôi trong khi xé bức thư cuối cùng của bà, từ giờ phút này trở đi tôi sẽ là vợ chưa cưới của anh, không có gì và không một ai có thể ngăn cản được điều đó. Tuy nhiên chúng tôi cũng biết rằng thời gian anh quay trở về Pháp đang xích lại gần. Tất nhiên khi về tới nhà, trước hết anh sẽ được hưởng một kỳ nghỉ phép xứng đáng.

Anh nói làm tôi phải bật cười, rằng sau khi về nước, anh sẽ mua một chiếc xe Vespa và dùng nó để đón tôi từ Việt Nam. Anh còn trẻ và ngây thơ, nhưng phong cách nhiệt thành của anh, cách anh chia sẻ với tôi những giấc mơ và phá bỏ mọi quy tắc làm cho tôi thích thú.

Dần dần, niềm hy vọng cho con tôi và tôi đang lớn dần trong tim. Tôi muốn trong đời tôi một lần được nhìn thấy tháp Eiffel! Cho dù chồng chưa cưới của tôi không nghĩ tới điều này một cách nghiêm túc thì tôi cũng sẽ bằng mọi giá đi tìm một cuộc sống mới ở nơi đó và sẽ sống bình yên với con trai tôi tại đó.

Mong muốn đó không phải chỉ mới nảy nở trong tôi. Có một hôm tôi đi mua sắm đồ và khi sắp về tới nhà, tôi gặp một người phụ nữ, chị ta cười vui vẻ với tôi làm tôi muốn bắt chuyện với chị. Chị tên là Ngọc và trẻ hơn tôi một tuổi.

Ngọc sinh ra ở Hà Đông, một làng cách Hà Nội không xa, và ở cuối phố tôi. Nhận lời mời của chị, tôi bế con trên tay và đi cùng chị về nhà.

Khi uống một chén chè, chị kể chuyện của mình cho tôi nghe. Chị cũng mất đứa con đầu với một người đàn ông Việt Nam. Sau đó người này bỏ chị. Chị lại có một đứa con trai với một người Pháp, thằng bé gần cùng tuổi với con tôi. Người này cũng bỏ rơi chị khi biết chị mang thai. Giờ đây chị có một người bạn trai mới, cũng là lính và anh sẵn sàng đưa chị sang Pháp, nhưng đương nhiên là không mong muốn kèm “cái đuôi”. Chị sống ở Sài Gòn trong khi một người bạn gái, cách chị rất xa, đang nuôi con cho chị như chính con mình. Tôi cảm nhận được rằng chị rất đau khổ vì chuyện này khi chị ngắm nhìn con tôi với đôi mắt to đầy nhung nhớ và xin tôi cho chị bế cháu vào lòng một lát. Tôi đưa thằng bé cho chị bế và động viên chị rằng hy vọng một ngày nào đó bạn chị sẽ thay đổi ý kiến. Tôi cảm thấy thương chị.

Vịt nóng

Là phụ bếp, bình thường ra người ta đâu có được nghiệm trải gì nhiều. Công việc hàng ngày chủ yếu tập trung vào nhặt rau, làm cá, thái thịt thành những miếng vừa mồm. Nếu xong việc thì tôi lại phục vụ ở quầy. Tôi không phải lo thêm việc gì khác.

Có một người phụ nữ trẻ gốc Hoa cùng làm việc với tôi ở trong bếp. Như cô ta kể cho tôi, mẹ cô làm

việc trong một nhà hàng ở Chợ Lớn. Cô này lo cả việc đi chợ mua thịt cho nhà hàng. Một hôm, với vẻ mặt vô cùng hồ hởi, cô đem về hai mươi con vịt chết để hai chúng tôi vật lông trước khi quét phẩm. Tôi hỏi lý do vì sao sáng nay cô lại hồ hởi như vậy, cô trả lời tôi là vì những con vịt. Cũng may là nó không “nóng”!

Tôi không cười vì chưa hiểu được ý nghĩa của câu chuyện tiểu lâm. Sau đó cô giải thích với tôi rằng “vịt nóng” là những con vật người ta dùng trong nhà thổ của người Hoa và vì vậy mà được đặt tên như vậy.

Tôi cười cho phải lễ, ra vẻ như mình đã hiểu để khỏi làm mất lòng cô, nhưng thực ra tôi chẳng hiểu rằng vịt trong thực đơn của chúng tôi và những con vịt “nóng” ở nhà thổ Trung Hoa thì có liên quan gì với nhau. Cô ta nhận ra điều đó và giải thích cho tôi. Người ta đều biết rằng những sĩ quan có điều kiện hơn thường kiếm cho mình những cô gái điểm đất tiền nhất, trong khi đó những người có hàm thấp hơn thường phải mua vui tại nhà thổ quân đội khổng lồ “Parc aux Buffles”, nơi có hàng nghìn cô điểm người Việt và Căm pu chia lẫn xả vào họ khi họ vừa mới bước chân tới cửa. Tôi cũng được chồng chưa cưới của tôi kể rằng có cả gái Ma rốc ngủ ngay trong doanh trại để thỏa mãn những người đàn ông trong tốp lính. Tôi tưởng chừng như đứt hơi khi nghe cô kể tiếp.

Trong số họ có một vài kẻ dị nhân, họ tìm kiếm và cũng đã tìm được những thú vui đặc biệt trong một số nhà thổ nhất định ở Chợ Lớn. Thú vui đặc biệt đó là kẹp mỏ những con vịt còn sống vào khe cửa và hành hạ chúng từ phía sau ở thế quỳ trong khi chúng giãy dụa.

Chân chúng, trước đó đã bị tước hết móng, vùng vẫy đập vào hòn dái người đàn ông để tìm đường thoát, làm cho người này càng thêm hưng phấn. Xong việc rồi con vật tội nghiệp lập tức bị giết chết, và sau đó tôi được phép đoán xem điều gì sẽ xảy ra đối với món thịt vịt ngon lành đó ...

Sau đó một thời gian dài tôi không tránh được cảm giác ghê tởm mỗi khi tiếp xúc với loài vịt.

Nhân duyên

Quán chỗ tôi làm kinh doanh tốt. Tôi thích nhất là phục vụ ở quầy, nơi tôi có thể móc nối quan hệ trong khi phục vụ khách. Như một sự tình cờ đã được định đoạt, một hôm có một người đàn ông trẻ mà tôi quen biết từ thời trước ghé qua: Đó là anh Jean, chồng chưa cưới của cô Sao A Mung xinh đẹp. Ngay sau đó cô ta bước vào quán và vô cùng ngạc nhiên khi thấy tôi, rồi chúng tôi ôm chầm lấy nhau.

Họ mời tôi một cốc nước ngọt và kể cho tôi nghe những gì họ đã nếm trải trong thời gian qua. Jean

được điều vào miền Nam và đem theo người mình yêu nhất đi cùng. Ở đây, tại Sài Gòn, Sao A Mừng làm việc trong một cửa hàng sách. Cả hai khẳng định rằng một ngày nào đó họ sẽ rời khỏi nước này để xây dựng một tương lai hạnh phúc trên đất Pháp. Họ vẫn yêu nhau và quấn quít bên nhau như thuở nào. Tôi vui mừng thấy họ thần tượng hóa lẫn nhau. Jean muốn lo những thủ tục cần thiết. Khi tôi bày tỏ với Mừng rằng tôi cũng sống cùng với một người Pháp nhưng không biết làm cách nào để xuất ngoại, cô gợi ý với tôi rằng cô sẽ giới thiệu để tôi làm quen với một người bạn của cô. Chúng tôi hẹn nhau rồi tạm biệt. Ngày lại ngày, trong đầu tôi cứ luẩn quẩn cái lịch hẹn, cho tới khi tôi gặp được người bạn này, người chỉ xưng tên một cách đơn giản là “ông Phan”. Ông là một nhà học giả với kiến thức rộng. Từ ông tỏa ra một sức mạnh diệu kỳ, một uy lực mà tôi chưa bao giờ chứng kiến. Ông gần như tạo ra một ấn tượng rằng ông có một mối liên đới trực tiếp “Trời” khi ông chiếu ánh mắt vào tôi, dịu dàng và xuyên thấu. Ông tỏ ra biết nhiều điều riêng tư về tôi, mặc dù tôi chỉ kể rất ít với ông và ông tỏ ra thiện cảm với tôi. Thiện cảm này có được ở cả hai chúng tôi. Ông hứa sẽ hỗ trợ tôi về mặt tinh thần bằng cách ông sẽ cầu nguyện cho tôi và ông tin chắc rằng những lời cầu nguyện đó sẽ hiệu nghiệm và sẽ che chở cho tôi. Ông khuyên tôi cần làm ngay một cuốn hộ chiếu để có thể xuất

ngoại và thông báo cho ông về từng bước tiếp theo. Sau lần gặp gỡ đầu tiên đó tôi cảm thấy mạnh mẽ lạ thường và cảm ơn sự tình cờ bằng cách này đã đưa đường chỉ lối cho tôi.

Bạo loạn trong thành phố

Vẫn trong tháng đó, tôi và chồng chưa cưới của tôi đi xích lô máy đến công sở phụ trách để đệ đơn xin làm hộ chiếu cho tôi. Để làm việc này tôi cần phải có chứng minh thư và sổ tiêm chủng. Cả hai loại giấy tờ đó tôi đều giấu trong mình, dưới chiếc áo dài.

Thành phố hôm đó gần như vắng người. Chỉ có mấy người đi xe đạp và chúng tôi trên đường phố. Khi vừa đi ngang qua Dinh Tổng thống bỗng có hai tiếng nổ lớn làm rung chuyển cả chiếc xích lô của chúng tôi. Người lái xe kinh hãi, suýt mất lái, ông tắt máy và run rẩy xuống xe. Ba tiếng nổ tiếp theo, chắc đến từ phía sau của Dinh Tổng thống.

Chỉ cách chúng tôi vài mét, một người lính của quân đội miền Nam Việt Nam canh gác cửa vào Dinh chĩa tiểu liên về phía chúng tôi và sẵn sàng nhắm đạn. Anh ta đang tìm nguồn gốc nơi phát ra tiếng nổ. Marcel giơ tay lên và tỏ ra bình tĩnh, tôi cũng vậy. Người lính gác soi mói nhìn chúng tôi một lát rồi ra hiệu cho chúng tôi đi. Chúng tôi cũng lập tức đi khỏi đó.

Giờ đây chỗ nào người ta cũng bắt đầu nổ súng. Chúng tôi quyết định nhanh chóng quay trở lại, trước hết đưa tôi về nhà và sau đó đưa chồng chưa cưới của tôi xuống chỗ doanh trại. Nhiều ngày trôi qua, gần như mọi người đều ở trong nhà vì trong thành phố đang hỗn loạn.

Những người theo giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo liên kết với băng Bình Xuyên để tấn công Dinh Tổng thống. Từ sau vụ nổ ở Sài Gòn thường diễn ra các trận chiến khốc liệt trên đường phố. Sau nhiều ngày đánh nhau, những nhóm quân này đã bị quân đội của Tổng thống Diệm đánh bật ra khỏi thành phố. Vụ nổ đó làm cho dân chúng ngày càng cảm thấy bất an hơn. Những dòng người, trong đó có cả những người nông dân đơn thuần, bắt đầu di chuyển ra hướng Bắc vì ở trong Nam họ cũng không được hưởng hòa bình.

Mấy ngày sau Marcel đến thăm tôi vào một buổi sáng, lần này cũng không xin phép, để cùng với tôi đến “trụ sở cảnh sát” gần Nhà thờ lớn. Trên đường đi xích lô tôi thấy ở chỗ trước đây còn nhà cửa thì giờ đây chỉ là những đồng tro tàn lòn.

Khi đến cửa tòa nhà cảnh sát, chúng tôi không thể nhích chân thêm một bước nào để tiến về phía cửa, có quá nhiều người đứng ở đây. Tất cả đều gào thét xin xỏ các thứ giấy tờ và xô đẩy, chen lấn với hy vọng là bằng cách này sẽ nhanh đến lượt mình. Chúng tôi chỉ biết đứng đó, ngạc nhiên và bất lực.

Ngôn ngữ của đồng tiền

Tôi cảm thấy vô vọng. Nhưng Marcel nắm chặt tay tôi và dùng sức để chen lấn lên phía trước, cho tới khi chúng tôi đứng dưới một chiếc cửa sổ lớn. Có lẽ vì anh là người nước ngoài duy nhất trong đám đông nên viên công chức quan sát đám đông bên ngoài qua cửa kính đã phát hiện ra anh.

Người đàn ông mở cửa sổ và kéo anh vào trong với sự trợ giúp của một đồng nghiệp. Họ hỏi anh muốn gì ở đây và khi nghe anh kể rằng anh đi cùng với vợ chưa cưới vì vợ anh nhất thiết cần một cuốn hộ chiếu, khi đó họ ra lệnh cho đám đông đang phản đối dữ dội phải nhường đường cho tôi vào. Viên công chức tiếp chúng tôi cực kỳ lịch thiệp và vui vẻ. Chúng tôi được phép ngồi để điền tờ khai. Nhưng tôi còn thiếu tờ giấy khai sinh. Khi tôi hỏi phải chờ bao nhiêu lâu để có được cuốn hộ chiếu, ông ta nói nhỏ: “Ít nhất một năm.”

Marcel im lặng chẳng biết nói gì. Anh nhìn tôi với vẻ không tin. Nhưng tôi thì hiểu ngay viên công chức đó muốn nói gì. Tôi cũng hỏi nhỏ lại: “Thưa ông, chắc chúng ta có thể nói chuyện với nhau được chứ. Lúc nào ông có thời gian?”

“Sáu giờ chiều nay, sau giờ nghỉ, bên cạnh cửa vào Nhà thờ lớn. Bà hãy chờ tôi ở đó,” ông nói với tôi một cách hài lòng vì tôi đã hiểu thông điệp của ông.

“Một năm” có một ý nghĩa khác hoàn toàn, và cụ thể là: “Không bao giờ, trừ khi cô chịu chi.” Tôi đã được ông Phan cảnh báo trước.

Tôi không hề ngạc nhiên mà ngược lại. Đút lót cho viên công chức này có nghĩa là tôi có thể xúc tiến được công việc của mình theo cách tôi mong muốn.

Đúng sáu giờ, tôi gặp ông ta. Chúng tôi đi vài bước cho có vẻ tự nhiên. Tôi hỏi thẳng ông ta xem ông ta muốn bao nhiêu. Ông ta nêu một khoản tiền lớn mà theo ông ta thì còn phải chia cho hai đồng nghiệp nữa.

Chúng tôi hẹn gặp nhau tối hôm sau tại một nhà hàng ở Chợ Lớn. Marcel đưa tôi đến đó, không phải chỉ vì thông lệ là chồng không thể để vợ chưa cưới một mình đi gặp một người đàn ông lạ mà còn vì khoản tiền lớn mà tôi mang bên mình. Biết đâu chẳng có rủi ro tôi bị một tên cướp Bình Xuyên cướp.

Tại bàn ăn, tôi trao cho người đàn ông món tiền ông ta đòi hỏi và tất nhiên tôi thanh toán cả tiền ăn cho ông. Vì tôi hiểu được ngôn ngữ của đồng tiền nên giấy khai sinh của tôi đã được kèm với tờ khai – chỉ sau đó ba ngày.

Lựa chọn nghiệt ngã

Mọi việc dường như được tiến hành một cách hoàn hảo, nhưng lại kẹt ở một chỗ. Sau một vài tuần tôi

hỏi lại viên công chức xem đơn của tôi đã được thụ lý tới đâu. Ông ta khẳng định với tôi rằng việc thụ lý hồ sơ được tiến hành với tiến độ thời gian bình thường và khoảng một tháng nữa sẽ xong. Và người ta sẽ cấp hộ chiếu cho tôi.

Khi tôi cảm ơn và nói rằng tôi rất vui vì có thể cùng với con trai tôi sang Pháp, lúc đó bỗng nhiên ông ta sững lại, tôi nghe ông ta nói những điều làm tôi tê dại hoàn toàn. Những lời của ông ta từ từ ngấm vào đầu tôi như một liều thuốc độc.

“Bà đã đính hôn, hay là sao?”, ông hỏi tôi câu đầu tiên. Tôi gật đầu, vẻ vui mừng và tự hào.

“Và chồng chưa cưới của bà đã nhận con ông ta và đăng ký hộ khẩu cho nó?”, ông ta hỏi tiếp.

“Nó không phải là con anh ta mà là con tôi”, tôi nói một cách ngạc nhiên nhưng tự tin. “Chồng chưa cưới của tôi muốn nhận thằng bé làm con nuôi sau khi chúng tôi đã tới Pháp. Nhưng bây giờ anh ấy đối với thằng bé đã như bố của nó.”

“Bà không thể đưa thằng bé đi cùng được”, ông ta trả lời. “Vì ông bà chưa cưới nhau nên không thể được. Thằng bé phải ở lại đây, không thể nào làm khác.”

Hắn ông ta thấy mặt tôi tái nhợt đi. Tôi luôn luôn đinh ninh rằng mình sẽ có thể cùng con trai rời khỏi đất nước và không có gì vướng mắc, nhưng giờ đây? Giờ đây bỗng dưng tôi phải chia lìa với con tôi? Tôi hoàn toàn không thể hiểu nổi.

“Tôi lấy làm tiếc, tôi nghĩ rằng bà đã biết sự việc.”

Tôi chỉ biết gật đầu nhẹ để cảm ơn. Tôi bị sốc đến nỗi không thể khóc được nữa. Nỗi buồn vô tận kéo theo sự giận dữ và thất vọng vì phải hy sinh quá nhiều.

Giờ đây là cuối tháng Tư 1955 và tôi phải đưa ra một lựa chọn, với tất cả các hệ lụy của nó. Phải chăng là tôi nên để bị tiếp tục cuốn vào vòng xoáy của chiến tranh hay là tôi nên chuẩn bị để phó thác đứa con trai yêu quý của tôi một mình cho số phận?

Tối hôm đó, tôi đến gặp ông Phan với những câu hỏi dày vò và chưa được giải đáp, để ông tư vấn cho tôi.

Một quyết định sáng suốt

Vẫn như mọi lần, ông Phan đón tiếp tôi một cách thân mật. Trong suốt thời gian tôi giải bày, ông không nói một lời nào, chỉ gật đầu. Trước ông tôi không cảm thấy xấu hổ. Tôi không biết làm gì ngoài việc cứ để cho nước mắt tuôn trào. Tôi còn có thể làm được gì nữa?

Ông an ủi tôi và pha cho cúng tôi một ấm chè. Ông mang ra từ trong bếp một đĩa mứt gừng. Rồi ông bảo tôi cho ông biết ngày tháng năm sinh của con tôi. Ông đứng dậy và đi vào một phòng bên cạnh, trong khi tôi nắm chặt chén chè trong tay.

Một lúc lâu sau. Đĩa mút gừng đã hết. Ông quay lại và mỉm cười. Ông đã xem sao chiếu mệnh của con tôi. Rất chắc chắn và đầy sức thuyết phục, ông khuyên tôi để con trai mình lại Sài Gòn. Tốt nhất là liên hệ với một tổ chức tôn giáo để đảm bảo sau này tìm lại được đứa trẻ mà mình tin tưởng giao cho họ. Sao của nó tốt đấy, không có vấn đề gì đâu, ông nói với tôi. Con trai tôi sẽ vượt qua được tất cả một cách an lành.

Tôi không biết chính xác rằng điều gì đã khiến tôi tin ông. Trong thâm tâm tôi cảm nhận được rằng người đàn ông thông thái này đã nói với tôi sự thật.

Như tôi được biết, ông Phan cũng có nhiều mối quan hệ với những người có thế lực và ông cũng được hưởng những đặc quyền nhất định nhờ khả năng cố vấn của ông. Tôi thậm nghĩ rằng một trong những mối quan hệ của ông có thể bổ ích cho tôi trong trường hợp này. Dù sao chẳng nữa tối hôm đó ông cũng đã giải đáp được câu hỏi nóng bỏng của tôi, bất kể là lời khuyên của ông có phải là điều tôi muốn nghe hay không, nhưng đối với tôi số phận của con tôi như vậy đã được định đoạt.

Những bài học loại khác

“Một người bạn là một người mà ta biết và người đó biết ta. Cho dù người đó chẳng làm gì, nhưng vẫn là bạn ta, một khi anh ta chẳng phương hại đến ta. Còn một người bạn tốt là người mang lại cho ta những điều tốt lành.” (Loan)

Khi chúng tôi tiếp tục trò chuyện, ông Phan nói rằng tôi cũng là một người thông thái. Ý của ông muốn nói rằng tôi có nhiều năng khiếu. Tôi phủ nhận một cách rất ngạc nhiên, vì trong mắt tôi, tôi chỉ là một người đàn bà học thức kém cỏi. Một người nhỏ thó như tôi, xuất thân từ một cái làng nhỏ xíu ở tỉnh làm sao lại có được sức mạnh của tri thức? Tuy vậy ông vẫn giữ quan điểm đầy thuyết phục của ông và gợi ý cho tôi để trong thời gian còn lại cho tới khi tôi xuất cảnh, ông truyền lại cho tôi một số kiến thức của ông, với tư cách của một bậc đàn anh. Đối với ông việc này rất quan trọng, như ông nói, ông không muốn để hiểu biết của ông thất truyền.

Đối với tôi đây là một niềm vinh hạnh! Khi tôi hỏi tại sao ông không lựa chọn một thân nhân trong gia đình ông, ông nhìn tôi và nói, không nhất thiết là người nhà mới là người nối dõi con đường kiến

thức, mà phải là một người đã được định sẵn. Tôi chỉ biết đồng ý với ông và chấp thuận. Sẽ không có gì là tổn hại, nếu bằng cách này tôi có thể chuẩn bị sẵn tâm thế cho những tháng ngày sẽ đến.

Rồi tôi được biết ông Phan không chỉ là nhà chiêm tinh học, mà còn là một “Magnétiseur” (thầy thuốc chữa bệnh bằng tâm linh) – và một sứ giả của thần linh. Nhiều lần ông đã sống như ẩn sĩ nhiều tháng liền ở trên núi và đã thu lượm kiến thức của mình qua nhiều năm ở Tây Tạng. Hàng tháng tôi đến chỗ ông nhiều lần, phần lớn là sau khi tôi ghé qua công sở để hỏi về hộ chiếu của tôi. Trong thời gian đó ông giải thích cho tôi tác dụng của một số câu khấn của ông trước khi ông truyền nó cho tôi. Bài giảng chỉ là truyền khẩu, không hề có ghi chép. Tôi phải học thuộc lòng tất cả.

Trước hết tôi học cách tập trung và ngồi thiền cũng như ý nghĩa của sự cân bằng giữa thể xác và tinh thần đối với sức khỏe. Tôi học được dinh dưỡng như thế nào là phù hợp nhất để đạt kết quả của thiền học. Sau đó ông giải thích cho tôi cơ sở của Saman giáo và ý nghĩa của các biểu tượng.

Tất cả đều tác động lẫn nhau. Như tôi ghi nhận được, sự hiểu biết của ông Phan chỉ là một dấu chấm nhỏ xíu trong vòng tròn vô tận, quay chậm nhưng liên tục theo một chiều, theo chiều của cuộc sống và số phận mà người ta hoặc là có thể tác động vào nó một cách thuận lợi hoặc là không. Vì vậy, phải

lựa chọn khắt khe những đối tượng có năng lực để truyền lại sự hiểu biết này. Chỉ có người có “linh hồn đẹp” mới có khả năng tạo ra được ảnh hưởng tốt trên thế giới. Nếu một người nào đó làm một điều xấu thì đó là theo số phận của mình anh ta phải làm điều đó. Đương nhiên nghĩa vụ của một người tốt và của những người có sự hiểu biết như ông Phan là biến điều xấu thành điều tốt. Điều đó có thể làm được thông qua sức mạnh của lời khấn, kèm theo là những nghi lễ nhất định.

Tất cả những gì xảy ra quanh ta đều là vật chất sống động. Chúng ta không ngừng phát đi những tín hiệu thông qua cách cư xử của chúng ta, bằng những lời khấn hoặc những suy nghĩ của chúng ta mà tần số của chúng cả những con thú cũng có thể đón nhận được. Nếu thông điệp hoặc lời cầu nguyện đó đã tới đích hoặc lời khấn đã thấu thì sẽ có câu trả lời hoặc một sự hướng dẫn cho ta, trong một giấc mơ hoặc trong một sự “tình cờ” tích cực bỗng nhiên xảy ra hoặc cũng có thể qua hình hài của một con thú bị chết. Tùy theo con vật nào chết và chết như thế nào hoặc khi sống nó phản ứng ra làm sao, người ta có thể chỉ ra tất cả những điều tiếp theo.

Tôi ngạc nhiên về tính đa dạng của các ứng dụng. Ví dụ ông Phan có thể thông qua những cách thức nhất định tác động vào những đồ vật được nói đến trước đó như mong muốn mà không cần sờ vào chúng. Ông cũng có khả năng bảo vệ người, căn

phòng hoặc tòa nhà trước những điều ác. Thông qua những hình vẽ mà sau này ông đã hủy đi, ông giải thích thêm cho tôi về tác động và trình tự của những lễ nghi mà người ta có thể áp dụng một cách đa dạng. Song song với điều đó ông cũng đọc những ngôi sao xem nó có thuận lợi đối với một công việc nào đó hay không và đưa ra những dự đoán thích hợp.

Điều quan trọng là không sử dụng kiến thức đó để làm giàu cho mình mà chỉ để giúp đỡ những người yếu theo nhu cầu và giữ được sự cân bằng cho môi trường xung quanh một cách lành mạnh. Ngoài ra còn cấm cầu khẩn tổ tiên phù hộ về những việc vụn vặt nhỏ nhen. Kiến thức của ông Phan liên quan chủ yếu tới việc duy trì sự lành mạnh về tinh thần để đảm bảo được một cuộc sống hài hòa trên trái đất.

Nhiều điều gợi lại cho tôi nhớ tới những tập tục thời xưa, khi còn nhỏ tôi thường thấy ở những ông thầy lang. Tôi cảm nhận được rằng những kiến thức này không còn xa lạ đối với tôi và tôi có thể hiểu ông Phan và làm theo những chỉ dẫn của ông một cách dễ dàng. Khi tôi nói với ông, tôi không biết rằng cách khẩn của tôi có đúng không vì tôi chỉ khẩn tổ tiên tôi và khẩn Trời khi tôi muốn xin một điều gì đó, ông trả lời tôi làm như vậy là đúng vì điều đó đến từ tình cảm sâu thẳm của tôi.

Thông qua người thầy này tôi đã nhìn nhận thế giới hoàn toàn khác. Tôi phát hiện trong tôi có

những khả năng tiềm ẩn và để trực giác của tôi phát huy mạnh mẽ hơn.

Như cảm nhận đầu tiên của ông cho thấy rằng tôi xứng đáng là truyền nhân của ông, tôi cần phải nghe theo trực giác của mình và sử dụng nó làm công cụ cho cuộc sống. Điều quan trọng là cần làm những điều tốt, những điều bổ ích và giúp đỡ những người khác.

Tôi thậm biết ơn về việc mình đã được học ở một con người thông thái và sáng suốt như vậy nhiều điều về sức mạnh của đức tin.

Cuộc chia ly ngắn ngủi

Lúc này những sự kiện dồn dập xảy ra. Vẫn trong tháng Năm, đơn vị của Marcel rút cuộc cũng phải rời Việt Nam và được điều trở về Pháp. Chúng tôi hầu như không còn thời gian để suy nghĩ và cân nhắc xem điều gì tốt nhất đối với con tôi. Cũng không có điều kiện để lo thủ tục cho một đám cưới cấp tốc, càng không kịp để lo việc nhận con nuôi. Một cấp trên thiện cận của Marcel thậm chí còn muốn ngăn anh cưới một phụ nữ bản xứ đã có con với một người khác; người ta không hề muốn thấy điều đó ở những người Pháp đã bại trận. Thêm vào đó người ta nói với anh rằng anh còn quá trẻ và ngây thơ, nếu nói về tình yêu thì có thể về nước đã, rồi cân nhắc thận trọng và tìm thời cơ thích hợp sau.

Chúng tôi khẳng định rằng có lẽ chưa kết hôn sẽ tốt hơn đối với tôi bởi vì có nguy cơ sẽ bị phía “bên kia” soi mói và thậm chí hạ sát chỉ vì có dính dáng tới một người nước ngoài thuộc dạng thù địch. Cách phổ tôi không xa người ta đã phát hiện được xác của một đôi bị cửa cổ.

Do vậy chúng tôi quyết định nghe theo lời khuyên của ông Phan và cùng nhau đến văn phòng của một tổ chức cứu trợ Công giáo tại đường Catinat để đăng ký cho con tôi.

Một người châu Âu ghi lại các dữ liệu, Marcel giải thích cho ông ta rằng anh chỉ có thể nhận đứa bé làm con nuôi ở Pháp vì thời gian quá gấp. Con trai tôi được ghi vào danh sách “trẻ mồ côi chờ nhận làm con nuôi”. Tôi sẽ đưa con tới đây sau khi khẳng định rằng không còn điều gì cản trở việc xuất ngoại của mình nữa. Trước khi bàn giao đương nhiên cũng phải nộp một khoản tiền chi phí chăm nuôi đứa trẻ. Chúng tôi ghi nhận điều đó và ra về, trong lòng nhẹ nhõm.

Tuần cuối cùng trước khi con tàu của anh rời bến để về cảng Marseille, Marcel được phép về với tôi. Ban đêm anh ngủ lại chỗ tôi, hoàn toàn suy sụp vì phải rời xa chúng tôi và đất nước này một cách bất ngờ và không chuẩn bị như vậy. Đêm cuối cùng trước khi chia ly, chúng tôi ôm chặt lấy nhau và anh yêu tôi, tưởng chừng như đó là lần cuối cùng.

Sau đó chúng tôi không ngủ tiếp được nữa. Chúng tôi nằm ôm nhau chờ trời sáng. Marcel đưa cho tôi

toàn bộ số tiền anh có để tôi trang trải chi phí cho chuyến đi cũng như địa chỉ của mẹ anh ở Pháp, nơi anh sẽ sống và một bức ảnh nhỏ của bà. Anh hứa với tôi một lần nữa, anh sẽ quay lại đón tôi nếu một mình tôi không qua được Pháp. Anh nhất định sẽ viết thư cho tôi và thông báo với tôi mọi việc tiếp theo. Anh cũng để lại chiếc sơ mi của anh cho thằng bé.

Vào thời điểm đó chúng tôi chưa biết rằng để cầm được cuốn hộ chiếu trong tay lại khó đến mức như vậy. Anh ôm vội tôi lần cuối cùng vào sáng sớm, để lại cho tôi cảm giác đơn độc và trống rỗng vô hạn. Mặc dù chưa biết số phận sẽ đưa đẩy mình tới đâu trong cuộc đời, nhưng tôi vẫn cảm thấy hạnh phúc vì ít nhất chúng tôi cũng đã có thời gian tạm biệt nhau.

Tiếng còi tàu chết chóc

Những tốp lính Pháp rút dần khỏi Việt Nam. Những cảnh tượng kinh khủng và bi đát ngày càng xảy ra thường xuyên hơn. Chiến tranh và hậu quả của nó không loại trừ số phận của những con người dính líu tới nó.

Tại cảng Sài Gòn người ta thấy nhiều tàu thủy, trên lan can tàu có nhiều người lính chen lấn nhau để quay lại nhìn lần cuối và ghi vào tâm trí mình nơi mình rời xa hoặc để gơ tay vẫy chào lần nữa một cô gái đầm đìa nước mắt.

Chia tay không phải là điều hiển nhiên đối với tất cả mọi người. Có một hôm, khi đến hỏi về thời gian chờ đợi để có tàu sang Pháp, tôi chứng kiến một chiếc tàu hành khách lớn chuẩn bị rời bến và kéo lên những tiếng còi trầm, da diết nhớ nhung. Tôi thấy một người phụ nữ trẻ mang thai vượt mặt, đứng trên cầu tàu nhìn lên boong tàu với ánh mắt tuyệt vọng vẻ như đang dò tìm người yêu của mình. Cô tập trung hàng phút tìm trong đám đông trên kia, cho tới khi cô nhìn thấy người mình đang tìm kiếm. Cô gào to và gọi tên anh. Một người lính trẻ lúc này mới để ý và vẫy lại cô liên tục và gọi tên cô. Người phụ nữ trẻ hai tay ôm bụng và gào tên: “Hãy nhìn đây! Thà mẹ con em chết còn hơn là sống không có anh!” Rồi bất ngờ cô lấy đà nhảy ào xuống dòng nước bắn, nổi bọt đục ngầu do chân vệt tàu quay tít bên bến tàu và chìm ngấm.

Người đàn ông trẻ đứng trên boong tàu nhìn thấy rõ cảnh kinh khủng này. Tôi còn nghe tiếng kêu gào tuyệt vọng và nhìn thấy những chiến hữu túm chặt lấy anh không cho anh nhảy theo người yêu của mình.

Không phải chỉ có những linh hồn đáng thương này mới bị chiến tranh hủy hoại. Một người khác, gần gũi với tôi, cũng phải chịu số phận bi đát không kém. Cô nàng Sao A Mung xinh đẹp bị tách rời khỏi anh Jean, không kịp nói lời tạm biệt. Vào một hôm, Jean bị dùng vũ lực đẩy lên một chiếc máy bay đưa

anh đi xa cô mãi mãi. Sau đó Sao A Mung mất trí. Mỗi lần nhìn thấy máy bay bay qua trên đầu chúng tôi, cô lại lăn xuống đất và gào khóc một cách tuyệt vọng: “Jean! Avion! Jean!” Cô chỉ còn là một cái bóng của chính mình. Quá yếu đuối để có thể quên sinh, cô để mình rơi vào trạng thái điên dại, trống rỗng và vô cảm.

Món quà sinh nhật

Mấy tháng trời trôi qua, cuộc sống của tôi cũng không dễ dàng hơn chút nào. Tôi vẫn chờ cuốn hộ chiếu của mình, mặc dù tôi đã trả lệ phí cấp hộ chiếu từ cuối tháng Năm, nhưng tất cả dường như vẫn bất động. Mỗi một lần, những công chức phụ trách lại nêu lý do trì hoãn khác nhau. Luôn luôn phát sinh những “lệ phí” mới và tôi đã phải bỏ ra vô số từ khoản tiền tiết kiệm của mình để chi cho việc này.

Trong khi một phần của thế giới bận tâm tới đề tài chủ nghĩa thực dân và nạn phân biệt chủng tộc thì tại đây, ở miền Nam người ta bắt đầu bắt giam và tống vào trại rất nhiều người bị tố cáo là “cộng sản”. Mọi nơi đều lo ngại và bất an.

* Máy bay (tiếng Pháp)

Phần tôi thì lại còn thêm một rắc rối nữa là tôi lại đã mang thai. Nhất thiết phải có một điều gì đó xảy ra, vì với tư cách một bà bầu tôi hoàn toàn không có cơ hội xuất ngoại.

Trong những bức thư của Marcel mà trong đó anh bày tỏ tình yêu đối với tôi, anh luôn sốt ruột hỏi về tình hình giấy tờ của tôi. Anh không thể hiểu nổi vì sao mọi việc lại lâu như vậy. Anh cũng viết tiếp cho tôi rằng anh phản đối ý kiến của mẹ anh vì bà đang có kế hoạch khác với anh.

Anh cũng thông báo vẫn tất với tôi rằng có nhiều khả năng không lâu nữa anh sẽ phải sang An-giê-ri. Tại đó Pháp đang dính vào một cuộc chiến tranh thực dân mới.

Tôi nhờ một người quen dịch những lá thư của mình ra tiếng Pháp. Tôi kể với Marcel rằng tôi đang ở thế kẹt như thế nào. Tháng Chín tôi lại nhận được tin của anh.

Anh vui mừng vì sắp được làm bố. Kỳ nghỉ phép của anh giờ đây đã kết thúc, đầu tháng Mười anh sẽ phải sang An-giê-ri. Anh cho tôi địa chỉ để tôi gửi thư cho anh và để anh bố trí người đón tôi tại Pháp nếu tôi còn có cơ hội xuất ngoại.

Ông Phan hỗ trợ tôi hết mình. Ông đảm bảo chắc chắn rằng thời điểm thuận lợi cho việc xuất ngoại của tôi sắp đến. Ông thường xuyên khấn tất cả những vị thần linh nhân từ giúp đỡ và phù hộ. Tôi đang khấn thiết cần những điều này trong hoàn cảnh của mình!

Đây là giai đoạn bất ổn và đầy căng thẳng trong đời tôi, cứ luôn chờ đợi một tin tích cực từ phía một viên công chức có thiện chí. Nhưng mọi điều đều diễn ra trái với mong mỏi của tôi. Trong phố, tôi tình cờ gặp một người phụ nữ đứng tuổi, một người quen thân của ông Phan, ở trên đường. Bà ta tên là Thốt. Thỉnh thoảng chúng tôi cùng nhau uống chè ở chỗ ông Phan. Tôi nghe kể là bà sở hữu vô số tòa nhà ở nhiều khu phố khác nhau. Bà không chỉ giàu mà còn có thế lực. Giờ đây tôi đang đứng trước mặt bà và chúng tôi chào hỏi nhau một cách thân mật.

Bà rất ngạc nhiên, hầu như không thể tin được khi nhìn thấy tôi, bà hỏi: “Cô bé, cô vẫn chưa đi à? Tại sao thế?”

Tôi nói với bà rằng tôi chưa có hộ chiếu. Bà lắc đầu và giơ một ngón tay rồi cùng tôi lên một chiếc xe xích lô để đến tòa công sở. Người ta để chúng tôi đi qua ngay lập tức và tôi nhận thấy rằng khi chúng tôi bước vào tòa nhà, nhiều viên chức đã cúi đầu kính cẩn trước người phụ nữ này. Bà đòi tôi chỉ ngay cho bà viên công chức chịu trách nhiệm về việc của tôi. Bà đến thẳng chỗ ông ta và hỏi với giọng bình tĩnh: “Xin hỏi giấy tờ của cô này ở đâu?”

Tôi đứng đó, trong thâm tâm rất hồi hộp và khá ngượng ngùng. Lúc đầu tôi không tin vào điều mà mắt mình nhìn thấy. Không nói một lời nào và không chần chừ, người đàn ông cúi mình và lấy từ trong ngăn bàn của ông ra một cuốn sổ màu đỏ: cuốn hộ

chiếu của tôi! Ông ta vội vã đóng dấu vào đó, ký tên và đưa cho tôi. Người phụ nữ đứng tuổi cảm ơn và kêu tôi theo bà ra ngoài, đến chỗ chiếc xích lô đang chờ chúng tôi.

“Xong rồi, cô bé”, bà nói một cách vui vẻ với tôi, “giờ thì cô có thể lo thu xếp chuyển tàu cho cô rồi. Tôi chúc cô mọi điều tốt lành.”

Tôi chân thành cảm ơn bà. Khi tôi hỏi tại sao bà không ra nước ngoài, bà nói với tôi rằng bà đã quá già, không còn muốn xuất ngoại nữa rồi. Bà còn trả tiền xe và chúng tôi chia tay nhau. Từ giờ phút đó tôi mang mãi trong tim lòng biết ơn sâu sắc đối với bà và hành động nghĩa hiệp của bà.

Tôi chắc chắn rằng những lời khẩn của ông Phan đã thấu và Trời đã đưa bà đến cho tôi. Khi về tới nhà và tự hào ngắm nhìn cuốn hộ chiếu của mình, tôi thấy đề ngày Mồng ba tháng Mười 1955, ngày sinh nhật đầu tiên của con trai tôi.

Khóc đau cần nước mắt

Tôi tiếp tục nghe lời khuyên của ông Phan và ngay sau đó tôi đến chỗ Tổ chức cứu trợ Công giáo để hỏi xem tôi phải làm gì. Chẳng mấy chốc, trở ngại tiếp theo đã hiện ra trước mắt tôi.

Khoản tiền mà tôi phải trả để con tôi được chăm nuôi ít nhất một năm lớn hơn nhiều so với tổng số

tiền tôi còn. Nó cũng vượt quá giá trị của số đồ trang sức của tôi, và tôi cũng còn cần tiền cho chuyến đi bằng tàu thủy của tôi nữa.

Tôi lại được giúp đỡ. Không đắn đo, ông Phan cho tôi vay số tiền cần thiết. Tôi có thể trả lại ông lúc nào tôi muốn và đương nhiên là chỉ hoàn trả nếu tôi có điều kiện. Đối với tôi ông đúng là còn hơn cả một người anh lớn. Như vậy rào cản này cũng đã được giải quyết. Vì không ai có thể nói chính xác với tôi bao giờ tôi có một chỗ trên những chuyến tàu thường là kín hết chỗ nên giờ đây đã đến lúc tôi phải chia lìa với con trai tôi. Vẫn trong tháng Mười, một buổi sáng tôi cùng với con tôi đến Tổ chức cứu trợ. Cũng như thường lệ, đêm hôm trước con trai tôi trần truồng ngủ thiếp đi trong vòng tay đầy tin tưởng của tôi, tôi cảm nhận làn da ấm và dịu dàng của nó trên làn da tôi. Tôi nhẹ nhàng đứng dậy và ngắm nhìn nó hồi lâu dưới ánh đèn của ngọn đèn ngủ, nhìn nó nằm đó, hơi thở thật nhịp nhàng. Nó còn quá bé bỏng, còn quá phụ thuộc vào tôi. Nó là một phần của chính bản thân tôi! Hôm đó trời mưa to lắm và tôi nghĩ rằng trời đưa tiễn chúng tôi bằng những giọt nước mắt.

Thời gian sau đó tôi thường xuyên mơ về thời điểm phải bàn giao con trai. Một bà xơ người châu Âu thân thiện bước vào căn phòng chúng tôi đang ngồi chờ, một nụ cười nhẹ nở trên làn môi, đôi bàn tay giơ về phía con tôi, đợi chờ.

Tôi xếp lại chiếc dây chuyền của con tôi cho ngay ngắn, trên đó có đeo cây thánh giá nhỏ của cô Bè và tôi ngắm nhìn thằng bé lần cuối cùng. Cặp mắt đen, cái cằm vuông, nốt ruồi trên đuôi mắt bên phải... Tôi nhắm mắt và cà mũi lên trán nó để ghi nhớ cái vị thơm ngọt của nó và thì thào với nó những lời mà nó chưa hiểu được:

“Mẹ phải đi đây. Con ngoan nhé! Sau này mẹ sẽ đến đón con! Tổ tiên chúng ta phù hộ cho con!”

Nó hồ hởi như thường ngày và không hiểu được cái gì đã xảy ra. Khi bà xơ đón nhận nó từ tay tôi một cách triu mến, nó không khóc. Tôi cũng vậy. Tôi không khóc nổi. Trái tim tôi bỗng nhiên trống rỗng.

Nhân chứng của hạnh phúc

Giờ đây ngày nào tôi cũng ra cảng để hỏi xem có chỗ trống cho tôi không. Đầu tháng Mười một, người ta thông báo với tôi rằng có một bà vừa hoãn chuyến đi của mình và vì thế tôi có thể thế chỗ của bà ta. Và lần đầu tiên hộ chiếu của tôi được đóng dấu xuất cảnh với thời hạn hai tuần. Giờ đây thời gian chỉ tính bằng ngày. Giữa lúc đó, chồng chưa cưới của tôi thông báo sẽ có một cha cố quen biết đón tôi tại cảng Marseille và dẫn tôi đến đứng con tàu đi Tours. Tôi cần phải gửi điện báo cho anh ngay khi tôi biết là mình sẽ đi con tàu nào. Tôi

cũng đã làm việc đó và hy vọng rằng giờ đây tất cả mọi việc sẽ trôi chảy. Một lần nữa ông Phan lại chủ động cho tôi tiền để khi đến một đất nước xa lạ tôi không đến nỗi không có đồng nào dính túi. Rồi chúng tôi cùng đi ăn một lần nữa. Và cuối cùng chúng tôi chia tay nhau. Tôi hứa với ông sẽ mãi trân trọng những kiến thức mà ông đã tin tưởng truyền lại cho tôi và ông khẳng định với tôi tình bạn vĩnh cửu của mình.

Sắp đến ngày đi, tôi đến một ngôi chùa ở Chợ Lớn, đó là ngôi chùa do những người nhập cư từ Quảng Đông xây dựng từ thế kỷ trước để thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu, vị nữ thần biển Trung Hoa phù hộ cho những người thủy thủ. Trong chùa này còn đặt hai bức tượng của Kim Hoa Nương Nương nữ thần sinh nở và Long Mẫu Nương Nương, nữ thần của trẻ sơ sinh và bà mẹ.

Trong hương thơm của những vòng hương khổng lồ treo trên trần, tôi khấn vái và xin xá tội cho tôi vì giờ đây tôi phải lìa xa con tôi và đất nước tôi. Tôi cầu khẩn được phù hộ và đứng lặng một phút để chia tay với tổ tiên tôi và mẹ tôi – cội nguồn của tôi.

Một chiếc va li nhỏ đủ để chứa tài sản của tôi, trong đó có một chiếc khăn trải bàn thêu bằng tay rất đẹp cũng như một bộ đồ pha chè bằng sứ tuyệt hảo nhất. Đó là món quà tôi dành cho mẹ chồng tương lai của tôi.

Ngày 10 tháng Mười một 1955, khi những ánh bình minh đầu tiên vừa bùng lên ở chân trời, tôi gọi một chiếc xích lô để đi ra cảng.

Để giấu cái bụng mang thai của mình và để tự vệ trong trường hợp bị cướp và bị dao đâm, tôi dùng vải cứng quấn quanh người. Mái tóc ngắn của tôi được sấy quăn như ảnh những người mẫu châu Âu treo trong các tiệm làm đầu trong thành phố. Tôi đã đổi chiếc áo dài của tôi lấy một chiếc váy và áo sơ mi, bên ngoài tôi khoác một chiếc áo khoác mỏng để tạo cho mình dáng vẻ “văn minh”. Tôi đã sẵn sàng!

Nhiều người tụ tập trên bến gần chỗ con tàu đỗ để chia tay nhau. Tôi đi nhanh qua chỗ họ, bỗng dừng tôi tưởng như đứng tim, sống lưng tôi lạnh toát! Tôi nhìn thấy một người đàn bà đứng trước tôi, bà ta quay lại sau khi giơ tay vẫy một người nào đó, người đàn bà này thì tôi biết quá rõ: Bà cô tôi đứng đó, ném ánh mắt vào tôi.

Bà hầu như không thay đổi mấy. Nét mặt cứng rắn của bà không có thêm một nếp nhăn nào so với thời trước. Những quầng tối, sâu dưới cặp mắt đen và lạnh lùng của bà vẫn còn đó. Chỉ có màu xanh sẫm của chiếc áo dài nhàu nát của bà làm cho bà có vẻ thân thiện hơn một chút. Bà ta đứng lại.

Việc gặp lại con người này trong tình huống này, hoàn toàn bất ngờ, làm tôi bủn rủn đầu gối. Lần đầu tiên sau một thời gian dài tôi mới lại nhớ tới cảm

giác thế nào là sợ. Nỗi thất vọng đã kìm nén cảm giác này của tôi từ lâu.

Gặp tôi ở đây, cô tôi cũng bất ngờ đúng như tôi vậy. Cô là người đầu tiên lên tiếng: “Mày mà cũng ở đây? Đừng có nói mày là hành khách trên chuyến tàu này nhé! Làm thế nào mà mày đi được?” Tôi kìm nén và trả lời cũng bằng giọng cứng nhắc như cô, tay chỉ về phía những hành khách ở phía trước:

“Cháu đã làm đúng những gì những người khác ở đây làm!” Tôi bước những bước chân cứng cỏi qua mặt cô và đi về phía cầu lên tàu, không nhìn cô nữa. Tôi cảm nhận được ánh mặt ngờ vực và ghen tị của cô ở sau lưng tôi.

Sau này tôi thường hỏi tôi, ông Trời có ý định gì đây nhỉ. Tại sao chính người đàn bà độc ác đó lại phải là nhân chứng cho chuyến ra đi của tôi? Liệu bà ta một ngày nào đó có kể với thành viên gia đình tôi về việc này không? Hay đây là một hình phạt đối với bà khi nhìn thấy tôi trên con tàu này, ra đi đến với tự do, trong khi bà phải ở lại đây? Tôi không bao giờ tìm được câu trả lời.

Khi còi tàu rú lên và con tàu bắt đầu từ từ rời bến, tôi đứng trên boong. Tôi nhớ lại trò đùa tôi đã làm với Hiền, hai chúng tôi đã thổi vào miệng chai, giả làm tiếng còi tàu thủy. Và tiếp sau đó những kỷ niệm lướt qua đôi mắt bên trong của tôi như một bộ phim.

Tôi đã để lại đây, tại Việt Nam, một phần của chính bản thân mình, trong khi cái thai đang quấy

đạp trong bụng báo hiệu rằng không bao lâu nữa,
một phần khác của tôi sẽ nảy mầm tại một phương
trời xa lạ.

C h ư ơ n g
b ố n

Những thế giới khác nhau

Biển sâu sóng cả

Tôi vô vọng cố gắng để làm quen với chuyển động chao đảo của con tàu theo các đợt sóng lên xuống, kể cả trên boong tàu lẫn trong căn buồng bé xíu, không có cửa sổ của mình. Tôi phải ở cùng buồng với người đàn bà mà cô tôi vẫy tay chào trước đó. Người tôi nôn nao. Tôi bị say sóng. Tôi khổ sở đến điên cuồng vì sóng biển dữ dội, không có thứ gì và không có ai giúp được tôi.

Hai hôm sau đó, vào ngày mười hai tháng mười một, khi chúng tôi cập bến ở Sing ga po lần đầu tiên tôi mới hết nôn. Tôi lên bến cảng, đi đi lại lại trên cầu tàu. Rốt cuộc thì đã có khí trời, tôi khoan khoái hít thở sâu như đang có một đặc ân. Ý nghĩ về chuyến vượt biển dài lênh đênh trước mắt khiến lòng tôi đầy sợ hãi. Tuy nhiên cảm giác hạnh phúc được có mặt trên con tàu này vẫn còn lớn hơn nỗi dằn vò mà tôi phải chịu đựng.

Mấy ngày sau đó chúng tôi đến Columbo ở Ceylon. Tại đây tôi đi chụp ảnh và gửi tấm ảnh được tráng rửa ngay sau đó sang An giê ri cho vị hôn phu của tôi. Nó là một tín hiệu về tôi để mang lại niềm vui cho Marcel. Bây giờ anh ấy có thể nhìn thấy là tôi đang trên đường sang châu Âu!

Cả ngày lẫn đêm tôi giữ khư khư tấm hộ chiếu và tiền nong bên người để tránh bị mất cắp. Người đàn bà cùng cabin với tôi thường xuyên có mặt



Bà Loan khi vừa xuống tàu tại Columbo, Ceylon (trên đường đi Pháp năm 1955). Bà chụp tấm ảnh này để gửi cho cha của tác giả khi đó ở Algeria.

chỗ người quen ở trên cùng hành lang. Đến tối muộn tôi vẫn còn nghe tiếng họ sát phạt chơi bài ba quân.

Bởi phần lớn thời gian phải tìm cách để khắc phục cơn say sóng nên tôi không tham gia vào các bài tập chống tai nạn trên biển. Hậu quả của việc này là sau buổi tập đầu tiên có hai thủy thủ xuất hiện ở chỗ tôi. Sau khi gõ cửa và không thấy tôi động tĩnh gì, họ đập cửa xông vào. Họ thông báo cho tôi biết việc tập luyện là nghĩa vụ và tôi bắt buộc phải tham gia. Tôi vẫn nằm yên, người mệt lả và mặt mày tái nhợt. Tôi trả lời họ một cách khó nhọc:

“Tôi chẳng thiết đến mấy bài tập của các ông! Nếu có phải chết thì tôi sẽ chịu chết! Các ông đừng để ý đến tôi, xin cứ để cho tôi yên!” Hai người thủ thủ chung hững rời khỏi cabin của tôi và chẳng bao giờ quay lại nữa.

Từ một tuần con tàu của chúng tôi đi trên biển Ả Rập, với đích là Dschibuti ở vịnh Aden. Những đợt biển động khiến tôi không còn ăn được một tí gì nữa. Tôi bắt đầu mất trọng lượng. Chúng tôi hy vọng chẳng mấy chốc sẽ lại có thể được đặt chân trên đất liền.

Vào một ngày biển lặng hơn tôi liều đi lên boong tàu, ở đó tôi thấy một nhóm người nhỏ đứng cạnh thuyền trưởng, mắt trân trân nhìn xuống biển qua thành tàu. Có người kể lại người ta vừa mai táng

trên biển thân thể nhỏ xíu của đứa trẻ để non trên tàu trước đó.

Buồn bã tôi quay trở lại cabin của mình. Bây giờ tôi bắt buộc mình ăn một thứ gì đó, cho dù đó chỉ là lát bánh mì đã khô cứng.

Một chuyến rong chơi ngắn

Ở Dschibuti rốt cuộc tôi được lên đất liền. Tôi cảm thấy thật thỏa mãn. Tàu dừng ở bến cảng mấy tiếng và như vậy tôi cho phép mình có một đợt giải lao dài hơn thường lệ. Sau khi đã nuốt chửng cả một suất cá mòi nướng khổng lồ, tôi quyết định đi tham quan các dãy phố mua bán.

Suốt thời gian tôi cứ lượn đi lượn lại, đắm chìm trong bao ấn tượng ập vào mình. Chỉ đến khi có một tiếng còi tàu vọng đến từ rất xa tôi mới giật mình choàng tỉnh – đấy chính là con tàu của tôi! Hoảng hốt tôi quay ngoắt lại, tuy nhiên chẳng ai có thể hay tỏ ra muốn hiểu tôi. Thay vào việc chỉ đường cho tôi đến hải cảng, những người buôn bán lại tiếp tục chào hàng và tìm cách túm chặt lấy cánh tay tôi. Cuối cùng tôi chọn bừa một hướng để trở lại tàu.

Tim tôi đập thình thịch lên tận cổ và người tôi ướt đầm mồ hôi khi tôi nhìn thấy một chiếc xe Jeep với hai thủy thủ. Tôi tuyệt vọng vẫy bằng cả hai cả

tay ra hiệu và đã gặp may: Họ đã dừng xe lại. Tôi bắt chước tiếng còi tàu và chỉ vào đồng hồ treo tay của họ.

Hai người thủy thủ hiểu ngay lập tức và cho tôi lên xe. Như tôi đã đoán từ trước, họ đi ngược với hướng mà tôi chọn trước đó. Sau những phút đầy lo lắng, cuối cùng chúng tôi đã đi đến bến cảng. Thở phào nhẹ nhõm, tôi hôn lên má hai người thủy thủ theo yêu cầu của họ, trước khi họ mang tôi tới tàu. Chỉ một lát sau đó tàu nhổ neo.

Lại thêm một lần nữa tôi đã gặp may! Tuy nhiên chuyến rong chơi mạo hiểm ngắn đã để lại hậu quả, tôi quyết định từ nay cho đến khi cập bến ở Marseille sẽ không rời khỏi con tàu nữa.

Làm ơn phải tội

Chúng tôi bỏ lại Biển Đỏ ở phía sau và đi qua kênh đào Suez rồi cập bến ở Port Said. Tôi cảm thấy thật nhẹ nhõm khi chặng hành trình tiếp theo ở Địa Trung Hải diễn ra yên ả hơn nhiều. Và rốt cuộc: Vào ngày 1 tháng Mười hai năm 1955 tàu đã cập bến ở Marseille! Tôi đã đạt được mục tiêu của mình, tôi đã đến nước Pháp!

Một cách kiên nhẫn tôi nhập vào hàng người đứng trước nơi kiểm tra hộ chiếu. Mặc dù chúng tôi đứng sát nhau, tôi vẫn cảm thấy thời tiết lạnh lẽo

như thế nào. Bất giác tôi nhớ về những ngày giá rét ở miền Bắc Việt Nam.

“Bonjour, Madame!”, người cảnh sát cửa khẩu chào tôi một cách thân thiện. Ông ta mỉm cười, đóng dấu vào hộ chiếu của tôi và cho phép tôi đi tiếp.

Tôi đứng đợi tại sảnh chờ, tim đập thình thịch trong lồng ngực. Bây giờ thì sẽ rõ liệu Marcel có cho người ra đón tôi hay không. Sau ít phút một người đàn ông dáng người tròn trĩnh, da tái xanh, nhưng toát lên vẻ thiện cảm, cầm một tấm ảnh trên tay đi thẳng đến chỗ tôi và chỉ cho tôi người chụp trên ảnh – chính là tôi. “Xin lỗi, có phải cô là người phụ nữ này? Vợ đính hôn của Marcel?” Đây là vị mục sư đã được báo trước trong thư; một thầy giáo cũ của Marcel đã nhờ ông đi đón tôi và đưa tôi đến đúng chuyến tàu về Tours.

Ông cho va li của tôi lên xe và chở tôi ra nhà ga. Ở đó ông mua giúp tôi vé tàu bằng tiền do tôi đưa. Ông giải thích cho tôi rằng đến Lyon thì tôi phải đổi tàu.

Sau khi ông đưa tôi lên một khoang trống trên tàu, tôi hỏi ông tiền công cho việc giúp đỡ tôi là bao nhiêu. Ông chỉ lắc đầu một cách nhã nhặn.

“Chắc chắn là cô sẽ còn phải cần tiền”, ông nói trước khi chúc tôi mọi điều tốt lành và chia tay.

Con tàu vừa chuyển bánh thì có bốn người phụ nữ trẻ vào ngồi ở chỗ tôi. Chúng tôi trò chuyện với nhau và chẳng mấy chốc thì tôi biết họ làm nghề

mại dân. Họ trên đường đến Paris. Họ hỏi liệu tôi có muốn làm việc cùng với họ ở đó như một thứ “của lạ” hay không. Chắc chắn là tôi sẽ kiếm được tiền... Khi nhận thấy chẳng ăn thua gì thì họ để cho tôi yên.

Ở Lyon tôi xuống tàu. Bởi không biết phải đi tiếp bằng tàu nào, tôi hỏi một người lính trẻ đứng trên ga. Được tặng một ổ bánh mì có nhân thịt to tướng, anh ta dẫn tôi đến đường ray đúng. Khi tôi hỏi liệu tôi có thể trả tiền để đền ơn anh ta hay không, người lính gạt đầu. Bởi tôi chưa biết cách tính tiền Pháp, tôi đưa cho anh ta hai nghìn trong số mười lăm nghìn đồng Franc mà tôi mang theo người.

Người lính trở mặt, nhưng không hề do dự, cầm số tiền và biến mất tăm ngay. Mãi về sau này tôi mới biết là sự giúp đỡ của người đàn ông trẻ này đã gây cho tôi một thiệt hại lớn chừng nào.

Lửa và băng giá

Lúc ấy đã là vào đầu giờ chiều, khi tàu của tôi vào nhà ga chính ở Tours. Trong chuyến đi dài tôi đã ngắm nhìn phong cảnh một màu nâu xám tro trụi của quê hương mới, rồi sau đó đắm chìm vào một giấc ngủ sâu.

Chỉ khi con tàu phanh rít lại tôi mới bừng tỉnh dậy. Một giọng phụ nữ đơn điệu vang lên từ các loa phóng thanh: “Tours! Tours!”

Tôi xuống tàu và dỗi mắt tìm người đàn bà chẳng mấy chốc sẽ trở thành người mẹ chồng của tôi. Tôi cảm thấy những cái nhìn ngạc nhiên và tò mò hướng về phía mình - ở chốn này có lẽ tôi là người phụ nữ châu Á duy nhất.

Chẳng mấy chốc thì tôi phát hiện ra bà. Bà chờ ở phía đầu đường ray. Khi nhìn thấy tôi, bà lập tức đến ngay chỗ tôi. Trong lúc tiến lại gần nhau, người nọ quan sát người kia.

Bà có dáng người cao dong dong, lưng thẳng cứng, bước đi toát lên vẻ kiêu hãnh. Bộ váy áo được chăm chút cẩn thận vừa như in. Vỉu đầm của bà hợp không chê được với bộ váy áo. Mái tóc màu nâu sáng cắt ngắn và uốn cong theo phong cách tân thời làm tôn những nét tinh tế trên gương mặt bà. Đôi môi bà bất động, còn ở cặp mắt của bà thì tôi không dám chắc chúng có màu diệp lục hay màu nâu. Đằng nào thì chúng cũng toát lên một vẻ lạnh lùng. Liệu đây có phải là một vẻ đẹp “tư sản” đích thực?

Cái nhìn của bà khiến tôi cảm thấy còn nhỏ bé hơn cả so với chiều cao một mét bốn mươi lăm trong thực tế của mình. Tôi cảm thấy mỗi mét vì chuyển đi dài và vì cảm xúc xáo trộn. Áo quần của tôi nhăn nhúm, chiếc va li nhỏ lồi lõm do bị va đập. Có nghĩa là tôi thật khác với người đàn bà đang tiến lại gần mình. Và tôi lại đang có thai nữa!

Tôi đặt va li xuống đất và tặng bà một nụ cười đầu tiên thân thiện. Nhưng động tác ôm hôn mà tôi

chờ đợi từ bà đã không đến. Người đàn bà cao hơn tôi gần hai cái đầu này đứng trước tôi, với một nụ cười khách khí. Bà chỉ chìa tay về hướng tôi và giữ một khoảng cách hết tầm sải tay cho phép.

“Chắc hẳn cô là Jacquie. Cuối cùng thì cô cũng đã tới đây. Cô có nói tiếng Pháp không? Cô có hiểu được tôi không?”

Ngạc nhiên vì bà gọi tôi là “Jacquie” và hơi có cảm giác bị uy hiếp bởi khoảng cách mà bà tạo ra, tôi gật đầu xác nhận.

“Tôi là mẹ của Marcel. Cô có thể gọi tôi là Paulete. Con trai tôi đã kể bao nhiêu điều về cô! Và tôi chỉ nghe toàn là những điều tốt đẹp!”

Một cách thẳng đuột, như tính cách của tôi vẫn vậy, tôi không thể nén được câu trả lời: “Tôi biết mà, tất cả những điều đó có hết trong các thư gửi cho con trai bà.”

Tất nhiên đây là một khởi đầu tồi tệ. Da mặt bà ngay lập tức ửng đỏ. Sau đó bà nói tiếp một cách kiêu ché:

“Con trai tôi đã thuê một căn hộ vùng nông thôn nằm ở ngoài thành phố cho cô. Cô có biết không, thật chẳng dễ dàng gì để có thể tìm được chỗ ở cho một người như cô. Đây là một tình huống rất khó xử, và tôi thì chẳng muốn làm phiền toái gì đến ai cả. Nhưng mà bây giờ thì đành nào cô cũng đã đến đây. Hôm nay tôi sẽ mang cô đến khách sạn. Đáng tiếc là tôi không thể để cô tá túc trong căn hộ của tôi, bởi

vì màu da của cô sẽ gây kinh động. Tôi muốn tránh không để người ta nhìn thấy cô ở chỗ tôi, đặc biệt là trong tình trạng này!”

Bà ném cái nhìn lên chiếc áo khoác giấu khá tốt cái bụng chứa của tôi.

Và như vậy chúng tôi đi đến khách sạn ở trung tâm thành phố mà không nói tiếp lời nào. Bà dẫn tôi đến tận phòng và hẹn gặp lại vào ngày mai, sau đó lên taxi trở về nhà.

Tên gọi nào thì cũng vậy

Vì đã mệt lử nên tôi ngủ thật say. Vào sáng hôm sau âm thanh giao thông của thành phố giờ sáng sớm đã đánh thức tôi dậy. Tại một phòng ăn sáng nhỏ, một người bồi bàn toát lên vẻ thân thiện mang đến cho tôi cà phê sữa và hai chiếc bánh Croissant với mứt. Tôi ăn hết tất cả và đặt thêm một phần y hệt – bụng tôi đang đói ngấu ngiến.

Một lát sau thì Paulette đến. Tôi trả tiền phòng, rồi chúng tôi lên một chiếc taxi đang chờ. Chúng tôi rời thành phố và đi qua một số ngôi làng nhỏ, sau một tiếng thì chúng tôi đến một nông trại cũ kỹ nằm ở một nơi hoàn toàn hẻo lánh. Nó đã bị để hoang phế từ bấy đời tám hoành nào. Nông trại gồm một toà nhà chính, nơi ở của chủ nông trại, và một ngôi nhà ngang nhỏ, trước đây được dùng làm

nhà kho chứa nông cụ. Vậy ra đây sẽ là chốn ở mới của tôi!

Một người đàn bà trung niên béo tốt, má đỏ au, bước ra chào chúng tôi. Bà ta là chủ cho thuê nhà. Paulette đã giải thích cho tôi rằng Marcel đã trả trước tiền thuê nhà cho cả một năm. Bà góa chồng. Bà không hề tìm cách giấu diếm sự ngạc nhiên của mình về vẻ ngoài của tôi. Sau khi nhìn tôi chòng chọc từ mọi phía, bà nói rằng chưa bao giờ nhìn thấy một người phụ nữ châu Á.

Trên lối vào căn hộ của tôi, chúng tôi đi qua một chuồng lợn cũ. Căn hộ thực ra chỉ là bốn bức tường với một tấm vách ngăn ở giữa, mái nhà và mấy cửa sổ nhỏ. Marcel đã mang tới đây hai chiếc giường xếp mỏng và đặt sẵn một túi ngủ lên một chiếc giường. Một chiếc bàn gỗ với một chiếc ghế, một lò sưởi nhỏ khiến tôi nhớ đến cơn lạnh khủng khiếp và một chiếc tủ thấp nhiều ngăn là toàn bộ đồ gỗ. Không có bếp. Cầu tiêu nằm ở bên ngoài.

Ánh mắt tôi chạm vào mô hình một ngôi chùa màu đỏ tuyệt đẹp đặt trên chiếc tủ. Khi tôi lại gần để nhìn rõ hơn, Paulette nói:

“Con trai tôi làm cho cô đấy. Để cho cô có một kỷ vật về đất nước mình.”

Tôi cảm thấy xúc động. Marcel còn lắp cho tôi một cái bàn thờ, đó là cả một tác phẩm nghệ thuật được ráp lại từ hàng bao nhiêu mẫu gỗ. Cho dù nơi ở mới của tôi không hề có một chút tiện nghi nào thì

tối thiểu tôi đã có một thứ giúp cho mình chịu đựng được thời gian ở chốn khỉ ho cò gáy này.

“Củi đốt thì cô có thể mua ở chỗ tôi”, người đàn bà thông báo cho tôi, ánh mắt lóe lên. Cả Paulette cũng run lên vì rét và kéo chiếc áo khoác bó sát hơn vào bộ váy áo sang trọng ở bên trong. Bà giải thích rằng tôi có thể đến ở làng bên cách đây “chỉ” khoảng ba cây số để mua bánh mì. Ở đó cũng có một phòng khám bác sĩ. Ngoài ra những người buôn bán lưu động cũng đều đặn rẽ qua nông trại để rao bán các thực phẩm thiết yếu nhất. Khi cần thiết thì tôi có thể gọi xe taxi để đi đến Tours.

Bà hỏi liệu tôi có hài lòng với căn hộ không. Khi tôi gật đầu không hề do dự, bà hầu như không giấu nổi sự ngạc nhiên. Làm sao mà bà có thể biết được điều tôi đang nghĩ. Có bao thứ tôi từng trải qua, có biết bao đêm tôi đã ngủ trong cảnh màn trời chiếu đất. Tôi chỉ cần nhớ đến những điều đó. Còn cuộc sống dư dật mà về sau này tôi cũng từng có được ở quê hương thì từ lúc này trở đi tôi phải gạt hẳn ra ngoài ký ức. Từ nay tôi và con tôi bắt đầu một cuộc đời tự do, và chỉ có điều này mới đáng kể! Tôi cảm thấy hài lòng thực sự.

Bà chủ nhà vội vã quay trở ra, khi từ phía nhà bà vang lên tiếng khóc của một đứa trẻ. Paulette trao cho tôi địa chỉ của bà – chỉ là cho trường hợp khẩn cấp, như bà nói. Bà lại chìa tay cho tôi: “Thôi... tôi phải đi đây. Xe taxi đang chờ. Tạm biệt, Jacques.”

“Xin cảm ơn về sự giúp đỡ của bà. Nhưng tôi tôi tên là Loan, không phải Jacquie”, tôi trả lời.

“Humm, cô biết không, Marcel thường vẫn kể với tôi về quán bar của cô có tên là ‘Chez Jacquie’. Cô là chủ quán ở đó mà, có đúng vậy không? Cái tên Jacquie nghe hay hay và tôi thấy thích hơn là tên kia. Mà đằng nào thì tôi cũng chẳng nhớ nổi nó”, bà đáp lại, giọng ngọt như mật ong.

Tôi đoán là cãi nhau với người đàn bà ngang ngược này chỉ tốn công vô ích. Bà ta lên taxi, và tôi vẫy tay chào. Tôi quá hiểu là bằng cách đó bà ta muốn đối chất tôi với một phần quá khứ của mình.

Nhưng mà bà ta nào có hay biết gì về tôi, mà nói cho cùng thì tôi cũng chẳng mấy may quan tâm đến điều đó. Tôi là tôi, chỉ đơn giản như vậy! Bất luận ra sao. Bà ta muốn gọi tôi như thế nào cũng được, đó là việc của bà.

Và bà sẽ làm như vậy, cho đến tận cuối đời.

Một góc quê hương

Thân đơn thể côi tôi bắt đầu tổ chức cuộc sống của mình. Marcel được mẹ anh thông báo rằng tôi đã đến nơi an toàn. Tôi nhận được một lá thư của anh, anh viết rằng anh hy vọng sẽ có một kỳ nghỉ phép ngắn, nhưng chắc không phải là trước khi đứa con của chúng tôi ra đời.

Vậy là tôi phải lo sao cho có đủ mọi dự trữ cần thiết trước khi sinh. Củi đốt thì tôi lấy từ bà chủ nhà. Về sau này thì tôi được biết bà ta bán cho tôi với giá quá đắt, nhưng mà tôi còn biết làm gì khác! Cái lạnh ở châu Âu là cả một vấn đề đối với tôi, và đồng thời là một thách thức. Mặc dù đi ngủ với cả bộ quần áo ấm nhất nhưng tôi vẫn rét run cả ngày lẫn đêm. Tôi đẩy chiếc tràng kỷ của mình sát vào lò sưởi và ngủ luôn ở đó.

Cứ hai tuần tôi lại đi bộ tới làng bên để mua một chiếc bánh mì nặng hai cân tại một hiệu bánh nhỏ ở đó, mỗi lần như vậy tôi lại bị ánh mắt tò mò của dân làng theo đuổi. Tôi cũng đến vị bác sĩ sống trong làng và nhờ ông thỉnh thoảng ghé qua khám cho tới thời điểm sinh con vào giữa tháng Giêng. Rau quả thì cứ hai lần trong tuần có người bán hàng rong mang đến. Mỗi lần tới nơi với chiếc xe Citroen cũ kỹ màu xám, ông ta lại bấm inh ỏi để báo hiệu.

Thay cho bếp nấu, tôi đi kiếm ba cục đá to hình ôvan, tạo thành một bếp lửa nhỏ trong nhà. Nhiều năm về trước, bố tôi đã chỉ cho tôi cách làm như thế nào.

Trong nhà có nước máy. Bởi vì tôi chỉ có một cái nồi, một ấm nấu nước, hai chiếc đĩa, hai con dao, một thìa ăn và một cái chậu nhựa nên chẳng có gì nhiều thứ để rửa.

Chỉ có trưởng làng và bác sỹ là có điện thoại. Nếu muốn đi taxi ra thành phố thì tôi phải vào

trong thôn và đặt xe ở một quầy bưu điện nhỏ. Tuy nhiên về sau này thì người lái xe taxi cứ vào những ngày hẹn lại đến đón tôi trực tiếp tại nhà.

Ở thành phố lớn Tours tôi nhanh chóng tìm được những nơi cần đến. Trong các cửa hàng ở đó cũng có một hiệu bán đồ châu Á. Thật sung sướng chừng nào khi vừa bước qua cánh cửa thì mùi quen thuộc của các gia vị quê hương đã xộc ngay vào mũi.

Bởi lượng tiền dự trữ cạn đi thật nhanh, tôi chỉ mua thứ gạo hầm vốn chỉ dùng làm thức ăn gia súc. Tuy nhiên tôi đã tự thưởng cho mình một chai nước mắm mà ở đây được bán với giá cắt cổ.

Về đến nhà thì tôi được tận hưởng một khoái lạc thật sự khi được nếm vị nước mắm đã từ lâu không còn biết đến. Tôi bảo quản nó như một báu vật và chỉ chắt từng giọt để dùng. Chủ của hiệu châu Á là một bà cụ người miền Bắc Việt Nam có chồng người Pháp và sống ở Pháp từ lâu. Qua bà và qua một số người Việt Nam đến đây mua các thứ hàng hóa được coi là của lạ, tôi nhận được nhiều thông tin bổ ích về cách sinh sống ở môi trường mới.

Những cuộc trò chuyện như vậy chỉ kéo dài ít phút, nhưng cái cảm giác được gặp mặt người khác và nói vài lời với họ bằng tiếng mẹ đẻ mang đến cho tôi niềm hạnh phúc trong cảnh cô đơn. Cùng nhau chúng tôi hồi tưởng về quê hương, và cứ mỗi một câu chia sẻ, hình ảnh đẹp đẽ về quê hương ấm áp mà ở đó con người chào ngày mới với một nụ cười

trên môi lại hiện về trong tâm trí. Những màu sắc, hương vị và giọng nói hòa quyện trong những câu chuyện kể và đẩy lùi lại phía sau, một cách vô thức, chiến tranh và sự khốn cùng là các nguyên do đã dẫn chúng tôi đến đây. Chúng tôi cười ngất ngèo về sự sợ hãi của người Pháp trước người châu Á về việc họ có thể cho vào nôi các loại chó mèo bị họ bắt gặp...

Nhưng sau đó lại đến lúc chia tay, và tôi lại phải trở về nhà. Mọi người ở đây đều có ai đó chờ họ ở nhà hay người mà họ chăm sóc. Họ có một mái ấm. Còn tôi thì phải giữ cho riêng mình tất cả cảm xúc trong bốn bức tường ở một nơi chốn hoàn toàn hẻo lánh.

Phải sống dưới những điều kiện thô sơ, gần như cổ xưa, đó không phải là vấn đề đối với tôi. Cái khiến tôi bất an là tình trạng hoàn toàn cô độc của mình. Tôi sợ hãi là mình sẽ bị héo mòn ở chốn này.

Tôi sống hoàn toàn một mình và nhớ nhà một cách khủng khiếp.

Đằng sau một khuôn mặt

Với thời gian, tôi dần làm quen bà chủ nhà. Sau khi tôi hỏi liệu mấy đứa trẻ con có phải là con bà thì bà kể sau khi chồng chết bà làm công việc nuôi trẻ. Sở xã hội giao cho bà trông mỗi đợt từ hai đến ba đứa trẻ mồ côi cả bố lẫn mẹ, hoặc mồ côi bố hay mẹ.

Tôi thấy bà thật dễ thương khi đón nhận nhiệm vụ đầy trách nhiệm và nặng nề này. Lũ trẻ sống một thời gian ở nhà bà và tha hồ vùng vẫy. Chẳng mấy chốc tôi tiếp xúc với chúng còn nhiều hơn với bà. Thực tình mà nói tôi chẳng có gì để trao đổi cùng bà.

Vào thời gian đầu bà nhiều lần mời tôi sang chơi, và ngay lập tức, gần như sỗ sàng, mời tôi một cốc rượu vang đỏ. Khi tôi từ chối và nói rằng mình không thích rượu, bà hồ hởi giải thích cho tôi rằng ở Pháp, đặc biệt là ở vùng nông thôn, uống rượu vang là chuyện thường tình. Mà làm vậy còn tốt cho sức khỏe.

Tiếp theo đó bà bình thản nhét nút đậy vào chai, uống một hơi hết cốc của mình, sau đó là cốc dành cho tôi. Bà không tỏ ra tự ái, có lẽ chỉ hơi buồn một chút, vì không tìm được ở tôi một người bạn nhậu.

Khi chứng kiến tửu lượng của người đàn bà này, tôi lại nhớ tới con gấu bị say rượu của mình. Tôi cũng ngạc nhiên về bao nhiêu là vỏ chai xếp hàng trong góc bếp được sưởi ấm của bà. Rõ ràng là ở đây người ta cũng có thói quen tích góp mọi thứ, chẳng lẽ thì đây cũng là một chốn khỉ ho cò gáy.

Vào một ngày tôi gõ cửa bà để mượn bao diêm. Tôi giật mình khi nghe giọng nói líu lô của bà bảo tôi vào nhà. Tôi bước vào. Bà ngồi trên một chiếc ghế, phía trước mặt ở trên bàn là một cốc rượu vang đầy, cạnh đó là một vỏ chai rỗng, bà nhìn tôi trân trân, mặt mũi đỏ gay. Khi có một đứa trẻ đến chỗ tôi, chắc vì muốn được chơi cùng, thì bỗng nhiên bà ta

đứng bật dậy, hai tay túm lấy tai nó, nhấc bổng đứa bé tội nghiệp đang khóc thét, kéo nó đi mấy mét rồi đặt phịch xuống một chiếc ghế cứng. Và bà ta nói, lưỡi đã lúu lại:

“Tao đã bảo rồi, cứ ngồi yên ở đấy!”

Tôi phẫn nộ nói với bà rằng người ta không không bao giờ được phép nhấc trẻ con lên bằng cách đó. Bà ta chỉ cười và nói: “Không sao mà! Không sao mà!”

Tôi lấy mấy que diêm từ chiếc hộp lớn và cảm ơn, trước khi rời khỏi nhà bà với tâm trạng bàng hoàng. Từ ngày này tôi sẽ phải để ý đến người đàn bà dường như coi việc hành hạ trẻ con là một thứ thú vui này.

Có học mà vô minh

Giữa chừng Paulette mang theo một người em gái của bà đến thăm tôi. Bà này tên là Jeanne, tóc màu sẫm cũng cắt rất ngắn, thấp hơn Paulette, hơi mũm mĩm và còn lâu mới đẹp bằng bà chị. Nhìn vào phong cách thì bà có vẻ có một cá tính sôi nổi hơn Paulette. Cả hai chẳng mang theo một thứ gì và ngay lập tức từ chối khi tôi mời họ uống trà. Cũng may là như vậy bởi tôi quên rằng mình chỉ có một bát uống nước, chứ không có tách trà hẳn hoi.

Chuyến thăm của họ dường như chỉ để thỏa mãn sự hiếu kỳ, hơn là để thăm hỏi của tôi. Họ thị sát chỗ

ở của tôi, và tôi nhận thấy họ ngạc nhiên như thế nào khi mục kích bếp lửa đơn sơ của tôi. Rốt cuộc thì họ cũng hỏi thăm tình hình của tôi, tôi trả lời họ là lịch sinh em bé của tôi nằm vào nửa sau của tháng Giêng. Chẳng mấy chốc sau đó họ lại lên xe taxi và rời nhà tôi mà không nói thêm một lời nào.

Từ khi tôi đến đây họ không phải là người duy nhất mặc dù tiết trời lạnh lẽo nhưng rõ ràng vẫn có cái hứng thú thỉnh thoảng dừng lại cạnh nông trại để đảo chân và giết thời gian bằng cách quan sát tôi. Lời đồn đại có một người đàn bà châu Á sống ở đây đã lan truyền với tốc độ cực nhanh, và như vậy tôi đã trở thành cái đích tham quan của một số dân làng không còn điều gì hay hơn để làm.

Vào một ngày có một người đàn ông, một người công nhân, dám đi vào đến tận cửa nhà bà chủ cho thuê nhà của tôi. Ông ta biết bà này và tìm cách bắt chuyện ngay khi thấy bà xuất hiện. Và bởi vì tôi vừa đi dạo quay trở về, bà giới thiệu tôi với ông. Ông ta cũng chỉ đợi có thế.

Ông ta vô cùng tò mò và ngay lập tức hỏi về lý do tại sao tôi sống ở đây. Bà chủ nhà trả lời hộ tôi và mời chúng tôi vào nhà rồi mời người đàn ông một cốc rượu vang và tôi một cốc nước. Bà vui mừng vì lại có người qua chơi.

Người đàn ông tỏ ra dễ chịu và tỏ ra quan tâm đến các phong tập quán của nước tôi, tôi cũng vui lòng trả lời nhiều câu hỏi của ông. Khi tôi hỏi

ông đã sang Việt Nam chưa thì cả hai người phá lên cười. Người đàn ông lắc đầu và nói lần đầu tiên mới nghe đến tên đất nước này và không biết nó nằm ở đâu. Tôi choáng váng nhận ra là vẫn còn có những người thiếu hiểu biết và vô cảm, mặc dù nước Pháp trong hàng thập kỷ đã cử bao nhiêu thanh niên trai tráng sang Việt Nam và có nhiều người đã bỏ mạng cho mẫu quốc ở đó.

Điều này khiến tôi thật sự rất ngạc nhiên.

Một vị thầy thuốc liều lĩnh

Trong nhiều lần đi dạo tôi thấy trẻ em thường nô đùa và đi xe đạp trên các cánh đồng lân cận. Tôi mua một gói kẹo để tặng chúng, nếu lũ trẻ không còn thấy e ngại trước tôi. Phải mất một thời gian tôi mới cho được chiếc kẹo đầu tiên. Ranh giới ngăn cách qua đó được xóa bỏ, tính tò mò đã chiến thắng. Lũ trẻ từ đây đều đặn đến thăm tôi và nhận kẹo. Nhưng việc này phải giữ bí mật. Một cậu bé tiết lộ cho tôi rằng bố mẹ cậu cấm không được đến gần tôi, đặc biệt là không được bắt chuyện. Tôi tìm cách giải thích thái độ này và dần dần hiểu rằng ở đây người ta cần rất nhiều thời gian để có thể mở lòng mình. Nhưng nào tôi có thể làm được gì – sự đời là như vậy. Lịch sinh con của tôi ngày càng xích lại gần hơn, và tôi đã chuẩn bị sẵn mọi thứ cho việc trở về từ

bệnh viện. Vào một buổi sáng, khi thấy có dấu hiệu chuyển dạ, tôi sang chỗ nhà bà chủ. Bà cử một thằng bé đi xe đạp vào xóm để đón ông bác sĩ.

Thay vào việc ngồi xuống chiếc ghế mà bà đưa cho, tôi đi đi lại lại trong căn bếp, hai tay ôm chặt lấy cái bụng kênh càng.

Tôi không sợ hãi rằng trong trường hợp cấp bách sẽ phải tự sinh con.

Cho đến lúc thằng bé thở hỗn hển quay trở về thì gần một tiếng đồng hồ đã trôi qua. Sau đó chúng tôi nghe tiếng động cơ xe máy. Đấy phải là người bác sĩ! Những gì chúng kiến sau đó khiến tôi trong phút chốc quên cả cơn đau đẻ: Ông bác sĩ có ý định chở tôi ngồi phía sau lưng ông trên chiếc xe Vespa bé xíu tới bệnh viện ở Tours nằm cách đây hơn ba mươi cây số. Ông không có ô tô.

Tôi kiên quyết phản đối. Thà rằng tôi sinh con ở đây còn hơn trên chiếc xe máy của ông! Khi thấy tôi không chịu nghe, ông quyết định đi gọi một người hàng xóm có ô tô. Ông ta bỏ đi, và tôi lại tiếp tục chờ đợi.

Người hàng xóm chở tôi đến bệnh viện một cách cẩn trọng và khẩn trương. Ông là một người rất chu đáo, thậm chí ông còn ở lại bên tôi, cho tới khi có một nữ y tá đến chăm sóc tôi.

Việc sinh nở diễn ra không có sự cố gì. Vào ngày 19. Tháng Giêng 1956 tôi sinh một con trai. Khi người nữ y tá cho tôi xem con, trong một tích tắc tôi

vụt nghĩ đến con trai Marcel của tôi. Từ đáy lòng tôi cầu mong cho con hạnh phúc và sức khỏe, trước khi âu yếm ngắm đứa con chung của tôi và Marcel.

Lộc trời

Tôi đặt tên con là Jean-Pierre. Ngay sau đó Paulette đến thăm tôi. Từ ông bác sỹ bà nghe tin tôi đã sinh con ở bệnh viện. Bà ngây ngất bởi đứa bé và mang theo quần áo trẻ sơ sinh cũng như đủ thứ đồ vệ sinh. Qua đó bà đã mang lại cho tôi rất nhiều niềm vui.

Sau ít ngày thì một chiếc xe taxi chở tôi và con trai về nhà. Jean-Pierre ngay từ đầu là một đứa bé xinh xắn và lớn lên trông thấy trong thời gian bú sữa. Tôi tự hào là đã có thừa đủ sữa mẹ để cho con bú!

Phải đến tháng hai thì Marcel mới có thể về phép để thăm chúng tôi, nhưng chỉ trong vòng bốn ngày. Đất ở phía ngoài đóng băng đông cứng. Anh về bằng cách đi nhờ xe, đoạn cuối cùng thì cuốc bộ, chiếc ba lô lính đeo trên vai. Về tới nhà thì cả người anh đã lạnh cóng. Tôi vui mừng là đã giữ căn nhà đơn sơ của chúng tôi đủ ấm. Chúng tôi thật hạnh phúc khi được gặp lại nhau sau cả một thời gian dài xa cách. Marcel nhắc bồng tôi lên và ôm tôi thật chặt trong vòng tay anh. Jean-Pierre đang ngủ. Anh kiễng ngón chân nhẹ nhàng đi đến chỗ chiếc nôi là quà tặng của Paulette cùng với chiếc xe đẩy. Trông anh thật hạnh phúc.

Khi tôi hỏi tại sao không về nhà bằng taxi anh nói là tiền phí quá đắt. Ngay lập tức tôi cảm thấy bị cắn rứt lương tâm. Từ lúc sống ở đây tôi đã nhiều lần đặt taxi vào thành phố, một phần cũng là để chạy trốn khỏi sự cô đơn. Chưa bao giờ tôi ý thức về điều đó như trong khoảng khắc này. Từ nhiều tuần nay tôi cũng chẳng bận tâm nhiều đến chuyện tiền nong. Trong tương lai tôi chắc chắn tôi phải lo việc kiếm tiền!

Paulette mời ba chúng tôi đến uống cà phê ở nhà bà. Căn hộ của bà nằm ở trung tâm, tuy nhỏ nhưng rất tinh tươm, và tôi ngạc nhiên nhận thấy khoảng cách giữa căn hộ của bà và căn phòng đồ nát mà tôi đang sống khủng khiếp biết chừng nào.

Marcel không có nhiều thời gian cho những chuyến viếng thăm như vậy. Trong lần về Pháp cuối cùng anh đã lo mọi giấy tờ cần thiết cho việc kết hôn của chúng tôi. Anh hy vọng sẽ có một tin tức khả quan về lá đơn cuối cùng anh đặt ở Đại sứ quán Việt Nam, tuy nhiên người ta cho anh biết vẫn chưa có trả lời. Thất vọng anh lại gửi tiếp một đơn mới, biết đâu có thêm cơ hội.

Vào sáng ngày thứ ba Marcel vẫn đang ngủ say. Trước đó chúng tôi nói chuyện với nhau gần cả đêm. Tôi thức dậy cho con bú và vừa cho thêm gỗ vào than hồng và rót nước vào siêu để chuẩn bị đun chè. Tôi đến cạnh cửa sổ để cào lớp băng vào buổi tối đọng ở phía trong mặt kính và nhìn ra ngoài. Và tôi ngỡ ngàng nhận thấy một điều kỳ diệu. Nó xảy ra ở

đây, ngay trước mặt tôi! Hàng trăm, hàng ngàn, có lẽ đến hàng triệu viên đường đang từ trên trời rơi xuống, ngay trước cửa nhà chúng tôi!

Nhanh hết mức, tôi dọn sạch quần áo từ hai thùng các tông. Tôi lấy thêm cả cái nồi, chiếc xô nhựa từ góc nhà rồi vội vàng chạy ra ngoài, trước khi điều kỳ diệu trôi qua. Tôi đặt mọi thứ thùng, xô, nồi dưới bầu trời xám và quỳ gối cảm tạ. “Pháp là một đất nước thật may mắn! Ở đây đường rơi xuống từ trên trời, còn ở Việt Nam thì chúng tôi phải lao động khổ ải trên đồng ruộng! Xin tạ ơn Trời!” tôi kêu to và vui mừng khôn xiết khi các thùng, xô, chậu cứ đầy dần.

Marcel xuất hiện bên cánh cửa mà do quá xúc động tôi đã quên khép lại và hỏi tôi đang làm gì, giọng vẫn còn ngái ngủ. “Đường! Đường!”, tôi kêu lên hạnh phúc. Anh mỉm cười lắc đầu. Chúng tôi ngồi vào chỗ ấm rồi anh giải thích, trong lúc tôi vẫn còn đang run bắn vì lạnh và háo hức, rằng đây không phải là đường, mà là các bông tuyết lớn. Tôi chỉ nói:

“Anh cứ hẵng chờ đấy! Anh không tin em ư? Em sẽ chứng minh cho anh, chỉ cần chờ xô đầu tiên đầy rồi anh sẽ thấy!” Anh lại mỉm cười và gật đầu. Chúng tôi kiên nhẫn chờ và chậm chậm uống trà. Sau đó tôi mang xô đường đầu tiên vào nhà. Tôi ngạc nhiên vì sờ vào thì thấy lạnh tanh, nhưng vẫn chắc chắn rằng đang có đường trước mặt mình. Sau một phần tư tiếng đồng hồ thì tất cả tan thành nước, tôi ngồi đó buồn bã. Marcel đã có lý.

Điều kỳ diệu với những bông tuyết đầu tiên trong đời của tôi đã để lại một hậu quả: Hai thùng các tông đựng quần áo của tôi đã biến thành giấy nhão.

Thỏ có phải ở đâu cũng giống nhau!

Từ đó trở đi, để tiết kiệm tiền, tôi ít khi vào thành phố và thực sự chỉ đi khi không thể trì hoãn một việc mua bán nào đó. Tôi đội ơn Paulette mỗi lần như vậy lại trông con họ tôi trong mấy tiếng, trong lúc tôi bận đi mua sắm. Từ khi có cháu nội, bà trở nên nhã nhặn hơn với tôi, nhưng tôi cảm thấy mối ác cảm của bà vẫn y nguyên. Ngay sau khi đến đây tôi đã tặng bà một bộ ấm chén pha trà kèm theo một tấm vải thêu lót bàn, bà cũng cảm ơn nhưng nói thêm:

“Được rồi, nhưng mà ở đây chúng tôi không dùng những thứ như thế này.” Vào những năm sau đó không bao giờ tôi còn thấy lại những món quà tặng này nữa.

Mùa xuân về và mang theo nhiệt độ dễ chịu. Phần lớn thời gian tôi ở nhà, một mình cùng Jean-Piere. Thỉnh thoảng tôi đẩy xe nôi qua đường rừng và các khoảng cây thưa, thả bước dưới bóng râm của cây bạch dương. Những cánh đồng lúa mạch, ngô và nho tô điểm phong cảnh mà giờ đây tôi mới phát hiện ra vẻ đẹp của nó.

Tất nhiên vẫn còn nhiều người tìm đến để nhìn ngắm tôi từ xa, chẳng hạn khi tôi đem phơi tã lót giặt

bằng tay trên dây phơi ngoài trời. Những lúc đó tôi lại nghĩ đến bếp lửa bằng ba hòn đá chụm lại vẫn thực hiện chức năng của nó một cách miễn chê và thầm nói: “Các người cứ thoải mái xem tôi tồn tại ở đây được bao lâu đi! Ừ, tôi vẫn còn sống đây. Ở chỗ chúng tôi trong rừng rậm thế này vẫn chưa là gì cả!” Vào một ngày, khi tôi đang lúi húi giữa hai luống nho để hái một loại rau dại ở chúng tôi được gọi là rau dền thì có một người nông dân bắt chuyện với tôi, vẻ mặt đầy lo âu. Ông ta đã quan sát tôi từ trước đó và nhìn thấy tôi đang hái loại rau nào.

“Này cô ơi”, ông ta nói với tôi một cách thân thiện và lắc đầu, “cô không được hái loại rau này và đặc biệt là không được ăn nó đâu nhé! Đây là thuốc độc đối với thỏ đấy!”

Tôi mỉm cười với ông và cảm ơn sự quan tâm của ông. Nhưng tôi biết rất rõ về loài rau này và hiểu mình đang làm gì. “Xin cảm ơn ông. Nhưng mà ông có biết không, thỏ ở Việt Nam thì khác, chúng chẳng chết khi ăn phải loài rau này đâu ạ!”

Ông ta ngậy người nhìn tôi rồi nhún vai bỏ đi.

Sắc thái

Những lá thư từ Marcel khiến tôi vui buồn lẫn lộn. Tình hình anh ở An-giê-ri không được tốt. Tốt thế nào cho được? Ở đó đang xảy ra chiến tranh, và tôi hiểu chiến tranh có nghĩa gì.

Một sáng nọ, vừa lúc tôi đang trau dồi vốn tiếng Pháp bằng cách cố gắng đọc vài mẩu truyện tình yêu sến sẩm trong mấy cuốn tạp chí tiếng Pháp, món đồ tôi đổi bằng kẹo với lũ trẻ con, thì một chiếc taxi đỗ trước sân. Tôi hoàn toàn bất ngờ khi thấy Jeanne, dì của Marcel, bước xuống xe. Bà tới một mình. Trong tay cầm một cái túi. Tôi bước ra trước cửa, chào hỏi. Bà vừa cười vừa tiến vào.

“Ta muốn được trông thấy đứa trẻ một lần! Thằng bé da vàng hay trắng?”. Bà nhìn vào trong nôi rồi nói: “Chà, cũng chưa biết được. Nhưng thằng bé rõ là đáng yêu!”

Khi tôi hỏi, liệu bà có con cái hay không, bà cười lắc đầu rồi quay lại nói với tôi: “Ta biết cô không có nhiều, và ta nghĩ những thứ này sẽ có thể rất hữu dụng với cô.”

Trước khi tôi có thể mở miệng nói gì, bà lôi từ trong túi ra một cái chảo và một cái đĩa. Cả hai thứ đều đã gỉ đến mức hoen nhem mà tôi chẳng mấy khi trông thấy. Bởi tôi vốn không có quan hệ gì với bà, và vì thế cũng không biết được bà sống giàu sang hay cơ hàn, lúc ấy với tôi, chỉ hành động của bà đã đủ ý nghĩa. Món quà nom thế nào không quan trọng, quan trọng là nó tới từ trái tim. Và thật vậy: Tôi không có cái chảo nào, mà tôi cũng có thể dùng thêm một cái đĩa.

Biết ơn lòng thân thiện của bà, tôi mời bà ngồi lại và dùng một tách trà. Tôi còn mở thêm một gói

bánh quy bơ. Bà không lưu lại lâu bởi xe vẫn đang đợi bên ngoài. Thật là một người tử tế, tôi nghĩ.

Phải mất gần một buổi sáng tôi mới cạo được hết lớp gỉ ra khỏi cái chảo và chiếc đĩa. Cuối cùng thì chúng cũng sáng đến độ có thể sử dụng được.

Ba ngày trôi qua và một chiếc taxi lại tới. Lần này là Jeanne. Gặp lại bà tôi mừng khôn xiết và dẫn bà vào trong, lòng le lói tia hi vọng tìm được người bạn đầu tiên nơi bà. Thế nhưng bà không ngồi xuống mà trưng lên vẻ mặt khó hiểu, kéo từ trong ví xách tay thời trang ra một cái túi rỗng không.

“Tôi chỉ ghé qua để lấy lại cái chảo và đĩa mà tôi cho cô mượn. Xin cô hãy lập tức trả lại cho tôi.” Lặng thinh và vô cùng lúng túng, tôi lấy ra hai thứ đồ vật nay đã sáng bóng và thả chúng vào trong túi. Bà ta đột nhiên xoay người và nói: “Cô nên học thêm tiếng Pháp: Cho mượn không có nghĩa là tặng!” Rồi đi mất.

Tôi đóng cửa lại sau lưng bà ta và vịn ngồi xuống. Tại sao bà ta lại có thể đối xử với tôi như thế?

Jean-Piere đã tỉnh, nó đói. Tôi rửa ráy cho thằng bé và đặt nó lên ngực mình, vẫn lắc đầu. Tôi thì thầm với nó: “Con à, hôm nay một bà cô xấu tính đã tới đây. Nhưng không sao hết, bà ta không làm được gì con đâu, có mẹ đây rồi.”

Tôi quệt đi dòng nước mắt trên gò má. Không ai trông thấy.

Điều ít tôi tệ nhất trong những điều tôi tệ

Tôi hay nghe thấy tiếng khóc của mấy đứa con nuôi của bà chủ cho thuê nhà. Tôi cũng biết rằng bà ta đối xử với chúng không mấy dịu dàng, có thể bởi bà đã uống vài chén, mà dù không phải cũng vậy. Bởi thấy thương cho lũ trẻ, thỉnh thoảng tôi cũng chơi cùng đứa con trai nhỏ ở bên ngoài hay đưa nó vào nhà để trông cùng với Jean-Pierre trong khi bà ấy để ý tới hai đứa còn lại.

Một hôm nọ, tôi chợt thấy đứa con trai cứ gãi đầu liên tục. Tôi phát hiện trên da nó nổi những nốt sần nhỏ và nhiều những vết tấy đỏ lớn. Tôi không biết ấy là bệnh gì. Lúc tôi định cùng đi với nó tới gặp người phụ nữ kia, thằng bé run rẩy và cầu xin tôi không làm vậy. Ấy là tại tám vải trải giường sần sùi thô ráp, thằng bé lắp bắp. Tôi biết có cái gì đó không ổn. Ánh nhìn sợ hãi của thằng nhỏ cứ mãi ám ảnh tôi.

Ngày hôm sau, tôi quyết định hành động. Tôi đến thăm bà chủ cho thuê nhà và làm như thể tôi muốn thân thiết hơn với bà ta. Tôi để cho bà ấy ôm con trai tôi, bà ta rất thích nó. Chẳng mấy mà người đàn bà lại trở nên vui vẻ. Trong lúc bà ta hôn hít thằng bé, tôi thăm thú quanh căn nhà. Hành lang dẫn vào phòng ngủ với ba chiếc giường gỗ dành cho ba đứa trẻ con. Tôi bước tới gần và ghé tai nghe thử

xem người đàn bà kia có còn trong bếp hay không. Khoảnh khắc vén tấm trải giường lên, tôi rút tay lại tức thì trong kinh hãi: Thay vì một tấm đệm, tôi trông thấy một lớp tấm ma dày. Thằng bé phải ngủ ở đây!

Lặng người, tôi quay trở lại bếp, vờ như không hay biết gì. Tôi vừa mới phát hiện ra thứ gì thế này? Ngay lúc chúng tôi có thể thoát khỏi nơi đó, tôi đẩy xe nôi vào thị trấn. Tôi phải làm một điều gì đó. Tôi hỏi đường tới chỗ Thị trưởng và thuật lại tất cả những gì đã thấy. Với vẻ khó tin, người đàn ông nói lời cảm ơn tôi và hứa sẽ thông báo lại cho cơ quan chức năng.

Chỉ mấy ngày sau, hai chiếc xe ô tô đỗ vào trước cổng. Tôi nhìn thấy ông Thị trưởng bước ra từ chiếc xe thứ nhất cùng hai người phụ nữ từ chiếc thứ hai. Họ tiến đến tận trước cửa nhà bà chủ cho thuê nhà của tôi và gõ. Bà ta mở cửa, hoàn toàn bất ngờ. Họ trao đổi ngắn và tôi để ý bà ta cự nự, không muốn cho họ vào. Ông Thị trưởng đẩy người đàn bà sang một bên và tiến vào bên trong. Lúc này, bà ta bắt đầu gào thét vào mặt những người đang đứng đó. Ngay sau đó, bà chạy ra khỏi nhà, với ông Thị trưởng sát sau lưng, và xông thẳng vào chỗ tôi:

“Sau bao nhiêu chuyện tao làm cho mày! Mày trả ơn tao thế này đây, đồ da vàng!”, bà ta hét. Ông Thị trưởng cố gắng trấn tĩnh người phụ nữ. Nửa tiếng đồng hồ đằng đằng trôi qua, trong suốt khoảng

thời gian đó, tôi vẫn không biết chuyện sẽ được giải quyết thế nào. Cuối cùng, hai người phụ nữ bước ra khỏi căn nhà, đồ đạc đã đóng túi trong tay cùng đám trẻ. Họ rời đi cùng nhau.

Ông Thị trưởng tới và giải thích với tôi, rằng bà chủ cho thuê nhà giờ đã bị truất quyền nuôi con. Cố nhiên, người phụ nữ này không muốn cho tôi ở trong căn nhà của bà ta nữa.

Ông giúp tôi gói gém đồ đạc. Cũng không mất mấy thời gian. Với đứa con trong tay, tôi rời đi không vương vấn. Số tiền trọ tôi đã trả đương nhiên không thể đòi lại được. Đó là cái giá tôi trả cho lời tố cáo mà không nuối tiếc dù chỉ một giây.

Có công mài sắt, có ngày nên kim

Ông Thị trưởng đưa chúng tôi tới một căn nhà nhỏ thuộc sở hữu của ông gần thị trấn hơn. Ngụ tại tầng trệt là một gia đình hiện đang thuê cánh đồng bao quanh căn nhà của ông. Căn hộ tầng một vẫn còn trống và theo ý ông, chúng tôi có thể dọn vào đó ở. Trên ấy còn có một căn gác mái chất đầy lõi ngô. Căn nhà trọ này khá đơn sơ, nhưng khi tôi nhìn thấy cái bếp ga mà tôi được quyền sử dụng trong phòng ăn, ngôi nhà này với tôi bỗng trở nên thật xa xỉ. Nhà vệ sinh nằm tách biệt, những người thuê nhà

là chúng tôi sẽ phải chia sẻ cùng nhau. Câu chuyện chẳng mấy mà được truyền đi khắp thị trấn. Mặc dù vẫn còn có người khá dè dặt khi tiếp xúc với tôi, rất nhiều người, phần lớn là phụ nữ, chào hỏi cũng như đối xử với tôi tương đối thân thiện.

Trong số ấy có vợ ông Thị trưởng. Bà là một quý bà đứng tuổi, người thẳng hoạc tới thăm và hỏi han tình hình cuộc sống mẹ con tôi. Những buổi như vậy, chúng tôi thường cùng uống với nhau tách trà. Có một lần, bà lấy làm ngạc nhiên khi nghe thấy tiếng động lạ vang trên đầu chỗ chúng tôi. Tôi trấn an bà và giải thích, có lẽ ấy chỉ là tiếng chuột cống. Khi tôi kể cho bà nghe rằng, cách đây không lâu, tôi thấy một con chuột cống ngay gần nôi con trai tôi và dùng búa đập chết nó vì sợ rằng nó có thể cắn thủng bé, tôi để ý thấy bà có vẻ sững sốt.

Người duy nhất có vẻ không muốn làm quen với sự hiện diện của tôi là người đàn ông cùng thuê nhà. Một hôm nọ, khi chuẩn bị sử dụng nhà vệ sinh, tôi để ý thấy cánh cửa đã bị ai chốt lại. Lấy làm lạ, tôi gõ cửa nhà ông ta. Người đàn ông mở cửa, phủ đầu bằng giọng điệu hung hăng:

“Nhà vệ sinh này dành riêng cho chúng tôi! Cô đi mà tìm nơi khác!” rồi hắt sập cửa lại ngay trước mặt tôi trước khi tôi kịp hé một lời.

Nhưng lần này, tôi không để mình thoái chí. Những ngày sau đó, tôi gom hết xú uế của hai mẹ con vào trong một cái xô. Thế rồi tôi đợi ông ta đến,

muốn tới nhà vệ sinh, ông ta nhất định phải đi ngang hay vòng qua trước cửa sổ nhà tôi, và tôi đổ hết toàn bộ dung tích thứ hôi thối ngay trước mũi giày hắn.

Ông ta giật nảy lại trong kinh hãi và hét lên phía tôi: “Cô hất cái gì xuống đây! Cô làm cái gì đấy?”

“Ông không chú ý trong giờ lịch sử rồi”, tôi nói vọng xuống. “Tôi đang làm y như đức vua nước Pháp: Tôi ném phân xuống từ cửa sổ.” Rồi tôi nhẹ nhàng khép cánh cửa sổ lại.

Tôi cười thành tiếng. Ông Hương chắc chắn sẽ rất tự hào về tôi! Vài phút sau, phòng vệ sinh lại mở rộng cửa cho chúng tôi cùng sử dụng.

Bất chấp gian nan

Marcel tới với chúng tôi vào tháng Tám. Mẹ anh ấy đã thuật lại những sự việc diễn ra gần đây qua thư để anh biết nơi mà tìm chúng tôi. Vừa tới nơi, anh lập tức tới chỗ ông Thị trưởng để cảm ơn về sự hỗ trợ cũng như để tìm hiểu xem liệu những giấy tờ chúng tôi cần để kết hôn và cho phép tôi nhập tịch, trở thành công dân Pháp, đã tới hay chưa.

Ông lắc đầu và cho chúng tôi biết rằng giấy giờ hiện tại có vẻ vẫn đang nằm tại Sứ quán Việt Nam. Bản thân ông cũng không hiểu được nguyên nhân của sự chậm trễ này. Thế là chúng tôi quyết định lập tức lên đường đi Paris nhằm làm rõ mọi chuyện.

Trước đó tôi còn cầu khẩn tổ tiên và Thần Phật phù hộ. Ngài Đại sứ Việt nam đón tiếp mà không để chúng tôi đợi lâu mặc dù không hề có lịch hẹn trước. Ông rất tử tế mời trà xanh sau khi chúng tôi ngồi vào chỗ trong văn phòng của ông. Lúc chúng tôi giải thích những quan ngại của mình và nói với ông, rằng chúng tôi đã chờ đợi những thứ giấy tờ này hơn nửa năm nay, ông đi lấy tập tài liệu của chúng tôi. Ông lướt nhìn vào trong rồi rút ra ba phong bì. Ông trông tôi rồi nói: “Vâng, bây giờ tôi nhớ rồi. Chúng tôi không thể cấp đơn cho cô được bởi mẹ chồng chưa cưới của cô không chấp nhận cuộc hôn nhân này.”

Chúng tôi nhìn nhau như thể bị sét đánh ngang tai, rồi Marcel hoang mang nói: “Làm sao mẹ tôi lại không chấp nhận đám cưới? Sao lại thế được?”

“Đây”, ông Đại sứ nói và đẩy ba bì thư về phía chúng tôi: “Anh chị tự xem đi.”

Trong phong bì là ba bức thư từ mẹ Marcel. Khẩn thiết tới mức van nài, bà cầu xin cấp trên của Marcel làm mọi điều có thể để ngăn trở đám cưới. Rằng con trai bà còn quá trẻ và ngây thơ, và rằng những yêu đương nhảm nhí này không thể nào nghiêm túc. Rằng ấy là nghĩa vụ của người mẹ mà bà phải bảo vệ con mình khỏi sai lầm này.

Thực vô liêm sỉ tới tột cùng. Hằng tháng nay, chúng tôi chỉ chờ được bật đèn xanh là có thể bắt đầu một cuộc sống mới cùng nhau, có thể cho con chúng

tôi một tương lai. Và suốt quãng thời gian đó, Paulette đã ngăn cản thành công tất cả những điều ấy.

Tôi điểm tỉnh nói với ông Đại sứ: “Đến tháng Ba này chồng tôi sẽ đủ tuổi. Thế có nghĩa là anh ấy sẽ có thể tự quyết định bản thân muốn gì, đúng không?”

“Tôi yêu người phụ nữ này bằng cả tấm lòng”, Marcel nói thêm vào. Ông Đại sứ cười. “Nếu đã vậy, xin mời anh chị ra ngoài chờ thêm một chút. Tôi bảo đảm, anh chị có thể lập tức cầm giấy tờ về.”

Và quả thực như vậy.

Dù chẳng tiếng chuông rung

Từ Paris trở về, chúng tôi lập tức ghé qua ông Thị trưởng và nhận được ngay lịch tổ chức lễ cưới. Cùng với đó, chúng tôi đương nhiên cũng thông báo với Paulette rằng ván đã đóng thuyền. Chúng tôi cũng quyết định sẽ không nhắc tới chuyện những lá thư của bà ấy nữa.

Gia đình Marcel kém phần khởi vô cùng - làm sao khác được - tới mức tôi quyết định ngay trong phút chốc, sẽ chuyển tới An-giê-ri cùng Marcel sau hôn lễ.

Vì cái gì mà tôi phải sống ở đây, trong cô quạnh và thù địch, trong khi chồng tôi ở nơi kia phải chiến đấu giành giật mạng sống mà không có ai ở bên?

Ý nghĩ xuất hiện hoàn toàn đột ngột: trong thời gian ngắn như vậy, không chuẩn bị, và đặc biệt, không giấy phép, việc lên tàu rời đi cùng anh là gần

như bất khả thi. Nhưng tôi vẫn muốn được sống bên anh, ngay cả ở An-giê-ri, nơi chiến tranh đang ngự trị. Hơn nữa, tôi tin tưởng trực giác bản thân.

Sự việc được quyết định như thế, và chúng tôi vui sướng hồi hộp chờ đợi lễ kết hôn vào ngày 25 tháng Tám năm 1956.

Paulette chuẩn bị cho tôi một bộ cánh, bộ cánh mà tôi khoác trên người đầy hãnh diện trong cái ngày trọng đại ấy. Bà còn tặng tôi một bó hoa nhỏ, những bông hoa duy nhất mà tôi nhận được hôm đó. Cạnh mẹ bà ấy, người phụ nữ già nua với vẻ mặt cay đắng, bà còn dẫn theo đứa con trai nhỏ nhất, René, đến buổi tiệc, thanh niên sáng sủa bảnh bao mà tôi đã có cơ hội được làm quen trước đó. Những khuôn mặt duy nhất tỏa ra vẻ hân hoan là những người làm chứng tự phát, vợ ông Thị trưởng và một người đàn ông lạ mặt đi cùng với bà, và tất nhiên, người làm chứng của chúng tôi.

Với vẻ mặt cứng ngắc, cả gia đình đứng bên lề phố, chờ cho tới khi lễ thành hôn kết thúc, trong lúc Paulette chăm con trai chúng tôi.

Ông Thị trưởng khởi đầu buổi lễ trong phòng họp tịch, bộ dạng của ông khiến cho tôi cười tới suýt chảy nước mắt. Đai lưng to bản với ba màu cờ Pháp ông cuốn quanh vòng bụng phình tướng khô hài tới mức tôi phải bật cười. Tôi chưa bao giờ thấy người đàn ông to béo nào lại che đậy thân thể đầy đà của mình theo cách ấy.

Ông Thị trưởng có vẻ lấy làm thích thú trước sự vui vẻ của tôi, và rồi vô cùng kiên nhẫn giải thích cho tôi về ý nghĩa những màu sắc đó, và rằng đại lưng này cho phép ông đại diện cho nhà nước Pháp. Sau đó ông tiến hành thủ tục kết hôn, rồi chúng tôi đi sang nhà thờ ở bên kia phố.

Lễ cưới Công giáo rất có ý nghĩa với Marcel, bởi mặc dù cha anh là người vô thần, anh được nuôi lớn theo đạo Công giáo trong trường nội trú. Đến tận lúc này, vẫn không có ai trong gia đình sẵn sàng muốn đi cùng hộ tống chúng tôi. Vậy nên Marcel và tôi tiến vào nhà thờ một mình và đứng chờ trước bệ thờ. Một linh mục Công giáo với nét mặt nhăn nhó, người từ giáo khu lân cận được chỉ định tới lễ thành hôn hôm nay, xuất hiện từ cửa hông và chào hỏi chúng tôi bằng những lời này: “Hai vị có chắc chắn muốn được thành hôn không?” Khi chúng tôi xác nhận, ông ta tiếp tục với vẻ cay nghiệt: “Tôi không thể làm việc đó ở đây. Mời hai vị bước ra khỏi nhà thờ. Chúng ta sẽ gặp nhau tại phòng để đồ thánh.” Hoang mang lo lắng mình đã phạm phải sai lầm nào đó, chúng tôi bước ra khỏi nhà thờ và đi vào tòa nhà từ cửa bên. Vị linh mục ném cho tôi một cái nhìn chết chóc rồi nhìn chòng chọc vào Marcel:

“Các người có biết mình đang làm gì không? Người đàn bà này không phải người Công giáo! Ở quê hương cô ta, người ta làm phép phù thủy và ma thuật. Kẻ tà đạo này không tin vào Đức Chúa

chân chính. Ta bị ép buộc, thực sự bị ép buộc mới cho phép các người ghi danh.” Thế rồi ông ta nhanh chóng nhập tên chúng tôi vào đăng ký rồi vội vàng muốn đi. Sững sờ, Marcel xin vị linh mục ban phước cho nhẵn cười chúng tôi.

“Ban phước cho nhẵn của các người? Không bao giờ! Ta sẽ không ban phước cho các người vì các người sống trong tội lỗi!”

Tôi cảm thấy cơn thịnh nộ trong mình bùng cháy nhưng vẫn cố gắng nhẵn nại và hỏi với giọng điệu bình thường: “Liệu Ngài có thể rung chuông cho chúng tôi được không?”

“Chuông? Không, không bao giờ có chuyện chuông rung ở đây. Không phải cho các người!”, ông ta lờ mắng trả lời.

“Không hề gì, không có những thứ ấy chúng tôi vẫn hạnh phúc”, tôi đáp. “Nhưng để tôi nói cho ông hay: Chúa nhìn vào trong tim, và Giê-su chắc chắn không nói ngôn ngữ của ông! Không sớm thì muộn, ông sẽ thấy.”

Marcel cầm lấy tay tôi mà không nói thêm một lời, và chúng tôi bước ra khỏi đó. Không lý gì mà chút mây đen có thể che khuất được niềm hạnh phúc của chúng tôi.

Trước nhà thờ chẳng có lấy một người chúc tụng. Tôi đọc thấy trên gương mặt anh rể một nét gì tựa như thỏa mãn, khiến tôi cảm thấy mình như thể một thứ chiến tích từ thuộc địa.

Bất ngờ kế tiếp xảy đến khi phu nhân Thị trưởng bước lên chỗ chúng tôi và nói với giọng quở trách: “Theo phong tục chúng tôi, sau lễ kết hôn trong nhà thờ thì phải tung gạo mừng và có kẹo chia cho khách. Anh chị không biết sao?” Chúng tôi lắc đầu và nhìn nhau bẽn lẽn. Dù sao đi nữa, tôi cũng không nỡ lòng nào mà vãi gạo ra đất. Trong đầu tôi bỗng vang lên một câu nói của Việt Minh: “Mỗi hạt gạo là một giọt máu đào của nhân dân!”

Bà phu nhân cùng những người khách khác lắc đầu trước sự cầu thả của chúng tôi. Dĩ nhiên bọn tôi cũng có đôi chút xấu hổ, nhưng sự đã rồi. Với tâm trạng này, chúng tôi rời đi ăn cỗ cưới, đây mới là lý do thật sự để tất cả những người này có mặt trong ngày hôm nay.

Rose

Chúng tôi lên tàu đi Marseille ngay trong tháng Tám. Chúng tôi trả trước cho ông Thị trưởng thêm một năm tiền thuê nhà, vạ nhất tôi phải quay về trước thời hạn. Marcel chỉ mang theo một túi xách. Tôi đóng thêm một vali nhỏ cho mình và con. Jean-Pierre ngủ say suốt cả chuyến đi trong vòng tay tôi.

Chúng tôi đến Marseille vào chiều muộn rồi lập tức đi tìm thuê một phòng nghỉ gần bến cảng mà

chồng tôi cùng quân nhân và thường dân sẽ ra khơi đi An-giê-ri vào sớm mai.

Công cuộc truy tìm phòng trọ có vẻ khó khăn hơn tôi tưởng. Nhân viên lễ tân từ chối chúng tôi ngay khi nhìn thấy đứa nhỏ tôi ôm trên tay. Không một lời cầu xin hay mua chuộc nào có thể lay động trái tim con người này. Sẽ chẳng có căn phòng nào dành cho chúng tôi.

Không còn cách nào khác, chúng tôi đành phải qua đêm trên phố. Trời đã tối từ mấy tiếng đồng hồ trước. Mệt mỏi và chán nản, chúng tôi lang thang trên những con đường vắng tới khi phát hiện thấy một cổng vào nằm khuất lấp, hi vọng có thể ẩn núp tạm nơi đây.

Tôi cho Jean-Pierre bú và cố gắng rửa ráy cho thằng bé bằng chai nước Marcel mua. Giờ chúng tôi ngồi trên bậc thềm dẫn lên một cánh cửa bên hông lối vào và rủ rủ nói chuyện. Một bên cánh cửa bỗng bật mở. Một người phụ nữ bước ra và nói với chúng tôi: “Các vị đang làm gì ở đây?”, rồi cô hỏi tiếp với vẻ phân vân: “Hai người không định qua đêm với đứa trẻ như thế đấy chứ?”

Khi chúng tôi thuật lại hoàn cảnh của mình, cô mời chúng tôi vào nhà. Cô sống ở tầng một. Ở đây chúng tôi được tắm rửa, và người phụ nữ tên Rose nhường giường của cô cho chúng tôi. Bản thân cô lại ngủ sô-pha.

Kiệt sức và vui sướng vì lòng nhân hậu của cô, chúng tôi lên giường. Chuẩn bị chìm vào giấc ngủ,

chúng tôi nghe thấy tiếng gõ cửa. Rose mở khóa và chúng tôi có thể nghe thấy tiếng cô nói: “Không, xin lỗi cưng. Hôm nay tôi có khách khác ở đây. Tối mai hãy quay lại nhé. Hẹn gặp lại!”

Rose là gái bán hoa. Và cô vừa đuổi khách không một chút do dự để giúp chúng tôi.

Sáng hôm sau chúng tôi dậy từ sớm. Cô đã chuẩn bị sẵn bữa sáng, đặt trên chiếc bàn bếp nhỏ: Cà phê sữa và bánh mì dài. Và bởi cô không biết liệu đứa nhỏ có còn bú sữa mẹ hay không, cô còn chuẩn bị sẵn thêm một cốc sữa. Cô ngồi cùng chúng tôi và hỏi thăm xem chúng tôi chuẩn bị đi tới đâu. Chúng tôi kể cho cô nghe chuyến hành trình dự kiến của mình trước khi từ biệt.

Chúng tôi muốn gửi chút tiền trả ơn, cô nhắc chúng tôi một cách thân thiện và từ chối, không nhận bất cứ thứ gì. Thay vào đó, cô viết địa chỉ, đưa cho chúng tôi và đề nghị gửi cho cô một tấm thiệp từ An-giê-ri thay lòng biết ơn.

Tôi xúc động vô cùng khi cô ôm thật chặt trước lúc rời đi. Ở mảnh đất này cũng có những người thật giàu lòng trắc ẩn, ngay cả khi họ, như Rose, có cuộc sống thật đơn sơ.

Được ăn cả, ngã về không

Niềm kinh hãi trước cảnh biến động mà tôi đã lường trước chuyến đi còn lớn hơn nhiều so với nỗi lo sợ

cho hệ quả tương lai của những việc chúng tôi đã làm. Hai đứa quyết định sát giờ tàu nhỏ neo mới đến điểm ghi danh dành cho các quân nhân.

Chúng tôi quan sát tất cả từ xa. Khi không còn ai xếp hàng trước cổng lên tàu, chúng tôi mới sải bước về phía người đàn ông làm nhiệm vụ kiểm tra. Marcel đưa cho ông ta giấy tờ và nói rành mạch: “Suýt chút nữa thì chúng tôi lỡ mất chuyến tàu. Đây là vợ và con trai tôi. Giấy tờ sẽ tới ngay bây giờ.”

Người đàn ông liếc nhìn chúng tôi. Chúng tôi đứng đợi những “giấy tờ” cố nhiên chẳng bao giờ đến. Tàu chưa thể nhỏ neo bởi chúng tôi vẫn chưa lên. Trên cầu có tiếng hỏi nguyên nhân chậm trễ. Khi nhân viên kiểm sát nói vọng lên rằng ông còn đang đợi giấy tờ trên đường tới, một mệnh lệnh được phát xuống: “Cho lên, chuyện đấy tính sau. Muộn mất hai mươi phút rồi.”

Chỉ với mấy tiếng “Cảm ơn sếp!”, chúng tôi lướt nhanh qua người đàn ông với đứa con và túi xách trên tay. Bước một thành công!

Chúng tôi dành cả ngày tới tận hoàng hôn bên nhau. Để tránh gây chú ý, Marcel mang hành lý lên boong và thả mình lên cái ghế nằm dành cho anh. Tôi tự tìm cho mình một chỗ dưới thuyền cứu hộ. Trời đã tối hẳn từ lâu, nhưng chẳng mấy chốc, tiếng khóc thất thanh của đứa con đang ướt sũng của tôi thu hút sự chú ý của một sĩ quan.

Người đàn ông đưa chúng tôi lên buồng chỉ huy, nơi tôi kể lại với vẻ ngây thơ, rằng mình chỉ đi theo

chồng dù quả là không có giấy tờ. Marcel bị triệu tập. Ông ta nói căng thẳng:

“Bây giờ không kịp quay lại nữa. Tôi biết làm thế nào với hai người đây?”

Marcel không giấu được nỗi vui mừng. Anh tỏ vẻ bối rối, nhìn chằm chằm xuống sàn mà không nói một lời.

“Tôi muốn được ở bên chồng mình nơi chiến trận”, tôi mở miệng giải thích mục đích của mình. “Quyết định nằm ở Ngài, Ngài Thuyền trưởng. Nếu Ngài không cho phép, cứ tự nhiên ném hai mẹ con tôi xuống biển. Tôi sẵn sàng.”

Ông chỉ huy nhìn tôi. Một phút tĩnh lặng đằng đẵng trôi qua. Ông quay về phía Marcel rồi nói:

“Cậu trẻ à, khi cập bến, anh nhất định sẽ bị bắt. Nhưng hiện tại hãy chăm sóc cho vợ con mình đi.”

Ông hướng về chỗ hai người thủy thủ đã dẫn chúng tôi vào và ra lệnh: “Chuẩn bị cho phu nhân này và đưa trẻ một chỗ ngủ, tìm cho họ cái gì lót dạ nữa.”

Vui mừng khôn xiết, chúng tôi sụp xuống trong vòng tay nhau. Ông chỉ huy lắc đầu cười, tôi nghe tiếng ông nói: “Hai người điên thật rồi!”

Lạ lẫm ở phương xa

Tôi chịu đựng chuyến tàu dài hai ngày khá hơn dự tính, ngay cả khi cố gắng đến mấy cũng chẳng

ăn được gì vì say sóng. Chúng tôi cập bến Bắc Phi và rẽ sóng biển xanh về hướng Algiers, thành phố trắng toát trong ánh nắng mặt trời. Tôi cảm nhận bầu không khí ấm áp. Như tất cả những hành khách khác, chúng tôi rời khỏi con tàu ngay khi nó cập bến.

Đây không phải trạm dừng chân cuối cùng của chúng tôi. Trong hai giờ tiếp theo, chúng tôi phải rời khỏi Algiers để bắt tàu hỏa tới doanh trại quân đội Pháp tại Sidi-Bel-Abbes ở Tây Nam An-giê-ri. Ở đó có rất nhiều lính lê dương từ khắp nơi trên thế giới, trong số đó có một quân nhân cũng lấy vợ người Việt Nam. Hai người đã hứa sẽ giúp đỡ Marcel nếu có một ngày tôi cùng đến An-giê-ri. Và tôi cũng có thể lưu lại ở đó khoảng thời gian đầu, bởi ngay trong ngày hôm đó, Marcel phải khởi hành đi Tlemcen, nằm ở vùng Tây Nam Oran.

Trong lúc chồng tôi đang bận rộn sắp xếp hành lý cho chặng hành trình tiếp theo, tôi quyết định gạt đi những cảm giác uể oải trong lòng bằng cách thăm quan thành phố cùng đứa con trên tay. Tại đây, ở “Algiers Trắng”, một tên gọi khác của thành phố, vài thiếu niên người châu Âu ngồi bên hiên quán cà phê ven đường, cười nói vô tư bên cốc rượu Pastis, không để ý đến tôi. Qua kiến trúc, người ta có thể thấy rõ tầm ảnh hưởng của Pháp tới nơi này. Nếu không nghe ra những giọng nói tiếng Ả Rập, tôi còn hằng tưởng mình đang ở Marseille.

Những người bán hàng rong địa phương hòa mình vào đám người châu Âu, và sự hiện diện của vô số lực lượng cảnh sát không mấy may ảnh hưởng gì tới sự hài hòa này.

Gần sát tôi là một thành phố cổ với khu phố An-giê-ri tên Kasbah. Những thương lái ồn ào chào mời tôi mua hàng bằng một thứ ngôn ngữ lạ lẫm. Lần đầu tiên trong đời, tôi nhìn thấy những người phụ nữ mặc bộ đồ trắng toát, họ được gọi là “Fatma”. Họ giấu kín gương mặt sau lớp voan, tôi không hiểu tại sao.

Mùi hôi thối xộc mũi từ những tảng thịt cừu bao phủ bởi ruồi nhặng treo trước các gian hàng hòa trộn với mùi thơm từ vô số các quán ăn, món làm từ cơm bột mì, hay còn gọi là Couscous, cá nướng than và Meshui, một món ăn làm từ thịt cừu hoặc thịt linh dương, đang được bày bán.

Đàn ông khoác trên người những áo choàng dài nom hơi giống sơ mi với ống tay rộng và mũ, gọi là Dschellabah, một số người đội khăn xếp, những ông già với chòm râu dê, lẫn trong đó có cả những đứa trẻ gầy nhẳng như trong bộ quần áo cũ nát, nô đùa chạy quanh chúng tôi. Từ một góc xa vang lên tiếng Ả Rập. Một vài binh sĩ da trắng đeo súng bước xuống từ cầu thang dốc đứng dẫn xuống hàng rào thép gai giữa hai con hẻm nhỏ.

Một số mảng tường đất từng một thời sơn trắng của những ngôi nhà xây theo phong cách của người

Moor bây giờ mang đầy những khẩu hiệu chính trị, như “Libérez Messali!” (“Hãy phóng thích Messali!”). Người đàn ông này, theo tôi được biết, đã khởi xướng một cuộc vận động cách mạng vào cuối những năm hai mươi. Những khẩu hiệu thế này nhắc nhở người qua lại rằng họ đang ngụ tại một mảnh đất khao khát độc lập và đang chiến đấu chống lại những kẻ xâm lược và ngoại đạo bằng tất cả những gì nó có.

Những tòa nhà cổ kính với tranh tường khảm đã mục vỡ đến nửa, một số với cổng vòm dát gỗ tỉ mỉ và công phu tương phản rõ ràng với những gian hàng xuống cấp nối với nhau bởi ban công và những căn hộ đơn sơ xấu xí chần sau chần song sắt.

Những căn nhà này phần lớn được kết nối bằng đường cầu thang và hành lang. Sự hỗn độn của những ngôi nhà chồng chéo lên nhau tới tưởng như không cách nào qua được tỏa ra một bầu không khí quỷ dị. Tôi không dám tiến vào sâu hơn mà quay ngược về hướng cảng. Mùi cá xạc đin mới nướng quyến rũ đến mức làm tôi đói cồn cào. Khi tôi về tới bến cảng, Marcel cùng đi với chúng tôi đến nhà ga.

Tới nơi, chúng tôi chen lấn qua đám đông, lên tàu và ngồi vào một băng ghế hẹp. Chỗ tựa lưng cứng nhắc làm tôi phải suy nghĩ xem liệu đứng hẳn lên có thoải mái hơn hay không. Toa tàu chúng tôi đông dần và tôi bắt đầu giết thời gian bằng cách quan sát những người đồng hành.

Gửi lời theo gió

Với những người Chân Đen - tên gọi những người da trắng để ở An-giê-ri - và những người phụ nữ mang mạng che mặt, chúng tôi di chuyển cùng rất nhiều quân nhân và lính lê dương nước ngoài đến Sidi-Bel-Abbes. Chúng tôi ngờ rằng, một vài trong số đó có thể đã từng có mặt ở Việt Nam. Cựu binh già ngồi cạnh những đồng đội trẻ tuổi, chẳng lớn hơn Marcel là bao. Chúng tôi nói chuyện với nhau, và một người rút từ trong túi ra một bức ảnh. Với nhiều tia luyến tiếc hơn kiêu hãnh ánh lên trong mắt, anh chỉ chúng tôi xem người “Con gái xinh đẹp” của ăm, người đang đợi ông ở Sài Gòn. Tôi ngắm nhìn những đường nét tinh tế trên gương mặt người phụ nữ trẻ. Những người yêu nhau lại một lần nữa bị chiến tranh chia tách, tôi nghĩ. Tôi cười với người đàn ông trẻ tuổi, đồng cảm, và chúc anh sớm được ôm người thương yêu trong vòng tay. Anh chỉ cất lại bức ảnh trước khi rời đoàn tàu để tới nơi đóng quân tại Bufarik, nam Algiers. Tàu chúng tôi chạy qua vùng đồng bằng Mitidja. Khu vực này có vẻ rất màu mỡ, cạnh những cánh đồng rau xanh như trải vô tận là những khóm cây ô liu xen kẽ cùng cây cam. Hoa quả và rau xanh vượt qua cả tầm mắt! Ít nhất, chúng tôi cũng sẽ không bị đói, tôi nghĩ thầm.

Sau nhiều tiếng đồng hồ, chúng tôi rời con tàu đã tới bến Sidi-Bel-Abbas. Ngay sau khi Marcel

được cất tạm đồ đạc vào một căn lều của đoàn lính lê dương, chúng tôi lên đường tìm cặp đôi đã hứa giúp đỡ chúng tôi khi trước. Sau vài lần lạc lối trong những con hẻm nhỏ, cuối cùng chúng tôi cũng tìm được căn hộ của họ. Trả lời tiếng gõ cửa của chúng tôi là một người đàn ông châu Âu cao lớn với nước da nhợt nhạt và khẩu súng lục cài thắt lưng. Đứng sau ông là người phụ nữ trẻ với khuôn mặt Á châu. Tôi mừng rỡ khi được gặp một người đồng hương. Theo tôi được biết, người phụ nữ tới từ Sài Gòn.

Người đàn ông nhận ra Marcel và dẫn chúng tôi vào trong. Sau cuộc chuyện phiếm bên ly trà và một miếng bánh quy khô cho con trai tôi, hai người mới thú thực rằng họ tuyệt nhiên không hề có ý định giúp đỡ chúng tôi hay có chỗ cho tôi trú tạm trong khoảng thời gian đầu. Trái lại, họ còn nói đã vô cùng ngạc nhiên khi nhìn thấy chúng tôi. Có lẽ ngày đó họ chỉ nói sẽ giúp chúng tôi theo phép lịch sự, chứ không thực sự nghĩ rằng có một ngày tôi lại tới thật. Và thế là chẳng đầy nửa tiếng đồng hồ sau, chúng tôi đã lại đứng ngoài đường, mệt mỏi và thất vọng. Chúng tôi chẳng còn lựa chọn nào khác ngoài tìm phòng trọ cho tôi và con.

Marcel để lại cho tôi nhiều tiền hơn cần thiết để mẹ con tôi có thể sống được trong một vài tuần. Anh phải rời đi Tlemcen lập tức. Rồi với một vòng ôm vội và cái hôn cho con trai, anh biến mất mà chẳng

kịp nói với tôi khi nào, bằng cách nào, hay thậm chí liệu anh có về đón tôi hay không.

Tôi đóng cửa phòng trọ và thả mình lên giường. Tôi nằm đó, ngắm những khuôn mặt thiên sứ trắng toát đắp trên trần, chẳng còn sức mà nghĩ về tương lai.

Cô đơn sẽ nửa

Sau đêm ngắn, tôi bị đánh thức bởi âm thanh hò la bằng tiếng Ả Rập từ một nhà thờ Hồi giáo. Chẳng mấy chốc mà tôi cùng con đánh bạo ra phố. Trước đó, tôi đưa một tấm bưu thiếp cho một Fatma to béo ở quầy lễ tân, nhờ bà gửi cho Rose. Bà còn chỉ cho tôi, hết sức có thể bằng tiếng Pháp, cửa hàng tạp hóa nằm ở đâu.

Trên phố, cuộc sống thật náo nhiệt. Xe tải cũ gi nhèm với động cơ và còi to ồn ào chờ không biết bao nhiêu là cam và rau củ. Ô chờ hàng của những phương tiện giao thông khác chất đầy đệm. Giữa những người đi xe đạp, những chiếc xe mà tôi chắc chắn rằng đã từng chở cả ông bà họ qua bao chặng đường, thỉnh thoảng xuất hiện một vài chiếc Peugeots cũ trong giao thông như nêm cối. Lâu lâu lại có chiếc Jeep lướt qua tôi, bao giờ cũng với hai quân nhân trang bị súng máy ở trong.

Tôi mua mấy quả cam và cá xacđin nướng, những thứ giờ đã trở thành một dạng lương thực chủ yếu

đối với chúng tôi, bởi chúng rẻ như bèo, mà lại cũng rất hợp với khẩu vị. Tôi vui mừng vì đủ sữa để cho con bú và thằng bé như vậy sẽ không bị thiếu chất.

Những người thương lái và tôi giao tiếp bằng tiếp Pháp và thỉnh thoảng bằng tay nếu bức thiết, khi chúng tôi không thể cố thêm được nữa. Chỉ sau vài ngày, tôi đã có thể đếm được đến mười bằng tiếng Ả Rập.

Nhiều phụ nữ châu Á sống tại Sidi-Bel-Abbes hơn tôi tưởng lúc đầu. Một hôm nọ, vừa lúc đi chợ, tôi tình cờ gặp một người Việt Nam chào tôi rất thân thiện. Chúng tôi nói chuyện một lúc. Người phụ nữ quê ở Huế mang tên Liên. Cô sống ở An-giê-ri đã được hai năm cùng với chồng là một lính lê dương, căn hộ nhỏ của hai vợ chồng không cách khu nhà trọ tôi ở là bao. Bởi vì không có con nên phần lớn thời gian cô sống một mình. Liên hân hoan khi trông thấy một gương mặt lạ mà quen và thường mời tôi cùng con trai qua nhà chơi. nặng lòng nhớ quê hương, cô hỏi tôi tình hình quê nhà, nơi đã quá lâu rồi cô chưa có cơ hội nhìn lại. Bên tách trà xanh, tôi kể cho cô nghe về cuộc phiêu lưu vượt đại dương của mình, còn cô nói tôi biết về cuộc sống ở An-giê-ri.

Tôi nghe được về tình hình ngày càng bất ổn tại đây, về những vụ khủng bố liên miên ngày càng lấy đi nhiều mạng người và những phương pháp trả đũa tàn bạo.

Gần như ngày nào trong những tuần đầu tiên tại Sidi-Bel-Abbes chúng tôi đều cùng nhau. Niềm vui kết tình bạn mới giúp nổi cô đơn xa cách chồng của chúng tôi vơi đi đáng kể.

“Tôi... không hoan nghênh cô!”

Marcel đột ngột trở về vào tháng Mười, mệt mỏi và căng thẳng. Sau khi ăn vài món hoa quả, anh kể với tôi rằng trong thời gian vừa rồi, anh đã lo xong bản sao chính thức của những giấy tờ tôi cần qua một thẩm phán tại Tlemcen. Anh còn tìm được một căn hộ. Chúng tôi định sẽ lên đường đến Tlemcen với anh ngay hôm sau.

Với Jean-Pierre ngồi trong lòng, lúc đầu thằng bé có vẻ ngộ ngậy kém thoải mái, anh nghe tôi kể về người bạn tôi mới kết thân là Liên và về khoảng thời gian chúng tôi bên nhau. Chúng tôi cùng đi thăm cô để tôi có cơ hội nói lời từ biệt. Trùng hợp làm sao, chồng cô ấy cũng vừa mới trở về sau khi làm nhiệm vụ tại Algiers. Hai người đàn ông nói chuyện trong lúc tôi và Liên chuẩn bị cơm chiều. Sau một buổi tối dễ chịu bên nhau, chúng tôi cáo biệt và gửi lại địa chỉ nơi ở mới.

Trong những giờ tàu chạy đầu tiên, cảnh trí chung quanh chẳng thay đổi là bao. Nhưng chẳng mấy chốc mà trước mắt chúng tôi là những cây xương rồng

mọc thành hàng dài hai bên bờ con sông đã cạn tro đáy và vô số những vườn nho nay đã trở thành trang trại ô liu. Một người Chân Đen đứng tuổi gốc Tây Ban Nha từ Orleansville trên cùng chuyến tàu kể chúng tôi nghe về đồng hoang tàn khốc khiếp mà cơn động đất để lại hai năm trước, 1954, tại thành phố của ông. Đoàn tàu bỗng giảm tốc độ và tôi ngạc nhiên trông thấy một loạt những giàn gỗ chạy dọc đường ray xe lửa, cao trên mặt đất khoảng một mét, Marcel giải thích rằng ấy là tàn tích của những cột điện thoại bị đánh đổ trong một trận chiến cách đây không lâu.

Phương tiện giao thông tại Tlemcen cũng không khác gì ở Sidi-Bel-Abbes. Những người phụ nữ, lúc không bán vé số, đồ chơi hay dầu ô liu, đứng chờ khách cạnh những gian hàng nhỏ xíu bên lề phố. Tôi để ý thấy phần lớn những người lính chúng tôi gặp mặt đều mang súng, và điều ấy chợt nhắc nhở tôi rằng hiểm nguy vẫn đang lẩn quất khắp nẻo chốn này.

Ở Bel Air, trong khu phố trên, có một ngôi nhà lớn nằm ngay cạnh bờ đá dốc, căn hộ mái hiên của chúng tôi nằm trong đó. Chúng tôi gõ cửa, và một người phụ nữ da trắng cao lớn với cặp mắt xanh ra trả lời chúng tôi.

Nhận ra Marcel, bà ném ánh mắt ngạc nhiên về phía tôi và con trai. Bà ta quay lại phía Marcel: “Anh không hề nói với tôi rằng vợ anh không phải người da trắng! Nếu sớm biết, tôi đã không bao giờ cho

các người thuê nhà. Nhưng giờ đã muộn quá rồi, các người vào đi.”

Sợ sẽ làm bà thay đổi ý kiến, tôi theo vào mà không hé một lời. Lòng tôi lại một lần nữa tràn đầy phiền muộn.

“Ai đó?”

Căn hộ ẩm cúng và khá rộng rãi với chúng tôi. Trong đó đã có sẵn một căn bếp, phòng tắm và một phòng sinh hoạt lớn. Bên ngoài còn có một cái hiên rộng nối sang những nhà bên cạnh với những chậu cây ăn quả lớn.

Từ lúc đó, chỉ thỉnh thoảng Marcel mới có cơ hội ở cạnh chúng tôi bởi anh liên tục phải qua lại giữa Tlemcen và Oran. Thời gian ở nhà, anh dành để chỉ tôi, ví dụ, làm thế nào để đun nước sôi chỉ bằng hai sợi cáp. Anh cố định một sợi dây điện vào một bình kim loại, sợi còn lại vào một lưỡi dao lam được gắn vào một cái nút bần. Sau đó anh thả cái nút ấy ngập trong nước lạnh. Cả hai sợi cáp, anh đút giữ trong một ổ điện cho tới khi nước sôi. Hệ thống này giúp cuộc sống chúng tôi được tiện lợi hơn, đặc biệt vào những lúc bếp củi không cháy, hay chỉ chịu cháy nếu tôi đổ vào đó một cốc dầu.

Nhưng cũng có những điều kỳ quặc. Tôi đã phải tập làm quen với việc ngủ trên hai chục quả lựu

đạn thảo chốt chốt trong một cái rương dưới gầm giường. Thi thoảng một ý nghĩ thoáng hiện trong đầu tôi, rằng sẽ thế nào nếu chúng tôi nổ tung lên trời khi đang yêu nhau. Bởi đạo này, hiếm có một ngày trôi qua mà không có ai bị ám sát, hay không quả bom nào phát nổ. Tới giờ, tôi đã có thể di chuyển thoải mái quanh thành phố mà không bị quấy rầy, mặc dù điều ấy không có nghĩa rằng những căng thẳng ngày càng tăng không tồn tại. Tất cả người châu Âu đều ở trong nhà, và chỉ ra cửa hàng khi đặc biệt cần thiết. Trẻ con đã không được đến trường từ lâu. Một hôm, thừa lúc Jean-Pierre đang ngủ, Marcel tháp tùng tôi tới khu chợ lớn, nơi có mái che một phần. Anh cầm lăm lăm vũ khí, quan sát kỹ không bỏ sót một ai. Khi chúng tôi mua bán xong xuôi, hai người đàn ông lớn tuổi mặc áo Burnus xám, một dạng áo choàng len có mũ trùm, đi qua và ném những ánh nhìn hằn học về phía chúng tôi, tôi nghe thấy họ gọi theo “Rumi!” (“Dân theo đạo Thiên Chúa!”), trước khi hai kẻ ấy nhỏ nước bọt sau lưng chúng tôi.

Cách chúng tôi vài trăm mét vang lên ngay sau đó ba tiếng nổ. Một gã trai trẻ chạy qua và ném ba quả lựu đạn vào cửa hàng và quán cà phê. Sau các tiếng nổ, dân địa phương bỏ ra từ các ngôi nhà và cùng với người qua đường quen biết vây quanh thủ phạm. Bằng cách đó họ đã giúp đỡ hắn trốn thoát.

Đây không phải lần duy nhất tôi giáp mặt với nguy hiểm. Chẳng lâu sau đó, mấy thằng bé Ả Rập chọi đá vào tôi, chúng bỏ chạy ngay khi Marcel chia súng lên đe dọa. Sau đó chúng tôi cài lựu đạn cầm tay và đặt các hộp kim loại để trước hiên như một hệ thống cảnh báo. Ngay từ đêm đầu tiên, mấy hộp sắt đã kêu loảng xoảng lúc chúng tôi đang say ngủ. Giật mình, Marcel vớ lấy súng và hỏi to: “Ai đó?” Hai tiếng nổ vang lên thay câu trả lời: hai con mèo của bà chủ nhà vô phúc lạc vào bẫy của chúng tôi!

“Sự kiện không may” này đương nhiên dẫn tới hậu quả là chúng tôi bị đuổi ra khỏi căn hộ ấy, và tôi cùng con trai lại một lần nữa phải vào khách sạn ở.

Hân hoan

Bà Fatma làm việc tại quầy lễ tân có vẻ là một người rất thích giúp đỡ. Bà luôn chuẩn bị sẵn một tách trà bạc hà cho tôi và con trai, và bởi khách sạn tương đối vắng khách, bà thường đề nghị trông thằng bé hộ để tôi có thời gian làm việc riêng. Tôi vui vẻ nhận lời bà và sung sướng về việc không phải suốt ngày ru rú trong căn phòng với bầu không khí hiểm nguy và ngột ngạt.

Một ngày nọ, lúc bà đang trông thằng bé, Marcel mang tôi đến căn cứ của anh ở Tlemcen. Trước đó vị thẩm phán làm xong giấy tờ cho tôi, và kể từ lúc này

tôi được phép chính thức đi lại trên khu vực này với tư cách là một công dân Pháp.

Chúng tôi đi qua một chốt của lính đặc công Pháp, những người đang cố gắng giữ gìn trật tự trị an của thành phố. Marcel tự hào chỉ tôi vị trí anh hay làm việc nhất. Cách đây không lâu, anh tự dựng cho mình một quán bar nhỏ với những phương tiện đơn sơ nhất.

Những quân nhân khi trở về căn cứ có thể nghỉ ngơi ở đây. Anh căng một chiếc dù làm mái che, gắn lên đó một cái bao cao su thổi phồng lên như một thứ trang trí. Trên sân trong tòa nhà có trồng mấy cây cam. Tôi nhìn quanh để chắc chắn không có ai lảng vảng gần rồi cố gắng giấu thật nhiều quả chín vào túi tôi khi không thể mang được nữa và quay trở về nhà trọ.

Có một bất ngờ đợi tôi ở quây lễ tân: Liên đến! Chồng cô hiện cũng đang đóng quân tại Tlemcen, và khi cô muốn thăm chúng tôi, người chủ nhà cũ đã chuyển cho cô địa chỉ khách sạn tôi đang ở. Chúng tôi ôm chầm lấy nhau trong hân hoan. Liên giờ đang sống ở phía bên kia thành phố, và như thế, chúng tôi hẹn gặp lại nhau trong những ngày tiếp theo. Tôi sung sướng cảm tạ Trời Đất đã cho tôi gặp lại người bạn gái.

Gieo gió gặt bão

Việc nấu ăn trong phòng khách sạn đương nhiên bị cấm hoàn toàn, nhưng tôi không để mình bị gò trong khuôn khổ. Tôi thường tự nấu cơm cho mình với một cái hộp sắt và xắt cá trộn vào đó.

Vào một ngày tháng Một năm 1957, lúc đang làm sạch một mớ cá trích, thì tôi bị bất tỉnh. Con trai bò về phía tôi mà níu tóc, tiếng khóc của nó làm tôi tỉnh lại. Nằm trên sàn bếp lạnh, mặt úp vào mấy con cá trích, tôi dần dần nhận ra mọi thứ xung quanh. Vậy là đã rõ: Tôi lại có bầu. Tôi chưa muốn cho Marcel biết và chỉ chia sẻ với Liên. Cô mừng cho tôi.

Tình hình xung quanh chúng tôi lúc này dần trở nên căng thẳng. Một ngày nọ, khi Marcel không trở về khách sạn như thường lệ, suốt cả đêm tôi nằm thức chong chong. Chuyện gì đang xảy ra thế này?

Mãi buổi tối hôm sau anh mới trở về. Ở Oran anh tìm mà không thấy chuyến tàu trở về Tlemcen. Rồi anh lại lỡ mất đoàn tàu ở cả bến tiếp theo. Cuối cùng, anh bỏ cuộc. Sau đó, khi nghe tin chính đoàn tàu ấy bị nổ tung lên không khí, Marcel gần như không thể tin nổi vận may của bản thân.

Không lâu sau đó, anh mang về một chiếc xe nôl cũ cho Jean-Pierre. Anh kể với tôi về người đó, rằng anh ta là một người tình nguyện gia nhập vào đội dân quân vũ trang và sau đó bị thất vọng vô cùng. Như rất nhiều những người nông dân khác trong

khu vực, anh ta sống cả cuộc đời cùng gia đình trong một nông trại không xa Tlemcen. Một ngày nọ, nông trại bị một nhóm quân giải phóng thuộc Mặt trận giải phóng dân tộc FLN tấn công cướp bóc. Bản thân anh trong thời gian ấy lại đang ở trong thành phố. Không một ai sống sót qua trận thảm sát, mọi gia đình đều bị giết tiệt. Đàn bà bị mổ bụng và nhét đá vào trong. Đàn ông nằm la liệt với bộ phận sinh dục nhét trong mồm cạnh những đứa trẻ bị tàn sát.

Những nông trại như vậy thường bị buộc sơ tán bằng trục thăng. Tôi hiểu quá rõ nỗi khổn cùng của những con người tội nghiệp này.

Câu chuyện khiến tôi thấy rõ ràng, rằng những cuộc thảm sát như vậy chỉ đem lại ngày càng nhiều những chiến dịch đàn áp hơn. Chẳng mấy chốc, tôi cũng chẳng còn bất ngờ trước những câu chuyện về quân nhân khoe khoang những thứ chiến tích ghê rợn, chẳng hạn một cái vòng cổ được kết lại bằng tai của kẻ thù.

An-giê-ri đã bị cuốn vào vòng xoáy bạo lực của chiến tranh và thù hận.

Gian nan

Tháng Hai, Marcel đột ngột bị điều về Bufarik, và tôi biết, chỗ tiền ít ỏi còn lại chẳng còn đủ dùng bao lâu nữa. Tôi phải làm gì đó, nhưng làm gì?

Tôi chợt nhớ tới những vườn cây ô liu và nông trại trồng cam ở gần đây. Để con lại cho bà Fatma coi sóc, tôi bất chấp nguy hiểm lên đường, cố gắng kín đáo lượm nhặt hết mức có thể những hoa quả rụng trên mặt đất. Những thứ này về sau được tôi bán lại với giá rẻ bên lề chợ cho những người dân bản xứ - một trò giễu cợt của định mệnh chăng?

Sau một vài tuần, tôi cảm thấy hình thức kiếm tiền này mang quá nhiều rủi ro. Tôi phải nghĩ ra cái gì đó khác, và tôi hỏi ý bà Fatma, xin đổi một trong những bao tải hoa quả tôi thu lượm được lấy một cái bàn là điện cũ của bà. Trên phòng, tôi cố định phần tay cầm của cái máy xuống dưới và như vậy, tôi có thể nướng thịt hay cá ở trên mặt bàn là. Rồi, ý tưởng tiếp theo, tôi tới một bột lính Pháp, và với một nụ cười mê hoặc, tôi giới thiệu với họ về dịch vụ giặt là quần áo của tôi. Tôi còn gì để mất? Và quả vậy: sau khi qua kiểm tra giấy tờ, tôi nhận được công việc, ngày một lần tôi nhận quần áo bẩn, đem về giặt giữ là lượt, ngày hôm sau đem giao lại tại đây.

Và tôi đã thành công! Tôi giặt quần và áo sơ mi trong chậu và bồn rửa trong phòng rồi phơi chúng trước cửa sổ cho khô. Sau đó, tôi là lượt lại tất cả mọi thứ. Bà Fatma tốt bụng, người đã nhắm một mắt cho qua việc nấu nướng trong phòng, giờ phải nhắm cả hai mắt làm lơ bởi cầu dao điện phòng tôi ngày nào cũng sập. Bà cam chịu tất cả với một nụ

cười thân thiện. Thế là chẳng còn gì cản trở phương thức kiếm sống mới của tôi nữa.

Tôi muốn làm Marcel bất ngờ khi anh trở về mấy tuần sau đó. Đây tự hào, tôi chỉ cho anh xem cái hộp đầy tiền tôi kiếm được. Phản ứng của anh khác hẳn với những gì tôi mong đợi. Anh giận dữ đẩy tôi ngã xuống giường: “Cô lấy đâu ra số tiền kia? Cô đã làm trò gì vậy? Có phải cô đã ra đường đánh đi không?”, anh vung tay lên quát. Tôi chưa bao giờ thấy anh như thế.

Tôi đứng dậy, nhìn thẳng vào anh và từ tốn giải thích làm cách nào tôi kiếm được một khoản đáng kể như vậy. Lúc bấy giờ, với nét mặt thiếu ngủ, anh ngồi sát vào tôi rồi ôm tôi trong vòng tay. Anh xin lỗi vì phản ứng của mình và ghì tôi thật chặt.

Tôi kiếm được khá nhiều nhờ công việc kia, còn nhiều hơn số anh kiếm được trong vài tháng.

Của Trời cho

Lúc này Marcel lại phải luân chuyển qua lại giữa Tlemcen và Oran. Bởi vậy mà tôi buộc phải bớt nhận các hộp đồng giặt là và dành nhiều thời gian hơn cho Jean-Pierre, thằng bé giờ đã mau mắn biết đi.

Những buổi tối Marcel ở nhà, chúng tôi không bao giờ nhắc đến những cảnh bạo tàn mà anh phải bắt buộc chứng kiến. Chỉ nhìn qua vẻ mặt ngày

càng phờ phạc trong mỗi lần anh trở về đã đủ nói lên tất cả.

Một buổi tối đầu tháng Ba vợ chồng Liên đến thăm chúng tôi mà không báo trước. Chồng Liên được rảnh vài hôm, hai người có ý mời chúng tôi cùng làm một chuyến xe du ngoạn với họ vào sớm hôm sau. Họ muốn tham quan dãy núi Atlas hùng vĩ không mấy cách xa chỗ chúng tôi. Bọn tôi thực không cần phải nhắc nhở họ rằng những dự định như vậy nguy hiểm và vô lý thế nào vào thời điểm này. Xuất thân là lính lê dương, chồng Liên là người hiểu rõ nhất những hiểm nguy rình rập. Tuy nhiên anh ấy vẫn quả quyết rằng lộ trình anh chọn là an toàn. Hơn nữa, anh cũng nói, chúng tôi sẽ không đi mà không có vũ khí. Dù vậy chúng tôi vẫn cảm ơn và chối từ. Sự tình diễn ra sau đó cho thấy lựa chọn của chúng tôi là đúng đắn. Chiếc xe sa vào một ổ phục kích đã được chuẩn bị một cách kỹ lưỡng. Thi thể của hai người được tìm thấy không lâu sau đó và được những người lính trẻ đưa trở về Tlemcen.

Cái chết của người bạn gái là một cú giáng mạnh vào tâm hồn tôi. Trong giây lát tôi ý thức về môi trường mà sinh linh còn chưa chào đời đang nảy nở trong tôi phải lớn lên trong đó, ấy là nếu tôi vẫn còn sống sót. Cuộc chiến tàn bạo này chỉ biết đến những quy tắc đơn giản: “Tín đồ” chiến đấu chống lại những “kẻ vô thần”, giới tính, tuổi tác hay màu da chẳng có nghĩa lý gì ở đây!

Tôi hiểu rõ, Trời cho đi cái gì thì cũng có thể lấy đi cái ấy bất kỳ lúc nào. Tôi đã phải bỏ lại đứa con trai yêu quý ở Việt Nam; liệu tôi có sẵn sàng hi sinh đứa tiếp theo? Không, tôi không thể nào tiếp tục đem những sinh linh vô tội vào vòng mạo hiểm.

Khi trước tôi lựa chọn theo Marcel đi An-giê-ri nhanh bao nhiêu thì giờ tôi quyết ý quay trở về Pháp nhanh bấy nhiêu. Và như thể Ông Trời muốn ngỏ ý cho tôi biết quyết định của mình là đúng đắn, các bước thực hiện sau đó đã diễn ra một cách chóng vánh. Chồng tôi nhận lệnh luân chuyển tới Oran, không đành để tôi ở lại Tlemcen một thân một mình, anh đưa tôi theo cùng. Bà Fatma vừa chào vừa khóc, tôi hứa sẽ mãi giữ những kỷ niệm đẹp về bà trong tim và cảm ơn bà vì tất cả những gì bà đã làm cho chúng tôi trong thời gian qua.

Và rồi tôi cùng con trai đã yên vị trên một chiếc máy bay quân sự mang chúng tôi tới Oran. Thời khắc ấy đã tới: Tôi phải nói chuyện với Marcel.

Giọt nước mắt quả cảm

Ngay khi hạ cánh ở căn cứ Senia, chúng tôi đi taxi vào thành phố. Những đại lộ to rộng, những tòa nhà sang trọng, tô điểm thêm bằng những con đường mái vòm, những con phố dài nằm dưới bóng những cây bạch đàn lớn – tôi cảm thấy Oran có lẽ còn đẹp

hơn cả Algiers, có lẽ bởi đã lâu rồi tôi không ở tại một thành phố lớn.

Chúng tôi dễ dàng tìm được khách sạn. Vào phòng, tôi thổ lộ với Marcel chuyện mình đã có bầu và ý muốn quay trở về Pháp. Tôi nhận ra được cảm xúc buồn vui lẫn lộn trong anh, nhưng như bao lần, anh ủng hộ quyết định của tôi. “Như vậy có lẽ là tốt nhất”, anh nói.

Phải để anh lại một mình, tôi đau khổ vô cùng, nhưng trách nhiệm bảo đảm an toàn cho các con tôi lớn hơn hết.

Marcel nhanh chóng sắp xếp chuyến bay cho chúng tôi quay trở lại Lyon, và chẳng mấy chốc, vào một buổi sáng, một chiếc DC-4 đã đỗ chờ mẹ con tôi ở sân bay. Chồng tôi hộ tống chúng tôi tới tận chỗ máy bay và ôm chúng tôi thật chặt trước khi hai mẹ con lên máy bay. Thế rồi cửa đóng lại. Cố nhìn ra bên ngoài, tôi chưa bao giờ thấy Marcel như thế: Anh khóc. Lấy ống tay áo gạt đi nước mắt, anh úp hai bàn tay lên mặt.

Tôi chẳng làm gì cho anh được nữa, nhưng vào lúc này, tôi cầu khẩn Tổ tiên thay tôi giúp anh.

Người đang yêu sẽ mãi yêu

Hạ cánh tại Lyon-Bron, tôi thở phào khi lại được đặt chân trên đất Pháp. Đồng thời tôi cũng không nghĩ

ra được một lý do nào để thực sự vui mừng. Nhưng lần này, tôi chẳng còn sợ hãi điều gì nữa, bây giờ tôi cũng đã có khả năng trò chuyện bằng tiếng Pháp tốt hơn nhiều. Chúng tôi đi xe buýt tới nhà ga, ở đó tôi dừng lại mua ít bánh mỳ và hoa quả. Sau đó chúng tôi lên tàu đi Tours. Một chiếc tắc xi đưa chúng tôi tới Tauxigny, ngôi làng nơi căn hộ cũ vẫn đang chờ chúng tôi.

Nơi này vẫn y nguyên như khi chúng tôi đi. Tôi cho đứa con trai đang mệt mỏi bú và đặt nó lên giường. Mấy bông hoa khô từ bó hoa cưới của tôi vẫn nằm trên mặt tủ đầu giường. Sau khi đã pha cho mình một chén trà, tôi cất đồ đạc từ va li và nhắm tính những việc phải lo liệu ngày mai. Tôi bỏ hoa quả vào một cái đĩa làm đồ cúng để đặt lên bàn thờ mà Marcel đã đóng rồi thắp ba nén nhang. Tôi cảm ơn Tổ tiên đã phù hộ cho tôi có một chuyến hồi hương an toàn. Tôi khẩn Trời độ trì cho chồng tôi ở Angiê-ri và cho cả chúng tôi. Tôi cũng không quên cả đứa con trai tôi phải để lại ở Việt Nam, tôi hi vọng sẽ có một ngày đón nó sang cùng chúng tôi.

Tin tôi trở về cùng con trai nhanh chóng truyền đi khắp xóm. Một lần nữa tôi lại được chào đón một cách thân thiện, nhưng chỉ còn ít người tới thăm hỏi như trước kia. Vợ ông Thị trưởng vẫn thỉnh thoảng tới thăm chúng tôi, đôi lúc cũng có những đứa trẻ mang đến cho tôi ít cuốn tạp chí như dạo trước khi ra đi.

Paulette đã được thông báo qua thư. Bà đến hỏi han chúng tôi, con trai của bà và được biết về cái thai tôi đang mang trong bụng.

Như dạo trước, tôi thường cảm thấy mình bị bỏ rơi một mình. Mặc dù điều này chẳng có gì mới mẻ, nhưng tôi cảm nhận được rằng mình đã cứng rắn hơn. Thằng hoặc tôi cũng tự hỏi mình, liệu sống ở đây hay chết ở An-giê-ri hoặc Việt Nam thì tệ hơn. Tôi sợ rằng mình không còn thể yêu thương được nữa. Rồi tôi nhìn đứa con trai tôi vui vẻ dạo chơi trên đôi chân nhỏ bé của nó, rồi cảm nhận thấy cái thai đang cựa quậy ở trong bụng. Tất cả những điều ấy truyền cho tôi năng lượng, chuyển hóa sự cứng rắn thành sức mạnh và thuyết phục tôi rằng cuộc sống của mình không vô nghĩa. Tôi vẫn còn có khả năng yêu thương.

Fontaine

Ngày lại ngày, rồi bao tuần, bao tháng trời trôi qua. Xuân này tôi dành thời gian bên con trai và nhìn ngắm nhìn thiên nhiên đang bừng tỉnh từ giấc ngủ đông, trong lúc bụng tôi ngày một thêm tròn vo. Những bức thư ít ỏi từ Marcel tôi đọc đi đọc lại đến gần như thuộc lòng. Anh còn sống và rất mong đợi được gặp lại chúng tôi vào tháng Sáu tới.

Đối với Jean-Pierre, tôi là người tiếp xúc duy nhất. Chúng tôi cùng nhau nghịch vỏ ốc hay đá cuội.

Mỗi lần những cái tháp nhỏ chúng tôi dựng lên đổ ụp xuống, nó đều cười nắc nẻ. Từ lâu tôi đã cai sữa cho nó. Chủ yếu chúng tôi ăn cơm và rau, cùng với cá hoặc thịt nêm xì dầu. Thành bé gắn chặt với tôi như hình với bóng.

Một ngày nọ, người đưa thư với chiếc xe đạp cũ mang tới cho tôi một lá thư từ An-giê-ri. Tôi mời người đàn ông vào nhà như mọi lần lần. Bỗng dừng con tôi sấp lại gần, tóm lấy đùi của ông ta và nhe răng cắn. Người nhân viên bưu điện rú lên đau đớn và đánh rơi túi thư. Jean-Pierre thì đứng đó và hớn hỏ, vui mừng ra mặt vì hiệu quả của miếng cắn.

“Thành bé còn ghê hơn cả chó!”, người đàn ông tức giận hét lên và đưa tay xoa chân. Tôi xin lỗi và giúp ông thu thập lại thư từ. Jean-Pierre phản ứng như vậy rõ ràng là vì ghen tức.

Cuối cùng Marcel cũng trở về. Cuộc sum họp xóa nhòa khoảng thời gian xa cách. Muộn phiền duy nhất là hành xử của con trai chúng tôi. Nó không nhận ra cha và không muốn cho anh vào nhà. Marcel lúc đầu rất giận, nhưng về sau chỉ buồn bã. Phải mất hơn một tuần, thành bé mới nhận thức được người trước mắt nó là ai. Marcel bắt đầu suy nghĩ, liệu cách xa chúng tôi lâu như thế có còn hợp lý nữa hay không.

Vào ngày 24 tháng Sáu năm 1957, tôi vừa tỉnh giấc thì vỡ ối. Tôi lay gọi Marcel và nhờ anh đun một nồi nước. Giật mình tỉnh giấc, anh lo lắng hỏi

liệu tôi có muốn tới bệnh viện hay không. Tôi từ chối bởi không còn kịp nữa, mà tôi cũng không sợ phải sinh đứa bé một mình. Nghe theo lời tôi, anh rời phòng ngủ. Những cơn đau đẻ bắt đầu kéo tới đều đặn, tôi nghĩ tới một dòng suối trong vắt róc rách chảy để quên đi cơn đau. Và như thế, một bé gái xinh xắn chào đời, tôi đặt tên con là Fontaine.

Những điều quan trọng và vớ vẩn

Bác sỹ do Marcel gọi tới nơi khi hết thấy đã xong xuôi. Hoàn toàn lạc lõng, ông ta đứng ở chân giường, có vẻ như đang đắn đo xem nên cắt dây rốn thế nào. Mãi không thấy ông có động tĩnh gì, tôi nôn nóng nói: “Ông cứ làm đi xem nào! Hay tôi phải tự làm? Tôi biết làm thế nào đấy.”

Người đàn ông lấy lại sự điềm tĩnh và cắt rốn, trong lúc tôi quan sát kỹ lưỡng xem ông ta làm mọi việc có chuẩn xác hay không.

Khi ông bác sỹ lắc đầu rời đi, Marcel vào xóm thông báo cho mẹ anh được biết. Tôi hút mũi cho con và nhổ đi những thứ không sạch sẽ. Chồng tôi trở về, giúp tôi đặt lên dây rốn đã cuộn lại một đồng xu bạc lớn mà tôi chuẩn bị từ lâu. Tôi vui mừng khôn xiết khi lại có một đứa con gái.

Một thời gian ngắn sau đó, một người phụ nữ lạ mặt tới thăm chúng tôi. Với phục sức giản dị và đôi

bàn tay ngăm đen gỗ ghề, bà mang một vẻ khiêm tốn và dễ gần. Marcel nhận ra bà ngay lập tức và giới thiệu tôi. Ấy là dì Madeleine, một người em gái của Paulette. Khi nghe tin về đứa con gái mới sinh của chúng tôi, bà tự nhiên đan cho cháu hẳn một bộ đồ trẻ em. Rồi người phụ nữ này lặn lội cả một quãng đường xa chỉ để đem bộ quần áo ấy cho chúng tôi.

Tôi cảm động và hạnh phúc vì cuối cùng cũng được quen biết một người họ hàng tại Pháp có thiện ý với mẹ con chúng tôi.

Một vài ngày sau, con gái chúng tôi chính thức được đăng ký khai sinh với tên Fontaine Hélène. Rồi Paulette tới thăm chúng tôi, xiêm y đoan trang đẹp đẽ như mọi lần. Bà đem theo đồ chơi cho Jean-Pierre làm nó vô cùng sung sướng. Chúng tôi kể với bà về chuyến thăm của dì Madeleine. Qua giọng điệu của bà, tôi biết bà không thích chuyện ấy. “Madeleine đến đây rồi? Dì ấy tự đi cả quãng đường xa như thế ư?” Rồi bà nhìn tôi: “Cô biết không, Jacquie, dì ấy sống ở rìa thành phố. Một nông dân thực thụ.” “Có lẽ vậy”, tôi trả lời, “nhưng dì ấy thân thiện và chu đáo. Và ai biết được dì đã bỏ nhiều công sức thế nào vào cho bộ đồ kia chứ.”

Bà đổi chủ đề. Bà tỏ vẻ sững sốt khi nghe tên tôi đặt cho con gái: Bà cho rằng cái tên ấy thật nực cười. Rụt rè nhưng rành mạch, Marcel đáp lại:

“Loan là mẹ đứa trẻ. Cô ấy sinh nó ra và có quyền đặt tên theo ý cô ấy muốn.”

“Hélène còn tạm chấp nhận được. Ta có thể đặt tên nó là Hélène nhưng chắc chắn không thể là Fontaine!”, bà nói. Đã tới lúc bà ấy phải đi.

Nhấn nài, không để bà mẹ chồng có lý do mà cãi vã, tôi bế con gái nhỏ vào lòng và cười với nó một cái thật tươi. Bà ta có nghĩ gì thì tôi chẳng buồn quan tâm!

Mối nguy hiểm đến từ chiếc hộp

Tôi đặt may một chiếc áo dài bằng vải xa tanh đẹp màu xanh lá cây sẫm trong thành phố. Tôi thấy mình xứng đáng. Trang phục cổ truyền hợp với tôi nhiều hơn quần áo phương Tây, và như thế, tôi làm quen với việc ăn vận như vậy, tự tin khoác tay người chồng hãnh diện của mình đi dạo trong công viên thành phố Tours. Những con mắt ngạc nhiên và ngưỡng mộ của những người qua lại dán về phía chúng tôi. Trước khi rời nhà để quay lại An-giê-ri, Marcel tậu một khẩu súng, vì sự an toàn của chúng tôi, như anh nói. Anh sống trong cảnh giác thường trực, lúc ngủ mới thả lỏng, mà ấy chỉ là khi không cơn ác mộng nào quấy rầy. Anh còn nói với tôi rằng anh đã quá mệt mỏi với chiến tranh, và mong chờ biết bao cái ngày nghĩa vụ quân sự tại nước ngoài của anh kết thúc. Với hi vọng ấy, chúng tôi chia tay nhau vào một buổi sớm.

Công việc chăm sóc bọn trẻ dễ dàng hơn nhiều so với việc trải qua ngày dài còn lại. Chẳng mấy mà tôi đã xong hết việc nấu nướng, lau chùi và giặt giũ, thời gian sau đó đối với tôi thực dài lê thê. Khi lũ trẻ đã ngủ, tôi lại thả mình vào những tạp chí sến súa. Có lần một trong số những thanh niên hay qua lại chỗ tôi còn mời tôi thuốc lá. Tôi hít một vài hơi rồi ho sặc sụa, sau đó trả lại điếu thuốc với cảm giác khó chịu. Ngay cả khi điếu thuốc đầu tiên chẳng ngon lành gì, tôi vẫn biết ơn không khí bầu bạn do những người trẻ tuổi ấy mang lại. Vì thế mà tôi vờ rằng mình thích hút thuốc, và rồi mỗi ngày dần trở nên phụ thuộc hơn một chút mà chính bản thân cũng không ý thức.

Mới đầu tháng bảy Marcel đã trở lại. Trong lúc quân đội Pháp bị cuốn vào ngày một nhiều vào những trận chiến ở khắp An-giê-ri, thời gian phục vụ ở nước ngoài của anh kết thúc. Bây giờ Jean-Pierre đã có thể nhận ngay ra cha và cả hai bố con đều vui mừng. Marcel tỏ vẻ thông cảm về việc tôi bắt đầu hút thuốc, mặc dù anh không được vui. Và tôi cũng chỉ thỉnh thoảng nuông chiều bản thân một điếu.

Có Marcel trở về bên cạnh thật thích. Khi anh thấy tôi có vẻ mệt mỏi với công việc nhà cửa, như là khi tôi phải đun quần áo rồi cọ chúng bằng đá, anh quyết định lấy tiền tiết kiệm ra mua cho tôi một cái máy giặt. Và theo sau cái máy thần diệu xa xỉ ấy là một cái tủ lạnh. Rồi tới một sáng nọ, nhằm để tuyên

chiến dứt điểm với sự cô đơn của tôi, một cái máy vô tuyến truyền hình được chuyển về chỗ chúng tôi, với thứ này chúng tôi có thể theo sát diễn biến của tất cả những gì đang xảy ra trên khắp thế giới, đặc biệt ở Việt Nam.

Chúng tôi là người đầu tiên trong làng tự hào sở hữu thứ thiết bị như thế. Tôi đứng trước chiếc hộp lạ lùng đang chiếu lên những hình ảnh động trắng đen trong lúc một giọng nói đang thuyết minh gì đó về những hình ảnh ấy.

Chương trình đầu tiên chúng tôi cùng xem với nhau là thời sự. Yên lặng ngồi trước cái máy kỳ diệu, chúng tôi tập trung chú ý lắng nghe. Một người đàn ông đọc bản tin. Marcel hỏi tôi cái gì đó nhưng tôi không trả lời. Mặc cho anh cố gắng nặn ra một lời từ tôi, tôi vẫn khẳng khẳng giữ im lặng và ra dấu bảo anh yên tĩnh. Bất ngờ bởi hành động của tôi, anh hỏi vì có gì tôi lại không trả lời. Tôi thổ lộ nỗi lo sợ của mình: Tôi tin chắc rằng người đàn ông trong cái hộp kỳ lạ kia có thể nghe thấy tiếng chúng tôi, mà tôi không muốn thế.

Marcel bật cười và giải thích cho tôi phương pháp hoạt động của thứ công nghệ này. Chúng tôi tiếp tục với chương trình, anh hứng thú, tôi thì bị mê hoặc. Cuối cùng, người ta trình chiếu một bộ phim và tôi bỗng nhiên có cảm giác, thiết bị này phát ra nguy hiểm. Trong một cảnh có một người đàn ông chuẩn bị cướp của một người phụ nữ tội nghiệp. Không hề

do dự, tôi đứng bật dậy, một chiếc guốc gỗ trong tay, sẵn sàng hỗ trợ người phụ nữ kia. Nhưng trước khi tôi kịp ném chiếc guốc vào kẻ vô lại trên màn hình, Marcel đột ngột tắt máy vô tuyến. Phải mất một lúc tôi mới nhận ra rằng thứ tôi đang thấy đã được chấm dứt chỉ bằng một cái nhấn nút.

Kẻ ti tiện

Chồng tôi hiện đang phục vụ tại Rochefort, cách chúng tôi hơn trăm cây số, chỉ mỗi cuối tuần anh mới đi tàu về nhà. Để thỉnh thoảng trong tuần có thể thăm chúng tôi, anh tự mua cho mình một chiếc xe máy nhỏ và cố gắng về với chúng tôi, thường là trái phép. Trời đã sang thu, ngoài đồng lúa mạch vừa gặt xong. Một hôm, tôi gặp bà phu nhân ông Thị trưởng trong một hiệu bánh. Bà thân thiện chào hỏi chúng tôi, nhìn hai đứa con tôi trong xe nôi triu mến rồi hỏi liệu chúng tôi đã ăn táo chưa, bởi món này rất tốt cho sức khỏe. Tôi nói chưa và bà bảo tôi rằng mấy cây táo to nằm sau vườn nhà chúng tôi là của bà. Nếu muốn, tôi có thể nhặt bao nhiêu quả đã chín rụng tùy thích! Để không thì chúng cũng hỏng. Tôi vui vẻ đồng ý và ngỏ lời cảm ơn. Bà thực là một người phụ nữ tốt bụng.

Fontaine vẫn ngủ say ở nhà. Tôi cầm hai cái túi, đưa con trai ra ngoài nhặt táo. Hứng khởi vô cùng

với cuộc phiêu lưu, nó tập trung giúp tôi gom quả. Chẳng mấy chốc mà cả hai cái túi đều đã đầy. Chậm rãi, chúng tôi kéo lê chúng về nhà. Gần ngay trước cửa, đột nhiên người thuê đất xuất hiện từ trong góc. Ông ta đã quan sát chúng tôi suốt từ nãy và giờ đang đứng rình. “Cô làm gì ở đây? Ăn trộm hoa quả có phải không?”, ông ta nói gay gắt.

“Không”, tôi trả lời đơn giản, “bà phu nhân Thị trưởng đã cho phép tôi lấy số táo này. Chúng tôi gom quả về để tôi làm mứt.” Con trai sợ sệt trốn sau lưng tôi.

“Tôi không quan tâm cô làm gì với chúng. Tôi là người thuê đất ở đây, chỗ táo này thuộc về tôi. Nhưng mà tôi có thể bán lại cho cô, cũng không đắt đâu”, ông ta nói tiếp và bắt đầu nhăm tính. Để nhận thấy chi tiết này, cơn giận dữ cuộn lên trong tôi. Tôi tiến lại gần và dốc cạn hai cái túi. Táo rơi đầy trước mặt ông ta. Rồi tôi nắm tay con trai và nói, trước khi bỏ vào trong nhà: “Ông cứ giữ cả đi!”

Tôi đã sớm quen với thái độ hận thù của con người này đối với tôi, với ông ta, tôi chỉ còn có cảm giác khinh bỉ. Nhưng nghĩ đến chỗ hoa quả ấy rồi sẽ héo hồng tôi vẫn thấy thật tiếc.

Học phí

Chẳng mấy chốc Marcel không thể nào đồng cảm với bộ máy chính trị và quân đội Pháp được nữa.

Trước đây là những sự kiện kinh hoàng ở Việt Nam, sau này những trận chiến bạo tàn ở An-giê-ri, tất cả những thứ ấy đã trở nên vô nghĩa lý đối với anh. Bỏ ngoài tai mọi lời can ngăn của cấp trên và mẹ, anh xuất ngũ vào tháng Ba năm 1958, lòng đầy giận dữ. Anh muốn bắt đầu một cuộc sống mới với tư cách một thường dân.

Tôi ủng hộ anh hết sức như có thể. Dù vậy, tôi cảm thấy tương đối khó khăn bởi chúng tôi đã sống khá tách biệt và tôi cũng không biết anh nên bắt đầu từ đâu là tốt nhất.

Thoạt đầu Marcel tìm được công việc ở một nhà máy sản xuất đá phiến. Nhà máy nằm gần nơi chúng tôi đang ở. Những miếng đá với cạnh sắc nhọn khiến anh trở về nhà mỗi ngày với đôi bàn tay đầy vết cắt. Như thế, anh thay đổi công việc sau ba tuần và thử may mắn với công việc đại diện bảo hiểm mà không có hợp đồng. Cả anh và tôi đều không biết những luật lệ của thị trường việc làm. Anh không được một đồng lương nào cuối tháng. Mọi việc không thể tiếp tục thế này được nữa.

Lúc sang xuân có một nhà xuất bản báo chí lớn ở Tours đăng tuyển nhân viên, anh nộp đơn và nhận được vị trí. Tôi mừng cho anh biết bao! Ngày ngày anh lái xe máy đi suốt một chặng đường dài vào trong thành phố. Chẳng bao lâu sau, thất vọng đầu tiên đã tới: Thay vì được làm việc trong văn phòng như đã hứa, tạm thời anh phải đi giao báo. Anh sợ

sẽ mất công việc ở một hãng danh tiếng, nhưng trên tất cả, ấy là mẹ anh đã đi kể khắp nơi rằng con trai bà nay đã là nhân viên văn phòng, vì không muốn bị coi là kẻ thất bại, anh chọn cách không nói gì. Không lâu sau đó, họ bắt anh đi chở thêm cả những cuộn giấy lớn bằng xe tải. Ngay cả khi ấy, anh vẫn im lặng, hàng tháng trời. Sau cùng, anh còn bị bắt quét dọn văn phòng và xưởng máy vào giờ nghỉ. Anh trở về nhà trong giận dữ và mệt mỏi vô ngần. “Anh từng tham chiến để bảo vệ những con người này! Bây giờ họ lại dí chổi vào tay anh để quét dọn rác rưởi cho họ!”

Tôi khuyên anh cần phải khiêu nại. Anh cũng đã làm như thế. Họ vẫn chỉ an ủi với anh rằng việc này sẽ chỉ kéo dài thêm đôi tháng nữa. Tuy nhiên đến những hai năm sau vẫn chẳng có gì thay đổi, chỉ trừ nổi cay đắng ngày một lớn dần trong Marcel.

Đường cùng

Lúc bấy giờ là mùa thu năm 1958. Chúng tôi lại chuẩn bị có em bé và buộc phải chấp nhận sự việc như đã xảy ra, dù muốn hay không. Niềm vui của Marcel chỉ có giới hạn. “Trời ơi, lại thêm một miệng ăn...”, là phản ứng đầu tiên của anh. Lúc đầu, anh chỉ tức tối vì sự kém tin cậy của loại bao cao su chúng tôi sử dụng, thời ấy vẫn chưa có thuốc tránh thai.

Nhưng sau đó anh lại ôm tôi vào lòng bởi anh thấy được lời nói của anh đã làm tôi buồn tủi thế nào, rồi an ủi: “Thêm hay bớt một miếng ăn không phải là vấn đề.”

Tôi thì ngược lại mong chờ đứa trẻ, ngay cả khi tôi hiểu rằng sự xuất hiện của nó sẽ khiến cuộc sống hàng ngày của gia đình tôi không trở nên dễ dàng hơn. Chúng tôi luôn tìm ra cách tự xoay sở, bây giờ cũng sẽ như vậy. Cùng lúc, tôi lại nghĩ đến lời tiên tri đang dần thành hiện thực của người thầy bói thời thơ ấu. Tôi sẽ sống ở nước ngoài, ông nói, tôi sẽ sinh nhiều con và sở hữu một ngôi nhà của riêng mình. Hai điều đầu tiên ông nói rõ ràng đã ứng nghiệm, nhưng điều thứ ba, ở thời điểm hiện tại, tôi vẫn chưa hình dung được sẽ trở thành hiện thực thế nào được trong hoàn cảnh của chúng tôi. Nhưng sâu tận trong thâm tâm, tôi chưa bao giờ từ bỏ hi vọng. Có lẽ cái gì cũng cần có thời điểm của nó.

Vào một ngày khi tôi đang phơi áo quần trước nhà, một người trong làng mà chúng tôi chỉ quen sơ sất chớ đi ngang qua và hỏi một cách thân thiện: “Cô có muốn nuôi chó không? Tôi đang dư một con.” Ông chỉ con chó lai nhỏ mà tôi thấy rất đáng yêu.

Một cách hồn nhiên như bản tính của mình tôi đồng ý. Tôi luôn yêu quý động vật. Và bây giờ bọn trẻ có thêm bạn cùng chơi. Khi Marcel trở về vào buổi chiều, anh cũng rất vui. Thế là gia đình chúng tôi có thêm một thành viên mới.

Cuối tuần, tất cả chúng tôi đang ngủ say thì bị đánh thức bởi tiếng la ó thất thanh trước nhà. Tôi bật dậy và đi xuống, Marcel theo sau lưng. Những người thuê nhà dưới chúng tôi cũng mở hé cửa xem mọi việc cho rõ ràng. Trước nhà, một người đàn ông lớn tuổi giận dữ đứng đó, giơ trước chúng tôi một con gà chết với vẻ tố cáo và nổi xung: “Đây, các người nhìn thấy không! Chó nhà các người cắn chết gà nhà tôi! Những ba con! Các người phải trả tiền cho tôi!”

“Làm gì có chuyện ấy”, tôi trả lời. “Chó nhà tôi không ròi chúng tôi nửa bước.”

“Tôi chắc chắn đây là chó nhà các người. Có người nhìn thấy nó. Các người mau trả tiền gà cho tôi!”, ông ta gào lên. Marcel đã trắng bệch. Rồi anh im lặng quay đầu vào nhà. Một lúc sau, anh quay ra, một tay dắt theo con chó, tay kia cầm súng. Anh để con chó chạy mấy bước, rồi trước khi tôi kịp hiểu anh định làm gì, anh nổ súng. Anh bắn chết con chó ngay trước mặt tôi và người đàn ông kia, nỗi sợ hãi giờ hiện rõ trong mắt hắn.

Marcel lên đạn thêm một lần rồi nói: “Chuyện giải quyết thế đã xong chưa? Nếu vẫn chưa, tôi còn đủ một viên nữa cho ông!”

Gã đàn ông chỉ khẽ gật đầu rồi chạy biến. Cả cửa nhà ông hàng xóm cũng đã đóng chặt. Marcel đứng đó, mắt long lanh nước, và tôi hiểu anh buồn tới mức nào vì chuyện anh vừa làm.

Buồn rầu và cay đắng tôi tự hỏi, liệu tới bao giờ người ta mới chịu để chúng tôi được yên.

Chúng tôi chôn con chó ngoài đồng. Với bọn trẻ chúng tôi kể rằng con chó đi lạc mất. Một khoảng thời gian ngắn sau, chúng tôi quyết định rời bỏ nơi này mãi mãi.

Đầu năm 1959, chúng tôi nhận được một căn nhà xã hội dễ chịu ở trung tâm thành phố Tours, và chuyển tới với tràn đầy những niềm hi vọng mới. Tháng Năm, tôi hạ sinh một bé trai mạnh khỏe trong bệnh viện. Tôi gọi bé là Daniel. Cả Marcel và hai đứa lớn đều hân hoan cùng tôi, không ai chịu ở nhà.

Giờ thì mọi dấu hiệu đều chỉ rằng mọi điều kiện tạo nên một cuộc sống bình thường và thanh thản đều đã trọn vẹn, và tôi được truyền thêm dũng khí.

Khác biệt cũng là một tội lỗi

Khu phố chúng tôi đang sống cũng có nhiều gia đình đông con. Luôn luôn có tiếng người gào thét hay quát tháo, tiếng trẻ con khóc đối với tôi đã trở thành một dạng âm thanh nền mỗi ngày. Tôi không thực sự quen với việc phải chung sống cùng nhiều con người trong một khoảng không gian hẹp như thế này. Không kể những tiện lợi, chúng tôi hiểu rõ rằng mình đang sống trong một khu phố cách ly.

Dù là vậy, cuộc sống trong thành phố cũng có nhiều điều thuận lợi. Chung quanh có rất nhiều khu chợ và cửa hàng cửa hiệu cùng vườn trẻ và trường học. Quan trọng nhất có lẽ chính là ở đây, tôi chỉ là một trong nhiều người ngoại quốc và họ đều được sống yên thân. Ít ra là tôi nghĩ vậy.

Thỉnh thoảng vào lúc bốn giờ sáng, lúc bọn trẻ còn đang ngủ, tôi giúp chồng dán áp phích để tăng số tiền lương anh nhận được vào cuối tháng. Ngoài ra chúng tôi còn có thể gửi bọn trẻ cho một bà hàng xóm người Ma-rốc-cô trông hộ.

Marcel và tôi không có nhiều cơ hội được đi dạo cùng nhau. Khu vực xanh tươi duy nhất làm cho tôi thoải mái là Vườn Bách Thảo. Chúng tôi rất thích tản bộ ở đây, giữa những thứ cây cỏ ngoại lai làm tôi nhớ về nhà. Chốn đẹp đẽ này cho chúng tôi cảm giác thư thái đã ao ước từ lâu, và nó luôn dẫn đến đúng một chủ đề: Chúng tôi nói chuyện về Việt Nam, xứ sở mà không ai trong hai chúng tôi có thể quên được.

Vợ chồng tôi theo sát tin tức về những sự kiện kinh hoàng ở Đông Nam Á trong các chương trình thời sự. Càng ngày càng có nhiều người trở thành nạn nhân của cuộc chiến tranh du kích ở Lào, và mỗi khi nghe thấy hai tiếng Việt Nam, lòng tôi lại quặn thắt nghĩ về đứa con trai còn ở nhà. Tới khi nào tôi mới đón được nó về với chúng tôi đây?



Tác giả cùng mẹ tại Vườn Bách Thảo tại Tours (Pháp), đây là nơi mẹ của bà rất ưa thích, vì gợi nhớ đến quê nhà xứ Việt xanh tươi (1966)

Một buổi chiều nọ, chúng tôi vô tình gặp bà của Marcel khi tôi cùng chồng đang đi dạo dưới những bóng cây tiêu huyền trên một con phố lớn. Đã lâu lắm rồi tôi không nhìn thấy bà. Bà tức thì nhận ra chúng tôi, nhưng thay vì chào hỏi, bà lại quát tháo chúng tôi to tiếng tới mức những người đang đi bộ quay đó phải ngoái lại nhìn.

“Hai đứa đang làm cái gì ở đây? Vợ mày phải ở nhà chăm con chứ! Làm sao hai đứa lại có thể vút con một mình được? Đưa nó về nhà ngay!”, bà hét vào mặt Marcel và chuẩn bị giơ túi đui đánh tôi. Tôi khiếp sợ nhìn bà chòng chọc. Bà đã già rồi và tôi không muốn cự cãi giữa chốn công cộng. Chúng tôi xấu hổ vô cùng và chẳng còn sự lựa chọn nào khác ngoài biến ngay khỏi tầm mắt người đàn bà điên rồ này. Tận lúc về tới nhà, hai chúng tôi vẫn còn choáng váng. Chúng tôi đã làm gì nên tội?

Bước ngoặt

Tôi thường xuyên khăn vái trước bàn thờ nhỏ chúng tôi dựng lên ở phòng khách. Với hoa quả, bánh tự nướng và hoa làm đồ cúng, tôi gửi tất cả những lời nguyện cầu vào làn khói bốc lên từ những nén hương đang cháy, cầu xin bình an cho con trai cả, mẹ và các chị em tôi ở Việt Nam và cả gia đình

chúng tôi ở đây nữa. Liệu Trời xanh và ông bà ông vải có sớm đáp lại những lời khẩn cầu của tôi?

Bỗng nhiên, điều ước của tôi có vẻ như đã trở thành hiện thực. Một ngày, Marcel trở về từ chỗ làm trong tâm trạng đầy hứng khởi. Một nữ đồng nghiệp trẻ tuổi làm ở văn phòng thư kí tới chỗ anh giữa lúc anh đang quét dọn văn phòng. Thỉnh thoảng hai người có trao đổi ngắn với nhau lúc hết giờ làm việc, và anh có kể với cô ấy về tình thế khó khăn của con trai chúng tôi ở Việt Nam. Cô này có một người bạn gái, chồng của cô đó có vẻ như là một người rất có tầm ảnh hưởng. Cách đây không lâu, họ có nói chuyện về chúng tôi. Và người đàn ông kia đã nói muốn gặp vợ chồng tôi. Có lẽ ông có thể giúp được gì đó.

Chúng tôi hẹn gặp nhau vào một cuối tuần. Tôi mặc bộ áo dài đẹp nhất và điểm trang xinh xắn. Về sau tôi được biết, người đàn ông này là giám đốc một ngân hàng và có uy tín đối với một số nhà ngoại giao. Ông kiên nhẫn lắng nghe câu chuyện của chúng tôi và còn ghi chép. Ông nói sẽ liên lạc với chúng tôi rồi từ biệt.

Không lâu sau, đầu năm 1960, Marcel thay đổi công việc. Anh giờ là nhân viên đại diện cho một hãng buôn vật liệu xây dựng. Anh có vẻ hài lòng hơn với công việc này.

Sự kiện tiếp theo xảy đến vào đầu năm mới. Tôi vừa bước ra khỏi trung tâm mua sắm thì có một

người phụ nữ châu Á trẻ tuổi đứng đó và nhìn tôi chăm chăm, vẻ khó tin. Ấy chính là Ngọc, người tôi làm quen trước chuyến đi viễn xứ tại Sài Gòn. Chúng tôi lao vào vòng tay nhau và ôm thật chặt mà không nói nên lời, vẫn gần như không thể tin được rằng chúng tôi đang đứng trước mặt nhau.

Cô cũng đang sống ở Tours và đã kết hôn với người bạn trai Pháp từ thuở ở Sài Gòn. Cả chồng cô cũng đã xuất ngũ và đang làm tại hãng đường sắt quốc gia. Chúng tôi trao đổi địa chỉ, và bởi cô không sống cùng con cái, cô rất hay đến thăm chúng tôi. Phải lâu lắm rồi tôi mới thấy hạnh phúc thế này. Có lẽ Trời xanh đã nghe thấu lời khẩn cầu của tôi! Tôi cười và nghĩ tới ông Phan.

Vào mùa hè năm 1960, nhiều sự kiện diễn ra dồn dập. Người giám đốc ngân hàng mời chúng tôi tới gặp ông. Anh trai ông, hiện đang làm việc tại Toà thánh Va-ti-căng, cũng đồng ý sẽ giúp đỡ cho trường hợp của chúng tôi. Cùng lúc ông cũng nhận được tin, rằng rất có thể đã tìm được con trai tôi. Trái tim tôi gần như ngừng đập, tôi hồi hộp vô cùng.

Một thằng bé, dù được gọi với cái tên họ hoàn toàn lạ lẫm với chúng tôi, Varat, nhưng những thông tin khác, như ngày tháng năm sinh, nơi sinh và tên riêng Marcel, đều hoàn toàn khớp với những gì chúng tôi đã cung cấp. Thằng bé hiện đang được các bà xơ nhà thờ Công giáo tại Sài Gòn nuôi dưỡng. Tôi chắc chắn đó chính là nó: Người ta tìm thấy con

traí tôi rồi! Trước niềm hạnh phúc này, tôi không còn khả năng khóc nữa mà bỗng chốc chờ đợi những tin tức tiếp theo.

Bởi vì chồng tôi đã tuyên bố đồng ý nhận con trai tôi làm con nuôi, bây giờ cần đặt các đơn từ cần để hợp pháp hóa việc nhận con nuôi. Những thủ tục này có lẽ sẽ phải kéo dài tới ba tháng, sau đó thằng bé sẽ được Đại sứ quán Pháp cấp giấy tờ cho phép nhập cảnh ở Pháp.

Ông giám đốc ngân hàng đã chuẩn bị trước cho chúng tôi các mẫu giấy tờ quan trọng để chúng điền vào, với một cảm giác hạnh phúc tột đỉnh. Khi ra về tôi cúi rạp đầu đầy biết ơn trước con người tốt bụng này và hôn lên bàn tay ông trước khi ông kịp rút lại.

Chẳng bao lâu nữa tôi sẽ lại được ôm đứa con trai tôi hằng mong nhớ trong vòng tay! Giờ chỉ còn lại vấn đề thời gian.

Của Trời lấy đi

Khoảng giữa tháng Chín chúng tôi nhận được thông báo, rằng một nhóm trẻ mồ côi đang chờ được đưa lên máy bay từ Sài Gòn tới Paris, trong số đó có con trai tôi. Người liên lạc của ông giám đốc ngân hàng tại Việt Nam cũng chia sẻ, rằng người ta đã dán tên thằng bé lên lưng áo khoác ngoài và cổ áo nó làm dấu hiệu nhận biết.

Đầu tháng Mười thì đến lúc. Marcel và tôi để lũ trẻ lại cho người khác trông và bắt tàu đi Paris. Tôi cảm thấy chuyến đi tới đó dài như vĩnh cửu!

Tôi mặc áo dài để con thấy tôi không bị lạ lẫm. Chúng tôi gần như không nói tiếng nào trong suốt cả chặng đường. Khoảnh khắc này thực quá quan trọng! Tôi có thể tưởng tượng ra trước mắt cái ngày tháng mười năm năm trước, khi tôi phải trao đi đứa bé. Từng cử động, mùi hương của thằng bé đã hằn thật sâu trong tiềm thức tôi! Thở dài trong lòng, tôi cố thử gọi lại trong đầu cảm giác mềm mại của làn da nó.

Cuối cùng thì chúng tôi cũng đã tới nhà ga trung tâm Paris, rồi ngay lập tức lái xe tiếp tới sân bay. Hội Chữ Thập Đỏ đã tổ chức một điểm tập trung cho chúng tôi tại một hội trường nhỏ trong một khuôn viên biệt lập.

Chúng tôi báo danh với một cô y tá, cô ghi lại tên tuổi và mời chúng tôi tìm chỗ ngồi trong thời gian chờ đợi. Quá hồi hộp, chúng tôi không thể đặt mình ngồi xuống. Phải mấy tiếng đồng hồ nữa máy bay mới hạ cánh.

Ngoài chúng tôi chỉ còn duy nhất một cặp đôi nữa cũng đang chờ đợi, một người châu Âu với một người phụ nữ Việt Nam thắp tùng. Tôi đoán chừng họ cũng tới đây để đón con. Chúng tôi nhìn nhau và cùng mỉm cười, dù không ai nói một lời.

Rồi cánh cửa mở. Một bà xơ Công giáo cùng đi với một nhóm trẻ bước đều về phía chúng tôi. Phải

có đến hai mươi, thậm chí ba mươi bé trai bé gái lớn nhỏ khác nhau. Ánh mắt tôi lướt đi tìm kiếm trong đám trẻ. Bọn chúng có vẻ sợ hãi nhiều hơn là tò mò và đứng sát rạt vào nhau theo chỉ dẫn của bà xơ. Tôi nhìn chăm chăm vào chúng. Con trai tôi ở đâu tôi vẫn chưa tìm thấy.

Chúng tôi kiên nhẫn chờ đợi tới khi một cô y tá lên tiếng gọi. Nghe thấy tên mình được xướng lên, một người cộng tác viên của hội Chữ Thập Đỏ bước tới chỗ chúng tôi. Trong vòng tay cô là một thằng bé gầy gò trắng bệch đang ngượng ngùng nhìn ngó xung quanh, quá ốm yếu và mệt mỏi đến không bước nổi.

“Đây là con trai của bà!”, cô nói cộc lốc và định giao cho tôi thằng bé. Marcel vỗ nhẹ tôi khích lệ. Bản thân anh không phản ứng mà để tôi tự xử trí. Tôi nhìn kỹ thằng nhỏ: Khuôn mặt nó dài, mái tóc nâu nhạt mỏng tang. Khi tôi trông vào đôi mắt xám ấy, chẳng có một cảm xúc nào gợn lên trong lòng: Thằng bé này không phải con trai tôi!

Tôi đẩy người phụ nữ từ này đến giờ vẫn cầm tay đứa bé đang meo máo khóc sang một bên và nói, chân đã bước tiếp về phía những đứa trẻ khác: “Đây không phải con trai tôi!”

Đám trẻ đứng trước mặt tôi mở mắt tròn xoe. Không ai dám ngăn cản tôi đi tìm con trai của mình. Tôi nhìn từng thằng bé một, trông kỹ vào từng khuôn mặt. Kia, giữa nhóm người, tôi nhận ra nó. Nó kia rồi!

Đôi mắt đen láy này, khuôn mặt vuông vức này, vết bớt gần lông mày phải kia. Một cậu bé với vóc người khỏe mạnh, mái tóc đen nhánh nhìn thẳng vào tôi. Khi ánh mắt chúng tôi gặp nhau, tôi cảm nhận được ngay tình mẫu tử giữa chúng tôi. Tôi cười với nó. Nó cười lại với tôi. Tôi đi về phía thằng bé, lật cổ áo nó lên và tìm thấy trên đó cái tên được viết nguệch ngoạc bằng bút bi: “Marcel”. Và đằng sau cổ nó, người ta vẫn còn có thể đọc ra được phần còn lại của con dấu. Tôi cầm tay thằng bé, nói to đồng dục: “Đây là con trai tôi! Thằng bé này là con trai tôi!”

Trước khi chúng tôi kịp bước đi tiếp, tôi nghe tiếng những đứa trẻ khác trong nhóm nói với con tôi bằng giọng miền Nam Việt Nam: “Cậu thấy chưa, Marcel, mẹ cậu nhận ra cậu rồi. Cậu thật may, mẹ đã tìm được cậu!”

Bản năng người mẹ trong tôi đã chiến thắng, chúng tôi nhận con và dẫn thằng bé về. Đương nhiên tôi cũng cảm thấy thương xót cậu bé kia, nhưng tôi không thể giúp gì được cho nó.

Trên suốt chuyến xe, con trai tôi không nói một lời, ngay cả khi tôi đặt câu hỏi. Tôi hiểu rằng thằng bé cần có thời gian.

Sâu thẳm trong trái tim tôi thầm cảm ơn Trời xanh: Người trả lại cho tôi đứa con gần đúng vào cái ngày Người lấy thằng bé đi khỏi tôi, năm năm về trước.

Khởi đầu là một chiếc tàu bay

Ba ngày trôi qua, con trai của chúng vẫn không hề hé miệng một lời. Chúng tôi làm quen nó với các em. Lũ trẻ đón anh trai một cách thân thiện, đặc biệt là Jean-Pierre rất vui mừng vì có một bạn chơi mới.

Những đêm đầu tôi hầu như không ngủ vì vui sướng. Tôi đứng dậy và ngắm nhìn con trai của tôi. Nó ngủ mà mắt vẫn mở hé hé. Tôi suy nghĩ về tất cả những gì đã diễn ra vào thời gian cuối, về bằng chứng tình yêu mà chồng tôi đã dành cho tôi, về việc có bao nhiêu người đã can dự để có được điều kỳ diệu này.

Vào buổi ngày tôi nói bằng tiếng Việt với con, cho dù nó không trả lời mà chỉ nhìn tôi. Tôi kể cho thằng bé rằng tôi là mẹ đẻ của nó và tôi vui mừng như thế nào khi đón được nó về lại với mình. Tôi kể cho nó lý do vì sao tôi phải rời khỏi đất nước của mình, vì sao ngày đó tôi không còn cách nào ngoài việc phải để nó ở lại. Tôi hứa với con từ nay sẽ luôn luôn ở bên cạnh nó.

Tôi dịch lại cho con từng lời mà chúng tôi nói với nhau bằng tiếng Pháp. Jean-Pierre và Fontaine luôn tìm cách gần gũi anh – tôi cảm thấy thật nhẹ nhõm về điều này – và từng bước giúp nó mở lòng. Tuy nhiên việc thích nghi của thằng bé chỉ diễn ra một cách chậm chạp. Lúc đầu Marcel đại tiện ngay trên sàn nhà trong căn hộ của chúng tôi. Tôi phải tốn rất nhiều công sức để giải thích cho con rằng nếu muốn

đi ngoài thì phải vào nhà vệ sinh mà tôi chỉ tận nơi cho nó. Mãi sau đó có lúc nó vẫn còn quên.

Một vài ngày sau, khi Marcel đang chơi với lũ em trên sàn nhà, thì chúng tôi nghe tiếng máy bay. Đột nhiên, đầy hoảng hốt, trước các cặp mắt ngạc nhiên của lũ trẻ, nó đứng bật dậy, chạy bổ tới chiếc bàn rộng trong phòng khách rồi chui tọt xuống, nấp dưới đó. Trong lúc đó nó thét lên, với vẻ kinh hãi tột độ, bằng tiếng Việt:

“Nhanh lên! Máy bay! Máy bay! Bom đấy! Nó sẽ bỏ bom xuống chỗ chúng ta! Nhanh lên! Nhanh lên!”

Nó thở dốc, nét mặt ngây dại, tay chìa về hướng tôi. Tôi chạy đến chỗ nó, cầm lấy bàn tay Marcel và dang tay đón nó. Tôi âu yếm xoa đầu và xiết chặt nó vào lòng. Sau đó tôi mới nhận ra: Thằng bé vừa nói những từ đầu tiên!

Phải một lúc lâu sau đó tôi mới làm nó trấn tĩnh trở lại và hết run. Tôi giải thích cho con rằng đất nước mà nó đang sống không có chiến tranh. Tôi vui mừng vì thằng bé bắt đầu nói, nhưng tôi cũng hiểu con tôi đã trải qua những điều khủng khiếp và bị chấn thương tâm lý do chiến tranh. Với tư cách người mẹ, tôi thật đau lòng. Sự việc này gợi dậy trong tôi những cảm giác tội lỗi.

Tuy nhiên tôi hiểu cả cái ngành xanh này, cho dù đang bé bỏng và yếu ớt như thế nào, một lúc nào đó sẽ cảm những rẽ mới mạnh mẽ. Nó chỉ cần tình yêu và nhiều nhẫn nại.

Đặc sản

Mùa thu năm 1961 chồng tôi mang về nhà một con chó béc-giê Đức đã thuần hóa. Chủ của nó, một người bạn là nhân viên cảnh sát, muốn chuyển nhà và không đem được nó đi cùng. Vì vậy anh ta tìm một người sẵn sàng nhận con vật. Nuôi nó thì sẽ thêm phần chi phí và chúng tôi biết là gia đình mình đang eo hẹp như thế nào. Mặc dù có chút phân vân như vậy nhưng tôi đã đồng ý nhận, sau khi nhận thấy lũ trẻ vui mừng vì có một bạn chơi mới. Chúng tôi cùng đặt tên cho con chó là “Jicqui”.

Các đứa lớn hơn bây giờ đi nhà trẻ. Ở đó các cô giáo cố gắng dạy tiếng Pháp cho Marcel ở mức tốt nhất có thể. Thường thì mỗi lúc tôi đi đón bọn trẻ có cô giáo này hay cô giáo kia phàn nàn về việc Marcel không hiểu gì. Và họ yêu cầu tôi phải chấm dứt việc nói tiếng Việt với Marcel, vì quyền lợi của nó.

Lúc đầu tôi không biết cần làm gì. Nhưng dần dà tôi chuyển sang nói tiếng Pháp kể cả ở nhà. Các cô giáo chắc chắn là có lý, tôi nghĩ như vậy. Rốt cuộc thì tôi hoàn toàn không muốn chống lại khuyến nghị khẩn cấp từ “chốn thông thái” này. Tôi hầu như chỉ còn nói tiếng Việt khi có bạn gái đến chơi. Ngọc cực kỳ mừng cho tôi về việc con trai đã về với tôi, nhưng tôi cũng cảm thấy chĩ đau khổ chừng nào về việc đứa con rút ruột của

chị không được sống cùng mẹ. Về việc này thì không sao có thể xoay chuyển được ý kiến chồng của Ngọc.

Vào một buổi chiều chúng tôi chuyện trò một cách đầy tức tối về những người Di Gan gặp phải trên đường đi dạo. Những người này thỉnh thoảng lại đi qua khu phố của chúng tôi và rao bán các loại giỏ tự đan bằng tay của họ. Mặc dù những mặt hàng này khá đắt, mỗi lần tôi đều mua một thứ gì đó nếu những người phụ nữ Di Gan mời chào, do cảm giác thương hại những người sống lang thang không tìm được nơi chốn nào bình an này. Một người trong số họ tỏ ra quan tâm về các phong tục ở Việt Nam, và như vậy chúng tôi đã dừng lại chuyện trò gần cả tiếng đồng hồ trên đường phố. Khi nói về đề tài ẩm thực người phụ nữ cho hay nhím là một đặc sản tuyệt vời.

Ngọc và tôi cảm thấy kinh hãi.

Khi vào buổi tối cùng ngày tôi kể lại câu chuyện này với chồng thì anh cười và nhận xét rằng người Việt Nam cũng chẳng hơn gì. Anh nói rằng mình vẫn còn nhớ y nguyên cảnh tôi, và đây không phải là lần duy nhất, leo lên một cây cột gì đó để tóm bắt những con chim non còn kêu chiêm chiếp trong tổ và sau đó đã đánh chén chúng như một thứ đặc sản. Tiếp sau đó anh trêu tức tôi bằng cách chỉ về hướng con chó Jicqui của chúng tôi, cười phá lên và nói - ở Việt Nam đây là một món ngon đầu bảng!

Lá thư

“Tôi từng chịu đau khổ, nhưng cho dù tôi phải trả một giá đắt cho sự phản kháng thì cuộc đời cũng xứng đáng để chiến đấu vì nó!” (Loan)

Bây giờ đã đến thời kỳ mà tôi có cảm giác sức lực dần rời bỏ mình. Những trò hành hạ dai dẳng, trong đó có phần của họ hàng của Marcel, mà tất cả chúng tôi đều âm thầm chịu đựng, làm cho tôi trở nên mệt mỏi. Hàng ngày tôi vẫn cố gắng, ở mức tốt nhất như có thể, để chăm sóc bốn đứa con của tôi, chồng tôi và chú chó. Chúng tôi thiếu thốn mọi bề nhưng luôn đủ no. Bọn trẻ ngoan ngoãn, và cho dù có lúc có đứa sinh chuyện thì chúng vẫn lớn lên trong một môi trường mà chúng tôi cố gìn giữ một cách bình thường như có thể. Dĩ nhiên tôi không tìm ra cách dứt khỏi được vòng đời nghèo cay cực. Những lời cầu khẩn của tôi hẳn cần phải có thời gian để trở thành hiện thực, nhưng giờ thì tôi đã trở nên quá bài hoại để có thể ngóng đợi một phép lạ. Bỗng nhiên tôi trở nên hoài nghi về bản thân, điều từ lâu không còn xảy ra. Trời vẫn cho tôi sức khỏe. Người đã trả lại cho tôi người bạn gái và đứa con trai. Mặc dù vậy có một cảm giác trống trải sâu

xa tràn ngập trong lòng tôi. Tôi cảm thấy xấu hổ vì điều này, tôi đã quá vô ơn!

Nhiều tháng trôi qua, đeo đẳng bởi một cảm giác ngột ngạt mà tôi không sao có thể giữ bỏ. Bị cầm tù giữa một bên là những tiếng la hét không dứt trong khu phố của chúng tôi, một bên là cơn trầm cảm, tôi khóc rất nhiều, nhưng phần lớn chỉ là khi tôi một mình hay khi cả tất cả đã ngủ. Nếu ôn lại quá khứ thì tôi không tìm được một khoảnh khắc ân hận hay nuối tiếc nào khiến tôi phải bận lòng. Tôi đã trả hết các khoản nợ nần! Có một cái gì đó khác, một điều sâu sắc hơn, đã âm ỉ từ lâu trong tôi và giờ đây mới trỗi dậy. Tôi đang có một nỗi nhớ cháy bỏng. Nỗi nhớ về mẹ tôi.

Tôi lại thấy mình bỏ trốn khỏi nhà, lúc mới gần mười hai tuổi, với lời hứa thầm trong tim rằng một ngày sẽ báo cho mẹ biết mình đang bình an. Giữa chừng đã hai mươi năm trôi qua. Liệu bà có còn chờ đợi dấu hiệu này từ phía tôi? Cảm giác rằng mình có thể đã làm điều gì phải tội dày vò tôi suốt ngày đêm. Dần dần chồng tôi nhận ra càng ngày tôi càng im hơi lặng tiếng và gầy rộc đi. Khi anh hỏi nguồn cơn thì tôi đã nói với anh. Đây là vào tháng năm 1961.

“Chúng ta sẽ làm như sau”, anh nói một cách bột phát và cầm tay tôi. “Em hãy viết thư về Việt Nam.”

“Viết thư ư? Sau một quãng thời gian dài như vậy? Quê em là vùng chiến sự, có thể làng em cũng

chẳng còn nữa. Có thể chẳng còn sót lại một thứ gì và chẳng còn ai nữa!” , tôi đáp lại, bị bất ngờ bởi đề nghị của anh. Nhưng anh không để cho sự hoài nghi của tôi làm nhụt chí, ngược lại là đằng khác. Anh nhanh chóng mang đến cho tôi hai phong bì thư, một phong bì cho lá thư của tôi, và phong bì kia cho thư trả lời, kèm theo giấy bút và tem thư. “Em viết đi!”, anh ra lệnh.

Và như vậy tôi đã ngồi vào bàn và viết lá thư đầu tiên cho mẹ tôi, báo cho bà dấu hiệu đầu tiên rằng tôi vẫn sống sau bao nhiêu năm trời. Tôi viết cho mẹ rằng mình đang hạnh phúc, tôi đã gây dựng được cuộc sống gia đình, tôi nói với mẹ rằng tôi rất nhớ và yêu bà!

Có bao nhiêu điều cần chia sẻ nữa! Tôi e ngại là có người sẽ mở phong bì thư, nhưng tôi tin vào lời cầu nguyện của ông Phan rằng lá thư của mình sẽ được niêm phong để ngăn chặn điều này.

Cho dù vậy tôi chỉ viết vắn tắt. Cuối cùng, tôi kẹp một tấm ảnh cưới nhỏ có đề ngày tháng của chúng tôi vào lá thư. Tôi dán bì thư lại và viết địa chỉ của nhà tôi từ dạo trước, như lúc tôi vẫn còn sống với mẹ.

Dưới bóng cây vườn nhà xưa

Từ khi gửi lá thư đi, tôi cầu nguyện hàng ngày. Cho dù lễ vật trên bàn thờ có nhỏ mọn nhưng mong ước nhận được thư trả lời trong tôi thì thật lớn.

Vào một ngày tháng Sáu có tiếng gõ cửa ở nhà tôi. Đây là người đưa thư báo rằng phải thu thêm lệ phí bưu điện cho một bức thư gửi từ nước ngoài. Tim tôi đập loạn trong lồng ngực! Tôi chạy nhanh đi lấy tiền.

Tôi không thể tin vào mắt mình: Đây là một lá thư từ Việt Nam! Lá thư ngắn gọn, do Mây, em gái út của tôi viết, tôi cũng vui mừng là em đã biết chữ. Em sống một mình cùng mẹ tôi.

Mây bày tỏ nỗi vui mừng khôn xiết vì biết tin tôi vẫn còn sống. Em viết tiếp rằng sau khi tôi bỏ nhà ra đi mẹ đã vượt cả nghìn cây số để đi tìm tôi. Mỗi lần nghe người ta nói rằng tôi đã chết, mẹ lại quay trở về nhà, nhưng bà luôn có linh tính tôi vẫn đang còn sống.

Tôi oà lên khóc. Bỗng nhiên tôi phát hiện giữa những giọt nước mắt một tấm ảnh bé xíu của mẹ nằm trong phong bì thư. Trên tấm ảnh đen trắng là một người phụ nữ ở độ tuổi chín muồi, mái tóc dài quấn tròn, với một nụ cười dịu hiền mà từ hai mươi năm dài đằng đẵng cho đến nay tôi chỉ còn nhìn thấy trong các giấc mơ.

Trong mấy ngày liền cảm xúc đặc biệt này đã chấp cánh cho tôi. Tất nhiên là chồng tôi mừng cho

tôi, ngay cả lũ trẻ cũng nhảy nhót một cách phấn chấn, vì chúng cảm nhận được tôi đang hạnh phúc như thế nào.

Vào giữa tháng Bảy tôi nhận được một tín hiệu của tổ tiên. Tôi đặt tấm ảnh của mẹ tôi lên trên nắp chiếc tủ thấp cạnh bàn thờ. Khi đang làm bếp thì tôi thấy con chó của chúng tôi đang ngậm một cái gì đó trong mõm. Tôi đến chỗ nó và giật mình nhận ra các mảnh giấy rách trong mõm nó. Nó đã giật tấm ảnh từ trên nắp tủ xuống và đang nhai ngấu nghiến. Tôi hoảng hốt tóm lấy mõm con vật và lôi các mảnh giấy rách ra. Vào thời điểm này có một nỗi sợ hãi xâm chiếm lấy tôi, bởi tôi biết là có điềm xấu. Một điềm xấu liên quan đến mẹ tôi.

Không một lời cầu nguyện, cho dù tha thiết đến đâu, không một thứ lễ vật hậu hĩnh nào có thể làm xoay chuyển số phận.

Đúng hai tuần sau lá thư đầu tiên của Mây thì tôi nhận được lá thư thứ hai của em:

“Chị gái yêu quý! Hôm nay em có tin rất buồn báo cho chị. Vào ngày 10. Tháng Sáu mẹ của chúng ta nằm xuống dưới bóng cây vườn nhà để ngấm lại một lần nữa lá thư của chị. Khi em đến bên mẹ thì bà đã yên ngủ mãi mãi, nước mắt còn đọng trên mặt và tấm ảnh của chị ở trên tim. Bây giờ thì mẹ đã về với tổ tiên. Chị gái yêu quý, chị hãy cầu nguyện cho mẹ nhé, như mẹ đã từng suốt đời cầu nguyện cho chị! Em Mây.”

Vĩ thanh

“Đây là câu chuyện kể về tôi, về một người đàn bà duy nhất. Nhưng ngoài kia còn có thể có hàng trăm, hàng nghìn người đàn bà phải chịu đau khổ như tôi, và đang chờ đợi ngày thế giới sẽ thức tỉnh.” (Loan)

Vào tháng Giêng 1963 Loan, mẹ tôi, lúc ba mươi tư tuổi, đã chuyển về ngôi nhà riêng của bà ở vùng đồng quê, không cách xa Tours bao nhiêu. Và như vậy lời tiên tri của ông thầy bói đã trở thành sự thật.

Vào ngày 25. Tháng tư 1964, năm Giáp Thìn, tôi ra đời ở Tours. Tôi là đứa con cuối cùng của mẹ Loan.



Bà Loan và tác giả cạnh đàn gà vịt nhà nuôi để ăn
(Pháp, 1966)

Mẹ tôi đã dành nhiều năm trời để biến mảnh đất hoang lớn thuộc về ngôi nhà thành một khu vườn đẹp đẽ và tươi tốt.

Vào năm 1970 mẹ tôi mở cửa hàng “Quán ăn Việt Nam” ở đó, khách ăn của bà, có người đến từ tận Paris, phải kiên nhẫn xếp hàng trước cửa để có được một chỗ ngồi. Khách đến đây không chỉ vì muốn được ăn ngon. Họ cũng còn tò mò chờ đợi sự xuất hiện không thể trộn lẫn, được chuẩn bị một cách kỹ lưỡng của bà chủ quán nhỏ bé, mỗi buổi tối lại diện một bộ áo dài thêu đẹp đẽ khác nhau.

Khi thức ăn đã bày biện xong thì bà chỉnh lại đồ nữ trang, điểm tỉnh chăm một điều thuốc lá, rồi mở cánh cửa vào phòng ăn với cử chỉ và giọng nói điệu bộ như trên sân khấu: “Bonsoir, Messieurs Dames!” Rõ ràng là bà tận hưởng ấn tượng mà mình gây ra cho người khác!

Theo dòng thời gian, mẹ tôi đã tìm lại được anh chị em của mình. Trừ hai người anh đầu, tất cả đều sống sót qua cuộc chiến. Năm 1990, cùng với tôi, lần đầu tiên sau ba mươi lăm năm xa cách, bà lại đặt chân lên mảnh đất Việt Nam.

Lúc chúng tôi gặp Lê, em trai út và Mây, em gái của mẹ, tại Đà Nẵng, tức Tourane trước đây, điều sau đây đã xảy ra:

Chúng tôi chờ tại một điểm hẹn ven bãi biển. Sau một lát thì có một người đàn ông và một người đàn bà lại gần chúng tôi. Cả hai đều cúi xuống trước mẹ tôi. Mặc dù là phụ nữ, nhưng bây giờ bà là thành viên cao tuổi nhất trong gia đình. Người đàn ông tự

* *Tiếng Pháp trong nguyên bản: “Xin chào quý ông, quý bà!”*

giới thiệu là em trai Lê, người đàn bà là em gái Thảo. Tôi nhận ra ngay lập tức, sau khi liếc nhìn người đàn ông, rằng ông đã nói sự thật. Ông giống mẹ tôi như hệt. Nhưng thay vào việc ôm lấy em trai, bà lại nói: “Ông hãy kể cho tôi nghe về thời bé, một kỷ niệm nào đấy.”

Người đàn ông kể một vài câu chuyện, trong đó có chuyện một lần ông bị bỏng móng do đụng vào nồi canh đang sôi. Mẹ vẫn điềm tĩnh, gạt đầu và hỏi tiếp: “Ông có thể làm ơn chỉ cho tôi vết sẹo của ngày ấy được không?”

Tôi không thể nào tin nổi vào tai mình! Chỉ sau khi người đàn ông kiên nhẫn tụt quần xuống, ngay trên bãi biển và trước mắt bao nhiêu người, và tự hào chỉ cho chúng tôi đôi móng sứt sẹo của ông, thì mẹ mới dang tay ôm ông, rồi hai chị em nức nở khóc. Năm mươi năm đã trôi qua cho đến giây phút này.

Ông Phan vẫn là người bạn và người anh trung thành của bà cho đến lúc ông qua đời vào năm 1987. Cho đến lúc đó ông hỗ trợ cho mẹ tôi trong nhiều hoàn cảnh khó khăn

và đưa ra nhiều lời tiên đoán luôn trở thành sự thật, trong đó có cả về tôi. Lúc này tôi còn là một đứa bé đang lớn và chưa hiểu tại sao bản thân lại nhiều lần tiếp nhận những tín hiệu từ các lễ nghi thầy cúng của ông mà mình không thể luận giải chính xác, đơn giản là tôi chấp nhận chúng.

Mẹ Loan mãi về sau này mới chia sẻ cho tôi vốn tri thức của bà, sau khi bà đã quan sát tôi trong nhiều năm.

Mẹ tôi dần dần trả lại cho ông Phan số tiền mà ông cho bà vay. Khi ông mất, tôi đang sống ở Đức. Mặc dù tôi chỉ biết đến ông từ các câu chuyện kể và qua một bức ảnh, vào buổi tối ông chết tôi cảm nhận thật rõ ràng rằng linh hồn của ông đã chạm vào linh hồn của tôi ra sao. Tôi đánh thức người chồng tương lai của tôi và kể cho anh rằng vào lúc này ông “bác” Phan của tôi đang về với tổ tiên. Mấy chục năm sau, khi cuộc đời tôi đang vấp phải một khủng hoảng nặng nề thì ông Phan đã hiện lên cạnh mẹ tôi trong mơ. Cả hai đều rạng rỡ và mỉm cười đưa ra những lời dặn dò mang đến cho tôi sự khích lệ và niềm hy vọng, giúp tôi vượt qua được giai đoạn khó khăn này.

Tình bạn của mẹ Loan với bà Ngọc, người cho đến nay, năm 2015, vẫn sống ở Tours và trước sau tôi vẫn có một quan hệ gắn bó, kéo dài cho đến khi mẹ tôi qua đời.

Cuối tháng Hai, đầu tháng Ba năm 2003, Trời còn ban tặng cho mẹ tôi và tôi tám ngày tuyệt vời để từ giã nhau, trong những ngày đó có lần bà cười và nói với tôi, rằng có lẽ tôi làm được mọi thứ, ngoại trừ việc nấu cà phê!

Với trái tim trấn tĩnh, tôi quay lại Đức, trở về nhà. Chúng tôi đã nói cho nhau tất cả mọi điều cần phải nói.

Marcel, anh trai của tôi, người con cả của mẹ, đã đắp chăn cho bà lần cuối cùng trong đêm ngày 6. Tháng Ba năm 2003.

Vào ngày 7 tháng Ba năm 2003, lúc tám giờ sáng, người đàn bà Đậu Thị Cúc, người tự gọi mình là “Loan”, đã trút hơi thở cuối cùng ở ngôi nhà riêng, như mong muốn của bà.

Theo di chúc của mẹ, thi hài của bà được hỏa táng.

Một phần tro của mẹ tôi đem rắc trong khu vườn của bà. Khi tôi làm gần xong, có một cơn lốc nhỏ ào đến, mang theo phần di cốt còn lại của bà từ bình tro đang mở nắp và cuốn nó lên không trung.

“Vì có nhiều miệng không muốn nói và nhiều tai không muốn nghe, tôi ghi lại lời của mình cho những đôi mắt rộng mở, cho những trái tim xúc cảm sau khi chạm vào lời.” (Loan)

Tôi biết ơn về việc mục tiêu nhất quán mà tôi theo đuổi hơn ba mươi năm nay rằng mình sẽ viết và xuất bản cuốn sách này giờ đây đã được thực hiện.

Vào thời gian về sau tôi đã hiểu rõ: Trước hết tôi phải trưởng thành và phải nghiệm trải các đỉnh cao và vực sâu của cuộc đời để có thể truyền đạt lại các tình cảm một cách chân thực, như mẹ đã đòi hỏi với tôi và như bà có quyền được hưởng.

Tôi hy vọng rằng mình đã thành công trong việc thực hiện một cách xứng đáng lời hứa của mình với mẹ.

“Và như chính mẹ, con chim Phượng Hoàng tuyệt vời đã mang theo tổ tiên bên mình, nay con mang mẹ trong tim và biết có bàn tay mẹ đang độ trì cho con.”

**LOAN -
TỪ CUỘC ĐỜI CỦA MỘT
CON CHIM PHƯỢNG HOÀNG**

**LOAN –
AUS DEM LEBEN EINES PHÖNIX**

ISABELLE MÜLLER
TRƯƠNG HỒNG QUANG *dịch*

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc - Tổng biên tập NGUYỄN MINH NHỰT
Phụ trách bản thảo: HUYỀN TÔN NỮ KIM TUYẾN
Biên tập và sửa bản in: ĐÀO MAI LY
Thiết kế bìa: NGUYỄN NGÔ THỦY TIỀN
Trình bày: ĐỖ VĂN HẠNH

NHÀ XUẤT BẢN TRÈ
Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596
Fax: (028) 38437450
E-mail: hophubandoc@nxbtre.com.vn
Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRÈ TẠI HÀ NỘI
Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (024) 37734544
Fax: (024) 35123395
E-mail: chinhanhha noi@nxbtre.com.vn

CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRÈ (YBOOK)
Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 35261001
Fax: (028) 38437450
Email: info@ybook.vn
Website: www.ybook.vn

“Điều gì đã thôi thúc tôi? Hy vọng!

Hy vọng cho những kẻ bị xua đuổi, bị ruồng bỏ, cho những kẻ cô đơn và những người có đức tin. Hy vọng sẽ để lại một hành trang kinh nghiệm cho các con tôi trên đường đời; rằng chúng sẽ xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn so với thế giới mà tôi từng biết đến; sẽ đạt thành quả mà tôi không có được! Nếu không phải là các con tôi, thì hỏi ai sẽ làm được điều đó?”

Loan

SỬ DỤNG TEM THÔNG MINH - Chương trình chăm sóc khách hàng và khuyến mãi của NXB Trẻ. Cào tem và đăng ký bằng 1 trong 2 cách:

1. Truy cập <http://cskh.nxbtre.com.vn/Active/> và đăng ký/đăng nhập tài khoản để nhập mã số
2. Dùng smartphone quét QR Code và đăng ký/đăng nhập tài khoản để nhập mã số. Để được hỗ trợ xin liên hệ: Hotline: 0932.260.062 - Email: cskh@nxbtre.com.vn



QR Code

ISBN 978-604-1-11643-6



9 786041 116436